

k a z u o
i s h i g u n o

"Một cuốn sách về cùng thông minh về
thời gian đang trôi qua cũng những
khoảnh khắc thăng hoa khiến hành
trình ấy trở nên đáng giá."

-CHRISTIAN HOUSE, INDEPENDENT ON SUNDAY

DA KHÚC

Năm câu chuyện
về âm nhạc
và đêm buồn



TRƯỜNG SAO ĐỎ - NHÀ VĂN HỌC TRẺ

Giới thiệu

Tại những quảng trường nước Ý hay khu đồi Malvern, trên tầng thượng khách sạn Hollywood hạng sang hay trong căn hộ London nghèo túng, ta bắt gặp những người trẻ tuổi mộng mơ, những nghệ sĩ bất thành danh, những ngôi sao rực rỡ một thời... Mỗi nhân vật lại có cuộc gặp gỡ cho họ nhìn lại tình yêu âm nhạc, ước mơ trong đời, soi quá khứ vào hiện tại, thấp thoáng và lưu luyến như giấc mơ trong thời khắc đêm buông.

Sau sáu tiểu thuyết, trong đó một đoạt giải Man Booker, Kazuo Ishiguro, nhà văn từng được tờ New York Times hết lời ca ngợi là “một thiên tài độc đáo”, mới viết Dạ Khúc - tập truyện ngắn đầu tiên. Nhẹ nhàng và tinh tế, súc tích mà toàn vẹn, lắng đọng và trong suốt như pha lê, năm câu chuyện quán quýt theo một chủ đề chung ám ảnh: cuộc vật lộn gìn giữ cảm giác lãng mạn trong đời, ngay cả khi ta đã già đi, các mối quan hệ tàn đi, và niềm hy vọng từng sôi nổi cứ dần phai nhạt.

“Mỗi câu chuyện đều khiến người đọc tan nát cõi lòng theo cách riêng của nó, nhưng cùng với đó là những khoảnh khắc hài kịch tuyệt vời.” - Tom Fleming, The Observer

“Một cuốn sách vô cùng thông minh về thời gian đang trôi qua cùng những khoảnh khắc thăng hoa khiến hành trình ấy trở nên đáng giá.” - Christian House, Independent on Sunday

“Một cuốn sách thấm đẫm tiếc nuối, nhưng cũng ngập tràn trắc ẩn với những cuộc đời vẫn giấu phía sau nụ cười của mình những giấc mơ tàn lụi.” - Neel Mukherjee, Time

“Đây không hẳn là những câu chuyện về âm nhạc, mà là những nghiên cứu về mối quan hệ, nhấn mạnh vào sự nổi tiếng và cái giá phải trả để thành danh hay thất bại trong thế giới hiện đại.” - Jonathan Coe, Financial Times

“Cũng như Mãi đừng xa tôi, Dạ Khúc được viết bằng một phong cách chú ý đơn giản, gần như văn nói, rời rạc hơn và bớt trang trọng hơn các tác phẩm trước của ông. (...) Và mặc dù các câu chuyện đều xoay quanh tài

năng nghệ thuật – những nguy cơ và sự nghiệt ngã đi cùng với nó; ai có nó và ai không – chúng vẫn tập trung nhiều hơn vào những vấn đề phổ quát của cuộc sống.” - Christopher Tayler, The Guardian

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Tác giả Kazuo Ishiguro

Sinh năm 1954 tại Nagasaki, Nhật Bản, nhưng **Kazuo Ishiguro** đã chuyển tới Anh sống từ tuổi lên năm. Trong suốt sự nghiệp văn chương của mình, Ishiguro đã giành được rất nhiều giải thưởng và danh hiệu danh giá, bao gồm cả giải Man Booker, giải Whitbread, huân chương Sĩ quan của Đế chế Anh vì sự công hiến cho nền văn học, huân chương Hiệp sĩ Nghệ thuật và Văn học của Pháp. Năm 2008, ông được tạp chí The Times vinh danh trong danh sách 50 nhà văn Anh vĩ đại nhất kể từ năm 1945.

Các tác phẩm của ông đã được dịch ra hơn bốn mươi ngôn ngữ khác nhau. Tiểu thuyết *The Remains of the Day* (1989) từng giành giải Man Booker và được chuyển thể thành phim với 8 đề cử Oscar. Năm 2010, *Never let me go* là cuốn sách đầu tiên của ông được xuất bản tại Việt Nam với tên gọi *Mãi đừng xa tôi*.



Mục lục

Người hát tình ca

Mưa đến hay nắng đến

Khu đội Malvern

Dạ khúc

Nghệ sĩ cello

Tặng Deborah Rogers

Người hát tình ca

Cái buổi sáng tôi nhìn ra Tony Gardner ngồi giữa đám khách du lịch ấy, mùa xuân vừa mới đến thành Venice. Chúng tôi vừa kết thúc tuần đầu tiên trọn tuần biểu diễn ngoài trời ở *piazza*^[1] - thực là nhẹ nhõm vô kể, anh nghĩ mà xem, sau những giờ đặng đặng chen chúc ở góc trong cùng quán, vừa biểu diễn vừa tránh đường cho thực khách lên xuống cầu thang. Sáng ấy gió se se lạnh, và cái rạp mới tinh cứ lật phật quanh chúng tôi, nhưng cả hội đều cảm thấy thư thái và sáng khoái, và tôi nghĩ cái chút thư thái sáng khoái đó có thể nghe ra được trong nhạc chúng tôi chơi.

[1] Quảng trường (tiếng Ý).

Nhưng nghe mà xem, tôi đang nói cứ như là mình chơi chính thức trong ban nhạc vậy. Thật ra tôi chỉ là một gã “di gan”, đây là từ của giới nhạc công chỉ những kẻ đi khắp *piazza*, hễ có ban nào trong ba quán cà phê thiếu người thì ghé chân vào. Chủ yếu tôi chơi ở quán Caffè Lavena, nhưng chiều nào đất sô tôi cũng có thể làm một suất với ban của Quadri, rồi chạy qua bên Florian, rồi lại băng ngang quảng trường về Lavena. Tôi đánh bạn khá thân với họ - với cả bồi bàn ba quán nữa - và giả dụ là ở đâu khác thì giờ này tôi đã có chôn an cư rồi. Nhưng ở cái thành phố sốt lên vì truyền thống và quá khứ này, mọi thứ đều đảo ngược cả. Ở nơi khác, biết chơi ghi ta là anh đã có lợi thế. Còn đây à, ghi ta! Các chủ quán gãi đầu gãi tai. Ghi ta thì hiện đại quá, khách du lịch sẽ không ưa. Mùa thu rồi tôi kiếm được một chiếc ghi ta jazz loại cổ điển có lỗ thoát âm hình ô van, loại mà ngay Django Reinhardt cũng phải vừa ý, để nhìn vào không ai tưởng là một tay chơi rock. Như thế lẽ ra dễ chịu hơn, nhưng các chủ quán vẫn không hài lòng. Nói đặng thẳng ra thì, một khi chơi ghi ta thì dù anh có là Joe Pass đi nữa, người ta cũng chẳng cho anh được một công việc ổn định ở quảng trường này đâu.

Thêm nữa, tất nhiên, lại còn cái chuyện nho nhỏ là tôi không phải dân Ý, nói gì đến dân Venice. Anh chàng người Séc thổi kèn saxo alto cũng chịu chung số phận. Người ta thích chúng tôi, ban nhạc cần chúng tôi, nhưng dù gì thì gì vẫn không có chỗ trong thực đơn chính thức cho chúng tôi. Chơi đi và ngậm mồm lại, các chủ quán luôn nói thế. Như thế thì khách sẽ không biết

cậu không phải người Ý. Mặc áo đuôi tôm, đeo kính râm vào, chải tóc lật ra sau, sẽ chẳng ai nhận thấy, miễn là đừng mở miệng.

Nhưng công việc cũng không đến nỗi tồi. Ban nhạc cả ba quán, nhất là khi phải chơi cùng lúc từ các rạp đối địch nhau, họ đều cần đàn ghi ta - cái gì đó nhẹ, chắc nịch, nhưng được tăng âm, đứng trong cùng mà phả ra các hợp âm. Chắc hẳn anh đang nghĩ, ba ban nhạc cùng chơi trên một quảng trường, hẳn phải hỗn loạn lắm. Nhưng Piazza San Marco rộng rãi đủ cho tất cả. Một người khách đi ngang quảng trường sẽ nghe thấy bản nhạc này dần tắt, giai điệu khác lớn dần, như khi dò sóng radio. Có một thứ mà khách du lịch không thể chịu đựng nhiều quá, đấy là nhạc cổ điển, những bản nhạc không lời phối nhiều cách khác nhau từ những điệu aria nổi tiếng. Tất nhiên, đây là San Marco, không ai đòi các ca khúc pop đang thịnh hành. Nhưng thỉnh thoảng họ cũng muốn thứ gì đó quen tai, có thể là một khúc trong nhạc kịch Julie Andrews ngày xưa, hay nhạc nền một bộ phim tên tuổi. Tôi nhớ có lần hè năm ngoái tôi đi từ quán này sang quán khác, chơi “Bố già” chín lần liền trong một buổi chiều.

Tóm lại là buổi sáng mùa xuân ấy, chúng tôi đang chơi cho một đám du khách khá đông đảo thì tôi nhìn thấy Tony Gardner, một mình bên cốc cà phê, gần như ngay trước mặt mình, cách rạp chỉ khoảng sáu mét. Người nổi tiếng đến quảng trường này không ít, chúng tôi chẳng bao giờ rộ lên làm gì. Kết thúc một bản, có thể sẽ nghe các nhạc công bảo nhỏ nhau. Nhìn kia, Warren Beatty đấy. Nhìn, Kissinger kia. Cái bà kia, ở trong cuốn phim có mấy người đôi mắt cho nhau đấy. Chúng tôi quen rồi. Đây là Piazza San Marco cơ mà. Nhưng khi tôi nhận ra đúng là Tony Gardner đang ngồi kia, thì khác. Tôi hào hứng *thực sự*.

Tony Gardner từng là ca sĩ yêu thích của mẹ tôi. Ngày xưa, ngày còn chính quyền cộng sản, chẳng dễ mà kiếm được những đĩa nhạc kiểu ấy, nhưng mẹ tôi có gần như đủ bộ đĩa của ông. Một lần hồi nhỏ, tôi làm xước mất một trong những đĩa nhạc quý báu đó. Căn hộ thì chật, mà một đứa bé trai như tôi hồi ấy không thể tránh khỏi lúc cuồng chân cuồng tay, nhất là trong những tháng mùa đông lạnh không dám lộ mặt ra đường. Thế là tôi chơi trò nhảy từ cái xô pha nhỏ sang ghế bành, và trong một cú nhảy tôi nhắm nhăm mà lao thẳng vào máy quay đĩa. Cái kim rạch lên mặt đĩa đánh xẹt - đó là từ rất lâu trước khi có đĩa CD - thế là mẹ trong bếp chạy ra mắng tôi một trận. Tôi buồn bực lắm, không phải chỉ vì bị mắng, mà vì tôi biết đấy là đĩa nhạc của Tony Gardner, và biết mẹ quý nó đến mức nào. Và tôi biết cả

cái đĩa này nữa rồi sẽ có những tiếng lụp bụp đé theo khi ông rử rử những bài hát Mỹ. Nhiều năm sau, khi lên Warszawa làm việc và biết về thị trường đĩa lậu, tôi mua lại cho mẹ toàn bộ các an bum của Tony Gardner thay cho đĩa của mẹ đã mòn hết, kể cả cái tôi làm xước. Tôi mất ba năm cho việc đó, nhưng tôi cứ tìm được thêm, từng cái một, và mỗi lần về thăm mẹ tôi lại mang một cái về.

Vì thế chắc anh hiểu sao tôi lại hào hứng như vậy khi nhận ra ông ngồi cách mình chưa đầy sáu mét. Thoạt đầu tôi không tin vào mắt mình, và chắc là đã lỡ một phách trong chuỗi hợp âm. Tony Gardner! Thử nghĩ mẹ thân yêu sẽ bảo gì nếu biết điều này! Vì mẹ, vì những kỷ niệm về mẹ mà tôi phải đến nói gì đó với ông ấy, kể cả nếu mọi người trong ban nhạc có cười và bảo tôi cư xử như một gã hầu phòng.

Nhưng tất nhiên tôi không thể cứ thế chạy ào đến chỗ ông, đẩy nhào bàn ghế xung quanh được. Vẫn còn phải chơi cho xong suất. Đây thật là một cực hình, anh thử nghĩ xem, chơi ba bốn bài nữa trong khi bất cứ lúc nào tôi cũng tưởng như ông sắp đứng dậy bỏ đi. Nhưng ông vẫn ngồi đấy, một mình, cứ nhìn cốc cà phê, khuấy chậm chậm như bản khoản không hiểu bởi bàn mang cho mình thứ gì. Trông ông cũng giống như mọi du khách Mỹ khác, áo sơ mi xanh nhạt bẻ cổ và quần ống rộng màu xám. Tóc ông trên bìa đĩa đen và lóng mướt là thế, giờ đã gần bạc, nhưng vẫn còn rất dày, và vẫn chải vuốt nà theo cùng một kiểu ngày xưa. Khi tôi mới nhìn ra ông, ông cầm cặp kính đen trong tay - tôi không hiểu nếu không phải thế thì liệu mình có nhận ra ông không - nhưng trong lúc ban nhạc cứ chơi và tôi cứ nhìn, ông đẩy kính lên mắt, rồi lại bỏ ra, rồi lại đeo vào. Có vẻ ông đang chìm đắm trong suy nghĩ, và tôi hơi thất vọng thấy ông không để ý lắm đến nhạc chúng tôi chơi.

Rồi suất diễn cũng xong. Tôi vội vã ra khỏi rạp mà không nói gì với mọi người, đi thẳng đến bàn Tony Gardner, rồi trong một giây hoảng hốt không biết phải bắt chuyện thế nào. Tôi đứng sau lưng ông, nhưng giác quan thứ sáu nào đó đã mách ông quay lại nhìn lên tôi - chắc là do bao nhiêu năm được fan săn đón - và tích tắc sau tôi đã tự giới thiệu mình, rằng tôi hâm mộ ông đến mức nào, rằng tôi chơi trong ban nhạc ông vừa nghe, rằng mẹ tôi là fan ruột của ông, cứ thế một lèo. Ông lắng nghe hết sức nghiêm nghị, lúc lúc lại gật đầu như bác sĩ nghe bệnh nhân. Tôi cứ nói hoài mà ông chỉ đôi lúc bảo “Thế à?” Sau một lúc tôi nghĩ thế là đủ rồi và chuẩn bị xin phép đi thì ông nói:

“Thế ra anh là người ở mấy nước cộng sản ấy đấy. Sống ở đấy chắc khó khăn.”

“Đấy là ngày xưa thôi.” Tôi làm bộ vui vẻ nhún vai. “Bây giờ chúng tôi có một đất nước tự do. Và dân chủ.”

“Tốt quá. Và đội của anh vừa chơi cho chúng ta nghe đấy. Ngồi xuống đi. Anh dùng cà phê?”

Tôi nói không định ép ông chịu đựng mình, nhưng giọng ông giờ đã có vẻ hiền từ nhưng cương quyết. “Không, không, anh ngồi xuống. Mẹ anh thích nghe đĩa của tôi, anh bảo thế mà.”

Thế nên tôi ngồi xuống và kể thêm chút nữa. Về mẹ tôi, về căn hộ, thị trường đĩa lậu. Và dù không nhớ được tên các anbum, tôi quay sang mô tả hình minh họa trên bìa đĩa theo trí nhớ, và mỗi lần như thế ông lại giơ ngón tay lên mà nói, ví dụ: “À, đó chắc là *Inimitable. The Inimitable Tony Gardner.*” Tôi nghĩ cả hai đều đang thích thú trò chơi này, nhưng rồi, nhận ra ánh mắt ông Gardner trượt qua tôi, tôi ngoảnh lại vừa kịp thấy một người phụ nữ đang đi lại bàn.

Đấy là một điển hình của những bà người Mỹ hết sức quý phái, từ kiểu tóc tới phục trang lẫn dáng người, đến mức anh sẽ ngỡ họ còn trẻ lắm cho tới khi thấy họ thật gần. Nhìn từ xa, có lẽ tôi đã tưởng nhầm bà là một cô người mẫu trong các tạp chí thời trang giấy bóng. Nhưng khi bà ngồi xuống cạnh ông Gardner và đẩy cặp kính đen lên trán, tôi thấy bà cũng phải ít nhất năm mươi rồi, có khi hơn. Ông Gardner bảo tôi: “Đây là vợ tôi, Lindy.”

Bà Gardner thoáng mỉm với tôi một nụ cười có vẻ miễn cưỡng, rồi nói với chồng: “Còn đây là ai? Anh đã kịp tìm ra một người bạn rồi cơ à.”

“Đúng thế, em yêu. Anh đang trò chuyện vui vẻ với... Xin lỗi anh bạn, tôi vẫn chưa biết tên anh.”

“Jan,” tôi đáp nhanh. “Nhưng các bạn tôi gọi tôi là Janeck.”

Lindy Gardner nói: “Anh nói là anh có tên thân mật còn dài hơn tên thật à? Sao lại thế được?”

“Đừng khiếm nhã với anh bạn trẻ, em yêu.”

“Em không khiếm nhã.”

“Đừng bông đùa về tên anh ấy, em yêu. Thế mới ngoan chứ.”

Lindy Gardner quay sang tôi tỏ vẻ bất lực. “Anh có hiểu ông ấy nói thế là sao không? Tôi có lăng mạ anh à?”

“Không, không,” tôi nói, “không có đâu, bà Gardner.”

“Lúc nào ông ấy cũng bảo tôi khiếm nhã với công chúng. Nhưng tôi có khiếm nhã đâu. Nãy tôi có khiếm nhã với anh không?” Rồi sang ông Gardner: “Em nói chuyện với công chúng một cách *tự nhiên*, cung ạ. Đây là *phong cách* của em. Em không bao giờ khiếm nhã.”

“Được rồi, em yêu,” ông Gardner nói, “không nên chuyện bé xé ra to. Hơn nữa, anh bạn trẻ này không phải là công chúng.”

“Ồ, không phải à? Thế anh ấy là gì? Cháu họ xa vừa tìm được à?”

“Lịch sự đi nào, em yêu. Anh bạn trẻ đây là đồng nghiệp. Nhạc công, dân nhà nghề. Chúng ta vừa hân hạnh được nghe anh trình diễn.” Ông đưa tay về hướng rạp.

“Ồ đúng rồi!” Lindy Gardner lại quay sang tôi. “Anh vừa chơi trên đó phải không? Nhạc hay lắm. Anh chơi phong cầm, phải không? Hay lắm!”

“Cám ơn bà rất nhiều. Thực ra thì tôi chơi ghi ta.”

“Ghi ta à? Anh đừng đùa. Tôi vừa nhìn anh chơi có một phút trước. Ngồi ngay kia, cạnh tay chơi đại hồ cầm, điều khiển phong cầm điêu luyện làm sao.”

“Xin phép bà, thực ra người chơi phong cầm là Carlo. To béo, đầu hói...”

“Anh nói thật à? Anh không đùa tôi chứ?”

“Em yêu, anh bảo rồi. Đừng khiếm nhã với anh bạn trẻ.”

Ông không hẳn là lớn tiếng, nhưng giọng ông đột ngột đanh và giận dữ, và rồi một lúc im lặng khó xử. Rồi tự ông Gardner lên tiếng nhẹ nhàng:

“Anh xin lỗi, em yêu. Anh không định gắt em.”

Ông đưa tay nắm lấy tay bà. Tôi cứ nghĩ bà sẽ hất ông ra nhưng không phải, bà trở người trong ghế để nhích lại gần hơn, và đặt tay kia lên đôi bàn tay đang nắm chặt. Họ ngồi như thế một lúc, ông Gardner đầu cúi xuống, bà vợ nhìn mông lung qua vai ông, sang bên kia quảng trường về phía nhà thờ thánh Peter, dù có vẻ ánh mắt bà chẳng đặt vào đâu cả. Trong phút chốc hình như họ không chỉ quên có tôi ngồi đây, mà quên đi cả đám đông nhộn nhịp trên quảng trường. Rồi bà nói, nhẹ như hơi thở:

“Không sao đâu cưng. Lỗi tại em thôi. Em làm anh bực.”

Họ ngồi như thế thêm lát nữa, hai bàn tay siết chặt lấy nhau. Rồi bà thở dài, buông tay ông Gardner và nhìn sang tôi. Bà đã nhìn tôi lúc nãy rồi, nhưng lần này thì khác. Lần này tôi cảm thấy được sức quyến rũ của bà. Cứ như bà có một mặt số chia độ từ không đến mười, và khi nhìn sang tôi, lúc đó, bà đã quyết định xoay tới sáu hay bảy; tôi cảm nhận được nó rất rõ, và nếu bà có mở miệng yêu cầu tôi điều gì - ví dụ như bảo tôi đi suốt quảng trường để mua tặng bà bó hoa chẳng hạn - chắc tôi sẽ hào hứng tuân theo lập tức.

“Janeck,” bà nói, “Đấy là tên anh, phải không? Tôi xin lỗi Janeck nhé. Tony nói đúng. Tôi không có quyền nói với anh như vừa rồi.”

“Bà Gardner, thật tình không có gì phải lo đâu.”

“Mà tôi lại làm phiền hai người nói chuyện nữa chứ. Chắc là chuyện âm nhạc, phải không? Thế này nhé, tôi sẽ để yên cho cả hai nói tiếp.”

“Không việc gì phải đi cả, em yêu,” ông Gardner nói.

“Thế mà có đấy cưng. Em đang *thèm* được ngó vào cái hiệu Prada đằng kia đến điên lên được. Em chỉ ra đây định bảo là em sẽ đi lâu hơn lúc đầu em nói thôi.”

“Thôi được rồi, em yêu.” Tony Gardner lần đầu tiên ngồi thẳng lên và hít vào một hơi. “Miễn là em biết chắc em sẽ vui.”

“Ồ trong đó em sẽ cực kỳ phấn khởi. Thế nên hai chàng trai cứ nói chuyện vui vẻ nhé.” Bà đứng dậy khẽ chạm vào vai tôi. “Tạm biệt anh, Janeck.”

Hai chúng tôi nhìn theo bà đi, rồi ông Gardner hỏi tôi dăm câu ba điều về chuyện đàn hát ở Venice, cụ thể là về ban nhạc quán Quadri lúc này vừa bắt đầu chơi lại. Ông không có vẻ chú tâm vào những câu trả lời mấy, và tôi đã định xin phép đi thì ông thành linh bảo:

“Có một điều tôi muốn đề nghị với anh, anh bạn trẻ. Tôi sẽ nói với anh ý nghĩ của mình và anh cứ việc từ chối nếu muốn.” Ông ngả người về phía tôi và hạ giọng. “Tôi kể với anh chuyện này. Lần đầu Lindy và tôi đến Venice là để đi trăng mật. Hai mươi bảy năm về trước. Và mặc dù đã có rất nhiều kỷ niệm tuyệt vời ở đây, chúng tôi chưa bao giờ quay lại, hay ít nhất là không quay lại cùng nhau. Thế nên khi lên kế hoạch cho chuyến đi này, chuyến đi đặc biệt này, chúng tôi tự nhủ mình cần nghỉ lại vài ngày ở Venice.”

“Đây là kỷ niệm ngày cưới của ông bà ạ, thưa ông Gardner?”

“Ngày cưới?” Có vẻ như ông giật mình.

“Xin lỗi,” tôi nói. “Chỉ là tôi đoán, vì ông vừa nói đây là chuyến đi đặc biệt.”

Trông ông vẫn ngỡ ngàng mắt một hồi, rồi ông bật cười, tiếng cười lớn, rền vang, và bỗng nhiên tôi nhớ ra bài hát mà mẹ tôi vẫn hay bật nghe suốt trong đó ông có nói một đoạn ngắn ở giữa bài, đại ý là ông không bận tâm đến người đàn bà đã bỏ ông mà đi, rồi thì ông cười khinh miệt đúng y như thế này. Giờ tiếng cười ấy vang khắp quảng trường. Đoạn ông nói:

“Ngày cưới à? Không, không phải ngày cưới. Nhưng điều tôi định đề nghị với anh cũng không khác lắm. Bởi tôi muốn làm một điều thật lãng mạn. Tôi sẽ hát cho bà ấy nghe từ dưới khung cửa sổ. Đây kiểu cách, đúng chất Venice. Đây là lúc cần đến anh. Anh chơi ghi ta còn tôi hát. Ta sẽ dùng một chiếc *gondola*, ta bơi thuyền đến dưới cửa sổ, tôi hát vọng lên chỗ bà ấy. Chúng tôi thuê một *palazzo* cách đây không xa. Cửa sổ phòng ngủ trông thẳng ra kênh. Khi trời tối, đây sẽ là khung cảnh lý tưởng. Đèn trên tường tạo sáng đúng như ý. Anh và tôi trên thuyền, bà ở bên cửa sổ. Tất cả những bài bà ấy thích. Chúng ta không cần phải làm nhiều, ban tối vẫn còn khá

lạnh. Chỉ độ ba bốn bài thôi, tôi hình dung thế. Tôi sẽ lo cho anh được bồi dưỡng đủ. Anh nghĩ sao?”

“Ông Gardner, đây sẽ là vinh dự lớn nhất đời tôi. Như tôi đã nói, ông là một nguồn ảnh hưởng quan trọng đối với tôi. Ông định khi nào?”

“Nếu trời không mưa thì sao không phải luôn hôm nay? Khoảng tám giờ rưỡi? Chúng tôi ăn tối rất sớm, giờ ấy đã về rồi. Tôi sẽ bịa chuyện gì đó để ra khỏi căn hộ, ra ngoài gặp anh. Tôi sẽ lấy một chiếc thuyền, chúng ta quay lại dọc con kênh, dừng ngay dưới cửa sổ. Đây sẽ vào đây. Anh nghĩ thế nào?”

Chắc anh cũng thấy, thật chẳng khác gì giấc mơ thành sự thực. Thêm nữa, đây là một ý tưởng đáng yêu biết bao, đôi vợ chồng này - chàng sáu chục, nàng năm chục xuân xanh - cư xử như một đôi thiếu niên mới biết yêu. Thực tế là ý tưởng ấy đáng yêu đến nỗi suýt nữa - nhưng chỉ suýt thôi - tôi quên bằng cảnh tượng vừa xảy ra giữa họ. Ý tôi là, ngay cả lúc ấy, ở đâu đó tận sâu bên trong, tôi cũng linh cảm mọi việc sẽ không giản dị như ông vẽ ra.

Một lúc sau ông Gardner và tôi ngồi lại bàn bạc các chi tiết - ông muốn bài nào, chơi tông gì, những chuyện kiểu đó. Rồi đến lúc tôi phải về rạp tiếp tục suất diễn sau, nên tôi đứng dậy, bắt tay ông và nói ông có thể tuyệt đối tin tưởng ở tôi tối nay.

Khi tôi tới gặp ông Gardner thì đường phố đã khá tối và vắng vẻ. Hồi ấy tôi vẫn còn lạc đường mỗi lần đi xa quảng trường San Marco, thế nên dù đã khởi hành sớm, dù đã biết vị trí cây cầu nơi ông Gardner hẹn, tôi vẫn đến muộn vài phút.

Ông đứng ngay dưới ngọn đèn đường, mặc bộ com lê nhăm nhúm, áo sơ mi mở ba hay bốn nút, có thể nhìn thấy cả lông trên ngực. Khi tôi tạ lỗi đến muộn, ông bảo:

“Vài phút thì có hề gì? Lindy và tôi lấy nhau đã hai mươi bảy năm. Vài phút thì có hề gì?”

Ông không bực tức, nhưng có vẻ nghiêm trọng và âu sầu - không có gì là lãng mạn. Đằng sau ông là chiếc *gondola* dập dềnh nhẹ nhàng trên sóng, và tôi thấy người đứng thuyền là Vittorio, một người tôi không mấy ưa.

Trước mặt tôi, Vittorio lúc nào cũng xởi lởi, nhưng tôi biết - ngay từ hồi ấy - anh ta đi khắp nơi nói đủ thứ chuyện tôi tẻ, toàn chuyện đặt điều, về những kẻ như tôi, những kẻ anh ta gọi là “bọn ngoại quốc từ các nước mới nứt mắt”. Thế nên hôm ấy khi anh ta chào tôi hồ hồ như anh em ruột, tôi chỉ đáp lại bằng cái gật đầu, và im lặng đợi anh ta đỡ ông Gardner vào thuyền. Rồi tôi đưa anh ta cầm cây đàn - tôi mang theo cây Tây Ban Cầm, để cây có lỗ ô van ở nhà - và cũng trèo vào theo.

Ông Gardner liên tục xoay trở ở đằng mũi, có một lần còn ngồi phịch xuống đến nỗi suýt làm lật thuyền. Nhưng có vẻ ông không để ý thấy, và khi thuyền rời bờ, ông cứ nhìn đăm đăm xuống nước.

Mất vài phút chúng tôi lướt đi lặng lẽ giữa hai dãy nhà tối đen, chốc chốc lọt qua bên dưới những cây cầu thấp. Rồi ông bứt khỏi những ý nghĩ đăm chiêu mà nói:

“Nghe này, anh bạn. Tôi biết là chúng ta đã thỏa thuận xong các tiết mục tối nay. Nhưng tôi vừa nghĩ nãy giờ. Lindy rất thích bài ‘By the time I get to Phoenix’. Tôi có ghi âm bài đó một lần lâu lắm rồi.”

“Vâng, thưa ông Gardner. Mẹ tôi lúc nào cũng nói bài đó ông hát hay hơn cả Sinatra. Hơn cả cái bản nổi tiếng do Glenn Campbell hát nữa.”

Ông Gardner gật đầu, rồi một lúc lâu tôi không nhìn rõ mặt ông. Vittorio cất tiếng hô báo hiệu vang dội các bức tường trước khi cho thuyền ngoặt qua chỗ rẽ.

“Tôi đã hát cho bà ấy nghe bài này rất nhiều lần,” ông Gardner nói. “Anh hiểu không, tôi nghĩ bà ấy sẽ thích được nghe bài ấy tối nay. Anh có thuộc nhạc chứ?”

Lúc này cây đàn đã ra khỏi bao, nên tôi chơi vài khúc.

“Lên chút nữa,” ông nói. “Lên đến mi giáng. Hồi thu đĩa tôi hát thế mà.”

Thế nên tôi chơi lại đoạn nhạc theo tông mới, và khi đã hết có lẽ cả một đời, ông Gardner cất tiếng hát, rất khẽ khàng, ghìm nhịp thở, như là không nhớ rõ lời. Nhưng giọng ông vọng lại rất rõ trong lòng kênh yên tĩnh. Quả thật là nghe rất tuyệt. Và trong một lúc hình như tôi trở lại làm đứa bé con, ở trong căn hộ, nằm ườn trên thảm trong lúc mẹ ngồi trên xô pha, mệ lử, hoặc

có khi sâu nã, còn đĩa Tony Gardner thì quay trong góc phòng.

Ông Gardner đột ngột ngưng hát và nói: “Được rồi. Chúng ta sẽ chơi ‘Phoenix’ cung mi giáng. Rồi có thể là ‘I fall in love too easily’, như chúng ta đã bàn. Và kết thúc bằng ‘One for my baby’. Thế là đủ. Bà ấy sẽ không nghe nhiều hơn đâu.”

Sau đó ông lại chìm vào suy tưởng, và chúng tôi cứ thế trôi qua bóng tối trong tiếng khỏa nước nhẹ nhẹ của Vittorio.

“Ông Gardner ạ”, rốt cuộc tôi nói, “mong ông thứ lỗi câu hỏi của tôi. Nhưng bà Gardner có biết trước cuộc trình diễn này không? Hay đây là một bất ngờ thú vị?”

Ông thở dài nặng nhọc, rồi nói: “Tôi nghĩ chắc là phải xếp vào mục bất ngờ thú vị.” Rồi nói thêm: “Có Chúa biết bà ấy sẽ phản ứng thế nào. Có thể chúng ta sẽ không tới được tận ‘One for my baby’.”

Vittorio cho thuyền ngoặt qua một khúc kênh nữa, và đột ngột nghe vang lên tiếng cười và tiếng nhạc, chúng tôi trôi qua một nhà hàng lớn, đèn đuốc sang trưng. Bàn nào hình như cũng kín khách, các anh bồi lẳng xăng hỏi hả, thực khách đều có vẻ sung sướng, dù ở bên kênh đào vào mùa này trong năm chắc cũng không ấm mấy. Sau cảnh tĩnh mịch và bóng tối chúng tôi vừa đi qua, nhà hàng này gây cho tôi cảm giác bất an. Có vẻ như chúng tôi mới là người đứng yên, đứng trên bến tàu mà ngắm, trong lúc con tàu dạ tiệc lấp lánh ấy trôi qua. Tôi nhìn thấy vài khuôn mặt ngoảnh ra phía mình, nhưng không ai để ý nhiều đến chúng tôi. Rồi nhà hàng đã nằm lại đằng sau, và tôi nói:

“Kể cũng buồn cười. Ông có tưởng tượng được đám khách du lịch ấy sẽ làm gì nếu họ vỡ lẽ là có chiếc thuyền chở Tony Gardner huyền thoại vừa đi qua không?”

Vittorio, dù không khá tiếng Anh lắm, cũng hiểu được đại ý và cười một tiếng nho nhỏ. Nhưng một hồi lâu ông Gardner không đáp lại. Chúng tôi vừa trở lại trong bóng tối, trên một khúc kênh hẹp giữa những cửa ra vào sáng nhờ nhờ, thì ông bảo:

“Anh bạn, anh đã sống tại một nước cộng sản. Chính vì thế anh không nhận ra ở đây thế giới vận hành thế nào.”

“Ông Gardner,” tôi nói, “giờ nước tôi không còn là cộng sản nữa. Giờ chúng tôi là một dân tộc tự do.”

“Tôi xin lỗi. Tôi không có ý khinh thường tổ quốc anh. Các anh là một dân tộc anh dũng. Tôi mong cho các anh chóng được hòa bình và thịnh vượng. Nhưng tôi định nói với anh là, anh bạn, tôi có ý là vì anh sinh trưởng ở quê hương anh cho nên điều tự nhiên là có nhiều chuyện anh chưa hiểu hết. Cũng như sẽ có nhiều điều tôi không hiểu về đất nước anh.”

“Tôi nghĩ là ông nói đúng, thưa ông Gardner.”

“Những người chúng ta vừa đi qua. Nếu anh đến chỗ họ mà bảo, ‘Này, các anh có ai còn nhớ Tony Gardner không?’ thì có thể một vài người trong đó, phần lớn cũng nên, sẽ bảo có. Ai biết được? Nhưng đi thuyền qua như chúng ta vừa rồi, ngay cả nếu họ có nhận ra tôi, liệu họ có phấn khích không? Tôi nghĩ là không. Họ sẽ không buồn nữa, sẽ không ngắt quãng câu chuyện tâm tình bên ánh nến đâu. Việc gì phải thế? Chẳng qua là một gã hát tình ca của một thời xưa cũ mà thôi.”

“Cái này thì tôi không tin được, thưa ông Gardner. Ông là một giọng hát kinh điển. Ông cũng ngang với Sinatra hay Dean Martin. Những nhân vật kinh điển, họ không bao giờ lỗi một. Không phải như đám nhạc pop bây giờ.”

“Anh nói thế là tử tế lắm, anh bạn. Tôi biết anh có thiện ý. Nhưng một đêm như đêm nay, đây không phải là lúc để phỉnh nịnh tôi.”

Tôi đã muốn phản đối, nhưng có gì đó trong dáng vẻ ông khiến tôi không muốn tiếp tục đề tài này. Thế nên chúng tôi đi tiếp, không nói câu nào. Thành thực mà nói, lúc này tôi bắt đầu nghĩ xem mình đã rơi vào chuyện gì, cái trò hát bên cửa sổ này là sao. Và những người này là người Mỹ nữa chứ. Làm sao tôi dám chắc rằng khi ông Gardner bắt đầu hát bà Gardner sẽ không đến bên cửa chữa súng nã đạn vào chúng tôi.

Có lẽ Vittorio cũng đang nghĩ tương tự trong đầu, bởi khi chúng tôi lướt qua gần một cây đèn gắn trên tường, anh ta ném cho tôi một cái nhìn như muốn nói: “Chúng ta vớ được một gã gàn dở, phải không, *amico*?” Nhưng tôi không đáp lại. Tôi không định về phe với loại người như anh ta chống lại ông Gardner. Theo lời Vittorio, những kẻ nhập cư như tôi chỉ có đi lột tiền

của khách du lịch, xả rác xuống kênh, và nói chung là hủy hoại cả thành phố. Có những ngày, nếu đang gặp cơn khó chịu, anh ta sẵn sàng kết tội chúng tôi là bọn xin đầu - dâm tặc nữa không chừng. Tôi đã có lần hỏi thẳng mặt có đúng là anh ta nói vậy về chúng tôi không, và anh ta thề thốt đấy chỉ toàn là bịa đặt. Làm sao anh ta mà lại hận thù chủng tộc được, trong khi có một bà dì người Do Thái mà anh ta tôn thờ như mẹ? Nhưng một buổi chiều nọ tôi đang tiêu khiển giữa hai suất diễn, tựa mình trên cây cầu ở Dorsoduro thì thấy một chiếc *gondola* trôi qua bên dưới. Trên đó có ba du khách đang ngồi, và Vittorio đứng dựa cây chèo, làm một bài diễn văn cho cả thế giới cùng nghe, miệng tuôn ra đúng những lời lẽ ấy. Cho nên anh ta cứ việc tìm mắt tôi tùy thích, nhưng đừng có hòng tranh thủ tình đồng đội của tôi.

“Tôi sẽ cho anh biết một bí mật nhỏ,” ông Gardner thình lình nói. “Một bí mật nhỏ về nghề diễn. Trao đổi kinh nghiệm nhà nghề. Cũng đơn giản thôi. Anh phải biết một điều gì đó, điều gì cũng được, anh phải biết một điều gì đó về khán giả của anh. Một điều gì đó đủ cho anh có thể ngầm phân biệt được khán giả này với những người anh vừa hát cho nghe đêm hôm trước. Ta lấy ví dụ anh đang ở Milwaukee. Anh phải tự hỏi mình, có gì khác, có gì *đặc biệt* ở khán giả Milwaukee? Có gì khiến họ khác với khán giả Madison? Nếu không nghĩ ra được gì, anh cứ phải nghĩ tiếp đến lúc tìm được. Milwaukee, Milwaukee. Ở Milwaukee có món sườn lợn rất ngon. Chỉ thế là đủ, đấy là cái sẽ giúp anh khi bước ra sân khấu. Anh không cần phải nói ra với họ, chỉ cần giữ trong đầu khi anh hát cho họ nghe. Những người ở trước mặt anh đây, họ là những người vẫn hay ăn sườn hảo hạng. Họ có đòi hỏi rất cao đối với món sườn. Anh hiểu tôi nói gì không? Như thế khán giả trở thành một người mà anh hiểu, một người anh có thể biểu diễn cho nghe. Đấy, bí mật của tôi là thế. Trao đổi kinh nghiệm nhà nghề.”

“Vâng, cảm ơn, thưa ông Gardner. Tôi chưa bao giờ nghĩ theo cách đó. Chỉ bảo của một người như ông, tôi sẽ không bao giờ quên.”

“Thế nên,” ông nói tiếp, “tôi nay chúng ta đang biểu diễn cho Lindy. Lindy là khán giả. Thế nên tôi sẽ nói với anh gì đó về Lindy. Anh có muốn nghe về Lindy không?”

“Có chứ, thưa ông Gardner,” tôi nói. “Tôi hết sức muốn nghe về bà ấy.”

Trong suốt khoảng hai mươi phút sau đó, chúng tôi ngồi trên chiếc

gondola, trôi vòng quanh trong lúc ông Gardner kể. Đôi lúc giọng ông hạ xuống chỉ còn thì thầm, như đang nói chuyện với chính mình. Những lúc khác, khi có ngọn đèn hay cửa sổ vượt qua hắt ánh sáng lên thuyền, ông lại nhớ ra tôi, liền cất cao giọng hỏi gì đó tựa như: “Anh hiểu tôi nói gì chứ hả anh bạn?”

Theo ông kể, vợ ông sinh ra ở một thị trấn nhỏ bang Minnesota, miền Trung nước Mỹ, nơi các cô giáo ở trường luôn quở mắng vì cô bé hay lơ là bài vở mà chỉ mãi mê với những tạp chí có các ngôi sao điện ảnh.

“Các bà cô ấy không bao giờ nhận ra một điều là Lindy có những hoài bão lớn. Và thử nhìn bà ấy bây giờ xem. Giàu có, xinh đẹp, đi khắp thế giới. Còn mấy cô giáo ấy, bây giờ họ ra sao? Cuộc sống của họ thế nào? Nếu họ chỉ cần xem thêm vài tạp chí điện ảnh thôi, có thêm vài ước mơ thôi, cả họ cũng có thể có được một phần Lindy ngày hôm nay.”

Mười chín tuổi, cô gái đã vẫy xe đi nhờ đến California, dự định đến Hollywood. Nhưng thay vì thế cô kẹt lại ở ngoại ô Los Angeles, làm bung bê trong một quán ăn ven đường.

“Số phận lạ lùng,” ông Gardner nói. “Quán ăn ấy, cái địa điểm xoàng xĩnh gần đường lớn ấy. Đó hóa ra lại là chỗ dừng chân tốt nhất cho bà ấy. Bởi đây là nơi tụ tập của mọi cô gái giàu tham vọng, từ sáng đến tối. Họ thường hẹn nhau ở đó, bảy, tám, cả chục người, họ gọi cà phê, xúc xích, ngồi đó hàng giờ nói chuyện.”

Những cô gái này, hơn Lindy vài tuổi, đến từ khắp nước Mỹ và đã cắm lại quanh Los Angeles ít nhất hai ba năm nay. Họ tới quán ăn này để trao đổi chuyện phiếm và kinh nghiệm thất bại, bàn bạc chiến thuật, nắm bắt tình hình nhau. Nhưng nét quyến rũ chủ yếu của quán là Meg, một người đàn bà ngoài bốn mươi, phục vụ bàn cùng Lindy.

“Với những cô gái ấy Meg là bà chị cả, là suối nguồn hiểu biết của họ. Bởi ngày xưa chị ta chính là họ bây giờ. Anh phải hiểu, đây là những cô gái kiên tâm, hết sức tham vọng, hết sức quyết đoán. Họ có nói về quần áo giày dép và trang sức như những cô gái khác không? Tất nhiên là có. Nhưng họ chỉ nói về loại quần áo giày dép và trang sức nào sẽ giúp họ cưới được một ngôi sao. Họ có nói về phim ảnh không? Họ có nói về làng âm nhạc không? Hẳn nhiên. Nhưng họ nói về ngôi sao điện ảnh và âm nhạc nào còn độc thân, sao nào trực trặc trong hôn nhân, sao nào sắp ly dị. Và Meg, anh hiểu chứ, có

thể cho họ biết tất cả những điều đó, thậm chí nhiều hơn nữa. Meg đã đưa chân vào chôn ấy trước họ. Chị ta biết mọi quy tắc, mọi mưu mẹo, về chuyện giăng lưới một ngôi sao. Lindy ngồi với họ và hấp thụ tất cả. Cái quán xúc xích ấy là Harvard, là Yale đối với bà ấy khi đó. Một cô gái mười chín tuổi quê Minnesota ư? Tôi rùng mình mà nghĩ tới những chuyện có thể xảy đến với bà ấy. Nhưng bà ấy đã gặp may.”

“Ông Gardner,” tôi nói, “thứ lỗi cho tôi ngắt lời. Nhưng nếu chị Meg này thông thái đến thế, tại sao bản thân chị ta lại không cưới được một ngôi sao? Tại sao chị ta lại bê xúc xích trong quán ăn ấy?”

“Câu hỏi rất thông minh, nhưng anh không hiểu rõ thế giới vận hành thế nào. Được rồi, người này, Meg, chị ta không thành công. Nhưng cái chính là, chị ta đã quan sát những người thành công. Anh hiểu chứ, anh bạn? Hồi xưa chị ta từng là những cô gái ấy, và chị ta đã quan sát ai thành, ai bại. Chị ta đã thấy những cái bẫy, đã thấy cả những cánh cửa vàng. Chị ta có thể kể cho họ đủ thứ chuyện và những cô gái ấy lắng nghe. Và một số cô học hỏi. Lindy, chẳng hạn. Tôi đã nói, đấy là Harvard đối với bà ấy. Nó làm cho bà ấy được như bây giờ. Nó cho bà ấy sức mạnh sau này sẽ cần đến, và lạy Chúa, phải nói là bà ấy sẽ cần. Mất sáu năm bà ấy mới có được bước tiến đầu tiên. Anh có tưởng tượng được không? Sáu năm luôn lách, mưu tính, liêu thân như thế. Bị đánh bật hết lần này đến lần khác. Nhưng cũng giống như nghề chúng ta thôi. Anh không thể rút vôi bỏ cuộc sau vài cú ngã đầu tiên. Những cô gái đã bỏ cuộc, anh có thể thấy họ ở bất kỳ đâu, họ kết hôn với những người không tên trong những thành phố không tuổi. Nhưng chỉ một vài người trong đó, những cô như Lindy, họ trưởng thành sau từng cú ngã, họ quay lại mạnh hơn, rắn hơn, họ quay lại chiến đấu như sư tử. Anh nghĩ Lindy chưa từng gặp tủi nhục à? Dù bà ấy xinh đẹp và quyến rũ như thế? Một điều người ta ít nhận ra là sắc đẹp chẳng qua là một phần rất nhỏ. Sử dụng không đúng cách, anh sẽ bị đối xử như con điếm. Dù sao thì, sau sáu năm, bà ấy đã có được bước tiến.”

“Và đấy là khi bà gặp ông, thưa ông Gardner?”

“Tôi à? Không, không. Mãi lâu sau đó tôi mới xuất hiện trong câu chuyện. Bà ấy kết hôn với Dino Hartman. Anh chưa bao giờ nghe đến Dino à?” Ông Gardner cười một tiếng hơi độc địa. “Tội nghiệp Dino. Tôi nghĩ là đĩa hát của Dino không tới được các nước cộng sản đâu. Nhưng hồi ấy Dino đã khá tiếng tăm. Cậu ta hát ở Vegas nhiều lắm, có được vài đĩa vàng. Tôi đã

nói, đây là bước tiến lớn của Lindy. Khi tôi gặp bà ấy lần đầu, bà ấy đang là vợ Dino. Bà chị Meg đã giải thích rằng lúc nào cũng phải theo trình tự ấy. Tất nhiên, cũng có những cô may mắn ngay lần đầu, một bước lên tiên, cưới được một Sinatra hay Brando. Nhưng thường thì không phải trình tự ấy. Các cô gái phải chuẩn bị tinh thần ra khỏi thang máy ở tầng hai, đi dạo một vòng. Cô phải quen với không khí tầng đó đã. Rồi có thể, một ngày, ở tầng hai đó, cô sẽ gặp được một người từ tầng thượng ghé xuống vài phút, có thể để lấy một món đồ. Và người này sẽ nói với cô, này, hay là đi với tôi, lên tầng cao nhất. Lindy hiểu rằng đây là tình huống thường xảy ra. Cưới Dino không có nghĩa là cô chịu nhún, không phải là cô cắt giảm tham vọng cho vừa vặn. Và Dino cũng là một chàng đứng đắn. Tôi lúc nào cũng thích cậu ta. Đây là lý do vì sao dù hoàn toàn quy hàng Lindy từ phút đầu tiên nhìn thấy bà ấy song tôi đã không hề hành động. Tôi là người quân tử mà. Sau này tôi nhận ra chính vì thế mà Lindy càng thêm quyết tâm. Trời, phải thán phục một cô gái như thế! Tôi phải nói với anh, anh bạn ạ, thời kỳ ấy tôi là một ngôi sao rất sáng, sáng lắm. Tôi nghĩ đây là vào giai đoạn mẹ anh nghe đĩa của tôi. Dino thì không, ngôi sao của cậu ta đang rụng rất nhanh. Đây là năm xấu cho rất nhiều ca sĩ. Mọi thứ đều thay đổi. Trẻ con chuyển qua nghe Beatles, Rolling Stones. Dino tội nghiệp, cậu ta hát cứ như Bing Crosby. Cậu ta thử cho ra một đĩa bossa nova chỉ khiến người ta cười nhạo. Lindy cần thoát ra không chậm trễ. Không ai có thể trách cứ gì chúng tôi trong tình cảnh đó. Tôi nghĩ ngay cả Dino cũng không thực sự oán trách gì. Thế nên tôi hành động. Đây là khi bà ấy chuyển lên tầng thượng.

“Chúng tôi làm lễ cưới ở Vegas, bắt khách sạn đồ sâm banh đầy bồn tắm. Bài hát chúng ta sắp chơi hôm nay, ‘I fall in love too easily’. Anh biết tại sao tôi chọn bài ấy không? Anh muốn biết không? Chúng tôi từng đến Luân Đôn, ít lâu sau khi cưới. Chúng tôi lên phòng sau bữa sáng và cô phục vụ đang ở trong dọn phòng. Nhưng Lindy và tôi thì đang hứng như thỏ. Thế là chúng tôi đi vào, có thể nghe thấy cô ta đang hút bụi buồng khách, nhưng chúng tôi không nhìn thấy, cô ta đã đi qua vách ngăn rồi. Thế nên chúng tôi nhón chân lên vào, như trẻ con ấy, anh hiểu không? Chúng tôi lên vào tận buồng ngủ, đóng cửa. Chúng tôi thấy là cô phục vụ đã dọn xong buồng ngủ rồi, nên có lẽ không cần quay lại nữa, nhưng chúng tôi không biết chắc. Đàng nào thì chúng tôi cũng bắt cần. Chúng tôi trút bỏ quần áo, chúng tôi làm tình trên giường, và từ đầu đến cuối cô phục vụ đang ở ngay bên ngoài, đi khắp phòng suite, không hề biết chúng tôi đã vào. Tôi cho anh biết, chúng tôi đang cao hứng, nhưng sau một lúc, chúng tôi thấy chuyện này buồn cười quá đỗi, cứ cười không nhịn được. Thế rồi chúng tôi cũng xong và đang nằm

đó trong tay nhau, và cô phục vụ vẫn còn ngoài kia và anh biết không, cô ta bắt đầu hát! Cô ta đã hút bụi xong, nên cô ta gào to hết cỡ, và trời ơi, giọng hát mới khủng khiếp chứ! Chúng tôi cười như phát điên, nhưng vẫn cố giữ im lặng. Thế rồi anh có biết không, cô ta ngừng hát và vặn radio. Và bỗng dưng chúng tôi nghe thấy Chet Baker. Ông ấy đang hát ‘I fall in love too easily’, thật chậm rãi và ngọt ngào. Và Lindy với tôi, chúng tôi cứ nằm trên giường bên nhau, nghe Chet hát. Rồi một lúc sau tôi hát theo, thật nhỏ, hát theo Chet Baker trên radio, Lindy cuộn tròn trong tay tôi. Như thế đấy. Đó là lý do chúng ta chơi bài ấy đêm nay. Nhưng tôi không biết bà ấy có còn nhớ không. Ma nào biết được?”

Ông Gardner ngừng nói và tôi thấy ông đang gạt nước mắt. Vittorio đưa chúng tôi qua một chỗ rẽ nữa và tôi nhận ra chúng tôi lại đang đi qua nhà hàng lần thứ hai. Trông nó còn náo nhiệt hơn lúc nãy, và có một người, tôi nhận ra anh chàng tên Andrea, đang chơi dương cầm ở góc.

Khi chúng tôi lại trôi vào bóng tối, tôi nói: “Ông Gardner, đây không phải việc của tôi, tôi biết. Nhưng tôi cũng thấy có lẽ mọi việc giữa ông và bà Gardner gần đây không ổn lắm. Tôi muốn ông biết rằng tôi hiểu được những việc thế này. Mẹ tôi ngày xưa thường hay buồn, có lẽ cũng như ông bây giờ đây. Mẹ thường nghĩ rằng mẹ đã tìm được đúng người, mẹ trở nên rất vui và bảo người này sắp trở thành bố mới của tôi. Một hai lần đầu tôi tin mẹ. Sau đó thì tôi biết là sẽ không thành. Nhưng mẹ tôi, mẹ không bao giờ ngừng tin điều đó. Và mỗi lần mẹ buồn bã, có lẽ cũng như ông đêm nay, ông biết mẹ tôi làm gì không? Mẹ tôi sẽ bật đĩa nhạc của ông và hát theo. Những mùa đông dài ấy, trong căn hộ bé tí của chúng tôi, mẹ ngồi đó, quỳ gối, tay cầm cốc nước gì đó, và hát theo ông khe khẽ. Và tôi còn nhớ, ông Gardner ạ, thỉnh thoảng, hàng xóm tầng trên lại đập thình thình xuống trần nhà tôi, nhất là khi ông hát những bài rộn ràng, kiểu như ‘High hopes’ hoặc ‘They all laughed’. Tôi thường nhìn mẹ tôi thật kỹ, nhưng có vẻ như mẹ không nghe thấy gì cả, mẹ chỉ nghe ông, gật đầu đánh nhịp, môi mấp máy theo lời hát. Ông Gardner, tôi muốn nói với ông. Những bài hát của ông giúp mẹ tôi qua được những thời kỳ đó, chắc cũng đã giúp hàng triệu người khác nữa. Và nếu nó giúp cả ông thì cũng tự nhiên thôi.” Tôi cười khe khẽ, có ý muốn động viên, nhưng lại thành ra hơi lố quá. “Ông có thể tin ở tôi tối nay, ông Gardner. Tôi sẽ chơi hay như cả dàn nhạc, rồi ông xem. Rồi bà Gardner sẽ nghe thấy chúng ta và ai biết được? Có thể mọi việc giữa hai người sẽ lại ổn thỏa. Cặp vợ chồng nào cũng có những lúc khó khăn.”

Ông Gardner mỉm cười. “Anh thật là dễ thương. Tôi rất cảm ơn anh đến giúp tôi đêm nay. Nhưng chúng ta không còn thời giờ nói chuyện nữa. Lindy đã về phòng rồi. Tôi nhìn thấy ánh đèn.”

Chúng tôi đang đi ngang một tòa biệt thự ít nhất lần thứ ba rồi, và giờ tôi mới hiểu tại sao Vittorio cho thuyền đi vòng vòng liên tục. Ông Gardner vẫn để mắt chờ ánh đèn ở một cửa sổ duy nhất, và mỗi lần thấy vẫn tối, chúng tôi lại đi thêm vòng nữa. Nhưng lần này cửa sổ tầng ba đã bật sáng, cửa chớp hé mở, từ dưới này chúng tôi có thể nhìn thấy một khoảng trần nhà với những rầm gỗ tối màu. Ông Gardner ra hiệu cho Vittorio, nhưng anh ta đã dừng chèo và chúng tôi trôi chậm chậm đến khi con thuyền ở ngay dưới cửa sổ.

Ông Gardner đứng dậy, khiến con thuyền lại tròng trành rất đáng sợ, và Vittorio phải nhanh chóng dịch chuyển để giữ thuyền vững. Rồi ông Gardner cất tiếng gọi, hơi khẽ khàng quá: “Lindy! Lindy!” Cuối cùng ông cũng gọi to hơn: “Lindy!”

Có bàn tay đẩy cánh cửa chớp cho mở tung, rồi một dáng người đi ra bao lơn hẹp. Cách đầu chúng tôi một quãng trên tường tòa biệt thự có gắn đèn lồng, nhưng ánh sáng rất yếu, bà Gardner trông chẳng hơn gì một cái bóng. Nhưng tôi cũng thấy bà đã vắn tóc khác với lúc tôi gặp ở quảng trường, có lẽ từ lúc họ dùng bữa tối ngay trước đó.

“Anh đây à cưng?” bà tì vào thành bao lơn nhìn xuống. “Em tưởng anh đã bị bắt cóc đi đâu rồi. Anh làm em sợ phát khiếp.”

“Đừng ngớ ngẩn, em yêu. Làm sao có chuyện gì được ở một thành phố thế này? Mà đằng nào anh cũng đã để giấy lại cho em.”

“Em không thấy giấy nào cả, cưng à.”

“Anh có để giấy lại. Để em không lo lắng.”

“Nó để đâu, tờ giấy ấy? Nó viết gì?”

“Anh không nhớ nữa, em yêu.” Bây giờ giọng ông có vẻ bực mình. “Chỉ là giấy nhắn bình thường thôi. Em hiểu mà, như kiểu bảo anh đi mua thuốc là hay gì đó.”

“Anh đang ở dưới đó là vì thế à? Đi mua thuốc lá à?”

“Không, em yêu. Đây là chuyện khác. Anh sẽ hát cho em nghe.”

“Có phải đây là chuyện đùa không?”

“Không, em yêu, đây không phải chuyện đùa. Đây là Venice. Ở đây ai cũng làm thế.” Ông khoát tay chỉ tôi và Vittorio, làm như sự có mặt của chúng tôi là đủ chứng tỏ.

“Đứng ngoài này em lạnh lắm, cung à.”

Ông Gardner thở dài đánh thượt. “Thế thì em ngồi trong phòng nghe cũng được. Đi vào phòng đi, em yêu, thế nào cho thoải mái là được. Chỉ cần cứ để cửa mở là em sẽ nghe được thôi.”

Bà cứ thế nhìn xuống ông một hồi lâu, và ông cứ thế nhìn lên bà, cả hai không ai nói gì. Rồi bà quay vào trong, và ông Gardner trông có vẻ thất vọng, mặc dù chính ông đã khuyên bà như thế. Ông cúi gục đầu và buông tiếng thở dài lần nữa, và tôi có thể đoán ông đang do dự có nên tiếp tục hay không. Thế nên tôi nói:

“Nào, ông Gardner, chúng ta bắt đầu thôi. Hãy bắt đầu ‘By the time I get to Phoenix’.”

Và tôi dạo khe khẽ một đoạn ngắn mở đầu, chưa vào phách, theo kiểu có thể bắt vào bài hát mà cũng có thể dễ dàng tan đi. Tôi cố làm cho tiếng đàn gọi lên nước Mỹ, quán bên đường buồn bã, đường cao tốc rộng dài, và tôi nghĩ lúc ấy tôi cũng nhớ cả về mẹ, về những lần tôi vào phòng thấy mẹ ngồi trên xô pha nhìn chăm chăm bìa đĩa hát có hình một con đường Mỹ, hoặc có khi hình ca sĩ ngồi trên chiếc xe hơi Mỹ. Ý tôi là, tôi cố gắng chơi sao cho nếu mẹ tôi nghe được, bà cũng sẽ nhận ra bài hát đến từ thế giới ấy, thế giới vẽ trên bìa đĩa.

Rồi trước khi tôi nhận ra, trước khi tôi kịp vào một phách đều đặn nào, ông Gardner bắt đầu hát. Tư thế ông đứng, trên chiếc thuyền *gondola*, khá chênh vênh, khiến tôi chỉ sợ ông có thể mất thăng bằng bất kỳ lúc nào. Nhưng giọng ông vẫn hết như tôi còn nhớ - dịu dàng, gần như khàn khàn, nhưng với một âm lượng mãnh liệt, như phát ra qua một chiếc micro vô hình. Và cũng như mọi ca sĩ Mỹ tài danh, giọng hát ông có vẻ mệt mỏi, thậm

chí có nét lưỡng lự, như thể người đàn ông ấy không quen phơi trần trái tim như thế này. Mọi nghệ sĩ lớn đều như thế.

Chúng tôi đi trọn bài hát ấy, bài hát chỉ gồm lên đường và tiễn biệt. Người đàn ông Mỹ rời bỏ người tình. Anh ta nghĩ đến cô trong lúc đi qua hết thị trấn này đến thị trấn khác, hết lời này sang lời khác, Phoenix, Albuquerque, Oklahoma, cho xe chạy trên con đường dài mẹ tôi sẽ không bao giờ được thấy. Giá mà chúng ta có thể bỏ lại mọi thứ sau lưng như này - tôi đoán chừng mẹ tôi đã nghĩ vậy. Giá mà nỗi buồn cũng được thế này.

Chúng tôi kết thúc bài hát và ông Gardner nói: “Được rồi, giờ chúng ta sang thẳng bài sau. ‘I fall in love too easily’.”

Đây là lần đầu đệm cho ông Gardner, tôi phải mày mò khá nhiều cho khớp, nhưng chúng tôi cũng chơi khá được. Sau câu chuyện ông kể về bài hát này, tôi liên tục nhìn lên khung cửa, nhưng không có dấu hiệu gì của bà Gardner, không bóng người, không tiếng động, không gì cả. Rồi chúng tôi cũng chơi xong, và yên tĩnh cùng bóng tối trùm lên bốn bề. Đâu đó gần đây, tôi nghe có người hàng xóm nào đẩy tung cửa sổ, có lẽ để nghe rõ hơn. Nhưng không có gì từ cửa sổ bà Gardner.

Chúng tôi chơi “One for my baby” thật chậm, gần như không ra phách, rồi tắt cả lại trở về yên lặng. Chúng tôi vẫn nhìn lên cửa sổ, rồi cuối cùng, có lẽ phải sau một phút, chúng tôi đã nghe. Tiếng động chỉ vừa đủ nghe, nhưng không thể nhầm được. Bà Gardner trên đó đang khóc.

“Thành công rồi, ông Gardner!” tôi thì thầm. “Thành công rồi. Chúng ta đã chạm tới trái tim bà ấy.”

Nhưng ông Gardner không có vẻ hài lòng. Ông lắc đầu mệt mỏi, ngồi xuống và ra hiệu cho Vittorio. “Đưa chúng tôi qua bên kia. Đã đến lúc tôi vào.”

Khi chiếc thuyền lại bắt đầu đi, tôi nghĩ ông tránh nhìn sang tôi, gần như thể ông xấu hổ vì những gì chúng tôi vừa làm, và tôi bắt đầu nghĩ có thể toàn bộ chuyện này là một trò đùa ác. Cứ như tôi thấy, ba bài hát này đều ám chỉ những điều khủng khiếp đối với bà Gardner. Thế nên tôi cắt cây ghi ta đi và ngồi đó, có lẽ hơi ủ rũ, và chúng tôi đi trong tình trạng đó hồi lâu.

Rồi chúng tôi ra đến một đoạn kênh rộng hơn nhiều, và lập tức đã có

một chiếc thuyền khách từ phía đối diện vọt qua chúng tôi, tạt sóng dưới con thuyền. Nhưng chúng tôi đã gần tới thềm tòa biệt thự của ông Gardner, và trong khi Vittorio cho thuyền trôi về bên, tôi nói:

“Ông Gardner, ông đã đóng vai trò quan trọng trong tuổi trưởng thành của tôi. Và đêm nay đối với tôi là một đêm đặc biệt. Nếu chúng ta cứ thế chia tay và tôi không bao giờ gặp lại ông, tôi biết từ giờ đến cuối đời tôi sẽ băn khoăn mãi. Thế nên ông Gardner, xin ông nói cho tôi. Vừa rồi bà Gardner khóc là vì bà vui hay vì bà buồn bực?”

Tôi không nghĩ ông sẽ trả lời. Trong ánh sáng mờ mờ, ông chỉ là một bóng dáng gù gù ở mũi thuyền. Nhưng trong lúc Vittorio buộc thuyền lại, ông trả lời lặng lẽ:

“Tôi nghĩ bà ấy vui lòng được nghe tôi hát như vậy. Nhưng bà ấy buồn bực, tất nhiên. Cả hai chúng tôi đều buồn bực. Hai mươi bảy năm là một quãng đường dài và sau chuyến đi này chúng tôi sẽ chia tay. Đây là lần cuối cùng chúng tôi đi cùng nhau.”

“Thật đáng tiếc phải nghe điều này, ông Gardner ạ,” tôi nhẹ nhàng nói. “Tôi nghĩ rất nhiều cuộc hôn nhân cuối cùng sẽ kết thúc, kể cả là sau hai mươi bảy năm. Nhưng ít nhất hai người cũng có thể chia tay như thế này. Trong kỳ nghỉ ở Venice. Sau bài hát từ chiếc *gondola*. Không có nhiều cặp vợ chồng bỏ nhau mà vẫn giữ được lịch sự như thế.”

“Nhưng có gì đâu mà không lịch sự? Chúng tôi vẫn còn yêu nhau. Vì thế bà ấy mới khóc trong phòng. Bởi bà ấy vẫn còn yêu tôi nhiều như tôi vẫn yêu bà ấy.”

Vittorio đã bước lên bến tàu, nhưng ông Gardner và tôi vẫn ngồi trong bóng tối. Tôi chờ ông nói gì thêm, và tất nhiên, chỉ sau một lúc, ông nói tiếp:

“Tôi đã nói với anh, lần đầu nhìn thấy Lindy tôi đã yêu bà ấy. Nhưng hỏi bà ấy bà ấy có yêu tôi không? Tôi rất ngờ có bao giờ bà ấy tự hỏi mình điều đó. Tôi là một ngôi sao, thế là đủ với bà ấy. Tôi là đối tượng bà ấy đã mơ, đã đặt quyết tâm giành được từ quán ăn ngày nào. Yêu hay không yêu tôi không phải là câu hỏi. Nhưng hai mươi bảy năm hôn nhân có những tác động lạ lùng. Có rất nhiều đôi, bắt đầu thì yêu nhau, rồi dần dần chán nhau, cuối cùng xoay ra ghét nhau. Nhưng cũng có lúc ngược lại. Phải mất vài năm, nhưng từng chút một Lindy bắt đầu yêu tôi. Ban đầu tôi không dám tin điều

đó, nhưng đến một lúc không thể không tin được nữa. Bàn tay chạm khẽ vào vai tôi khi đứng dậy từ bàn ăn. Nụ cười ngồ ngồ từ đầu kia phòng khi không có chuyện gì đáng cười, chỉ là bà ấy quẩn quanh. Tôi nghĩ bà ấy cũng ngạc nhiên chẳng kém, nhưng sự tình là thế. Sau năm hay sáu năm, chúng tôi thấy mình đã hoàn toàn thoải mái với nhau. Thấy mình lo lắng cho nhau, quan tâm đến nhau. Tôi đã nói, chúng tôi đã yêu nhau. Và chúng tôi vẫn còn yêu nhau đến bây giờ.”

“Tôi không hiểu, thưa ông Gardner. Vậy tại sao ông và bà Gardner lại chia tay?”

Ông lại thêm một tiếng thở dài. “Làm thế nào anh hiểu, anh bạn trẻ, với những kinh nghiệm của anh? Nhưng đêm nay anh đã rất tốt với tôi, nên tôi sẽ thử giải thích cho anh. Sự tình là, tôi không còn là tên tuổi lừng lẫy ngày xưa nữa. Anh cứ việc phản đối, nhưng ở cái nơi của tôi, không cách nào tránh được chuyện đó. Tôi không còn là người tên tuổi. Giờ một là tôi có thể chỉ việc chấp nhận và cứ thế mờ đi. Sống bằng hào quang quá khứ. Hoặc tôi có thể nói, không, tôi chưa phải đã bỏ đi. Nói cách khác, anh bạn ạ, tôi có thể làm một cú quay lại. Hàng chục người đã làm thế từ vị trí tôi hiện giờ hoặc thậm chí thấp hơn. Nhưng quay lại không phải chuyện dễ dàng. Anh phải sẵn sàng thực hiện rất nhiều thay đổi, kể cả những thay đổi khó khăn. Anh thay đổi con người anh. Anh thay đổi cả một vài thứ anh yêu.”

“Ông Gardner, ý ông là hai người phải chia tay để ông làm cái việc quay lại này?”

“Anh cứ nhìn những người kia, những người quay lại thành công. Nhìn những người từ thế hệ tôi vẫn còn trụ lại. Tất cả không trừ một ai, họ đều cưới vợ mới. Hai lần, có người ba lần. Không trừ một ai, ôm vợ trẻ trong tay. Tôi với Lindy sẽ chỉ thành trò cười. Thêm nữa, có một cô gái tôi đã để ý từ lâu, và cô ấy cũng để ý tôi. Lindy hiểu rõ luật chơi. Bà ấy biết điều ấy trước tôi từ lâu, có thể thậm chí từ những ngày ở quán ăn nghe Meg nói chuyện. Chúng tôi đã bàn bạc xong. Bà ấy hiểu bây giờ là lúc ai đi đường nấy.”

“Tôi vẫn không hiểu, ông Gardner. Cái nơi của ông và bà Gardner không thể khác biệt đến thế với mọi nơi khác được. Đây là vì sao, thưa ông, đây là vì sao những bài hát của ông từ bao nhiêu năm nay, chúng làm rung động lòng người khắp mọi nơi. Kể cả nơi tôi từng sống. Mà những bài hát ấy nói gì? Rằng nếu hai con người không yêu nhau nữa và họ phải chia tay, như

thể thật buồn. Nhưng nếu họ vẫn tiếp tục yêu nhau, họ cần phải ở với nhau trọn đời. Mọi bài hát của ông đều nói như thế.”

“Tôi hiểu anh nói gì, anh bạn. Và chuyện này có vẻ tàn nhẫn với anh, tôi hiểu. Nhưng đời là như thế. Và nghe tôi, đây cũng là vì Lindy nữa. Bà ấy sẽ được lợi nhất nếu chúng tôi làm thế lúc này. Bà ấy còn lâu mới đến lúc già. Anh nhìn thấy rồi đấy, bà ấy vẫn còn rất đẹp. Bà ấy cần thoát ra bây giờ, trong khi còn đủ thời gian. Đủ để lại có tình yêu, có một cuộc hôn nhân mới. Bà ấy cần thoát ra trước khi quá muộn.”

Tôi không biết mình phải trả lời thế nào, nhưng rồi ông khiến tôi bất ngờ khi nói: “Mẹ của anh. Tôi nghĩ bà ấy không bao giờ thoát ra được.”

Tôi ngẫm nghĩ, rồi lặng lẽ đáp: “Không, thưa ông Gardner. Mẹ tôi không bao giờ thoát ra được. Mẹ không sống được đến lúc chứng kiến những thay đổi trên đất nước tôi.”

“Thật đáng buồn. Tôi nghĩ bà ấy hẳn là một người rất tốt. Nếu anh đã kể sự thực, và những bài hát của tôi giúp bà vui, điều ấy với tôi có ý nghĩa rất nhiều. Thật đáng buồn là bà không thoát ra được. Tôi không muốn điều đó xảy ra với Lindy của tôi. Không đời nào. Không phải với Lindy của tôi. Tôi muốn Lindy của tôi thoát ra được.”

Chiếc *gondola* dập dềnh va nhẹ vào cầu tàu. Vittorio khẽ lên tiếng gọi, chìa tay, và sau vài giây ông Gardner đã đứng được dậy và trèo ra. Đến lúc tôi cùng cây đàn cũng trèo ra được - tôi sẽ không đời nào xin xỏ Vittorio chớ đi miễn phí - thì ông Gardner đã rút ví ra.

Vittorio có vẻ hài lòng với khoản tiền nhận được, và sau những cử chỉ và lời nói văn hoa thường lệ, anh ta trở lại thuyền và dong đi dọc kênh.

Chúng tôi nhìn anh ta biến vào bóng tối, rồi trong chớp mắt, ông Gardner đã dúi một xấp tiền vào tay tôi. Tôi bảo ông từng này là quá nhiều, và chẳng nào được làm việc này cũng đã là một ân huệ lớn đối với tôi, nhưng ông nhất định không chịu rút lại.

“Không được, không được,” ông nói, khua khua tay trước mặt, như thể ông muốn cắt đứt, không phải chỉ chuyện tiền bạc, mà cả tôi, buổi tối nay, có thể cả phần đời ấy. Ông bắt đầu bước đi về phía tòa biệt thự, nhưng mới vài bước ông đã dừng mà quay lại nhìn tôi. Con phố nhỏ xung quanh, dòng

kênh, tất cả giờ đây yên lặng, chỉ có tiếng ti vi đầu đó xa xa.

“Tôi nay anh chơi hay lắm, anh bạn,” ông nói. “Anh có một nét riêng.”

“Cám ơn ông Gardner. Ông hát rất tuyệt vời. Luôn luôn tuyệt vời.”

“Có thể tôi sẽ quay lại quảng trường trước khi chúng tôi đi. Nghe anh chơi cùng ban nhạc lần nữa.”

“Tôi mong được thế, thưa ông Gardner.”

Nhưng tôi không bao giờ gặp lại ông. Tôi nghe tin vài tháng sau, khi thu tới, rằng ông bà Gardner đã ly dị - một hầu bàn quán Florian đọc được đầu đó nói với tôi. Buổi tối hôm ấy lại quay về trong tôi, khiến tôi hơi buồn khi nghĩ lại mọi chuyện. Bởi ông Gardner có vẻ là một người đứng đắn ra trò, và cho dù anh nghĩ về chuyện đó ra sao, có quay lại hay chẳng, ông vẫn là một trong các thiên tài.

Mưa đến hay nắng đến

Cũng như tôi, Emily ưa những bài hát Mỹ Broadway ngày xưa. Cô thì chuộng những bài rộn ràng, kiểu “Cheek to cheek” của Irving Berlin hay “Begin the beguine” của Cole Porter, trong khi tôi thiên về những bản ballad dịu dàng thấm thía, như “Here’s that rainy day” hay “It never entered my mind”. Nhưng phần trùng nhau cũng khá đáng kể, mà dù gì thì, hồi đó, trong một trường đại học ở miền Nam nước Anh, tìm được một người cùng chia sẻ sở thích này cũng gần như một phép màu. Bây giờ giới trẻ có thể nghe mọi loại nhạc. Cháu tôi chuẩn bị vào đại học mùa thu này, nó đang trong thời kỳ tango Argentina. Nó cũng nghe cả Edith Piaf với vô số ban indie mới ra rành nữa. Nhưng thời tôi món ăn tinh thần không đa dạng đến vậy. Sinh viên như tôi chủ yếu thuộc một trong hai loại: nhóm hippie tóc dài áo quần phấp phới nghe “rock cấp tiến”, và nhóm đồ tuýt chải chuốt coi bất cứ thứ gì không phải nhạc cổ điển đều là tiếng bò rống. thỉnh thoảng cũng gặp được một người tự nhận mình nghe jazz, nhưng rốt cuộc đều thành ra loại nửa nọ nửa kia - những biến tấu bất tận không tôn trọng tí nào các nguyên bản trau chuốt của chúng.

Vì thế tôi hơi lòng khi gặp được một người nữa, mà lại là con gái, biết quý Great American Songbook. Cũng như tôi, Emily gom nhặt những đĩa than các bài cơ bản thể hiện bằng giọng hát tinh tế, không màu mè - thường bán rẻ mạt ở những cửa hàng lạc xoong, sau khi bị cha mẹ chúng tôi quẳng ra xó cửa. Cô hâm mộ Sarah Vaughan và Chet Baker. Tôi thì thích Julie London và Peggy Lee. Cả hai đều không hào hứng mấy với Sinatra hay Ella Fitzgerald.

Năm ấy là năm nhất, Emily sống trong ký túc, phòng cô có một máy quay đĩa loại nhỏ, hồi ấy khá thông dụng. Trông nó giống một hộp đựng mũ lớn, các mặt giả da lam nhạt và một loa gắn sẵn. Chỉ khi nhấc nắp lên mới nhìn thấy được mặt quay đặt ở trong. Âm thanh của nó so với tiêu chuẩn ngày nay thì khá sơ đẳng, nhưng tôi vẫn nhớ chúng tôi đã châu đầu quanh cái máy ấy hân hoan suốt nhiều giờ, nhấc mũi kim khỏi một rãnh, thận trọng hạ xuống một rãnh khác. Chúng tôi thích nghe liên tục một bài do nhiều người hát, rồi tranh cãi về lời bài hát, hay về cách thể hiện của ca sĩ. Có thật câu này nên hát với một giọng mỉa mai thế không? “Georgia on my mind” sẽ

hay hơn nếu coi Georgia là người đàn bà hay là địa danh ở Mỹ? Chúng tôi hết sức hài lòng mỗi lần tìm được một đĩa - như Ray Charles hát “Come rain or come shine” chẳng hạn - khi lời bài hát có vẻ rất vui, nhưng cách ca sĩ hát thì tuyệt đối bi lụy.

Emily say mê những đĩa hát ấy là chuyện hiển nhiên đến nỗi tôi vẫn sững sốt mỗi khi bắt gặp cô nói chuyện với những sinh viên khác về một ban nhạc rock điệu đàng hay một tay ca sĩ viết nhạc California óc rỗng. Thịnh thoảng, cô còn tranh luận về một anbum “ý niệm” theo cùng một giọng như khi nói chuyện với tôi về Gershwin hay Howard Arlen, và tôi cần môi để giấu mình đang bực bội.

Hồi ấy Emily thanh mảnh, rất xinh đẹp, và nếu không phải cô đã chọn Charlie không lâu sau khi vừa bắt đầu sự nghiệp trường lớp, tôi chắc cô phải có một bầy con trai bám đuôi theo. Nhưng cô không phải loại người đồng đánh hay là lơ, nên khi cô đã đi với Charlie rồi thì những hâm mộ viên khác đều bỏ cuộc.

“Đây là lý do duy nhất tớ còn giữ Charlie ở bên mình,” có lần cô bảo tôi, nét mặt hết sức nghiêm chỉnh, rồi phá lên cười khi thấy tôi điếng người. “Nói đùa thôi, đồ ngốc. Charlie là tình yêu, tình yêu, tình yêu của tớ.”

Charlie là bạn thân nhất của tôi ở trường. Năm nhất ấy, chúng tôi cặp kè với nhau mọi nơi mọi lúc và tôi quen Emily là vì thế. Tới năm hai, Charlie và Emily cùng bạn thuê chung một ngôi nhà trong thành phố và dù tôi đến thăm họ thường xuyên song những cuộc chuyện trò với Emily bên chiếc máy quay đã trở thành quá khứ. Mới đầu là mỗi lần tôi ghé qua đã có vài sinh viên khác ngồi đó, tán chuyện và đùa cợt, thứ nữa là bây giờ có một bộ dàn stereo thứ xịn gầm rú nhạc rock khiến người ta phải hét lên mới nghe thấy nhau.

Charlie và tôi vẫn chơi thân trong những năm sau đó. Chúng tôi không gặp nhau nhiều như trước, nhưng chủ yếu là do ở xa. Tôi đã ở đây, ở Tây Ban Nha vài năm, lại cả Ý và Bồ Đào Nha nữa, trong khi Charlie từ trước đến giờ vẫn ở Luân Đôn. Nhưng nếu nghe thế mà nghĩ tôi thuộc loại bay nhảy còn cậu ấy bó gối trong nhà thì sẽ buồn cười lắm. Bởi thực ra Charlie mới là người bay đi khắp nơi - Texas, Tokyo, New York - tới những cuộc họp cấp cao, trong khi tôi quanh quẩn trong tòa nhà âm mốc năm này qua năm khác, chắm những bài tập đánh vần hay nhắc đi nhắc lại một bài hội

thoại bằng thứ tiếng Anh tua chậm. Tên-tôi-là-Ray. Tên-anh-là-gì? Anh-có-con-không?

Khi tôi quyết định dạy tiếng Anh sau khi tốt nghiệp, cuộc đời có vẻ khá suôn sẻ - gần như cuộc sống sinh viên kéo dài. Các trường dạy tiếng đang bùng nổ khắp châu Âu, và tuy việc dạy học có nhạt nhẽo và những giờ dài có nhọc nhằn, ở tuổi ấy người ta không lo nghĩ lắm. Anh bỏ thời gian trong bar là chính, bạn bè dễ kiếm, lại còn cảm giác anh thuộc về cái mạng lưới rộng lớn trải khắp hoàn cầu. Anh gặp những người vừa chân ướt chân ráo từ Peru hay Thái về, khiến anh nghĩ chỉ cần muốn là anh có thể phiêu du quanh thế giới vô hạn định, nhờ những quan hệ này mà kiếm một việc làm ở bất cứ góc địa cầu nào anh thích. Và anh sẽ luôn luôn là một thành viên của cái gia đình đông đúc, ấm cúng toàn những giáo viên lưu động này, gạt gù bên ly kể cho nhau chuyện những cựu đồng nghiệp, những hiệu trưởng khùng, những chuyên viên Hội đồng Anh lập dị.

Đạo cuối thập kỷ 80, có lời đồn về cơ hội kiếm tiền rất dễ ở Nhật, và tôi đã nghiêm túc tính chuyện sẽ đi, nhưng rốt cuộc không làm được. Tôi cũng đã nghĩ đến Brazil, thậm chí còn đọc mấy quyển sách về nền văn hóa ở đó và gửi thư xin mẫu đăng ký. Nhưng không hiểu sao cuối cùng cũng không thành. Miền Nam nước Ý, Bồ Đào Nha một thời gian, rồi về lại Tây Ban Nha. Rồi ngoảnh đi ngoảnh lại, anh đã bốn mươi bảy, và lớp người đồng lứa với anh thưở đầu đã từ lâu bị thay bằng một thế hệ mới chuyện gẫu về những đề tài khác, chơi những thứ độc dược khác và nghe những loại nhạc khác.

Trong thời gian đó, Charlie và Emily đã lấy nhau và ổn định ở Luân Đôn. Charlie từng bảo tôi, khi hai người có con tôi sẽ làm bố đỡ đầu cho một đứa. Nhưng chuyện đó cũng không xảy ra. Ý tôi là, đứa bé không ra đời, và đến giờ tôi nghĩ là đã muộn. Tôi phải thừa nhận, tôi luôn thấy hơi thất vọng về chuyện đó. Có lẽ tôi vẫn tưởng tượng rằng đỡ đầu cho một đứa con của họ sẽ tạo ra mối liên hệ chính thức, dù mong manh đến đâu, giữa cuộc sống của họ ở Anh và tôi ở đây.

Dù sao thì, đầu hè này tôi đã đến Luân Đôn ở với họ. Chuyến đi đã được sắp xếp ổn thỏa từ trước, và khi tôi gọi điện kiểm tra lại vài ngày trước khi đi, Charlie có bảo họ “cực kỳ hết sức ổn”. Vì thế tôi không còn lý do nào để trông đợi chuyện gì hơn là xả láng và thả lỏng sau một vài tháng không thể gọi là tươi đẹp nhất trong đời.

Sự thực là khi bước lên khỏi ga tàu điện ngầm gần nhà họ vào cái ngày nắng đẹp ấy, đầu tôi chỉ nghĩ xem liệu đã có những sửa sang gì cho phòng ngủ “của tôi” kể từ chuyến thăm trước. Trong suốt những năm qua, hầu như bao giờ cũng có một cái gì đó. Lúc thì là một món đồ điện tử sáng loáng trong góc phòng, lúc khác cả căn phòng được trang trí lại. Lần nào cũng vậy, gần như đã thành quy tắc, căn phòng sẽ được chuẩn bị cho tôi đúng y như một khách sạn hạng sang: khăn tắm để sẵn, hộp bánh quy đầu giường, một chồng CD trên bàn gương. Vài năm trước, Charlie dẫn tôi vào phòng và với vẻ tự hào hờ hững bắt đầu bật tanh tách các loại công tắc, khiến đủ thứ đèn giấu kín đáo bật rồi lại tắt: đằng sau tấm đầu giường, trên nóc tủ áo vân vân. Một công tắc khác đánh thức một tiếng rì rì, thế là mảnh mảnh từ từ hạ xuống trước hai cửa sổ.

“Nghe này, Charlie, tôi cần mảnh làm gì mới được chứ?” lúc đó tôi hỏi. “Tôi muốn nhìn ra ngoài khi tỉnh dậy. Chỉ cần rèm là được rồi.”

“Mảnh Thụy Sĩ đấy,” cậu ta đáp, cứ như thế là giải thích xong.

Nhưng lần này Charlie dẫn tôi lên cầu thang vừa đi vừa lúng búng, và khi đến phòng tôi, tôi nhận ra là cậu ta đang xin lỗi. Rồi tôi nhìn thấy căn phòng ở một tình trạng chưa bao giờ gặp. Giường để trần, tấm nệm lóm đóm và lệch xẹo. Trên sàn để từng chồng tạp chí và sách cũ, hàng búi quần áo cũ, một cây gậy hockey và thùng loa đồ nghiêng. Tôi dừng lại trên bậc cửa trở mắt nhìn trong lúc Charlie dọn chỗ cho tôi để túi.

“Trông cậu cứ như sắp đòi gặp người quản lý nhà,” cậu ta chua chát nói.

“Không, không. Chỉ là trông nó không giống như mọi khi.”

“Cái chuồng lợn, mình biết, chuồng lợn.” Cậu ta ngồi xuống đệm thờ dài. “Tôi cứ nghĩ mấy con nhỏ lau dọn đã phải xong phòng này rồi. Giờ thì rõ ràng là chưa. Chúa biết tại sao.”

Trông cậu ta rất phiền muộn, nhưng thỉnh linh cậu ta lại bật dậy.

“Thế này, chúng ta ra ngoài ăn trưa. Tôi sẽ để giầy lại cho Emily. Chúng ta có thể ăn một bữa trưa bình thản từ tốn và đến lúc ta về thì phòng cậu - thì cả căn hộ - sẽ xong.”

“Nhưng chúng ta không thể bắt Emily dọn dẹp hết được.”

“Ồ, cô ấy chẳng làm đâu. Cô ấy sẽ tóm được bọn lau dọn. Cô ấy biết làm cách nào truy ra chúng nó. Tôi thì đến số của chúng nó cũng không có. Ăn trưa thôi, đi ăn trưa thôi. Từ điếm tâm đến tráng miệng, chai vang nữa, đầy đủ.”

Cái mà Charlie gọi là căn hộ của họ thực tế là hai tầng trên của một căn nhà liên kế bốn tầng trên một con phố giàu có nhưng ồn ã. Chúng tôi ra khỏi cửa chính là đâm ngay vào một luồng người xe cuồn cuộn. Tôi đi theo Charlie qua hết cửa hàng này đến cơ quan khác đến một nhà hàng Ý xinh xắn. Chúng tôi chưa đặt chỗ trước, nhưng bồi bàn chào Charlie như bạn bè và đưa chúng tôi đến bàn. Nhìn quanh một vòng tôi thấy ở đây toàn dạng doanh nhân com lê ca vát, và lấy làm mừng vì Charlie trông cũng nhàu nhĩ như tôi. Chắc cậu ta cũng đoán được tôi đang nghĩ gì, vì ngòi vừa âm chỗ cậu ta đã nói:

“Ôi, trông cậu nhà quê quá, Ray ạ. Dù sao thì mọi thứ cũng thay đổi rồi. Cậu đi xa tổ quốc lâu quá.” Rồi cao giọng một cách nguy hiểm: “*Chúng mình* trông như những kẻ làm nên. Mọi kẻ khác quanh đây giống như bọn tay sai của sếp lớn.” Rồi cậu ta nghiêng người về phía tôi nói nhỏ lại: “Thế này, chúng ta cần nói chuyện. Tôi cần xin cậu một cái ơn.”

Tôi không nhớ lần cuối Charlie nhờ tôi giúp là khi nào nếu có, nhưng tôi cũng gật đầu bình thản và đợi. Cậu ta xoay tờ thực đơn mấy giây, rồi đặt xuống.

“Thực tình là, Emily và tôi đang ở trong thời kỳ hơi lục đục. Sự thực là, dạo gần đây, chúng tôi hoàn toàn tránh mặt nhau. Vì thế lúc này cô ấy mới không ở nhà đón cậu. Hiện giờ, tôi e là cậu sẽ phải chọn một trong hai người chúng tôi. Cũng gần như những vở kịch có một diễn viên đóng hai vai ấy. Cậu không thể có cả tôi lẫn Emily trong phòng cùng một lúc. Khá trẻ con, phải không?”

“Rõ ràng tôi đến lúc này là không hợp. Tôi sẽ đi ngay, ăn trưa xong là đi. Tôi sẽ ở với dì Katie ở Finchley.”

“Cậu nói chuyện gì vậy? Cậu không nghe à? Tôi vừa nói xong. Tôi xin cậu một cái ơn.”

“Tôi nghĩ đây chỉ là cách nói...”

“Không, đồ ngốc, *tôi* mới là đứa cần biến đi. Tôi phải dự một cái họp ở Frankfurt, tôi sẽ bay chiều nay. Hai hôm nữa về, muộn nhất là thứ Năm. Trong lúc đó thì cậu ở đây. Cậu dàn xếp mọi thứ, khiến cho mọi việc ổn thỏa. Rồi tôi quay lại, cười chào hôn hờ, hôn cô vợ thân yêu, và chúng tôi nói lại từ quãng đứt.”

Đến câu này thì cô phục vụ đến nghe chúng tôi gọi món, và khi cô ta đi Charlie có vẻ ngần ngại không muốn quay lại đề tài này. Thay vào đó, cậu ta dúi xuống tôi câu hỏi về cuộc sống ở Tây Ban Nha, và mỗi lần tôi kể lại điều gì, dù tốt hay tồi, cậu ta lại nhếch cái nụ cười chua chát và lắc đầu, như thể tôi vừa khẳng định những gì cậu ta vẫn sợ. Có một lúc tôi định kể mình đã tiến bộ trong vai trò đầu bếp ra sao - tôi đã gần như đơn thương độc mã nấu bữa buýp phê Giáng sinh cho hơn bốn chục học sinh và giáo viên - nhưng cậu ta ngắt lời tôi.

“Nghe tôi nói này,” cậu ta bảo. “Tình trạng của cậu là tuyệt vọng rồi. Cậu cần nộp giấy thôi việc đi thôi. Nhưng trước hết cậu cần tìm được một việc mới đã. Cái gã trầm cảm Bồ Đào Nha này, coi hẳn như kẻ môi giới. Chắc chân ở chỗ làm Madrid, rồi vứt bỏ căn hộ đi. Được rồi, cậu làm những việc này. Một là...”

Cậu ta giơ bàn tay và bắt đầu gập từng ngón trong lúc xướng những bước tôi cần làm. Đồ ăn đến trong lúc vẫn còn vài ngón tay nữa, nhưng cậu ta phớt lờ và tiếp tục cho đến hết. Rồi đến lúc bắt đầu ăn cậu ta bảo:

“Tôi biết là cậu sẽ chẳng làm một việc nào.”

“Không, không, cậu nói cái gì cũng rất có lý.”

“Cậu sẽ về đó và sống tiếp như cũ thôi. Rồi chúng ta sẽ lại ở đây giờ này năm sau và cậu sẽ lại rên rỉ về chính những chuyện đó.”

“Tôi đâu có rên rỉ...”

“Cậu biết đấy, Ray, người khác chỉ có thể khuyên cậu đến mức ấy thôi. Tới một lúc nào đó, cậu cần phải tự quản lấy đời mình.”

“Được rồi, tôi sẽ làm, tôi hứa. Nhưng lúc này cậu đang nói dở gì ấy nhỉ, một cái ơ...”

“À, phải.” Cậu ta nhai một cách tư lự. “Thành thật mà nói, đây mới là động cơ chính tôi mời cậu sang. Tất nhiên, gặp cậu thì rất mừng và vân vân. Nhưng với tôi, việc chính là, tôi muốn cậu giúp tôi việc này. Dù sao thì cậu cũng là bạn lâu năm nhất của tôi, bạn cả đời...”

Đột nhiên cậu ta lại cúi xuống ăn, và tôi sững sốt nhận ra cậu ta đang khe khẽ khóc. Tôi đưa tay qua bàn chạm nhẹ vào vai cậu, nhưng cậu ta không ngừng lùa pasta vào miệng và không ngẩng đầu lên. Cứ như thế chừng một phút hay hơn, tôi lại đưa tay ra chạm khẽ thêm cái nữa, nhưng lần này cũng không hơn gì lần đầu. Rồi cô phục vụ xuất hiện với nụ cười tươi rói hỏi về thức ăn. Cả hai chúng tôi đều nói thức ăn tuyệt hảo và khi cô ta rời đi, Charlie có vẻ tương đối ổn.

“Được rồi, Ray, thế này. Việc tôi muốn nhờ cậu cực kỳ đơn giản. Tôi chỉ cần cậu ở bên Emily mấy ngày tới, làm một vị khách dễ mến. Thế thôi. Chỉ cần đến khi tôi quay lại.”

“Thế thôi à? Cậu chỉ nhờ tôi trông chừng cô ấy trong lúc cậu đi?”

“Thế đấy. Hoặc đúng hơn là, để cho cô ấy trông chừng cậu. Cậu là khách trong nhà. Tôi đã vạch ra mấy việc cho cậu làm. Vé xem hát và các loại khác. Tôi sẽ về muộn nhất là thứ Năm. Sứ mệnh của cậu chỉ là khiến cho cô ấy vui vẻ và giữ nguyên tâm trạng đó. Để cho lúc tôi về và nói, ‘Chào em yêu,’ và ôm cô ấy, cô ấy sẽ chỉ trả lời, ‘Chào anh yêu, mừng anh đã về, mọi việc thế nào,’ và ôm đáp lại tôi. Rồi chúng tôi có thể tiếp tục như trước kia. Trước khi cái chuyện khủng khiếp này xảy ra. Đây là sứ mệnh của cậu. Thực tình là khá đơn giản.”

“Tôi rất vui lòng làm mọi điều trong khả năng mình,” tôi nói. “Nhưng này, Charlie, cậu có chắc là cô ấy đang ở tâm trạng muốn tiếp đãi khách khứa không? Rõ ràng là hai người đang ở trong một dạng khủng hoảng. Cô ấy chắc cũng phải phiền muộn như cậu. Chân thành mà nói, tôi không hiểu tại sao cậu lại mời tôi sang đây đúng lúc này.”

“Cậu nói gì, cậu không hiểu à? Tôi mời cậu vì cậu là bạn lâu năm nhất của tôi. Được rồi, phải, tôi có một đồng bạn. Nhưng khi có chuyện như thế này, khi tôi nghĩ kỹ về việc đó, tôi nhận ra cậu là người duy nhất làm được.”

Tôi phải thừa nhận tôi có khá cảm động. Tuy thế, tôi vẫn cảm thấy có gì

đó chưa hẳn tường tận trong chuyện này, có gì đó cậu ta còn chưa nói với tôi.

“Tôi có thể hiểu tại sao cậu mời tôi ở lại nếu cả hai người cùng ở đó,” tôi nói. “Tôi có thể hình dung việc đó. Hai người không nói chuyện với nhau, cậu mời khách đến để đánh lạc hướng, cả hai đều cư xử lịch sự nhất có thể, băng bắt đầu tan. Nhưng như thế này thì sẽ không thành công, vì cậu không có ở đây.”

“Cứ làm thế cho tôi, Ray. Tôi nghĩ là có thể thành công. Emily lúc nào cũng vui vẻ khi có cậu.”

“Vui vẻ khi có tôi? Cậu biết mà, Charlie, tôi muốn giúp cậu. Nhưng có lẽ là cậu hơi nhầm chuyện này rồi. Bởi tôi có cảm giác là, nói thẳng nói thật, Emily không vui vẻ khi có tôi tí nào, ngay cả những lúc khá nhất. Mấy lần gần đây tôi đến, cô ấy... chà, nóng nảy ra mặt với tôi.”

“Nghe này, Ray, cứ tin tôi. Tôi biết tôi đang làm gì.”

Khi chúng tôi về tới nơi thì Emily đã ở trong căn hộ. Tôi phải thừa nhận, tôi ngạc nhiên khi thấy cô đã già đi đến thế. Không chỉ là cô đã lên cân thấy rõ kể từ lần gặp trước: khuôn mặt cô, ngày xưa duyên dáng trời ban, bây giờ trĩ xuống, hai khóe miệng vẽ một đường bất bình, như mặt một con chó bull. Cô đang ngồi trên ghế bành phòng khách đọc *Thời báo kinh tế*, và đứng dậy khá cau có khi tôi vào.

“Mừng gặp anh, Raymond,” cô nói, hôn phớt lên má tôi rồi lại ngồi xuống. Dáng vẻ cô khi làm động tác này khiến tôi chỉ chực bật ra một lời xin lỗi rồi rút vì đã xâm nhập chẳng phải lúc như vậy. Nhưng trước khi tôi kịp nói gì, cô đã đập vào mặt ghế bên cạnh cô và nói, “Nào, Raymond, ngồi xuống đây trả lời cho tôi. Tôi muốn biết cặn kẽ anh đã làm những gì.”

Tôi ngồi xuống và cô bắt đầu tra khảo tôi, không khác gì Charlie đã làm ở nhà hàng. Charlie, trong lúc đó, đang xếp đồ cho chuyến đi, ra rồi lại vào phòng tìm các thứ đồ đạc. Tôi để ý thấy họ không nhìn nhau, nhưng cũng không thật khó chịu khi cùng ở trong một phòng, không như cậu ta nói. Và dù hai người không trực tiếp nói với nhau câu nào, Charlie chốc lại xen vào cuộc nói chuyện một cách kỳ quặc, nửa gián tiếp. Chẳng hạn, khi tôi đang

giải thích cho Emily tại sao lại khó tìm được một người nữa thuê chung để giảm bớt tiền nhà, Charlie đứng từ trong bếp hét ra:

“Cái chỗ hần ta ở, chẳng qua nó không để ra cho hai người! Nó là nhà cho một người, và là một người có nhiều tiền hơn một chút so với những gì hần ta mơ tới!”

Emily không đáp lại, nhưng chắc đã tiếp thu thông tin này, vì sau đó cô nói: “Raymond, anh lẽ ra không nên chọn một căn hộ như thế.”

Cảnh tượng này tiếp diễn ít nhất hai mươi phút nữa, Charlie đóng góp vào câu chuyện từ cầu thang hay trên đường đi ngang qua để vào bếp, thường là hét vào một câu nói về tôi ở ngôi thứ ba. Có một lúc, Emily đột nhiên nói:

“Ôi, thật tình Raymond. Anh cho phép mình bị bóc lột từ chân lên đầu ở cái trường dạy tiếng kinh khủng đó, anh cho phép lão chủ nhà cướp trắng trợn của anh, và anh làm cái gì? Đan díu với một cô ả đàn độn rượu chè dờ dẩn và không có lấy cả việc làm để trang trải tiền rượu. Có vẻ như anh cố tình tìm cách chọc giận người nào vẫn còn lo lắng cho anh đấy phỏng!”

“Hần không thể hy vọng cái giống người đó còn chưa tuyệt chủng, mẹ kiếp!” Charlie rống lên trong hành lang. Tôi nghe thấy cậu ta đã lôi va li ra đến đây. “Có cư xử như trẻ vị thành niên một chục năm sau khi đã hết vị thành niên cũng không làm sao. Nhưng cứ tiếp tục như thế khi đã gần năm chục thì...!”

“Tôi mới có bốn mươi bảy...”

“Anh nói sao, anh *mới có* bốn mươi bảy?” Emily lớn giọng một cách không cần thiết khi tôi đang ngồi ngay cạnh. “*Mới có* bốn mươi bảy. Cái ‘mới có’ này chính là thứ hủy hoại đời anh đấy, Raymond. Mới có, mới có, mới có. Mới có bốn mươi bảy. Chẳng mấy chốc anh sẽ mới có *sáu mươi bảy* và vẫn giậm chân tại chỗ cố tìm lấy một cái hóc để nương thân!”

“Hần cần dọn mình lại!” Charlie hét lên từ đầu cầu thang. “Xấn tay áo lên đến khi chạm được lông nách, mẹ kiếp!”

“Raymond, anh không bao giờ dừng lại nghĩ xem mình là ai à?” Emily hỏi. “Khi anh nhớ lại một triển vọng đã có, anh không xấu hổ ư? Nhìn xem

anh sống như thế nào! Thật là... thật là bực mình hết chỗ nói! Nhìn anh mà thấy điên cả người!”

Charlie hiện ra trên bậc cửa, đã mặc áo mưa, và trong một lúc cả hai người cùng nhắm tòi mà la hét. Rồi Charlie dừng bất chợt, tuyên bố cậu ta đi đây - như thể đã phát ngậy tòi - và biến mất.

Cuộc xuất phát của cậu ta khiến tràng si vả của Emily ngưng ngang, và tòi lợi dụng dịp này đứng dậy mà bảo: “Xin lỗi, tòi ra giúp Charlie mang hành lý.”

“Việc gì phải giúp tòi mang hành lý?” Charlie đáp từ hành lang. “Tòi chỉ có mỗi một cái tòi.”

Nhưng cậu ta cũng cho tòi đi theo ra phố và bỏ tòi lại trông va li trong khi ra mép vỉa hè vẫy tắc xi. Không có vẻ gì là có cái nào sắp đến, và cậu ta vờn người ra lo âu, cánh tay treo trước mặt.

Tòi đến gần cậu ta bảo: “Charlie, tòi nghĩ chuyện này không ăn thua đâu.”

“Chuyện gì không ăn thua?”

“Emily rõ ràng là ghét tòi cùng cực. Mới gặp tòi vài phút mà đã thế. Ba ngày nữa thì cô ấy sẽ thế nào? Cậu tính sao mà lại nghĩ sẽ quay về trong hòa thuận và ánh sáng được?”

Ngay khi tòi vừa nói câu này, có thứ gì đó lơ mờ hiện ra trong tòi và tòi lặng yên. Nhận ra có thay đổi, Charlie quay lại nhìn tòi chăm chú.

“Tòi nghĩ là,” cuối cùng tòi nói, “tòi đã hiểu tại sao lại phải là tòi chứ không ai khác rồi.”

“A ha. Ray đã nhìn ra ánh sáng rồi, phải chằng?”

“Phải, có lẽ là thế.”

“Nhưng có sao đâu? Không có gì thay đổi, tuyệt đối không có gì, chuyện tòi muốn nhờ cậu ấy.” Bây giờ mắt cậu ta lại dâng nước. “Cậu có nhớ không, Ray, ngày xưa Emily luôn nói rằng cô ấy tin tưởng tòi? Cô ấy

nói thể suốt nhiều năm ròng. Em tin tưởng anh, Charlie, anh có thể lên đến đỉnh cao, anh có tài thực sự. Cho đến cách đây ba, bốn năm, cô ấy vẫn còn nói thể. Cậu có biết nó thành ra nhúc óc đến thể nào không? Tôi làm ăn ổn thỏa. Tôi *vẫn* đang làm ăn ổn thỏa. Cực kỳ tốt đẹp. Nhưng cô ấy cứ nghĩ tôi phải thành... Chúa trời ơi, thành tổng thống toàn thế giới hay gì đó, mẹ nó! Tôi chỉ là một gã bình thường đang làm ăn ổn thỏa thôi. Nhưng cô ấy không chịu hiểu thể. Đây là cốt lõi của vấn đề, cốt lõi của mọi thứ đã đi xuống dốc.”

Cậu ta bắt đầu bước chậm chậm dọc hè phố, chìm đắm trong suy nghĩ. Tôi hồi hải quay lại lấy va li mà kéo nó theo trên bánh xe. Phố còn khá đông nên tôi vất vả mới bắt kịp cậu ta mà không khiến va li đâm sầm vào những khách bộ hành khác. Nhưng Charlie cứ bước đều đều, không để ý đến khó khăn của tôi.

“Cô ấy nghĩ tôi đã buông thả mình,” cậu ta vẫn nói. “Nhưng đâu có thể. Tôi vẫn đang làm ăn phát đạt. Chân trời tí tấp là một điều tốt đẹp khi anh còn trẻ. Nhưng đến tuổi này rồi thì anh phải... anh phải có được một góc nhìn mới. Cậu đó cứ mòng mòng trong đầu tôi mỗi lần cô ấy rầy rà đến mức không chịu nổi. Góc nhìn mới, cô ấy cần góc nhìn mới. Và tôi cứ nhắc đi nhắc lại với mình, nhìn xem, tôi đang làm ăn phát đạt. Nhìn sang bao nhiêu người khác xem, những người quen hẳn hoi. Nhìn Ray xem. Nhìn xem nó đang biến đời *nó* thành cái ổ lợn thể nào. Cô ấy cần góc nhìn mới.”

“Thế nên cậu mới quyết định mời tôi đến đây. Đóng vai ngài Góc Nhìn Mới.”

Lúc này thì Charlie dừng lại nhìn vào mắt tôi. “Đừng hiểu lầm tôi, Ray. Tôi không nói cậu là điển hình thất bại hay thể nào. Tôi nhận thức được cậu không phải là một gã nghiện hay một kẻ giết người. Nhưng đặt cạnh tôi, nói thực lòng, cậu không phải là thằng sáng giá hết cỡ. Vì thế nên tôi mới nhờ cậu, nhờ cậu giúp cho tôi việc này. Mọi thứ ở chỗ chúng tôi đều bị dồn đến chân tường rồi, tôi tuyệt vọng rồi, tôi cần cậu hỗ trợ. Mà tôi nhờ cậu cái gì chứ, hả Chúa? Chỉ nhờ cậu cư xử cho đúng bản chất đáng yêu của cậu thôi. Không gì hơn nữa, không gì kém nữa. Giúp tôi việc này, Raymond. Giúp tôi và Emily nữa. Giữa chúng tôi không phải thể là hết, tôi biết. Chỉ cần cư xử đúng như tính cậu một vài ngày đến lúc tôi về. Tôi đâu có đòi hỏi cậu quá nhiều, phải không?”

Tôi hít một hơi dài và nói, “Được rồi, được rồi, nếu cậu nghĩ như vậy có ích. Nhưng chẳng phải không sớm thì muộn rồi Emily sẽ nắm tắt hết vụ này à?”

“Làm sao thế được? Cô ấy biết tôi có cuộc họp quan trọng ở Frankfurt. Với cô ấy chuyện này rất sáng tỏ. Cô ấy chăm nom một ông khách, có thể thôi. Cô ấy ưa làm thế và cô ấy ưa cậu. Kia, có tắc xi.” Cậu ta vẫy tay như điên và trong lúc xe đánh lại, cậu ta nắm lấy tay tôi. “Cám ơn Ray. Cậu sẽ cứu vớt chúng tôi mà, tôi biết.”

Khi trở lại tôi thấy phong thái Emily đã thay đổi một trăm tám mươi độ. Cô mời tôi vào căn hộ như một người bà con rất cao tuổi và rất yếu ớt. Mím cười khuyến khích, vỗ nhẹ động viên và vân vân. Khi tôi nhận lời dùng trà, cô dẫn tôi vào bếp, đặt tôi ngồi vào bàn, rồi đứng đó một lúc nhìn tôi với vẻ mặt lo âu. Cuối cùng cô cũng nói, thật dịu dàng:

“Tôi xin lỗi lúc nãy đã nhảy bổ vào anh như thế, Raymond. Tôi không có quyền gì nói với anh vậy.” Rồi quay ra pha trà, cô nói tiếp: “Từ hồi chúng ta còn chung trường đại học đã nhiều năm rồi. Tôi cứ hay quên điều đó. Tôi không bao giờ dám nói với một người bạn khác bằng cái giọng ấy. Nhưng với anh thì, ừ, tôi nghĩ là cứ nhìn anh tôi lại tưởng chúng ta trở lại thời ấy, trở thành chúng ta thời ấy, và tôi quên mất. Anh đừng nghĩ ngợi gì nhé.”

“Không, không. Tôi không nghĩ ngợi gì đâu.” Tôi vẫn đang nghĩ về cuộc nói chuyện vừa xong với Charlie, nên chắc có vẻ xa vắng. Tôi nghĩ Emily hiểu lầm vì thế, bởi giọng cô càng dịu dàng hơn.

“Tôi xin lỗi đã làm anh giận.” Cô vừa nói vừa tỉ mỉ bày bánh quy thành từng hàng lên đĩa trước mặt tôi. “Chẳng qua là, Raymond ạ, ngày xưa ấy, chúng tôi có thể nói gì với anh cũng được, anh sẽ cười và chúng tôi cũng cười, và tất cả chỉ như một trò đùa vui. Tôi ngốc quá mới nghĩ bây giờ anh vẫn còn như vậy.”

“À, thực ra thì, tôi đúng là vẫn tương đối như vậy. Tôi không bận tâm đâu.”

“Tôi không nhận ra là,” cô nói tiếp, rõ ràng không để ý nghe tôi, “bây giờ anh đã khác nhiều lắm rồi. Bây giờ anh đã đến gần mép vực lắm rồi.”

“Thế này, Emily, thực tình tôi không đến nổi thế...”

“Tôi nghĩ là những năm vừa qua đã khiến anh mắc cạn rồi. Anh giờ như người đứng bên miệng vực. Chỉ cần đẩy khế một cái là anh vỡ tan tành.”

“Là tôi ngã chứ.”

Cô loay hoay với cái ấm một lúc, nhưng lúc này thì quay lại chăm chăm nhìn tôi. “Không, Raymond, đừng nói thế. Nói đùa cũng không được. Tôi không muốn nghe anh nói như thế.”

“Không, cô hiểu lầm rồi. Cô bảo tôi sẽ vỡ, nhưng nếu tôi đang đứng trên miệng vực thì tôi sẽ ngã, chứ không phải vỡ.”

“Ôi, anh chàng đáng thương.” Cô vẫn có vẻ như không để lời tôi vào tai. “Anh chỉ còn là một cái bóng của Raymond ngày xưa.”

Tôi quyết định đến lúc này thì tốt nhất là không trả lời, và trong một lúc chúng tôi yên lặng chờ nước sôi. Cô pha cho tôi một cốc, dù không pha cho mình, và đặt cốc trước mặt tôi.

“Xin lỗi Ray nhiều, nhưng bây giờ tôi phải quay lại văn phòng đây. Có hai cuộc họp tôi không thể nào lỡ được. Giá tôi biết trước anh sẽ như thế nào, tôi đã không bỏ rơi anh. Tôi đã sắp xếp kiểu khác. Nhưng tôi chưa sắp xếp gì, bây giờ tôi phải quay lại. Raymond tội nghiệp. Anh sẽ làm gì ở đây, có mỗi mình anh?”

“Tôi sẽ cực kỳ ổn. Thật mà. Thực ra là tôi đang nghĩ, hay là tôi lo bữa tối trong lúc cô đi nhỉ? Chắc cô chẳng tin đâu, nhưng tôi bây giờ đã thành đầu bếp tài giỏi lắm. Thực tế là ngay trước Giáng sinh chúng tôi vừa có buổi buyp phê...”

“Anh tốt quá, lúc nào cũng muốn giúp đỡ. Nhưng tôi nghĩ tốt nhất là giờ anh nghỉ ngơi đi. Nói chung thì vào một cái bếp lạ có thể gây căng thẳng lắm. Tốt hơn là anh cứ thoải mái như ở nhà, đi tắm thảo dược, nghe nhạc một lúc. Tôi sẽ lo bữa tối khi nào về.”

“Nhưng cô đã mất cả ngày vất vả ở văn phòng rồi lại mệt mỏi vì bữa tối thì tệ lắm.”

“Không được, Ray, anh cứ nghỉ ngơi đi.” Cô lấy ra một tấm cạc vi dít đặt lên bàn. “Trên này có số trực tiếp của tôi, di động nữa. Tôi *phải* đi đây, nhưng anh gọi tôi lúc nào cũng được. Nhắc lại lần nữa, đừng làm gì căng thẳng trong lúc tôi đi.”

Ít lâu nay tôi đã thấy khó mà nghỉ ngơi đàng hoàng trong chính căn hộ mình. Nếu ở nhà một mình, tôi sẽ mỗi lúc thêm bứt rứt, lúc nào cũng nghĩ mình đang bỏ lỡ những cơ hội thiết yếu ở đâu đó bên ngoài. Nhưng nếu bị bỏ lại một mình trong một nhà lạ, tôi lại thấy mình chìm trong cảm giác yên bình dễ chịu. Tôi ưa nhất là được vui mình trong lòng chiếc xô pha không quen, với một cuốn sách bất kỳ tình cờ nằm gần đấy. Và tôi đang làm đúng như vậy lúc này, sau khi Emily đi. Hoặc ít nhất thì tôi cũng đã đọc được vài chương *Mansfield Park* trước khi thiếp đi độ hai chục phút.

Khi tôi tỉnh dậy, mặt trời chiều đang chiếu vào căn hộ. Nhóm dậy khỏi ghế, tôi bắt đầu một cuộc thám thính nho nhỏ. Có lẽ người quét dọn đúng là đã tới trong lúc chúng tôi ăn trưa, hoặc có thể Emily đã tự tay dọn dẹp; dù thế nào thì phòng khách rộng rãi lúc này trông đã sạch không tì vết. Ngoài chuyện gọn gàng ra, phòng đã được tô điểm khá có gu, với bàn ghế hàng hiệu kiểu hiện đại và các đồ nghệ thuật - dù nếu ác ý có thể bảo nhìn là thấy trưng ra chỉ để làm sang thôi. Tôi lướt một vòng qua các gáy sách, rồi ngó vào chõng CD. Gần như toàn bộ là rock hay nhạc cổ điển, nhưng cuối cùng, sau một hồi tìm kiếm, tôi cũng thấy nhét trong góc khuất là một xó nhỏ toàn Fred Astaire, Chet Baker, Sarah Vaughan. Tôi có bản khoả không hiểu sao Emily lại không thay thế phần sót lại của bộ đĩa nhựa quý báu bằng hậu thân của chúng là đĩa quang, nhưng không nghỉ ngơi nhiều mà tha thần đi vào bếp.

Tôi đang mở tủ bếp tìm xem có bánh quy hay sô cô la gì không thì bắt gặp một thứ có vẻ như một cuốn sổ nhỏ trên bàn bếp. Nó bọc bìa da màu tím, nổi bật lên giữa những bề mặt bóng bẩy theo lối cực giản trong bếp. Emily, khi vội vàng vàng chuẩn bị đi, đã trút hết đồ trong túi ra rồi lại nhặt vào trong lúc tôi uống trà. Rõ ràng cô ấy bỏ lại quyển sổ vì sơ ý. Nhưng rồi gần như ngay tức khắc tôi nảy ra một ý nghĩ khác: rằng cuốn sổ tím này là một thứ nhật ký bí mật, và Emily đã cố tình bỏ lại đây, hoàn toàn nhằm để tôi liếc trộm vào; rằng vì lý do nào đó cô cảm thấy không thể tâm sự trực tiếp, nên đã dùng đến cách này để chia sẻ nỗi lòng bối rối của cô.

Tôi đứng đó một lúc, chăm chú nhìn quyển sổ. Rồi tôi đưa tay ra, lách ngón trỏ vào giữa các trang ở khoảng giữa và dè dặt hé nó ra. Nhìn thấy nét chữ sin sít của Emily bên trong tôi lại rút tay lại và tránh xa khỏi cái bàn, tự nhủ mình không có việc gì mà chõ mũi vào đấy, dù Emily có dự tính gì trong một phút điên rồ thì cũng thế.

Tôi quay lại phòng khách, ngồi xuống xô pha và đọc thêm vài trang *Mansfield Park*. Nhưng bây giờ tôi thấy mình không tập trung nổi. Tâm trí tôi cứ lờn vờn lại chỗ cuốn sổ. Nếu đấy không hề là một cử chỉ bộc phát thì sao? Nếu cô ấy đã chuẩn bị việc đó suốt nhiều ngày? Nếu cô ấy đã viết một thứ đặc biệt dành cho tôi đọc?

Sau khoảng mười phút, tôi quay lại bếp đứng nhìn cuốn sổ thêm một lúc. Rồi tôi ngồi xuống, chỗ lúc nãy đã ngồi uống trà, kéo cuốn sổ về phía mình, mở ra.

Một điều tôi nhanh chóng hiểu ra là nếu Emily có gửi gắm những tâm tình sâu kín vào nhật ký thì quyển nhật ký đó cũng nằm ở nơi nào khác. Trước mặt tôi đây cùng lắm thì cũng chỉ là một quyển lịch hẹn loại sang; trong mỗi ô ngày cô đều thảo đủ loại ghi nhớ cho mình, một số đọc lên đã thấy rõ tham vọng. Một đoạn ghi bằng bút dạ đậm: “Nếu vẫn chưa gọi cho Mathilda thì **TẠI CÁI KHỈ GÌ CHÚ? GỌI ĐI!!!**”

Một dòng khác: “Đọc nốt thằng điên Philip Roth. Trả lại Marion!”

Rồi, khi giở tiếp những trang khác, tôi đọc thấy: “Raymond thứ Hai sẽ tới. Lạy hồn.”

Tôi giở tiếp hai trang nữa và đọc thấy: “Ray mai đến. Làm sao gánh nổi?”

Cuối cùng, ngay sáng hôm ấy, giữa những đoạn nhắc việc lật vạt khác: “Mua rượu vang chào mừng Vua mè nheo.”

Vua mè nheo? Tôi mất một lúc mới chấp nhận được cái này có thể thực sự trở vào mình. Tôi nghĩ thử đủ mọi khả năng khác - khách hàng chẳng? hay thợ sửa ống nước? - nhưng cuối cùng, dựa trên ngày và ngữ cảnh, tôi buộc phải thừa nhận không có ứng cử viên nặng ký nào nữa. Thế rồi bỗng nhiên toàn bộ sự bất công của cái danh hiệu bị cô gán cho ấy giáng xuống tôi bất thành linh, và chưa kịp nhận ra thì tôi đã vò nát cái trang đáng ghét.

Đây không phải một cử chỉ hung bạo cố ý: tôi thậm chí còn không xé nó ra. Tôi chỉ đơn giản là nắm tay lại, và một giây sau đã tự chủ được, nhưng tất nhiên, đến lúc ấy đã là quá muộn. Tôi xòe bàn tay ra và thấy không chỉ cái trang thủ phạm mà cả hai trang tiếp theo đã thành con mồi cho cơn cuồng nộ của tôi. Tôi cố vuốt phẳng mấy trang sổ lại như cũ, nhưng chúng liền nhăn trở lại ngay, cứ như chúng chỉ có một ước vọng sâu xa là được biến thành một búi giấy rác.

Dù sao nữa, phải mất một lúc, tôi cứ lặp đi lặp lại cử chỉ kinh hoàng tìm cách là phẳng những trang bị hại. Vừa đến lúc sắp thừa nhận làm thế chỉ uổng công vô ích - rằng giờ có làm gì cũng không che giấu được việc đã gây ra - thì tôi chợt nhận ra có điện thoại đang đổ chuông đâu đó trong căn hộ.

Tôi quyết định lờ nó đi, và cố nghĩ tận ngọn ngành những hậu quả của việc vừa xảy ra. Nhưng rồi máy trả lời tự động bật lên và tôi nghe thấy giọng Charlie đang để lại lời nhắn. Có thể tôi nhìn ra một phao cứu sinh, hoặc có thể tôi chỉ muốn có người chia sẻ, nhưng dù sao tôi cũng đã chạy bỏ vào phòng khách và chộp lấy máy điện thoại trên bàn cà phê kính.

“Ồ, cậu có nhà.” Charlie có vẻ hơi bần vì tôi ngắt ngang lời nhắn.

“Charlie, nghe này. Tôi vừa làm một việc ngu ngốc.”

“Tôi đang ở sân bay,” cậu ta nói. “Chuyến bay bị hoãn. Tôi muốn gọi đến hãng xe sẽ đón tôi ở Frankfurt, nhưng tôi không có số của họ. Nên tôi cần cậu đọc cho tôi.”

Cậu ta bắt đầu chỉ dẫn tôi tìm số danh bạ ở đâu, nhưng tôi ngắt lời cậu ta và nói:

“Nghe này, tôi vừa làm một việc ngu ngốc. Tôi không biết phải làm gì.”

Bên kia im lặng mất một lúc. Rồi cậu ta bảo, “Có lẽ cậu đang suy nghĩ, Ray ạ. Có lẽ cậu đang suy nghĩ có một người thứ ba. Rằng bây giờ tôi đang đi gặp cô ta. Tôi chợt nghĩ ra rằng có thể cậu đang nghĩ thế. Suy cho cùng thì chuyện đó cũng khớp với mọi thứ cậu đã chứng kiến. Thái độ Emily lúc tôi đi, và những chuyện khác nữa. Nhưng cậu nhầm.”

“Được rồi, tôi hiểu ý cậu. Nhưng này, có một chuyện tôi cần nói với

cậu...”

“Cứ chấp nhận đi, Ray. Cậu nhầm rồi. Không có người đàn bà nào cả. Tôi đang bay tới Frankfurt dự một cuộc họp để thay đổi đại diện ở Ba Lan. Bây giờ tôi đang đi đến đó.”

“Được rồi, tôi hiểu.”

“Chưa bao giờ có người đàn bà khác trong toàn bộ chuyện này. Tôi sẽ không bao giờ để mắt đến ai khác, ít nhất thì cũng không phải nghiêm túc. Đây là sự thực. Đây là sự thực, mẹ kiếp, và không có gì khác ngoài sự thực!”

Cậu ta bắt đầu hét lên mặc dù có thể đây là vì đủ thứ tiếng động xung quanh trong sảnh khởi hành. Bây giờ thì cậu ta im lặng, và tôi căng tai nghe xem có phải cậu ta lại đang khóc không, nhưng tất cả những gì tôi nghe được là tiếng ồn sân bay. Bất chợt cậu ta nói:

“Tôi biết cậu đang nghĩ gì. Cậu đang nghĩ, được thôi, không có người đàn bà nào cả. Nhưng có người đàn ông nào không? Thế nào, thừa nhận đi, cậu đang nghĩ thế, phải không? Thế nào, nói đi!”

“Thực ra thì, không. Tôi không bao giờ tưởng tượng cậu lại là dân bóng. Ngay cả cái hồi thi tốt nghiệp xong cậu say bí tỉ và giả vờ...”

“Im mồm, đồ ngốc! Tôi nói một người đàn ông, như là Tình Nhân Của Emily chẳng hạn! Tình Nhân Của Emily, liệu cái nhân vật này có thể tồn tại được chẳng, mẹ kiếp? Ý tôi là như thế. Và câu trả lời, theo phán xét của tôi, là không, không, không. Sau từng ấy năm, tôi hiểu cô ấy khá kỹ. Nhưng chuyện xấu là, chính vì hiểu cô ấy kỹ như thế, tôi có thể nhìn thấy chuyện khác nữa. Tôi có thể nhìn thấy cô ấy đang bắt đầu nghĩ về chuyện đó. Đúng đây, Ray, cô ấy đang để mắt đến những thằng khác. Những thằng như là nỡm David Corey!”

“Đây là ai?”

“Nỡm David Corey là một thằng luật sư giỏi xun xoe đang trên đà tấn tới. Tôi biết chắc là tấn tới đến mức nào, vì chính cô ấy nói với tôi tấn tới đến mức nào, từng chi tiết một!”

“Cậu nghĩ là... họ đang hẹn họ à?”

“Không, tôi vừa nói cậu xong! Không có gì cả, ít nhất là bây giờ! Mà đằng nào thì, năm David Corey cũng không hạ cố nhìn nhõ đến cô ấy. Hẳn ta có vợ là một con chân dài của tạp chí Condé Nast.”

“Thế thì có sao...”

“Rất sao, bởi vì vẫn còn Michael Addison nữa. Rồi lại Roger Van Den Berg đang là ngôi sao sáng giá ở Merrill Lynch và đi dự Diễn đàn kinh tế thế giới hàng năm...”

“Thế này, Charlie, làm ơn nghe tôi. Tôi gặp phải một vấn đề thế này. Chuyện vặt vãnh thôi so với hầu hết mọi tiêu chuẩn, tôi biết. Nhưng vẫn là vấn đề, làm ơn nghe tôi.”

Cuối cùng tôi cũng kể được với cậu ta chuyện gì đã xảy ra. Tôi thuật lại mọi sự thật thà hết sức có thể, dù có lẽ tôi có lặp liếm đoạn Emily đã để lại một bức thư mật cho tôi.

“Tôi biết mình làm một việc ngu ngốc,” tôi nói, khi đã kể xong. “Nhưng cô ấy để nó ngay đây, ngay trên bàn bếp.”

“Phải.” Charlie giờ có vẻ bình tĩnh hơn nhiều. “Phải. Cậu đã tự dẫn xác vào trận địa rồi.”

Rồi cậu ta cười. Được khuyến khích, tôi cũng cười theo.

“Tôi nghĩ là mình phản ứng hơi thái quá,” tôi nói. “Suy cho cùng, đây không phải là nhật ký riêng tư hay gì cả. Đây chỉ là cuốn sổ ghi chép...” tôi bỏ lửng vì Charlie lại tiếp tục cười, và trong tiếng cười của cậu ta có gì đó như là man dại. Rồi cậu ta ngưng lại và nói gọn:

“Nếu cô ấy tìm ra, cô ấy sẽ đòi xẻo dái cậu.”

Có một quãng dừng ngắn cho tôi lắng nghe tiếng ồn sân bay. Rồi cậu ta tiếp:

“Cách đây chừng sáu năm, chính tôi cũng mở cuốn sổ đó, hay cái tiền thân của nó năm ấy. Tình cờ thôi, trong lúc tôi ngồi trong bếp, còn cô ấy đang nấu cơm. Cậu hiểu không, chỉ là tôi lơ đãng lật nó ra trong lúc đang nói

dở câu. Cô ấy nhìn thấy ngay và bảo rằng cô ấy không thích thế. Thực tế là chính lúc đó cô ấy bảo cô ấy sẽ xẻo dải tôi. Lúc đó cô ấy đang vung cái chày lăn bột, nên tôi liền chỉ ra rằng với cái vật cô ấy đang cầm thì làm cái việc cô ấy đang đe kia là chẳng tiện lắm. Lúc ấy cô ấy bảo cái chày lăn bột là để cho khúc sau. Là công đoạn hai sau khi dải đã bị xẻo.”

Tiếng báo chuyển bay cất lên ở đằng xa.

“Thế cậu bảo tôi nên làm gì chứ?” tôi hỏi.

“Cậu làm được gì? Cứ vượt cho phẳng cái trang ấy. Có thể cô ấy sẽ không nhận ra.”

“Tôi đã thử rồi, không được gì. Không thể làm sao cho cô ấy sẽ không nhận ra...”

“Thế này, Ray, đầu tôi đang rối bời đây. Cái tôi định nói với cậu là tất cả bọn đàn ông mà Emily mơ tưởng, chúng nó không hẳn là để làm tình nhân. Chúng nó chỉ là những nhân vật cô ấy nghĩ là tốt đẹp vì cô ấy tin rằng chúng nó đã đạt được rất nhiều. Cô ấy không nhìn ra lớp mụn cóc của chúng. Cái... *tàn bạo* của chúng. Mà đằng nào chúng cũng trên tầm cô ấy. Vấn đề là, và đây là cái điều đáng buồn thảm hại và ngớ ngẩn nhất trong chuyện này, vấn đề là, dù gì thì gì, cô ấy yêu *tôi*. Cô ấy vẫn còn yêu tôi. Tôi biết mà, tôi biết mà.”

“Thế nghĩa là, Charlie, cậu không có lời khuyên nào cho tôi.”

“Không! Tôi không có lời khuyên chết mẹ nào cả!” Cậu ta lại đang rống hét cỡ. “Cậu tự đi mà nghĩ ra! Cậu cưới tàu bay của cậu còn tôi cưới cái của tôi. Rồi chúng ta xem cái nào rơi trước.”

Đến đó thì Charlie tắt máy. Tôi ngồi sụp xuống xô pha và hít một hơi dài. Tôi tự nhủ mình cần phải nhìn nhận rõ ràng mọi chuyện, nhưng ngay khi nghĩ thế tôi vẫn cảm thấy trong dạ dày một nỗi kinh sợ đến phảng phất buồn nôn. Nhiều ý nghĩ chạy qua đầu tôi. Có một giải pháp là chỉ việc chạy khỏi căn hộ, và không liên lạc gì với Charlie và Emily trong vài năm, sau đó tôi sẽ gửi cho họ một lá thư thật trọng, gọt giữa từng chữ. Ngay cả trong tình trạng hiện giờ, tôi cũng gạt bỏ kế hoạch này, vì nó quá sức tuyệt vọng. Một kế hoạch hay hơn là tôi lần lượt tấn công dãy chai trong tủ rượu, để khi Emily về đến nhà, cô sẽ thấy tôi say bí tỉ. Rồi tôi có thể tuyên bố đã đọc xong nhật

ký của cô và tiêu diệt mấy trang sổ trong con mê sáng mùi còn. Thực tế là, trong trạng thái say sưa bất cần lý lẽ, tôi còn có thể đóng vai trò bên bị hại, quác lác và chỉ trích, nói cho cô biết tôi đã bị sỉ nhục nặng nề đến mức nào khi đọc những dòng ấy, viết ra bởi người mà tôi luôn tin cậy vào tình yêu quý và nghĩa bạn bè, tình yêu quý và nghĩa bạn bè mà chỉ cần nghĩ đến thôi là tôi đã đủ sức trụ vững trong những giờ phút khốn nạn nhất giữa những đất nước xa lạ và cô độc. Nhưng mặc dù nhìn từ khía cạnh thực tiễn, kế hoạch này có những điểm hợp lý đáng kể, tôi vẫn cảm nhận được có một thứ khác - một thứ gì đó thẳm sâu bên trong, một thứ tôi không buồn suy xét quá nhiều - mà tôi biết sẽ khiến kế hoạch này tuyệt đối không khả thi.

Sau một lúc, điện thoại lại đổ chuông và giọng Charlie lại vang lên trong máy. Khi tôi nhắc máy cậu ta có vẻ bình tĩnh hơn đáng kể.

“Tôi đến cửa ra máy bay rồi,” cậu ta nói. “Tôi xin lỗi nếu lúc này tôi có hơi nặng. Cứ đến sân bay là tôi như vậy. Không ngồi yên được cho tới khi ngồi ngay cạnh cửa. Ray, nghe này, tôi vừa nảy ra một ý này. Liên quan đến chiến lược của chúng ta.”

“Chiến lược của chúng ta?”

“Phải, chiến lược tổng thể của chúng ta. Tất nhiên, cậu đã nhận ra, đây không phải là thời khắc để nhào nặn sự thực tí chút để hình ảnh cậu bày ra được đẹp đẽ hơn. Tuyệt đối không phải lúc cho những lời nói dối vô hại tự tăng bốc bản thân. Không không. Cậu vẫn còn nhớ vì sao mà cậu lại được giao cho nhiệm vụ này từ đầu, phải không. Ray, tôi đang trông cậy cậu phô mình ra trước mắt Emily đúng như con người cậu. Miễn là cậu làm được thế thì chiến lược của chúng ta vẫn suôn sẻ.”

“Nào, thế này nhé, tình hình này chẳng có chuyện tôi sẽ nhanh chóng sắm được vai người hùng trong mắt Emily...”

“Phải, cậu hiểu rõ tình huống và tôi hết sức biết ơn. Nhưng có một ý nghĩ vừa nảy đến với tôi. Có một điều, một điều rất nhỏ trong vốn liếng của cậu sẽ không khớp vào đây. Cậu biết đấy, Ray, cô ấy có cảm tưởng rằng cậu có gu âm nhạc rất khá.”

“À...”

“Đây là lần duy nhất trong đời cô ấy đem cậu ra bẻ tôi, về cái chuyện gu

âm nhạc này. Đây là mặt duy nhất ở cậu không phù hợp tuyệt đối cho công tác hiện nay của cậu. Thế nên Ray, cậu phải hứa với tôi không nói về đề tài này.”

“Ôi, Chúa ơi...”

“Giúp tôi việc này, Ray. Không có nhiều nhận gì. Miễn đừng có gợi chuyện nói về cái... cái nhạc hoài cổ nỉ non cô ấy thích. Và nếu *cô ấy* gợi chuyện thì cậu cứ làm bộ đần cho tôi. Tôi chỉ nhờ có thể thôi. Ngoài ra, cậu cứ đúng như con người cậu. Ray, tôi có thể trông cậy cậu việc này, phải không?”

“Chà, tôi nghĩ là được. Đằng nào đây cũng chỉ là trên lý thuyết thôi. Tôi không nghĩ tới nay chúng tôi sẽ chuyện trò được về bất kỳ chuyện gì.”

“Tốt! Vậy thế là xong. Giờ thì chuyển sang rắc rối nhỏ của cậu. Cậu sẽ vui lòng mà biết rằng tôi đã nghĩ chút ít về chuyện đó. Và tôi đã nghĩ ra một giải pháp. Cậu có nghe không?”

“Có, tôi nghe.”

“Có một đôi vợ chồng cứ suốt ngày chạy qua. Angela và Solly. Họ cũng được, nhưng nếu họ không phải hàng xóm thì chúng tôi cũng chẳng giao du gì với họ. Mà nói chung là họ thường chạy qua. Cậu hiểu không, ghé vào mà không báo trước, mong được chén trà. Bây giờ đây là chuyện chính. Họ ghé qua vào những giờ bất tử trong ngày khi dẫn Hendrix đi dạo.”

“Hendrix?”

“Hendrix, hôi hám, mắt kiểm soát, có xu hướng sát nhân, là một con chó giống Labrador. Với Angela và Solly, tất nhiên, sinh vật bản thủ này là đứa con mà họ không có. Hoặc là đứa con họ chưa có, chắc họ vẫn còn đủ trẻ để có con thật. Nhưng không, họ lại thích cục cưng Hendrix cơ. Và khi họ ghé qua, cục cưng Hendrix đi khắp nhà tàn phá các phòng một cách tỉ mỉ như một gã trộm thất chí. Cái đèn đứng đồ rầm. Trời ơi, đừng lo, cưng ơi, con có sợ không? Cậu hiểu rồi đấy. Giờ thì nghe đây. Cách đây chừng một năm, chúng tôi có cái quyển anbum phòng khách, tốn gần cả gia tài, đầy ảnh nghệ thuật những thằng bóng trẻ tạo dáng ở tường thành Bắc Phi. Emily ưa mở nó ở đúng trang này, cô ấy nghĩ nó hợp với cái xô pha. Cô ấy sẽ nổi điên nếu ai lật sang trang khác. Nhưng rồi, cách đây chừng một năm, Hendrix đi vào và

nhai gọn nó luôn. Thế đây, cắn ngập răng vào mấy cái ảnh giấy bóng ấy, chén gọn hai chục trang cả thảy trước khi Mẹ Hiền thuyết phục được nó nhả ra. Cậu hiểu sao tôi lại kể chuyện này chứ, phải không?”

“Hiểu. Nghĩa là, tôi thấy có le lói đường ra, nhưng...”

“Được rồi, tôi nói tuốt ra vậy. Cậu nói với Emily thế này. Chuông cửa reo, cậu ra mở, hai vợ chồng này ở đây còn Hendrix đang giết dây. Họ bảo cậu họ là Angela và Solly, bạn tốt sang đòi tách trà. Cậu cho họ vào, Hendrix quậy tung, nhai mất quyền sở. Hoàn toàn dễ hiểu. Có vấn đề gì đâu? Sao cậu chưa cảm ơn tôi? Không hoàn toàn làm ngài thỏa mãn ư, thưa ngài?”

“Tôi biết ơn cậu lắm, Charlie. Tôi chỉ đang nghĩ kỹ, thế thôi. Ví dụ chuyện này, nhờ may những người ấy qua thật? Sau khi Emily đã về, ý tôi là thế?”

“Cũng có thể, tôi nghĩ thế. Tôi chỉ nói được là cậu sẽ không may, rất là không may nếu có chuyện đó xảy ra. Khi tôi nói họ suốt ngày chạy qua, ý tôi nhiều nhất là tháng một lần. Thế nên đừng bới lông tìm vết mà hãy biết ơn đi.”

“Nhưng Charlie này, chẳng phải sẽ hơi quá đáng nếu nghĩ con chó chỉ nhai mỗi quyền sở, và lại đứng mấy trang ấy?”

Tôi nghe cậu ta thở dài. “Tôi cứ tưởng cậu không cần phải nói tuốt ra hết. Tất nhiên là cậu phải sửa sang lại căn phòng chút ít. Đá đổ cái đèn đứng, rắc đường ra sàn bếp. Cậu phải làm như Hendrix đã gây mưa to gió lớn trong phòng. Này, họ gọi lên máy bay rồi. Tôi phải đi đây. Khi nào tới Đức rồi tôi sẽ gọi lại hỏi.”

Trong lúc nghe Charlie nói, một cảm giác bao trùm lấy tôi, giống như cảm giác mỗi lần nghe ai đó kể về giấc mơ đêm qua của họ, hay về sự tích cái vết trầy nho nhỏ trên cửa xe. Đây là một kế hoạch rất hay - thiên tài là khác - nhưng tôi không thể rập nối với những gì tôi sẽ thực sự nói hay làm khi Emily về, nên càng nghe tôi càng thêm sốt ruột. Nhưng khi Charlie đi rồi, tôi nhận ra cú điện thoại đã dụ tôi vào trạng thái thôi miên. Ngay giữa lúc trong đầu tôi đang đánh giá ý tưởng cậu ta là ngớ ngẩn, chân tay tôi đã vào tư thế sẵn sàng thực thi “giải pháp” đó.

Trước hết tôi đặt cái đèn đứng nằm xuống đất. Tôi cẩn thận tránh không

làm nó va phải thứ gì, và tôi tháo cái chụp ra trước, đợi sau khi cái đèn đã nằm đâu ra đó trên sàn mới đặt trả lại sao cho hơi vênh một chút. Rồi tôi lấy một cái bình trên giá sách đặt xuống thảm, còn một ít cỏ khô trong lòng bình tôi vãi ra xung quanh. Tiếp đó tôi chọn một chỗ thích hợp gần bàn cà phê để “đánh đổ” bồ giấy vụn. Tôi thực hiện mọi thứ trong một trạng thái bàng quan kỳ lạ. Tôi không hẳn tin chuyện này sẽ có tác dụng gì, nhưng bắt tay vào hành động khiến tôi khuây khỏa. Rồi tôi nhớ ra cảnh phá hoại này có mục đích chính là cuốn nhật ký, liền trở vào bếp.

Nghĩ ngợi một lúc, tôi lấy một lọ đường trong tủ chạn, để lên bàn cách cuốn sổ màu tím một quãng, và từ từ nghiêng lọ cho đến khi đường tràn ra ngoài. Tôi mất một lúc để ngăn cái lọ không lăn khỏi bàn, và cuối cùng làm nó đứng yên. Đến lúc này, cơn hoảng sợ điên cuồng lúc nãy đã tiêu tan cả. Tôi vẫn chưa hoàn toàn thanh thản, nhưng đã cảm thấy mình phát rồ lên như lúc nãy thật là nực cười.

Tôi trở lại phòng khách, nằm xuống xô pha và lại cầm cuốn Jane Austen lên. Được vài dòng, tôi đã cảm thấy cơn buồn ngủ kinh khủng ập đến và chưa kịp nhận ra thì tôi đã chìm vào giấc ngủ.

Tôi tỉnh dậy vì có điện thoại. Khi nghe giọng Emily trên máy trả lời, tôi ngồi dậy nhấc máy.

“Ôi trời, Raymond, anh ở nhà *thật* à. Anh thế nào rồi, tình yêu ơi? Anh cảm thấy thế nào? Anh có nghỉ ngơi được không?”

Tôi cam đoan với cô là có, là tôi thậm chí còn đang ngủ khi cô gọi.

“Ôi thật đáng tiếc! Chắc là anh không được ngủ đầy giấc mấy tuần rồi, thế mà vừa khi anh có được một chút yên tĩnh, tôi lại đi phá đám! Tôi thật lấy làm xin lỗi! Và tôi lại phải xin lỗi anh lần nữa, Ray, tôi sắp phải làm anh thất vọng. Ở đây đang rối tung lên nên tôi không về nhà sớm được như tôi muốn. Thực tế là tôi sẽ phải mất ít nhất một tiếng nữa. Anh đợi được chứ, phải không?”

Tôi khẳng định lại là tôi đang thoải mái và vui vẻ thế nào.

“Ừ, nghe giọng anh có vẻ bình tĩnh hơn thật. Tôi xin lỗi nhé, Raymond,

nhưng tôi phải đi giải quyết xong vụ này đã. Anh cứ tự nhiên làm gì thì làm nhé. Chào nhé tình yêu.”

Tôi gác máy và duỗi hai tay. Ánh nắng bắt đầu nhạt dần, nên tôi đi khắp căn hộ bật các đèn. Rồi tôi ngắm nghía cái phòng khách bị “tàn phá”, và càng nhìn tôi càng thấy nó nhân tạo một cách rành rành. Nỗi hoảng sợ lại dâng lên trong dạ dày tôi.

Điện thoại lại đổ chuông, lần này là Charlie. Cậu ta đang đứng cạnh băng chuyền trong sân bay Frankfurt, cậu ta bảo tôi, đợi hành lý.

“Đợi cả thế kỷ rồi, mẹ kiếp. Chưa có lấy một cái túi nào xuống hết. Đẳng cậu làm ăn thế nào rồi? Quý phu nhân chưa về à?”

“Chưa, chưa về. Thế này, Charlie, cái kế hoạch của cậu ấy. Không thành công đâu.”

“Cậu bảo gì, không thành công là thế nào? Đừng nói nãy giờ cậu chỉ ngồi bẻ ngón tay mà nghiền ngẫm nó chứ.”

“Tôi đã làm những gì cậu bảo. Tôi đã xới phòng lên, nhưng trông nó không thực. Trông không giống như có con chó vừa chạy qua, thế đấy. Chỉ giống như triển lãm sắp đặt.”

Cậu ta im lặng mất một lúc, có lẽ đang theo dõi băng chuyền. Rồi cậu ta nói: “Tôi hiểu bản khoản của cậu. Đây là của cải của người khác. Cậu chùn lại là tất nhiên. Vậy thì thế này, tôi sẽ nêu vài món tôi rất sung sướng nếu được đập nát. Cậu có nghe không đấy, Ray? Tôi *muốn* những thứ sau đây bị phá. Cái con bò sứ ngu xuẩn ấy. Nó ở cạnh dàn CD. Đấy là quà của nỡm David Corey khi đi Lagos về. Cậu có thể đập cái đó coi như mở đầu. Mà thực ra, tôi cũng không cần biết cậu phá những gì. Phá mọi thứ cho tôi!”

“Charlie, tôi nghĩ cậu cần bình tĩnh lại.”

“Được rồi, được rồi. Nhưng cái căn hộ đó chứa đầy của vứt đi. Cũng y như cuộc sống chung của chúng tôi hiện giờ. Đầy của vứt đi cũ kỹ. Cái ghế xô pha đỏ nhồi mút, cậu biết tôi nói cái nào chứ, Ray?”

“Biết. Thực ra là tôi vừa ngủ trên đó xong.”

“Cái đó cần đi ra bãi rác từ thế kỷ nay rồi. Có thể cậu cần rạch cái vỏ ghế và quăng bừa hết ruột nhồi bên trong ra.”

“Charlie, cậu phải kiềm chế. Mà bây giờ tôi thấy là hình như cậu không định giúp tôi. Cậu chỉ đang lấy tôi làm công cụ để trút cơn giận và thất vọng...”

“Ôi thôi dẹp ý nghĩ ngớ ngẩn ấy đi! Tất nhiên là tôi muốn giúp cậu. Và tất nhiên kế hoạch của tôi cực kỳ hoàn hảo. Tôi đảm bảo với cậu sẽ thành công. Emily ghét con chó, cô ấy ghét cả Angela và Solly, nên cô ấy sẽ chào mừng mọi cơ hội có thể ghét họ hơn nữa. Nghe này.” Cậu ta đột ngột hạ giọng gần như thầm thì. “Tôi sẽ nói cho cậu quân chủ bài. Một công thức bí mật có thể đảm bảo là cô ấy tin. Lẽ ra tôi phải nghĩ đến nó từ trước. Cậu còn bao lâu?”

“Một tiếng gì đấy...”

“Được. Nghe kỹ này. Cái mùi. Thế đấy. Cậu phải làm cái nhà bốc mùi chó. Từ lúc cô ấy bước vào nhà, cô ấy sẽ nhận thấy nó, cho dù chỉ là vô thức. Thế rồi cô ấy bước vào phòng, nhận ra con bò sù của David yêu quý nát vụn trên sàn, ruột bông cái ghế xô pha bần thiu nằm khắp...”

“Thế này, tôi đâu có bảo tôi sẽ...”

“Im mà nghe! Cô ấy nhìn thấy căn phòng tan nát, và lập tức, dù có ý thức hay không, cô ấy sẽ liên hệ với cái mùi chó. Toàn bộ cảnh tượng Hendrix lúc trước sẽ sống động trở về với cô ấy, dù cậu chưa cần nói chữ nào. Kế hoạch tuyệt vời biết mấy!”

“Cậu đang làm nhầm rồi, Charlie. Được rồi, nhưng làm sao tôi khiến cái nhà cậu hôi rình như chó được?”

“Tôi biết chắc phương pháp tạo ra mùi chó.” Cậu ta vẫn đang thì thầm một cách kích động. “Tôi biết chắc, vì tôi và Tony Barton vẫn thường làm thế hồi năm chót. Cậu ta có công thức riêng, nhưng tôi đã hoàn chỉnh nó.”

“Nhưng tại sao?”

“Tại sao à? Vì nó ngửi giống bắp cải hơn là chó, tại thế chứ tại sao.”

“Không, ý tôi là tại sao cậu lại... Thôi, bỏ qua chuyện đó. Cậu cứ nói cho tôi đi, miễn là không phải đi ra ngoài mua bộ dụng cụ hóa học.”

“Tốt lắm. Cậu đang nhập cuộc rồi đấy. Tìm cái bút đi, Ray. Viết này. A, cuối cùng thì nó đây rồi.” Chắc cậu ta đã bỏ điện thoại vào túi, bởi một lúc sau tôi chỉ nghe tiếng ồn khoang bụng. Rồi cậu ta trở lại nói tiếp.

“Tôi phải đi bây giờ đây. Thế nên viết này. Cậu sẵn sàng chưa? Cái nồi có cán cỡ vừa. Chắc là nó đã ở sẵn trên bếp rồi. Đổ khoảng một ca nước vào đấy. Thêm hai viên mỡ bò, một muỗng cà phê bột thì là, một muỗng ăn bột ớt ngọt, hai muỗng ăn giấm, lá nguyệt quế càng nhiều càng tốt. Được chưa? Bây giờ cậu bỏ vào một cái giày hoặc bột da, úp ngược xuống, để đế giày không nhúng vào nước. Như thế để cho khỏi bị khét mùi cao su. Rồi cậu vặn bếp ga, đợi đến khi món lẩu thập cẩm ấy sôi, để nó đun nhỏ lửa. Chỉ một lúc sau là cậu sẽ thấy cái mùi. Không phải mùi kinh khủng lắm đâu. Công thức ban đầu của Tony Barton có cả sên trần, nhưng cái này tinh vi hơn. Chỉ như một con chó hôi thôi. Tôi biết rồi, cậu sắp hỏi kiếm đâu ra những của ấy. Gia vị các thứ ở cả trong tủ chạn trong bếp. Cậu đến chỗ tủ dưới gầm cầu thang là sẽ thấy một đôi bột bỏ đi. Không phải đôi ủng cao su đâu nhé. Tôi nói đôi tã nạt ấy, trông giống như giày cao cổ hơn. Ngày trước tôi dận nó cả ngày lẫn đêm. Đôi ấy đã hết thời rồi và chỉ đợi ngày ra bãi thôi. Lấy một trong hai chiếc. Làm sao nào? Này, Ray, cậu cứ làm đi, được chưa? Cứu lấy thân cậu. Vì cứ tin tôi. Emily nổi giận thì không phải chuyện đùa đâu. Tôi phải đi đây. À, và nhớ lấy. Không được khoa trương vốn âm nhạc thiên tài của cậu.”

Có lẽ đây chỉ là nhờ tác động của một bảng chỉ dẫn rành mạch, dù có đáng ngờ: khi tôi gác máy, một cảm giác dửng dưng, sự vụ đã choán lấy tôi. Tôi có thể nhìn rõ mình cần làm những gì. Tôi đi vào bếp bật đèn. Đúng như cậu ta nói, cái nồi “cỡ vừa” đã đặt trên bếp, chờ nhiệm vụ tiếp theo. Tôi đổ nước đến nửa nồi, đặt lại lên bếp. Ngay trong lúc làm thế, tôi nhận ra mình còn phải xác định một điều nữa trước khi tiến xa hơn: đây là tôi còn lại chính xác bao lâu để hoàn thành việc này. Tôi vào phòng khách, nhấc điện thoại bấm số công ty Emily.

Tôi gặp phải cô trợ lý, được cho biết Emily đang trong cuộc họp. Tôi khăng khăng, bằng một giọng vừa đủ ấm áp và vừa đủ cương quyết, đòi cô ta phải gọi cho được Emily ra, “kể cả trong trường hợp đúng là đang họp”. Một giây sau, Emily đã cầm máy.

“Cái gì thế, Raymond? Có chuyện gì à?”

“Không có chuyện gì đâu. Tôi chỉ gọi xem cô thế nào thôi.”

“Ray, nghe giọng anh lạ quá. Có gì thế?”

“Cô bảo sao, giọng tôi nghe lạ à? Tôi chỉ gọi để xem khi nào thì cô về thôi mà. Tôi biết cô coi tôi là đứa vô công rồi nghề, nhưng có một thời gian biểu thì tôi vẫn hoan nghênh chứ.”

“Raymond, không việc gì phải cau kính thế. Để tôi xem nào. Sẽ phải mất một tiếng nữa... Có thể là một tiếng rưỡi. Tôi xin lỗi lắm lắm, nhưng ở đây đúng là đang rối tung lên...”

“Một tiếng cho đến chín mươi phút. Thế là được rồi. Tôi chỉ cần biết thế thôi. Thế đấy, hẹn gặp lại nhé. Cô quay lại làm việc được rồi.”

Có lẽ cô còn định nói gì nữa, nhưng tôi đã gác máy và sai bước lại vào bếp, quyết chí không để tâm trạng cương quyết này tiêu tan. Thực tế là tôi đã bắt đầu cảm thấy phấn khởi rõ rệt, và không thể hiểu làm sao mình lại có thể rơi vào trạng thái suy sụp như lúc rồi. Tôi duyệt qua một lượt các tủ chạn và sắp hàng ngay ngắn cạnh bếp mọi thứ gia vị cần thiết. Rồi tôi đóng lượng cần dùng, đổ vào nước, khuấy qua một lượt, rồi lên đường đi tìm đôi giày.

Cái tủ dưới gầm cầu thang tàng trữ cả một chồng các loại giày dép mặt mũi thảm hại. Sau một lúc tìm bới, tôi đã thấy thứ đích xác là một trong hai chiếc boot Charlie đã kê đơn - một mẫu vật trông đặc biệt tiêu tụy, bùn từ thế kỷ trước đóng kín những rãnh gót. Nhón lấy bằng đầu ngón tay, tôi mang nó vào bếp và thận trọng đặt vào nồi nước, để giày chổng lên trần nhà. Rồi tôi vặn lửa vừa đủ dưới nồi nước, ngồi vào bàn đợi nước sôi. Khi chuông điện thoại lại reo, tôi chân chừ không muốn rời khỏi cái nồi, nhưng rồi nghe giọng Charlie trên máy gọi đi gọi lại. Cuối cùng tôi cũng vặn nhỏ lửa và ra nhắc máy.

“Cậu vừa nói gì thế?” tôi hỏi. “Nghe có vẻ đang than thân trách phận, nhưng tôi đang bận quá nên không nghe thấy.”

“Tôi đến khách sạn rồi. Chỉ có ba sao thôi. Cậu nghĩ thế có láo không chứ! Công ty chúng nó thì to đùng! Mà cái phòng khách sạn cũng bé tí tẹo!”

“Nhưng cậu chỉ ở đó có vài đêm thôi...”

“Nghe này, Ray, có một chuyện khi này tôi không hoàn toàn thành thật. Như thế là không phải với cậu. Suy cho cùng thì cậu đang giúp đỡ tôi, cậu đang cố gắng hết sức vì tôi, giúp tôi hòa giải với Emily, mà tôi thì lại không chân thành với cậu.”

“Nếu cậu muốn nói công thức làm ra mùi chó thì muốn quá rồi. Tôi đã cho chạy rồi. Tôi nghĩ tôi cũng có thể thêm vào một hai thứ gia vị nữa...”

“Nếu tôi không thẳng thắn với cậu khi này thì đây là vì tôi cũng không thẳng thắn với mình. Nhưng bây giờ khi đã ở xa thế này tôi đã có thể suy nghĩ mạch lạc hơn. Ray, tôi đã bảo cậu là không có ai khác, nhưng không phải thực sự là thế. Có một cô gái. Ừ, đúng là một *cô gái*, nhiều nhất là ngoài ba mươi. Cô ấy rất sốt sắng với vấn đề giáo dục ở thế giới thứ ba, và chính sách công bằng trong thương mại toàn cầu. Đây không hẳn là hấp dẫn thể xác hay gì đấy, cái đó chỉ là hiệu ứng phụ thôi. Đây là do tính lý tưởng trong sáng của cô ấy. Khiến tôi nhớ lại chúng ta đều đã từng như thế một thời. Cậu còn nhớ không, Ray?”

“Tôi xin lỗi, Charlie, nhưng tôi không nhớ có bao giờ cậu là con người đặc biệt lý tưởng. Thực ra thì cậu luôn luôn ích kỷ và ham khoái lạc đến khó chịu...”

“Được rồi, có lẽ chúng ta toàn là một tội suy đồi hồi ấy, cả đám chúng ta. Nhưng cũng vẫn có cái con người khác này, đâu đó bên trong tôi, khao khát muốn ra. Đây là thứ đã đưa tôi lại với cô ấy...”

“Charlie, khi nào vậy? Chuyện này xảy ra khi nào?”

“Chuyện gì xảy ra khi nào?”

“Chuyện cậu với cô ta.”

“Không có chuyện gì cả! Tôi không ngủ với cô ấy, không có gì hết. Tôi còn không đi ăn với cô ấy. Tôi chỉ... Tôi chỉ tìm cách để liên tục gặp lại cô ấy.”

“Cậu nói gì cơ, liên tục gặp lại cô ấy?” Tôi đã quay lại trong bếp và đang giám sát món lẩu thập cẩm.

“Ừ thì, tôi liên tục gặp lại cô ấy,” cậu ta nói. “Tôi liên tục đặt hẹn để gặp cô ấy.”

“Ý cậu là, cô ta là gái làm tiền.”

“Không, không, tôi đã bảo rồi, chúng tôi không ngủ với nhau. Không, cô ấy là nha sĩ. Tôi liên tục quay lại, liên tục nghĩ ra đủ thứ như là đau chỗ này, sưng chỗ kia. Cậu hiểu không, tôi cố tình kéo dài thời gian điều trị. Và tất nhiên, cuối cùng, Emily đoán ra.” Trong một giây, có vẻ như Charlie đang ngăn lại tiếng nấc. Rồi cậu ta bùng nổ. “Cô ấy phát hiện ra... cô ấy phát hiện ra... bởi tôi dùng chỉ nha khoa liên tục!” Bây giờ cậu ta gần như rú lên. “Cô ấy bảo, anh chưa bao giờ, *chưa bao giờ* cạo răng nhiều như thế!”

“Nhưng cái này vô lý. Nếu cậu chăm sóc răng nhiều hơn, cậu càng có ít lý do quay lại gặp cô ta...”

“Ai cần biết vô lý hay có lý? Tôi chỉ muốn làm cô ấy vui lòng!”

“Nghe này, Charlie, cậu không hẹn hò với cô ta, không ngủ với cô ta, thế thì có vấn đề gì?”

“Vấn đề là, tôi thèm muốn có một người như thế, một người sẽ đánh thức con người thứ hai trong tôi, con người đã bị giam hãm bên trong...”

“Charlie, nghe tôi nói này. Sau cú điện thoại lúc trước của cậu, tôi đã trấn tĩnh lại khá ổn rồi. Và thành thực mà nói, tôi nghĩ cậu cũng phải trấn tĩnh lại đi. Chúng ta sẽ bàn bạc lại mọi chuyện khi nào cậu về. Nhưng Emily khoảng một tiếng nữa sẽ về, và tôi phải chuẩn bị mọi thứ cho sẵn sàng. Tôi đã quản được mọi thứ ở đây rồi, Charlie. Tôi nghĩ cậu nghe giọng tôi cũng có thể đoán được.”

“Tuyệt diệu biết mấy! Cậu đã quản được mọi thứ. Tuyệt! Bạn với bè chết tiệt...”

“Charlie, tôi nghĩ cậu đang bực bội vì cậu không thích cái khách sạn. Nhưng cậu phải trấn tĩnh lại đi. Tìm góc nhìn mới. Và can đảm lên. Tôi đang quản được mọi chuyện ở đây. Tôi sẽ lo nốt chuyện chó, rồi tôi sẽ diễn vai của mình hoàn hảo cho cậu. Tôi sẽ nói, Emily. Cứ nhìn tôi này, Emily, cứ nhìn xem tôi thảm hại đến mức nào. Thực tế là, hầu hết mọi người đều thảm

hại như thế. Nhưng Charlie, cậu ấy thì khác. Charlie thuộc một đẳng cấp khác.”

“Cậu không thể nói thế được. Nghe rất không tự nhiên.”

“Tất nhiên tôi sẽ không nói nguyên văn như thế, đồ ngốc. Thế này, cứ tin tưởng ở tôi. Tôi đã quản chắt được tình hình ở đây rồi. Thế nên bình tĩnh lại. Bây giờ tôi phải đi đây.”

Tôi gác máy và ra kiểm tra cái nồi. Nước bên trong đã sôi và hơi nước đã phỉ ra dày đặc, nhưng đến lúc này vẫn chưa thấy rõ một thứ mùi gì. Tôi điều chỉnh lửa cho đến lúc nước lục đục reo vui. Đến khoảng lúc này thì tôi đã đầy tràn mong muốn một chút không khí trong lành, và do vẫn chưa lên khám phá sân hiên nhà họ, tôi mở cửa bếp bước ra ngoài.

Thật lạ lùng là một buổi chiều đầu tháng Sáu nước Anh lại có thể dịu dàng đến thế. Chỉ có chút se lạnh trong cơn gió nhắc tôi nhớ mình vẫn chưa trở lại Tây Ban Nha. Trời chưa tối hẳn, nhưng sao đã điểm đầy trời. Bên kia bức tường bao lầy sân hiên, tôi có thể nhìn ra hàng dặm xung quanh, những cửa sổ và sân sau của khu nhà lân cận. Khá nhiều cửa sổ đã lên đèn, và những nhà ở xa, nếu nheo mắt lại, nhìn như một mảng trời sao sa xuống đất. Cái sân hiên này không lớn, nhưng có một cảm giác tuyệt đối lãng mạn. Anh có thể hình dung một cặp vợ chồng, giữa cuộc sống thị thành bận rộn, bước ra đây giữa một buổi chiều ấm áp và dạo quanh những chậu cây, tay trong tay, trao đổi những câu chuyện trong ngày.

Tôi có thể ở lại đây thêm nữa, nhưng tôi e sẽ đánh mất đà đang có. Tôi quay lại bếp, và bước qua cái nồi đang sôi, dừng lại ngưỡng cửa phòng khách quan sát thành tựu lúc trước. Sai lầm lớn nhất, tôi chợt nhận ra, là ở việc tôi hoàn toàn bỏ qua không xem xét công việc từ góc nhìn của một sinh vật như Hendrix. Chìa khóa của việc này, giờ tôi đã hiểu, là nhập thân vào tinh thần và con mắt của Hendrix.

Một khi đã khám phá theo hướng này, tôi không chỉ nhìn ra các nỗ lực kém cỏi của mình, mà còn thấy hầu hết các gợi ý của Charlie mới vô vọng làm sao. Với một con chó thừa năng lượng, lọc ra một con bò trang trí bé xíu đặt giữa bộ dàn hifi và đập vỡ nó để làm gì? Cả cái ý kiến rạch bụng xô pha và quăng ruột mút lung tung cũng hoàn toàn ngớ ngẩn. Hendrix phải có dao cạo thay răng thì mới làm được việc đó. Lộ đường đồ nghiêng trong bếp thì được, nhưng cái phòng khách thì cần tư duy lại từ đầu, tôi nhận ra như vậy.

Tôi khom mình đi vào phòng, để nhìn lại nó từ xấp xỉ tầm mắt của Hendrix. Ngay lập tức, chồng tạp chí giấy bóng đặt trên bàn cà phê bày ra như một mục tiêu lộ lộ, thế nên tôi hãy chúng khỏi mặt bàn theo một đường vòng cung nhìn có vẻ như do cú huých của một cái mồm hung bạo. Mấy cuốn tạp chí rơi xuống mặt sàn trông chân thực một cách rất đáng hài lòng. Mạnh dạn thêm, tôi quỳ xuống, mở một cuốn và vò nát một trang, theo kiểu mà tôi hy vọng sẽ khiến Emily nhớ ra khi cuối cùng cô cũng đụng đến cuốn nhật ký. Nhưng thành quả lần này thật đáng thất vọng: nhìn là thấy ngay kết quả của bàn tay người chứ không phải hàm răng cẩu. Tôi đã lặp lại sai lầm lúc trước: tôi chưa đủ nhập thân vào Hendrix.

Thế nên tôi thụp xuống trên tứ chi, và cúi thấp đầu xuống cuốn tạp chí, đưa hàm răng ngoạm vào trang giấy. Vị nó thơm thơm, không khó chịu chút nào. Tôi giở thêm một cuốn khác gần giữa quyển và lặp lại việc đó. Kỹ thuật lý tưởng, bây giờ tôi nhận ra, cũng không khác gì ở sân chơi hội chợ ngày xưa khi anh cố đớp tảo nổi dập dềnh trên mặt nước mà không dùng tay. Hiệu quả nhất là động tác nhẹ nhàng như đang nhai, quai hàm cử động liên tục và linh hoạt: như thế các trang sẽ rúm ró lại với những nếp nhăn hoàn hảo. Còn nếu dồn quá nhiều lực vào miếng cắn thì ngược lại, sẽ chỉ “dập” các trang lại với nhau mà không đạt được hiệu ứng tốt đẹp gì.

Tôi nghĩ chính vì quá mãi mê phân biệt những điểm tinh tế đó mà tôi không nhận ra sớm hơn rằng Emily đã đứng trong hành lang, quan sát tôi ngay đằng sau cửa. Đến lúc nhận ra cô đang ở đó, cảm giác của tôi đầu tiên không phải là hoảng hốt hay ngỡ ngàng, mà là bực bội - tại sao cô cứ đứng đấy mà không có cử chỉ nào báo hiệu sự có mặt của mình. Thực tế là, khi nhớ lại mình đã mất công gọi điện đến công ty cô chỉ vài phút trước đó chính là để phòng ngừa cái tình huống đang rơi xuống đầu tôi đây, tôi thấy mình là nạn nhân của một mưu đồ lừa đảo. Có lẽ vì thế mà phản ứng ra mặt đầu tiên của tôi chỉ là thở dài nặng nhọc mà không hề cố gắng rời bỏ tư thế bốn chân hiện thời. Tiếng thở dẫn đường Emily vào phòng, và đặt bàn tay thật nhẹ nhàng lên lưng tôi. Tôi không hiểu cô có quỳ hẳn xuống không, nhưng khuôn mặt cô ghé rất gần mặt tôi và nói:

“Raymond, tôi đã về rồi. Thế nên chúng ta ngồi xuống đã, đồng ý không?”

Cô đang đỡ tôi đứng lên, và tôi phải cưỡng lại ý muốn hát cô ra.

“Cô biết không, thật là lạ quá,” tôi nói. “Mới vừa mấy phút trước, cô còn đang sắp tham dự cuộc họp cơ mà.”

“Lúc đó thì có. Nhưng sau khi anh gọi, tôi nhận ra ưu tiên hàng đầu là phải quay về.”

“Cô nói sao, ưu tiên à? Emily, làm ơn, cô không cần phải cứ giữ tay tôi như thế, tôi không ngã đùng ra đâu. Cô nói ưu tiên là phải quay về là sao?”

“Anh gọi đến. Tôi đã nhận ra đằng sau đó là gì. Tiếng cầu cứu.”

“Không có gì như thế cả. Tôi chỉ định...” Tôi bỏ lửng câu nói, vì nhận ra Emily đang nhìn quanh phòng với vẻ kinh ngạc.

“Ôi, Raymond,” cô thì thầm, gần như tự nhủ mình.

“Tôi nghĩ là lúc này tôi có hơi vựng chân vựng tay. Tôi đã định dọn rồi, nhưng cô về hơi sớm.”

Tôi thò tay xuống cái đèn vừa bị hất đổ trên sàn, nhưng Emily cản lại.

“Không sao đâu, Ray. Thực sự không có sao hết. Chúng ta rồi sẽ xử lý hết chỗ này sau. Bây giờ anh cứ ngồi xuống nghỉ ngơi đã.”

“Thế này, Emily, tôi hoàn toàn hiểu đây là nhà cô. Nhưng sao cô phải lén vào lạng lẽ thế?”

“Tôi đâu có lén vào, tình yêu à. Tôi có gọi khi vào nhà, nhưng có vẻ như anh không ở nhà. Thế nên tôi ghé vào toa lét và đến khi tôi ra, ừm, rõ ràng là anh có nhà. Nhưng nhắc lại chuyện đó làm gì? Đâu có chuyện gì quan trọng. Tôi đã ở đây rồi, và chúng ta có thể hưởng một buổi chiều yên ả. Xin anh ngồi xuống đi, Raymond. Tôi sẽ pha trà.”

Tới câu đó thì cô đã quay người đi về phía bếp rồi. Tôi còn đang loay hoay với cái chụp đèn nên phải một lúc mới nhớ ra có gì trong bếp - và lúc này thì đã muộn. Tôi lắng nghe chờ phản ứng của cô, nhưng chỉ thấy yên lặng. Cuối cùng tôi bỏ cái chụp đèn xuống và ra tới cửa bếp.

Cái nồi vẫn đang lục đục reo vui, luồng hơi nước cuộn lên quanh cái đế giày chổng ngược. Cái mùi, mà cho đến giờ tôi vẫn hầu như không nhận

thấy, trong bếp nghe nặng hơn nhiều. Nó vừa hăng, hăng là thế, lại vừa thoang thoảng mùi cà ri. Trên hết, nó gợi lên những lúc ta rút chân ra khỏi giày sau một chuyến cuộc bộ dài tắm mồ hôi.

Emily đứng tránh xa cái bếp vài bước, ngóng cổ lên để nhìn được cái nồi càng rõ càng tốt từ một khoảng cách an toàn. Cô như mải mê với nó, và khi tôi cười lên khe khẽ để báo hiệu mình có mặt, cô còn không nhìn sang tôi, đừng nói quay sang.

Tôi lách qua người cô và ngồi xuống bàn bếp. Cuối cùng, cô quay sang tôi với một nụ cười hiền dịu. “Đây là một ý tưởng đáng yêu hết sức, Raymond ạ.”

Rồi, như không tuân theo ý cô, ánh mắt cô lại bị kéo về phía bếp.

Tôi nhìn thấy trước mặt mình lộ đường đổ nghiêng - và quyền nhật ký - và một cảm giác mệt mỏi khủng khiếp tràn ngập lấy tôi. Mọi chuyện bắt chợt òn trũ lên tôi, và tôi quyết định lối thoát duy nhất là dẹp bỏ mọi trò vờ vịt mà thú nhận. Hít một hơi dài, tôi nói:

“Thế này, Emily. Cái khung cảnh này có vẻ hơi kỳ quái. Nhưng tất cả là vì cuốn nhật ký của cô. Cuốn này đây.” Tôi mở tới trang bị hại chỉ cho cô. “Đúng là tôi vô cùng có lỗi, và tôi thực sự rất hối hận. Nhưng tình cờ là tôi đã mở nó ra, và rồi, ừm, tình cờ tôi làm nhàu trang sổ. Như thế này...” Tôi nhại lại động tác lúc trước một cách đỡ tàn hại hơn, rồi nhìn sang cô.

Ngạc nhiên làm sao, cô chỉ liếc quyển sổ lấy một cái vội vã rồi quay lại cái nồi, miệng nói: “Ôi, chỉ là ghi chép lật vạt thôi. Không có gì riêng tư đâu. Không cần phải lo về nó, Ray ạ.” Rồi cô tiến một bước tới gần hơn để quan sát cái nồi được kỹ hơn.

“Cô nói sao? Cô nói sao, không cần phải lo về nó à? Làm sao cô lại nói thế được?”

“Có chuyện gì thế, Raymond? Đây chỉ là chỗ để tôi ghi chép vớ vẩn khỏi quên thôi mà.”

“Nhưng Charlie nói cô sẽ lên cơn thái diễn!” Cơn phẫn nộ của tôi giờ gia tăng thêm bởi rành rành là Emily đã quên mất những gì cô viết về tôi.

“Thật à? Charlie bảo anh tôi sẽ nổi giận à?”

“Phải! Thực tình là anh ấy bảo có lần cô bảo anh ấy cô sẽ xẻo tóc anh ấy nếu có bao giờ anh ấy gõ vào cuốn sách bé bỏng này!”

Tôi không rõ về mặt ngỡ ngàng của Emily là vì điều tôi đang tuôn ra hay là do ngắm cái nôi. Cô ngồi xuống cạnh tôi và nghĩ ngợi một lúc.

“Không phải,” cuối cùng cô cũng nói. “Đây là về chuyện khác. Giờ tôi nhớ rõ rồi. Khoảng giờ này năm ngoái, Charlie suy sụp vì một chuyện gì đó và hỏi tôi sẽ làm gì trong trường hợp anh ấy tự tử. Anh ấy chỉ thử tôi thôi, anh ấy hèn lắm không làm nổi chuyện đó đâu. Nhưng anh ấy hỏi, nên tôi bảo nếu anh ấy làm chuyện đó tôi sẽ xẻo tóc anh ấy ra. Đây là lần duy nhất tôi nói câu đó với anh ấy. Ý tôi là, không phải ngày nào tôi cũng hát bài đó đâu.”

“Tôi không hiểu. Nếu anh ấy mà tự tử, cô sẽ làm thế với anh ấy thật à? Sau khi đã xong?”

“Chỉ là cách nói thôi mà, Raymond. Tôi chỉ đang cố diễn tả tôi ghét cái chuyện anh ấy tự hạ thủ mình đến mức nào. Tôi cố làm anh ấy cảm thấy mình được trân trọng.”

“Cô không hiểu ý tôi. Nếu cô làm thế sau khi mọi sự đã xong thì đây không hẳn là cách ngăn ngừa, phải không? Hoặc có lẽ cô đúng, đây là cách...”

“Raymond, quên chuyện đó đi. Quên hết mọi chuyện này đi. Có món cừ hầm từ hôm qua, vẫn còn lại hơn một nửa. Tôi qua ăn đã khá ngon, tối nay sẽ càng ngon hơn. Và chúng ta có thể mở một chai Bordeaux ngon tuyệt. Anh nghĩ đến chuyện nấu bữa tối cho chúng ta là hay lắm đấy. Nhưng thịt cừ hầm có lẽ là thích hợp với tối nay hơn cả, anh nghĩ sao?”

Mọi ý định giải thích bây giờ đã vượt quá sức tôi. “Được rồi, được rồi. Cừ hầm. Tuyệt diệu. Được, được.”

“Thế thì... giờ chúng ta cắt *cái này* đi được không?”

“Được, được. Làm ơn. Xin cô cắt nó đi.”

Tôi đứng dậy quay lại phòng khách - tất nhiên vẫn còn là cái bãi rác, nhưng tôi không còn sức lực để bắt tay dọn dẹp. Thay vào đó tôi nằm xuống xô pha và nhìn lên trần nhà. Có một lúc tôi nhận thấy Emily đi vào phòng, cứ nghĩ cô sẽ đi qua tới hành lang, nhưng rồi nhận ra cô đang cúi người trong góc phòng đằng kia, loay hoay với dàn hifi. Ngay sau đó, căn phòng đã tràn đầy tiếng đàn dây ngọt lịm, tiếng kèn ảo não, và giọng Sarah Vaughan hát “Lover man”.

Cảm giác nhẹ nhõm và ấm áp chiếm lấy tôi. Gật đầu đánh nhịp theo tiết tấu chậm, tôi nhắm mắt, nhớ lại bao nhiêu năm về trước, trong phòng ký túc của cô, cô và tôi đã cãi cọ hơn một giờ xem Billie Holiday có thật là luôn hát bài này hay hơn Sarah Vaughan không.

Emily chạm vào vai tôi và đưa tôi ly vang đỏ. Cô đã khoác tạp dề có bèo ra ngoài bộ đồ công sở và cũng cầm một ly cho mình. Cô ngồi xuống đầu bên kia xô pha, bên chân tôi, và nhấp một ngụm. Rồi cô lấy điều khiển vặn nhỏ tiếng.

“Thật là một ngày kinh khủng,” cô nói. “Tôi không chỉ nói công việc, cái đó thì rồi tanh bành rồi. Tôi nói chuyện Charlie đi, mọi thứ. Đừng nghĩ tôi không buồn vì chuyện đó, anh ấy thì đi nước ngoài trong khi chúng tôi vẫn chưa làm lành. Rồi thì, chất thêm lên mọi thứ, cuối cùng anh cũng rơi nhào khỏi mép vực.” Cô thở ra một tiếng dài.

“Không đâu, thật đấy, Emily, không tệ đến thế đâu. Thứ nhất, Charlie coi cô hơn mọi thứ trên đời. Còn tôi thì, tôi khỏe. Tôi khỏe lắm.”

“Nhảm nhí.”

“Không, thật đấy. Tôi rất khỏe...”

“Ý tôi là chuyện Charlie coi tôi hơn mọi thứ trên đời.”

“Ồ, tôi hiểu. À, nếu cô nghĩ chuyện đó là nhảm nhí thì cô nhầm to rồi. Thực tế là, tôi biết Charlie yêu cô hơn lúc nào hết.”

“Làm sao mà anh biết được, Raymond?”

“Tôi biết vì... à, thứ nhất là anh ấy đã ít nhiều nói thể với tôi, khi chúng tôi ăn trưa. Và ngay cả nếu anh ấy không nói ra mồm thì tôi vẫn đoán được.

Thế này, Emily, tôi biết mọi chuyện bây giờ đang hơi khó khăn. Nhưng cô phải nắm lấy điều cốt yếu nhất. Đây là anh ấy vẫn yêu cô nhiều lắm.”

Cô thở dài thêm cái nữa. “Anh biết không, tôi không nghe đĩa này từ lâu lắm rồi. Đây là tại Charlie. Nếu tôi mà bật loại nhạc này lên là anh ấy lập tức rên rĩ.”

Chúng tôi không nói gì thêm trong một lúc, chỉ lắng nghe Sarah Vaughan. Rồi khi chuyển sang phần giang tấu, Emily nói: “Tôi đoán là, Raymond ạ, anh thích bản kia hơn. Bản Sarah chỉ hát với piano và trống thôi ấy.”

Tôi không đáp, chỉ ngồi thẳng dậy một chút để dễ uống rượu hơn.

“Tôi đoán chắc là thế,” cô nói. “Anh thích bản kia hơn. Phải vậy không, Raymond?”

“Chà,” tôi nói, “tôi không biết nữa. Nói thật với cô, tôi không nhớ bản kia thế nào.”

Tôi cảm thấy được Emily cựa mình ở đầu xô pha. “Anh đùa, Raymond.”

“Nói ra thì buồn cười, nhưng dạo này tôi không nghe cái này nhiều lắm nữa. Thực ra là tôi đã gần như quên sạch nó rồi. Tôi còn không biết chắc bài đang chơi này là bài gì nữa.” Tôi cười một tiếng khẽ, nghe có vẻ không đạt lắm.

“Anh nói cái gì vậy?” Giọng cô bỗng nhiên cáu kỉnh. “Thật nực cười. Trừ phi đã phẫu thuật não thì thôi, không thể nào anh lại quên được.”

“À. Đã nhiều năm trôi qua rồi. Cuộc đời thay đổi.”

“Anh nói cái gì vậy?” Bây giờ giọng cô thoáng vẻ sợ hãi. “Không thể thay đổi nhiều thế được.”

Tôi đang khẩn thiết muốn chuyển chủ đề. Thế nên tôi nói: “Thật tiếc là công việc của cô lại đang rối lên.”

Emily không thêm quan tâm. “Nghĩa là anh nói gì cơ? Anh nói anh không thích *cái này* à? Anh muốn tôi tắt nó đi, phải thế không?”

“Không, không, Emily, đừng, nhạc hay lắm. Nó... nó khiến tôi nhớ nhiều điều. Xin cô, chúng ta hãy quay lại im lặng và thoải mái, như mới một phút trước.”

Cô thở dài lần nữa, và khi nói tiếp giọng cô đã lại dịu dàng.

“Tôi xin lỗi, bạn yêu quý. Tôi quên mất. Chỉ còn thiếu có nước đó, tôi đi quét tháo anh. Tôi xin lỗi lắm.”

“Không, không, không sao đâu.” Tôi đu người ngồi thẳng dậy. “Cô biết không, Emily, Charlie là một người đàn ông hoàng. Một người rất đàn ông. Và anh ấy yêu cô. Cô không thể có được gì hơn đâu, cô biết đấy.”

Emily nhún vai và uống một ngụm. “Chắc là anh nói đúng. Và chúng tôi không còn trẻ trung gì nữa. Chúng tôi cũng tẻ như nhau thôi. Chúng tôi nên tự nghĩ là mình may mắn. Nhưng chẳng bao giờ chúng tôi thấy hài lòng. Tôi không hiểu vì sao. Vì mỗi lần nghĩ về chuyện đó, tôi đều nhận ra mình không cần một ai khác.”

Trong khoảng một phút sau đó, cô chỉ ngồi nhấp rượu và lắng nghe tiếng nhạc. Rồi cô nói: “Anh biết không, Raymond, những khi anh trong một buổi tiệc, giờ khiêu vũ. Có thể đấy là một điệu slow, và anh đang ở bên người anh thực sự muốn ở bên, và toàn bộ căn phòng đang ra phải biến mất. Nhưng không hiểu sao nó không biến mất. Nó không chịu. Anh biết không có ai đáng yêu bằng nửa con người đang trong tay anh. Thế mà... ừm, có bao nhiêu người ở đây mọi chỗ trong phòng. Họ không chịu để anh lại một mình. Họ cứ la hét và vẫy gọi và làm đủ trò ngu si bắt anh phải chú ý. ‘Ê! Làm sao cô lại bằng lòng với hắn được? Cô có thể oách hơn nhiều mà! Nhìn ra đây này!’ Giống như là họ cứ liên tục hét lên như thế. Và sự tình trở nên vô vọng, anh không thể cứ lặng lẽ khiêu vũ với người của anh. Anh có hiểu tôi nói gì không, Raymond?”

Tôi nghĩ một lúc, rồi trả lời: “Chà, tôi không gặp may như cô và Charlie. Tôi không có ai đặc biệt như hai người cả. Nhưng phải, cách nào đó, tôi có hiểu cô nói gì. Khó mà biết được đến đâu thì dừng lại. Đạt được cái gì thì dừng lại.”

“Chính thế. Tôi ước gì họ thôi đi, cái bọn không mời mà tới ấy. Tôi ước gì họ thôi đi và để chúng tôi yên.”

“Cô biết không, Emily, lúc này tôi không nói dối đâu. Charlie coi cô hơn mọi thứ trên đời. Anh ấy buồn bực vô cùng vì mọi chuyện giữa hai người dạo này không ổn.”

Cô gần như đang xoay lưng về phía tôi, và im lặng mất một lúc. Rồi Sarah Vaughan cất tiếng hát bài hát tuyệt diệu, có lẽ chậm rãi quá mức của mình, “April in Paris”, và Emily choàng dậy cứ như Sarah vừa gọi tên cô. Rồi cô quay sang tôi lắc đầu.

“Tôi không thể chấp nhận được, Ray. Tôi không thể chấp nhận được là anh lại không nghe loại nhạc này nữa. Chúng ta từng nghe tất cả những đĩa này hồi ấy. Trên cái máy quay đĩa nhỏ mẹ mua cho tôi trước khi vào đại học. Làm sao anh quên dễ dàng thế được?”

Tôi đứng dậy đi tới cánh cửa kính đôi, ly vẫn cầm trên tay. Khi nhìn ra sân hiên, tôi nhận ra mắt mình đã dâng đầy nước. Tôi mở cửa bước ra ngoài để có thể lau đi mà không bị Emily nhìn thấy, nhưng lúc đó cô đi theo ngay đằng sau, nên có thể cô vẫn thấy, tôi không biết nữa.

Buổi chiều nay âm áp một cách yên bình, và Sarah Vaughan cùng dàn nhạc lững lờ theo ra sân hiên. Sao trời sáng hơn trước, và ánh đèn khu lân cận vẫn lấp lánh như một mảng sao sa xuống đất.

“Tôi tuyệt đối thích bài này,” Emily nói. “Tôi nghĩ chắc anh quên cả bài này rồi. Nhưng nếu anh có quên nữa, thì anh cũng có thể nhảy theo nhạc, phải không?”

“Được. Tôi nghĩ là nhảy được.”

“Chúng ta có thể giống như Fred Astaire và Ginger Rogers.”

“Đúng thế.”

Chúng tôi đặt hai ly rượu lên cái bàn đá và bắt đầu nhảy. Chúng tôi nhảy không giỏi lắm - chúng tôi liên tục va đầu gối vào nhau, nhưng tôi ôm Emily thật gần, và các giác quan tôi xông đầy cảm giác về áo quần cô, tóc cô, làn da cô. Ôm cô thế này, tôi lại nhận ra lần nữa cô đã lên cân thế nào.

“Anh nói đúng, Raymond,” cô nói, thầm thì vào tai tôi. “Charlie không sao cả. Chúng tôi phải tìm cách giải quyết.”

“Đúng thế.”

“Anh thật là một người bạn tốt, Raymond à. Không có anh chúng tôi biết phải làm sao?”

“Nếu tôi là một người bạn tốt thì tôi mừng lắm. Vì ngoài ra thì tôi chẳng làm tốt cái gì cả. Thực ra thì tôi khá là vô dụng, thật đấy.”

Tôi cảm thấy cô kéo mạnh vai mình.

“Đừng nói thế,” cô thì thầm. “Đừng suy nghĩ như thế.” Rồi một lúc sau, cô nhắc lại. “Anh thật là một người bạn tốt, Raymond.”

Đây là bản “April in Paris” của Sarah Vaughan thu âm năm 1954, với Clifford Brown thổi kèn trumpet. Thế nên tôi biết bài này khá dài, ít nhất phải tám phút. Tôi thấy vui lòng vì chuyện đó, bởi tôi biết rằng sau khi nhạc hết chúng tôi sẽ không còn nhảy nữa, mà sẽ vào nhà ăn cừu hầm. Và biết đâu đấy, Emily có thể xem xét lại việc tôi đã làm với cuốn nhật ký, và lần này quyết định rằng đó không phải là một tội lỗi vặt vãnh nữa. Làm sao tôi biết được? Nhưng ít nhất trong vòng vài phút nữa, chúng tôi vẫn an toàn, và chúng tôi đang nhảy dưới bầu trời đầy sao.

Khu đòi Malvern

Cả mùa xuân tôi đã ở Luân Đôn, và tổng kết lại, tuy không làm được hết mọi thứ đã định song đây cũng là một quãng dừng lý thú. Nhưng tuần lại tuần trôi qua và mùa hè gần tới, cảm giác bồn chồn quen thuộc lại trở về. Một phần trong đó là nỗi kinh sợ mơ hồ mình sẽ lại đụng phải bạn cũ hồi đại học nào đó nữa. Mỗi lần tôi dạo quanh Camden Town, hay lục qua những CD dang dở cũng không đủ tiền mua trong các đại siêu thị khu West End, đã có quá đủ người đến chào tôi, hỏi han tôi thế nào, từ thuở rời ghế nhà trường để “kiếm tìm giàu sang và danh vọng” cho đến bây giờ. Không phải tôi ngượng không dám kể cho họ mình đã trải qua những gì. Chẳng qua là - trừ một số rất ít - không ai trong số họ có khả năng hiểu được, đối với tôi tại thời điểm này, cái gì có thể tính hoặc không tính là vài tháng “thành công”.

Như đã nói, tôi không đạt được tất cả các mục tiêu đề ra, nhưng đằng nào thì chúng vẫn là các mục tiêu dài hạn. Và mỗi cuộc diễn thử, ngay cả những cuộc tế nhạt nhất, đều là một kinh nghiệm quý báu vô chùng. Gần như mỗi lần, tôi đều thu nhặt được điều gì đó, một điều mới mẻ về không khí ở Luân Đôn, nếu không thì cũng về công nghiệp âm nhạc nói chung.

Một số buổi diễn thử mang dáng dấp khá chuyên nghiệp. Anh sẽ thấy mình trong một cái nhà kho, hoặc một khu ga ra cải biên, và có một ông bầu, mà cũng có thể là bạn gái một người trong ban, ghi tên anh, yêu cầu anh đợi, mời anh dùng trà, trong lúc âm thanh từ chỗ ban nhạc, hết dừng rồi lại nổi, thỉnh thoảng từ bên cạnh đó vọng sang. Nhưng chủ yếu các cuộc diễn thử xảy ra lộn xộn hơn nhiều. Thực tế thì, cứ xem hầu hết các ban nhạc xử lý công việc thế nào, anh sẽ không còn băn khoăn không hiểu tại sao toàn bộ ngành âm nhạc Luân Đôn đang giãy chết. Hết lần này đến lần khác, tôi đã đi qua hàng dãy nhà liên kế quê mùa không tên bên rìa thành phố, đã vác cây ghi ta thùng lên thang gác, đã vào một căn phòng bốc mùi xú khảm bày đầy nệm giường cùng túi ngủ trên sàn, cùng các nghệ sĩ nói năng lúng búng và hiem khi nhìn thẳng vào mắt anh. Tôi đã hát và chơi đàn trong lúc họ nhìn tôi mà chẳng lộ vẻ gì, cho đến khi một trong số họ có lẽ sẽ kết thúc bằng câu kiểu như: “Vâng, được rồi. Cám ơn anh, nhưng đây không hẳn là loại nhạc của chúng tôi.”

Tôi nhanh chóng hiểu ra rằng hầu hết các cậu này đều nhút nhát hoặc hăng hái là ngược ngùng vì chuyện diễn thử, và nếu tôi tán chuyện về những đề tài khác thì họ sẽ thoải mái hơn nhiều. Đây là lúc tôi nhận được đủ thứ thông tin hữu ích: club nào hay ho, ban nhạc nào đang thiếu ghi ta. Hoặc đôi khi chỉ là gợi ý về một ngón hay cần thử. Đã nói rồi, tôi không tay trắng mà đi bao giờ.

Về tổng thể, người ta khá thích tiếng đàn của tôi, rất nhiều người còn bảo giọng tôi sẽ đáng giá khi vào bè đệm. Nhưng có thể nhanh chóng thấy rằng có hai yếu tố chống lại tôi. Thứ nhất là tôi không có đồ nghề. Rất nhiều ban nhạc cần một người có đủ ghi ta điện, âm li, loa, xe nữa thì càng tốt, sẵn sàng trám ngay vào lịch diễn của họ. Tôi chỉ có hai chân cùng cây ghi ta thùng khá ghê lở. Cho nên dù có khoái lối phối nhịp hay giọng hát của tôi đến cỡ nào, họ cũng không có cách nào khác ngoài mời tôi ra cửa. Điều này thì có thể hiểu được.

Trở ngại thứ hai thì khó chấp nhận hơn nhiều - và phải nói hoàn toàn làm tôi chùng hứng. Thực tế là, vấn đề nằm ở chỗ tôi tự sáng tác bài hát. Thật không thể tin nổi. Tôi đến đó, vào một căn hộ bê bối, chơi cho những khuôn mặt vô cảm tùm tùm xung quanh, rồi đến khi dứt, sau một khoảng im lặng phải đến mười lăm, ba mươi giây, một người sẽ nghi hoặc hỏi: “Thế bài này là của ai vậy?” Và khi tôi nói là do tôi sáng tác, anh sẽ thấy lưng quay về phía anh. Vai sẽ nhún, đầu sẽ lắc, nụ cười kín đáo chuyển từ người này sang người khác, rồi họ sẽ đọc cho tôi diễn văn từ chối.

Lần thứ một trăm gặp phải chuyện này, tôi mất hết kiên nhẫn liền nói: “Này, tôi không hiểu nổi. Các cậu muốn suốt đời chỉ hát cover hay sao? Và ngay cả nếu các cậu muốn thế đi nữa thì những bài hát đó, các cậu nghĩ xem chúng nó từ đâu đến? Phải, đúng rồi đấy. Đều có người viết ra cả!”

Nhưng người đối thoại chỉ nhìn tôi dửng dưng, và nói: “Nói thì đừng giận, bô ạ. Chẳng qua là có quá nhiều gã vô tích sự chỉ suốt ngày sáng tác thôi.”

Cái thái độ ngu ngốc này, mà hình như đã lây lan khắp Luân Đôn, là điều chính yếu thuyết phục tôi rằng có gì đó đã hoàn toàn mục ruỗng rồi, không thì ít nhất cũng cực kỳ hời hợt và giả tạo ở đây, ở ngay tầng cơ sở, và không nghi ngờ gì nữa đây là tấm gương phản ánh những gì đang diễn ra trong ngành âm nhạc ở những bậc trên cùng.

Chính cái phát hiện này, cộng thêm chuyện mùa hè đến gần mà tôi đã sắp hết nơi có thể ngủ được, khiến tôi nghĩ rằng dù Luân Đôn có quyền rũ đến đâu - so ra thì thời đại học của tôi khá là ảm đạm - thì rời khỏi thành phố ít lâu cũng là có lợi. Thế nên tôi gọi cho chị gái, Maggie, đang cùng chồng quản lý một quán cà phê trên Malvern Hills, và đây là lý do vì sao tôi sẽ đến ở cả mùa hè với họ.

Chị Maggie hơn tôi bốn tuổi, lúc nào cũng lo lắng vì tôi, cho nên tôi biết nếu mình đến chị sẽ ủng hộ hết sức. Thực tế là, tôi còn thấy chị sẽ mừng vì có thêm một tay một chân. Khi nói quán của chị ở Malvern Hills, ý tôi không phải là ở khu trung tâm hay xuôi xuống đường A, mà theo nghĩa đen là ở giữa khu đồi. Đây là một tòa nhà cũ kiểu Victoria đứng lẻ loi ngoảnh về phía Tây, nên khi nào trời đẹp anh có thể mang trà và bánh ra quán ngoài sân thưởng thức khung cảnh toàn Herefordshire. Maggie và Geoff phải cho quán nghỉ trong mùa đông, nhưng hè thì bao giờ cũng kín khách, hầu hết là dân trong vùng - sau khi bỏ xe lại trong bãi xe West of England quãng một trăm thước bên dưới và vừa thờ vừa đi lên đường mòn, mang xăng đan mặc váy hoa - nếu không thì là một binh đoàn cuộc bộ cầm bản đồ và nai nịt tận răng.

Maggie nói chị và Geoff không có tiền trả tôi, khiến tôi càng mừng vì như vậy nghĩa là tôi không bị đòi hỏi phải làm việc cật lực cho họ. Dù sao thì, bởi tôi trú luôn tại đây nên có vẻ như họ ngầm hiểu tôi là nhân viên thứ ba của quán. Cũng không rõ ràng lắm, và mấy ngày đầu thì Geoff - đặc biệt là Geoff - có vẻ muốn nỗ đầu vì không biết nên đá đít tôi vì tôi không đủ chăm chỉ hay nên xin lỗi rồi rít mỗi lần bảo tôi làm gì, như thể tôi là khách ở đây. Nhưng rồi cũng nhanh chóng vào nền nếp. Việc ở đây cũng dễ dàng - tôi khá nhất cái khoản làm bánh xăng ụch - và đôi khi tôi phải tự nhắc mình nhớ lại mục đích chính khi đi về vùng quê: ấy là tôi sẽ sáng tác một loạt bài hát mới, sẵn sàng quay lại Luân Đôn khi nào sang thu.

Về bản chất thì tôi là người dậy sớm, nhưng tôi nhanh chóng nhận ra rằng bữa sáng trong quán là một cơn ác mộng, khách ăn đòi trứng phải thế này, bánh mì nướng thế kia, cái gì cũng thành quá lửa. Thế nên tôi định tâm không bao giờ ló mặt xuống trước mười một giờ. Giữa những tiếng loảng xoảng từ tầng dưới vọng lên, tôi mở cái cửa sổ kiểu lồi lớn trong phòng, ngồi trên bệ cửa rộng vừa chơi đàn ghi ta vừa ngắm hàng dăm đồng quê trước mắt. Có một chuỗi mấy buổi sáng liền cực kỳ trong trẻo ngay sau khi tôi đến,

và cảm giác thật huy hoàng, như là tôi có thể nhìn đến vô cùng tận, và khi tôi gảy những hợp âm, chúng rung lên cho cả đất nước cùng nghe. Chỉ đến khi xoay mình lại và thò đầu ra ngoài cửa sổ, tôi mới nhìn thấy toàn cảnh quán ngoài sân bên dưới, và nhận ra là có những người ra ra vào vào dất theo chó hay xe nô.

Tôi không phải là khách lạ ở đây. Maggie và tôi lớn lên chỉ cách đây vài dặm ở Pershore và bố mẹ vẫn hay đưa chúng tôi đi dạo trên đồi. Nhưng hồi ấy tôi chẳng bao giờ hào hứng lắm, và ngay khi lớn một chút là tôi không chịu đi cùng nữa. Thế nhưng mùa hè năm nay, tôi thấy đây là nơi chốn đẹp nhất trần gian, thấy rằng theo nhiều nghĩa tôi đã sinh ra ở khu đồi này và thuộc về khu đồi này. Có thể đó còn là do bố mẹ chúng tôi đã chia tay, do thời gian gần đây ngôi nhà nhỏ màu xám đối diện hiệu cắt tóc không còn là nhà “mình” nữa. Dù là lý do gì thì lần này, thay vì cảm giác bức bối ngột ngạt còn nhớ từ hồi bé, tôi cảm thấy một niềm âu yếm, gần như nhung nhớ, đối với vùng này.

Tôi nhận ra mình dạo chơi trên những ngọn đồi gần như hằng ngày, đôi lúc mang cả đàn theo nếu biết chắc trời không mưa. Tôi thích nhất là Đồi Bàn và Đồi Cuối, ở đầu phía Bắc rặng đồi, dù chúng thường bị những đoàn dã ngoại trong ngày bỏ lỡ. Ở đó tôi có thể chìm đắm trong suy nghĩ suốt hàng giờ mà không gặp lấy một người. Cứ như tôi đang khám phá ra khu đồi lần đầu tiên, và tôi gần như có thể nếm được ý tưởng về những bài hát mới đang trào lên trong trí.

Nhưng làm việc ở quán cà phê thì lại là chuyện khác. Thỉnh thoảng một giọng nói vang lên, hay một khuôn mặt đến bên quầy trong lúc tôi đang làm xa lát, giật tôi trở lại với quãng đời lúc trước. Bạn bè cũ của bố mẹ đôi lúc đến căn vặn tôi dạo này làm những gì, và tôi sẽ phải đáp quanh đến khi họ quyết định tha cho tôi. Thường thì họ sẽ kết thúc đại loại như: “À, ít nhất thì cậu cũng đang bận rộn,” vừa nói vừa gật gật về phía bánh mì và cà chua thái lát, trước khi ngật ngưỡng trở lại bàn với cốc tách trên tay. Hoặc ai đó từng quen hồi đi học sẽ ghé vào và nói chuyện với tôi bằng cái giọng “đại học” họ vừa mới có, có thể là mở xẻ tập phim Batman mới nhất bằng thứ ngôn từ thông thái, hay thuyết giảng về những nguyên nhân sâu xa của nạn nghèo đói toàn cầu.

Tôi không thực sự lấy những chuyện đó làm điều. Thực tế là, vài người trong số họ tôi còn rất mừng được gặp. Nhưng một trong số những người

đến quán mùa hè ấy, ngay khi nhìn thấy, tôi đã nghe đông cứng toàn thân, và đến khi tôi nghĩ ra cách lẩn vào trong bếp trốn thì bà ta đã thấy tôi rồi.

Đấy là cô Fraser - hoặc Mụ Fraser, như chúng tôi vẫn gọi. Tôi nhận ra ngay khi bà ta vào quán với một con chó bull nhỏ vậy bùn. Tôi những muốn bảo bà ta không được mang chó vào quán, dù những người khác vẫn làm thế mỗi lần ghé vào lấy đồ. Mụ Fraser ngày xưa là cô giáo của tôi ở trường Pershore. Nhờ ơn Chúa mà bà ta nghỉ dạy trước khi tôi vào năm cuối, nhưng trong ký ức tôi cái bóng bà ta phủ xuống toàn bộ sự nghiệp học hành. Không có bà ta thì trường cũng không đến nỗi nào, nhưng bà ta đã nhắm vào tôi ngay từ ngày đầu, mà khi mới mười một tuổi thì anh chẳng thể làm gì để tự vệ trước một nhân vật như thế. Những mảnh khốc của bà ta cũng giống như mọi giáo viên khùng khác, như là hỏi tôi trong giờ đúng những câu bà ta cảm thấy tôi sẽ không đáp nổi, rồi bắt tôi đứng lên cho cả lớp cười nhạo. Về sau, chúng có trở nên tinh vi hơn. Tôi nhớ một lần, khi tôi mười bốn tuổi, một thầy giáo mới, tên là thầy Travis, cò đùa với tôi trong lớp. Không phải mang tôi ra đùa, mà như ngang hàng với nhau, và cả lớp cười, và tôi đã thấy vui vui. Nhưng chỉ mấy ngày sau, tôi đi dọc hành lang còn thầy Travis đi từ đầu kia lại, vừa đi vừa nói chuyện với *bà ta*, và khi tôi đi qua bà ta chộp lấy tôi mà phun ra thứ của khí gì đó về chuyện nộp bài muộn hay gì đấy. Vấn đề là bà ta làm thế cốt để thầy Travis biết tôi là một đứa “cá biệt”, rằng nếu thầy có trót nghĩ tôi thuộc vào số những học trò đáng để thầy coi trọng thì thầy nhắm to rồi. Có thể vì bà ta đã già, tôi cũng không biết, nhưng những thầy cô khác hình như không bao giờ nhìn thấu được lòng dạ bà ta. Ai cũng coi lời bà ta như sấm.

Khi Mụ Fraser đi vào hôm ấy, thấy rõ là bà ta nhận ra tôi, nhưng bà ta không cười hay gọi tên tôi gì cả. Bà ta mua một tách trà và một gói bánh quy kem, rồi mang ra ngoài sân. Tôi nghĩ thế là xong. Nhưng rồi một lát sau, bà ta lại quay vào, đặt cái tách đã cạn và đĩa xuống quầy rồi nói: “Vì anh không định dọn bàn nên tôi đã tự mang vào đây.” Bà ta ném cho tôi cái nhìn độ một hay hai giây lâu hơn bình thường - cái nhìn “giá mà tao bộp được tai mày” ngày xưa - rồi bỏ đi.

Nỗi căm giận với mụ chần tinh bùng lại trong tôi, và đến khi Maggie xuống quầy mấy phút sau thì tôi đã hoàn toàn bốc hỏa. Chị nhận thấy ngay, liền hỏi có chuyện gì. Ngoài sân có mấy người khách, nhưng trong nhà không có ai, thế nên tôi bắt đầu quát tháo, rủa Mụ Fraser bằng mọi thứ tên bản thủ xứng với mụ. Maggie dỗ tôi bình tĩnh lại, rồi nói:

“Mà đằng nào bà ấy cũng chẳng dạy dỗ ai nữa đâu. Chỉ còn là một bà già tội nghiệp có ông chồng đã bỏ nhà đi.”

“Chẳng có gì lạ.”

“Nhưng cũng phải thấy thương hại bà ta. Đúng lúc bà ta nghĩ mình có thể về hưu yên ổn thì ông ta bỏ đi với một người trẻ hơn. Và bây giờ bà ta phải trông coi cái nhà trọ một mình và người ta bảo cái chỗ ấy chả còn ra thể thống gì nữa cả.”

Tin ấy làm tôi vui không kể xiết. Tôi cũng nhanh chóng quên ngay Mụ Fraser, vì một nhóm khách đi vào và tôi phải làm thêm mấy đĩa xa lát cá ngừ. Nhưng vài ngày sau nói chuyện với Geoff trong bếp, tôi moi được thêm vài thông tin: rằng ông chồng từ bốn chục năm nay đã đi mất với cô thư ký, và rằng cái nhà khách của họ đã có một khởi đầu thuận lợi, nhưng bây giờ chỉ nghe kháo chuyện khách đòi lại tiền phòng, hay trả phòng chỉ vài giờ sau khi đến. Tôi đã một lần nhìn thấy tận mắt nhà khách ấy khi giúp Maggie chở về một lượng hàng mua sỉ và chạy xe ngang qua. Nhà khách của Mụ Fraser ở ngay trên Tuyến đường Elgar^[1], một căn nhà đá hoa cương khá bề thế với một tấm bảng ngoại cỡ viết “Trú quán Malvern”.

[1] Tuyến đường bốn mươi dặm nối những điểm tham quan gắn với nhà soạn nhạc Edward Elgar.

Nhưng tôi không muốn nói về Mụ Fraser nhiều quá. Không phải tôi bị mụ hay cái nhà khách đó ám ảnh. Tôi chỉ kể lại những điều này ở đây là bởi cái chuyện sẽ xảy ra về sau, khi đến lượt Tilo và Sonja.

Geoff hôm ấy đã đi vào khu trung tâm, nên chỉ có tôi và Maggie cầm cự. Giờ ăn trưa cao điểm đã qua, nhưng tới lúc “đôi Đức” vào thì chúng tôi vẫn còn khá rộn. Tôi đã phân loại họ trong đầu là “đôi Đức” ngay khi nghe giọng. Không phải tôi phân biệt chủng tộc hay gì. Nếu phải đứng quầy và ghi nhớ xem ai không thích củ cải đỏ, ai muốn thêm bánh mì, ai gọi gì tính vào hóa đơn nào, anh không còn cách nào khác là phải biến các khách ăn thành nhân vật, gán cho họ cái tên, lấy ra những đặc điểm ngoại hình. Mặt Lừa gọi bữa thợ cày hai cà phê. Mì dài cá ngừ mayonnaise cho Winston Churchill và phu nhân. Tôi xoay xử bằng cách ấy. Thế nên Tilo và Sonja trở thành “đôi Đức”.

Chiều hôm đó rất nóng, nhưng hầu hết khách hàng - vì là người Anh - vẫn muốn ngồi ngoài sân, một số thậm chí còn tránh cái dù để mình có thể đỏ rục lên trong nắng. Nhưng đôi Đức quyết định ngồi trong nhà hưởng bóng râm. Họ đều mặc quần dài thụng màu lông lạc đà, áo thun, đi giày thể thao, nhưng không hiểu sao trông vẫn bảnh bao, cái lối của những người từ đại lục. Tôi đoán họ chừng bốn chục, có thể đầu năm chục - tôi chưa để ý nhiều tại thời điểm đó. Họ vừa ăn trưa vừa khẽ trò chuyện với nhau, và họ không có vẻ gì lạ ngoài một cặp vợ chồng châu Âu trung tuổi, hòa nhã. Rồi sau một lúc, ông chồng đứng dậy đi lại quanh phòng, dừng lại nhìn kỹ một bức ảnh cũ đã mờ Maggie treo trên tường, chụp ngôi nhà từ năm 1915. Rồi ông ta dang rộng đôi tay mà nói:

“Vùng quê của các bạn thật tuyệt vời! Ở Thụy Sĩ chúng tôi có nhiều núi đẹp. Nhưng của các bạn ở đây thì khác. Các bạn có đồi. Các bạn gọi chúng là đồi. Chúng có vẻ quyến rũ riêng vì chúng hiền hòa và thân thiện.”

“Ồ, ông bà là người Thụy Sĩ,” Maggie nói bằng giọng lễ độ. “Tôi muốn đến Thụy Sĩ từ lâu. Nghe kể về nó thật tuyệt, dãy Alps và cáp treo.”

“Tất nhiên, nước chúng tôi có nhiều cảnh đẹp. Nhưng ở đây, ở chỗ này, các bạn có vẻ quyến rũ đặc biệt. Chúng tôi đã muốn đến thăm vùng này ở Anh từ lâu rồi. Chúng tôi cứ nói về nó mãi, và cuối cùng giờ chúng tôi đã đến!” Ông ta cười lên thành thật. “Thật mừng đến được đây!”

“Tuyệt quá,” Maggie nói. “Tôi rất mong ông thích nơi này. Ông bà có ở lại lâu không?”

“Chúng tôi còn ba ngày nữa trước khi phải quay về công việc. Chúng tôi đã mong muốn đến đây kể từ khi chúng tôi xem một bộ phim tài liệu xuất sắc nhiều năm trước, nói về Elgar. Rõ ràng là Elgar rất yêu những ngọn đồi này và từng thăm thú mọi góc ngách bằng xe đạp. Và cuối cùng giờ chúng tôi đã đến!”

Maggie nói chuyện với ông ta một lúc nữa về những nơi ông ta đã đến thăm ở Anh, khuyên ông ta xem gì ở vùng này, những điều ta vẫn nói với khách du lịch. Cái đó tôi đã nghe hàng chục lần rồi, và tôi có thể tự tua bài đó gần như tự động, nên tôi bắt đầu ngãng ra. Tôi chỉ tiếp thu được rằng đôi Đức thực ra là người Thụy Sĩ và rằng họ đi du lịch bằng xe thuê. Ông ta cứ nhắc đi nhắc lại nước Anh tuyệt vời thế nào và người dân tử tế ra sao, và phá lên cười ha hả mỗi lần Maggie nói gì chỉ hơi có ý hài hước. Nhưng như đã

nói, tôi ngẩng ra, nghĩ rằng họ chỉ là một đôi vợ chồng khá buồn tẻ. Mỗi một lúc sau tôi mới lại chú ý, khi nhận ra ông chồng cứ cố gắng lôi kéo bà vợ vào câu chuyện, còn bà ta cứ lặng yên, mắt cắm vào quyển sách hướng dẫn, làm bộ không biết có câu chuyện nào. Đến lúc đó tôi mới tập trung nhìn kỹ hơn.

Cả hai người đều rám nắng một cách tự nhiên, đều đặn, hoàn toàn không giống cái vẻ tươm tước đầm đìa mồ hôi của mấy người dân vùng này ở ngoài kia, và dù đã lớn tuổi, họ đều có vẻ mảnh dẻ và rắn chắc. Ông chồng tóc đã ngả bạc, nhưng còn dày dặn, và chải cẩn thận, dù kiểu tóc phảng phất thập kỷ bảy mươi, hơi giống hai giọng nam trong ABBA. Bà vợ tóc bạch kim, gần như màu tuyết, với khuôn mặt nghiêm nghị, những khóe nhỏ vẽ quanh miệng làm hồng mắt vẻ mặt lẽ ra đã có thể là một mệnh phụ đẹp. Và thế là, như tôi đã nói, ông cố đưa bà vào câu chuyện.

“Tất nhiên, vợ tôi ưa Elgar lắm và rất háo hức được xem căn nhà nơi Elgar đã sinh ra.”

Im lặng.

Hoặc là: “Tôi không mê Paris, tôi phải thú nhận. Tôi thích Luân Đôn hơn. Nhưng còn Sonja, cô ấy thích Paris lắm.”

Vẫn không có gì.

Mỗi lần nói câu nào như thế, ông lại quay về bà vợ đang ngồi trong góc phòng, và Maggie cũng phải nhìn theo ra phía bà, nhưng bà vẫn không ngẩng lên khỏi quyển sách. Ông khách không vì thế mà tỏ ra buồn phiền và vẫn hờn hờ nói chuyện. Rồi ông ta lại dang hai tay mà nói: “Xin phép cô, chắc tôi sẽ ra ngoài một chút thưởng thức phong cảnh xinh đẹp ở đây!”

Ông ta đi ra, và chúng tôi thấy ông đi vòng quanh sân. Rồi ông ta biến mất khỏi tầm nhìn. Bà vợ vẫn ngồi trong góc, đọc quyển hướng dẫn, và một lúc sau Maggie đến bên bàn bắt đầu dọn dẹp. Bà khách coi như không có chị cho đến lúc chị cầm lấy cái đĩa vẫn còn một mẩu bánh nhỏ xíu, nhắc lên. Rồi bỗng dưng bà đập sầm quyển sách xuống bàn và nói, lớn giọng hơn nhiều so với cần thiết: “Tôi đã xong đâu!”

Maggie xin lỗi và để bà lại cùng miếng bánh - miếng bánh mà tôi thấy bà ta không hề tỏ ý muốn chạm vào. Maggie đưa mắt nhìn khi đi qua tôi và tôi nhún vai đáp lại. Rồi một lúc sau, chị tới hỏi bà khách, ngọt ngào hết sức,

liệu bà có muốn gọi thêm gì chẳng.

“Không. Tôi không cần gì nữa.”

Tôi nghe giọng nói có thể đoán được rằng nên để bà ta yên, nhưng với Maggie thì gần như đã thành phản xạ. Chị hỏi, như là chị thực sự quan tâm: “Mọi thứ ổn cả chứ ạ?”

Phải ít nhất năm hay sáu giây, bà khách vẫn ngồi đọc sách, như không nghe thấy gì. Rồi bà ta bỏ sách xuống và trừng mắt nhìn chị tôi.

“Vì cô đã hỏi,” bà ta nói, “tôi sẽ nói cô hay. Đồ ăn thì không có sao. Tốt hơn nhiều quán kinh khủng quanh đây của các người. Tuy nhiên, chúng tôi đã đợi ba mươi lăm phút chỉ để có một miếng xăng ụch và xa lát. Ba mươi lăm phút chẵn.”

Giờ tôi nhận ra bà này đang bùng bùng nổi giận. Không phải kiểu cơn giận thành linh đến, rồi nguôi đi. Không phải - bà này, như tôi thấy, đã nung lửa trắng được một lúc rồi. Đây là kiểu cơn giận đến rồi ở lại, không thay đổi, như một cơn nhức đầu nặng, không bao giờ lên đỉnh và không chịu tìm đường thoát thích hợp. Maggie lúc nào cũng cân bằng nên không nhận ra được triệu chứng này, chắc là chị nghĩ bà ta đang nêu một khiếu nại ít nhiều có lý. Vì tôi thấy chị xin lỗi và phân trần: “Nhưng bà cũng thấy, khi phải gặp giờ cao điểm như chúng tôi lúc này...”

“Rõ ràng là ngày nào cô cũng gặp, phỏng? Không phải thế phỏng? Ngày nào cũng thế, vào mùa hè, khi trời đẹp, sẽ có giờ cao điểm như thế? Hử? Thế thì làm sao cô không đối phó được? Một chuyện ngày nào cũng xảy ra mà lại khiến cô bất ngờ. Cô muốn nói với tôi thế phỏng?”

Nãy giờ bà ta trừng mắt nhìn chị tôi, nhưng khi tôi ra khỏi quầy đến đứng cạnh Maggie, bà ta chuyển ánh mắt sang tôi. Và có lẽ nhờ về mặt tôi lúc ấy, tôi thấy cơn giận của bà tăng thêm vài độ nữa. Maggie quay lại nhìn, nhẹ nhàng đẩy tôi ra chỗ khác, nhưng tôi cưỡng lại, và cứ nhìn lại bà ta. Tôi muốn bà ta biết không chỉ có bà ta và Maggie ở đây. Chúa biết được chuyện rồi sẽ đi đến đâu, nếu ông chồng không trở vào đúng lúc ấy.

“Cảnh tượng tuyệt đẹp làm sao! Cảnh tượng tuyệt đẹp, bữa trưa tuyệt vời, đất nước tuyệt vời!”

Tôi đợi ông ta nhận ra mình vừa bước vào vở kịch gì, nhưng nếu có nhận ra thì ông ta cũng không tỏ ra là có ghi nhận. Ông mỉm cười với vợ và nói bằng tiếng Anh, có lẽ là để chúng tôi cũng hiểu: “Sonja, em phải ra mà nhìn một cái. Chỉ cần đi đến cuối đường mòn ngoài kia thôi!”

Bà ta nói cái gì đó bằng tiếng Đức, rồi quay lại quyển sách. Ông ta tiến thêm vài bước vào phòng và bảo chúng tôi:

“Chúng tôi đã định lái đến Wales chiều nay. Nhưng khu đồi Malvern các bạn đẹp quá, có khi chúng tôi ở lại vùng này nốt ba ngày cuối kỳ nghỉ cũng được. Nếu Sonja đồng ý, tôi sẽ mừng vô cùng!”

Ông nhìn sang bà vợ, bà này nhún vai và nói thêm gì đó bằng tiếng Đức, khiến ông lại bật ra tiếng cười lớn, cởi mở của mình.

“Tốt lắm! Cô ấy đồng ý! Thế là quyết định. Chúng tôi sẽ không đi tới Wales nữa. Chúng tôi sẽ ở lại vùng các bạn nốt ba ngày nữa!”

Ông ta nhìn chúng tôi tươi rói, và Maggie nói vài câu động viên. Tôi nhẹ người thấy bà vợ cất sách và chuẩn bị đi. Cả ông chồng cũng đi lại bàn, nhắc cái ba lô nhỏ khoác lên vai. Rồi ông nói với Maggie:

“Tôi đang nghĩ. Không biết chẳng may có khách sạn nhỏ nào gần đây cô có thể giới thiệu cho chúng tôi không? Đừng đắt quá, tiện nghi và dễ chịu là được. Và nếu có thể thì có chút hương vị Anh quốc càng tốt!”

Maggie hơi bất ngờ trước câu hỏi và định hoãn binh bằng một câu vô nghĩa kiểu như: “Ông bà muốn ở nơi thế nào?” Nhưng tôi đã chen vào:

“Quanh đây nơi tốt nhất là của bà Fraser. Nó ở ngay trên đường tới Worcester. Nó tên là Trú quán Malvern.”

“Trú quán Malvern! Nghe đã thấy chuẩn rồi!”

Maggie quay đi về bất bình và vờ dọn dẹp vài thứ khác trong lúc tôi chỉ dẫn cặn kẽ cho họ làm thế nào tìm đến nhà khách của Mụ Fraser. Rồi hai vợ chồng đi, ông chồng cảm ơn với nụ cười hơn hớn, bà vợ không liếc lại lấy một cái.

Chị tôi quay nhìn tôi mệt mỏi và lắc đầu. Tôi chỉ cười và nói:

“Chị phải thừa nhận là bà này với Mụ Fraser thực sự hợp nhau. Một cơ hội quá đẹp không thể bỏ lỡ.”

“Với em mua vui như thế thì tốt rồi,” Maggie nói, đi qua tôi vào bếp. “Nhưng chị còn phải sống ở đây.”

“Thế thì sao? Đây, chị sẽ không bao giờ nhìn thấy đôi Đức ấy lần nữa. Còn nếu Mụ Fraser phát hiện ra chúng ta đang giới thiệu chỗ mụ cho khách du lịch đến đây thì có gì mụ ta phải phàn nàn?”

Maggie lại lắc đầu, nhưng lần này có gì đó như nét cười nhè nhẹ.

Quán trở nên tĩnh lặng hơn, rồi Geoff trở về, nên tôi đi lên tầng, bụng nghĩ mình đã làm quá phần mình hôm nay. Lên tới phòng, tôi ngồi lên bệ cửa sổ với cây đàn và chìm đắm một hồi vào một bài hát đang viết dở. Nhưng rồi - và hình như chưa được mấy chốc - tôi đã nghe bữa trà vào giờ cao điểm dưới nhà. Nếu quán trở nên cuồn loạn, mà gần như ngày nào cũng thế, Maggie thế nào cũng gọi tôi xuống - mà thế thì thật bất công, vì hôm nay tôi đã làm đến vậy rồi. Thế nên tôi quyết định khôn ngoan nhất là chuồn ra khu đồi và tiếp tục làm việc ở đó.

Tôi ra khỏi cửa sau mà không gặp ai, và lập tức thấy thoải mái được ra nơi thoáng đãng. Trời cũng khá ấm, nhất là khi đeo bao đàn trên lưng, và tôi mừng vì có gió nhẹ.

Tôi định bụng tới một chỗ vừa phát hiện được tuần trước. Muốn đến đó phải trèo lên một đường mòn dốc đằng sau nhà, rồi đi thêm vài phút trên chặng thoải thoải hơn đến khi tới một cái ghé dài. Vị trí này được tôi chủ tâm chọn, không chỉ vì khung cảnh mê hồn trước mắt mà còn vì nó không phải ở một giao điểm các nhánh rẽ, nơi anh thường gặp ai đó cùng một bầy trẻ con mệt lử loạng choạng đến ngồi cạnh mình. Mặt khác nó cũng không lìa hẳn khỏi thế giới mà lúc lúc sẽ có một người đi qua, chào anh theo cách riêng của họ, có khi còn buông một câu về cây đàn nữa, mà không cần chậm bước. Tôi không phiền vì chuyện này. Như thế cũng như có khán giả mà lại cũng không có ai, và đem lại cho trí tưởng tượng chút khuyến khích tôi cần.

Tôi ngồi trên ghé được khoảng nửa giờ thì để ý thấy mấy người đi dạo, sau khi đi qua với câu chào vắn tắt thường lệ, giờ đã dừng cách tôi vài bước

và đang quan sát tôi. Điều này làm tôi khá bực mình, nên tôi nói, hơi có ý mỉa mai:

“Không sao đâu. Không cần phải bỏ tiền cho tôi đâu.”

Đáp lại là tiếng cười ha hả quen thuộc, tôi ngẩng lên thì thấy đôi Đức đang bước lại băng ghế.

Ý nghĩ thoáng qua đầu tôi là họ đã tới chỗ Mụ Fraser, nhận ra tôi chơi khăm họ, và giờ quay lại để tính sổ. Nhưng rồi tôi thấy không chỉ ông chồng, mà cả bà vợ nữa, đang tươi cười thích thú. Họ bước lại đến khi đứng trước mặt tôi, và bởi lúc này mặt trời đang lặn xuống, trong một phút họ chỉ còn là hai cái bóng hắt lên trời chiều lồng lộng. Rồi họ nhích lại thêm và tôi thấy cả hai đều đang nhìn cây ghi ta - mà tôi vẫn đang chơi - với một vẻ vừa ngỡ ngàng vừa sung sướng, giống như người ta nhìn đứa bé con. Lạ lùng hơn nữa, người đàn bà đang nhịp chân theo tiếng nhạc. Tôi mất tập trung và dừng chơi.

“Kìa, chơi tiếp đi!” người vợ nói. “Bài anh đang chơi hay lắm.”

“Phải,” người chồng nói, “hay tuyệt vời! Chúng tôi nghe thấy từ đằng xa.” Ông ta giơ tay chỉ. “Chúng tôi đang ở đằng kia, trên đỉnh đồi, và tôi bảo Sonja, tôi nghe có tiếng nhạc.”

“Tiếng hát nữa,” người đàn bà nói. “Tôi bảo Tilo, nghe xem, có tiếng ai hát đâu đó. Và tôi nghe đúng, phải không? Anh vừa hát nữa, mới một lúc trước.”

Tôi vẫn chưa tin hẳn được rằng cái người đang mỉm cười đây cũng là cái kẻ đã hành hạ chúng tôi như thế lúc trưa, và tôi nhìn kỹ họ lần nữa, để xem nhờ đâu lại là một cặp khác hoàn toàn. Nhưng họ vẫn mặc bộ đồ lúc trước, và dù kiểu tóc ABBA của ông chồng đã bớt chỉnh tề vì gió, tôi không thể nhầm được. Chưa kể ngay lúc đó ông ta đã bảo:

“Tôi nghĩ anh là người đã phục vụ chúng tôi bữa trưa ở nhà hàng xinh xắn ban nãy.”

Tôi nhận là phải. Rồi bà vợ nói:

“Bài anh vừa hát mới đây. Chúng tôi nghe thấy từ trên kia, ban đầu chỉ

vọng trong gió. Tôi rất thích cách nó trầm xuống cuối mỗi câu.”

“Cám ơn bà,” tôi nói. “Đây là một bài tôi đang viết dở. Vẫn chưa xong.”

“Anh tự viết lấy à? Thế thì anh phải có tài lắm! Xin anh hát lại lần nữa đi, như lúc vừa nãy.”

“Anh biết không,” ông chồng nói, “khi nào thu âm bài này, anh phải bảo người sản xuất làm sao để nó đúng như *thế này*. Như thế này đây!” Ông ta khoát tay ra sau chỉ toàn Herefordshire đang trải rộng trước mắt chúng tôi. “Anh phải bảo họ đây là tiếng động, là bối cảnh âm thanh anh cần. Rồi người nghe sẽ nghe được bài hát như chúng tôi đã nghe hôm nay, vọng qua trong gió trong lúc chúng tôi đi xuống dốc con đồi...”

“Nhưng phải rõ hơn một tí, tất nhiên,” người vợ nói. “Nếu không sẽ không nghe rõ được lời. Nhưng Tilo nói đúng. Phải có cảm giác đang ở ngoài trời. Cảm giác về gió, về tiếng vọng.”

Họ có vẻ sắp sửa hưng phấn quá mức, như vừa gặp phải một Elgar nữa giữa vùng đồi. Bất chấp những ngờ vực ban đầu, tôi không thể không cảm thấy triu mến với họ.

“À,” tôi nói, “vì tôi viết gần hết bài hát ở trên này nên cũng không lạ là nó có màu sắc nơi đây.”

“Đúng, đúng,” cả hai cùng nói và gật gật. Rồi người đàn bà nói: “Anh đừng ngại. Xin để chúng tôi nghe nhạc của anh. Nghe tuyệt vời lắm.”

“Được thôi,” tôi nói, tay gảy một khúc vu vơ. “Được thôi, tôi sẽ hát một bài, nếu ông bà thực sự muốn nghe. Không phải bài chưa viết xong đâu. Một bài khác. Nhưng này, tôi không thể hát được nếu hai người đứng ngay trước mặt tôi thế này.”

“Tất nhiên,” Tilo nói. “Chúng tôi vô ý quá. Sonja và tôi đã phải diễn trong quá nhiều cảnh huống kỳ quặc và khó khăn rồi, thành ra thiếu nhạy cảm với nhu cầu của những người chơi nhạc khác.”

Ông ta nhìn quanh và ngồi xuống một vệt cỏ lún phún bên vệ đường, quay lưng lại tôi nhìn ra vùng quê. Sonja gửi tôi một nụ cười khuyến khích, rồi ngồi xuống cạnh chồng. Ngay lập tức, ông chồng choàng tay qua vai bà,

bà tựa vào ông, lúc ấy gần giống như tôi không còn ở đó nữa, mà họ đang có một giờ phút lãng mạn tình tứ ngắm hoàng hôn chôn đồng quê.

“Được rồi, bắt đầu,” tôi nói, và chơi bài hát tôi vẫn mở đầu mỗi buổi diễn thử. Tôi nhắm tới đường chân trời mà hát nhưng thỉnh thoảng lại liếc nhìn Tilo và Sonja. Dù không nhìn được mặt, song thấy họ vẫn áp lấy nhau mà không tỏ ra sốt ruột, tôi hiểu họ tán thưởng những gì đang nghe. Khi tôi kết thúc, họ quay về phía tôi cười tươi rói và vỗ tay, tiếng vỗ tay vọng khắp khu đồi.

“Tuyệt trần!” Sonja nói. “Anh đúng là một tài năng!”

“Tuyệt diệu, tuyệt diệu,” Tilo thì nói.

Tôi cảm thấy hơi ngượng liền vờ cầm cúi thử mấy ngón đàn. Khi cuối cùng tôi cũng nhìn lên, họ vẫn đang ngồi trên mặt đất, nhưng đã chuyển tư thế để nhìn được tôi.

“Thế là ông bà cũng chơi nhạc?” tôi hỏi. “Ý tôi là, chơi *chuyên nghiệp* ấy?”

“Phải,” Tilo đáp, “tôi nghĩ anh có thể gọi chúng tôi là chuyên nghiệp. Sonja và tôi, chúng tôi là một bộ đôi. Nhà hàng, khách sạn. Đám cưới, đám tiệc. Khắp châu Âu, dù chúng tôi ưa nhất là làm việc ở Thụy Sĩ và Áo. Chúng tôi sinh sống bằng cách đó, nên phải, có thể nói là chuyên nghiệp.”

“Nhưng trên hết,” Sonja nói, “chúng tôi chơi vì chúng tôi tin vào âm nhạc. Tôi có thể thấy anh cũng như thế.”

“Nếu tôi thôi không tin vào âm nhạc nữa, tôi sẽ thôi chơi, thế thôi,” tôi nói. Rồi tôi thêm: “Tôi rất mong đến lúc được chơi chuyên nghiệp. Đây phải là một cuộc sống thú vị.”

“Ồ phải, cuộc sống rất thú vị,” Tilo nói. “Chúng tôi rất may mắn được làm công việc này.”

“Thế này,” tôi nói, có lẽ hơi đột ngột. “Ông bà có đến nhà khách tôi đã nói không?”

“Chúng tôi bất lịch sự quá!” Tilo kêu lên. “Chúng tôi quá mê mải với

tiếng nhạc của anh đến nỗi quên hẳn phải cảm ơn anh. Có, chúng tôi có đến và nơi ấy quả là hết sức chuẩn. May là vẫn còn chỗ.”

“Đấy đúng là nơi chúng tôi cần,” Sonja nói. “Cảm ơn anh.”

Tôi lại vờ cảm cúi vào điệu nhạc. Rồi tôi nói, cố gắng thờ ơ hết sức: “Nghĩ lại thì, tôi còn biết một khách sạn nữa. Tôi nghĩ ở đó tốt hơn Trú quán Malvern. Tôi nghĩ ông bà nên đổi.”

“Ôi, chúng tôi đã thu xếp xong rồi,” Tilo nói. “Chúng tôi đã tháo đồ đạc, và thêm nữa, đấy đúng là nơi chúng tôi cần.”

“Phải, nhưng... Ôi, vấn đề là, ban nãy, khi ông bà hỏi tôi khách sạn, tôi không biết ông bà chơi nhạc. Tôi nghĩ ông bà chắc làm nhà băng hay gì đó.”

Cả hai phá lên cười, như tôi vừa nói đùa rất có duyên. Rồi Tilo bảo:

“Không, không, chúng tôi không làm nhà băng. Dù có nhiều lúc chúng tôi ước gì được như thế!”

“Tôi muốn nói là,” tôi bảo, “có những khách sạn phù hợp hơn cho giới nghệ sĩ, ông bà hiểu không. Rất khó trả lời khi người lạ nhờ giới thiệu khách sạn, nếu như tôi chưa hiểu họ là người thế nào.”

“Anh thật tốt bụng mới lo lắng thế,” Tilo nói. “Nhưng xin anh, không cần phải lo thêm nữa. Khách sạn ấy rất ổn. Thêm nữa, con người ta cũng không khác nhau nhiều lắm. Nhà băng hay nhạc sĩ, chúng ta rốt cuộc đều muốn những thứ giống nhau trong đời.”

“Anh biết không, em nghĩ không hẳn thế đâu,” Sonja nói. “Anh bạn trẻ đây, anh thấy anh ấy không muốn làm việc ở nhà băng. Anh ấy có những giấc mơ khác.”

“Có lẽ em nói đúng, Sonja ạ. Dù sao thì với chúng tôi nhà khách ấy là được rồi.”

Tôi cúi người trên dây đàn, dạo thử một câu nhạc ngắn nữa cho mình, và trong vài giây không ai nói gì. Rồi tôi hỏi: “Thế hai người chơi loại nhạc gì?”

Tilo nhún vai. “Sonja và tôi chơi vài loại nhạc cụ khác nhau. Cả hai đều chơi được dương cầm. Tôi khá thích clarinet. Sonja chơi vĩ cầm rất tốt, và cũng là một ca sĩ tuyệt vời. Tôi nghĩ chúng tôi thích nhất là chơi dân ca Thụy Sĩ, nhưng theo lối đương đại. Đôi khi cả cái lối anh có thể gọi là cách tân nữa. Chúng tôi lấy cảm hứng từ những nhạc sĩ lớn đã chọn con đường tương tự. Janáček, chẳng hạn. Vaughan Williams của các anh nữa.”

“Nhưng loại nhạc ấy,” Sonja nói, “giờ chúng tôi không chơi nhiều lắm nữa.”

Họ nhìn nhau với thái độ mà tôi nghĩ là có chút căng thẳng. Rồi nụ cười quen thuộc trở lại trên môi Tilo.

“Ừ, như Sonja vừa nói, trong đời thực này, phần lớn thời gian chúng tôi phải chơi những gì khán giả hẳn sẽ ưa thích nhất. Thế nên chúng tôi chơi nhiều bài kinh điển. Beatles, hay Carpenters. Một vài bài mới hơn. Như thế đảm bảo thỏa mãn yêu cầu.”

“ABBA thì sao?” tôi hỏi bất chợt, rồi lập tức hối hận. Nhưng Tilo không có vẻ để ý có sự chế nhạo.

“Có, tất nhiên, chúng tôi có chơi ABBA. ‘Dancing queen’. Bài đó luôn được hoan nghênh. Thực ra thì ‘Dancing queen’ là bài tôi có hát tí chút, một ít phần đệm. Sonja sẽ bảo anh tôi có một giọng hát kinh khủng. Thế nên chúng tôi phải chắc chắn chỉ chơi bài này khi các khách hàng đang dở bữa ăn, để họ không có cơ hội bỏ trốn!”

Ông lại cười ha hả, và Sonja cười theo, dù không ồn ào bằng. Một tay mô tô, trong bộ áo đen trông như áo thợ lặn, phóng vù qua chúng tôi, và một lúc sau đó chúng tôi cùng nhìn cái hình dáng vạm vạp đi xa dần.

“Tôi có đến Thụy Sĩ một lần,” cuối cùng tôi nói. “Hè năm ngoái hay năm kia gì đó. Interlaken. Tôi ngủ đêm ở nhà nghỉ thanh niên.”

“À phải, Interlaken. Một thị trấn đẹp. Có nhiều người Thụy Sĩ không ưa nó. Họ bảo đấy là nơi chỉ dành cho du khách. Nhưng Sonja và tôi luôn thích chơi ở đó. Thực tình, chơi nhạc ở Interlaken trong một chiều hè, cho những người khách vui tươi từ khắp nơi trên thế giới, là một điều hết sức tuyệt vời. Tôi hy vọng anh đã có một kỳ nghỉ thú vị.”

“Có, tôi thích lắm.”

“Có một nhà hàng ở Interlaken hè nào chúng tôi cũng chơi vài tối. Tới lượt chúng tôi, chúng tôi chọn chỗ ngay dưới vòm mái nhà hàng, để quay mặt về phía thực khách, và tất nhiên bàn ăn đều dọn ngoài trời trong những đêm như thế. Và khi biểu diễn, chúng tôi có thể nhìn trọn các du khách đang vừa ăn vừa trò chuyện dưới trời sao. Đằng sau họ, chúng tôi nhìn thấy đồng cỏ rộng, ban ngày làm bãi đậu cho câu lạc bộ dù lượn, nhưng đến tối thì sáng bừng lên dưới ánh đèn đại lộ Höheweg. Và nếu anh có thể phóng tầm mắt xa thêm nữa thì có dãy Alps nhìn xuống cánh đồng. Đường viền ngọn Eiger, ngọn Mönch, ngọn Jungfrau. Và bầu không khí âm áp tràn đầy tiếng nhạc do chính chúng tôi chơi. Mỗi khi ở đó, tôi luôn cảm thấy đây là một đặc ân. Tôi nghĩ, phải, thật may mắn được làm công việc này.”

“Cái nhà hàng ấy,” Sonja nói. “Năm ngoái, gã quản lý bắt chúng tôi mặc đủ bộ lễ phục khi chơi nhạc, dù trời nóng kinh khủng. Mặc như thế rất khó chịu, và chúng tôi bảo, có khác gì đâu, sao lại phải mặc gi lê lưng bùng và đeo khăn đội mũ làm gì? Chỉ cần mặc sơ mi thôi, chúng tôi rất gọn gàng mà vẫn rất Thụy Sĩ. Nhưng tay quản lý nhà hàng bảo, chúng tôi không mặc đủ bộ thì không chơi. Chọn đi, hấn ta nói, rồi bỏ đi, thế đấy.”

“Nhưng mà Sonja, nghề nào chẳng thế. Ở đâu chẳng có đồng phục, chẳng có thứ ông chủ bắt mình phải mặc. Ngay cả ở nhà băng cũng có cơ mà! Và với chúng ta, ít nhất cũng có thứ chúng ta tin. Văn hóa Thụy Sĩ. Truyền thống Thụy Sĩ.”

Lần này nữa một điều gì đó khó xử lại lẫn quất giữa họ, nhưng chỉ một hoặc hai giây, và rồi cả hai cùng mỉm cười khi quay lại nhìn cây đàn của tôi. Tôi nghĩ mình cần nói gì đó, nên bảo:

“Chắc là tôi sẽ thích như thế lắm. Được chơi ở nhiều nước khác nhau. Như thế sẽ khiến mình tinh tường, thực sự để tâm đến người nghe.”

“Phải,” Tilo nói, “thật tốt là chúng tôi được chơi cho đủ loại người. Và không chỉ ở châu Âu. Nói chung là chúng tôi cũng quen biết thêm bao nhiêu thành phố.”

“Düsseldorf, chẳng hạn,” Sonja nói. Lúc này giọng bà có lẫn vẻ khác – danh hơn – và tôi có thể nhận ra con người mình đã gặp ở quán lúc nãy. Tilo thì không có vẻ để ý mà bảo tôi, với vẻ thoải mái:

“Düsseldorf là nơi con trai chúng tôi đang sống. Nó cũng bằng tuổi anh. Có thể hơn một chút.”

“Hồi đầu năm nay, chúng tôi đến Düsseldorf,” Sonja nói. “Chúng tôi có lịch chơi ở đó. Không phải như mọi khi, đây là cơ hội để chơi nhạc thực sự. Thế nên chúng tôi gọi nó, con trai chúng tôi, đưa con duy nhất, chúng tôi gọi điện báo đang đến thành phố nó sống. Nó không nhắc máy, nên chúng tôi để lại lời nhắn. Hết lời nhắn này đến lời nhắn khác. Không thấy trả lời. Chúng tôi đến Düsseldorf, chúng tôi để lại thêm nhiều lời nhắn nữa. Chúng tôi bảo, bố mẹ đây, bố mẹ ở thành phố của con rồi. Vẫn không thấy gì. Tilo nói đừng lo, có thể nó sẽ tới đêm ấy, đến nghe buổi diễn. Nhưng nó không đến. Chúng tôi chơi, rồi chúng tôi đến một thành phố khác, đến chương trình tiếp theo trong lịch.”

Tilo cười khúc khích. “Tôi nghĩ có lẽ Peter đã nghe chán nhạc của chúng tôi suốt khi lớn lên rồi! Tội nghiệp thằng bé, anh thấy đấy, nó phải nghe chúng tôi tập dượt, cả ngày lẫn đêm.”

“Tôi nghĩ có lẽ như thế cũng khó,” tôi nói. “Vừa con cái vừa âm nhạc.”

“Chúng tôi chỉ có mình nó thôi,” Tilo nói, “nên cũng không khó quá. Tất nhiên chúng tôi cũng may. Khi phải đi diễn mà không thể đưa nó theo, ông bà nó lúc nào cũng sẵn sàng giúp. Và khi Peter lớn hơn, chúng tôi có điều kiện gửi nó vào một trường nội trú tốt. Lần này nữa, ông bà nó lại ra tay. Nếu không thì chúng tôi cũng không trả được từng ấy học phí. Thế nên chúng tôi rất may.”

“Phải, chúng tôi rất may,” Sonja nói. “Ngoài chuyện Peter ghét trường học.”

Không khí vui vẻ lúc này rõ ràng là đang tan đi. Cố gắng cứu vớt tình hình, tôi nói nhanh: “Dù sao thì, có vẻ như ông bà đều rất thích công việc của mình.”

“Ồ phải, chúng tôi rất thích công việc của mình,” Tilo nói. “Đấy là điều quý nhất trên đời với chúng tôi. Tuy thế, chúng tôi cũng biết quý trọng một kỳ nghỉ. Anh biết không, đây là kỳ nghỉ tử tế đầu tiên của chúng tôi từ ba năm nay.”

Nghe thế tôi lại bắt đầu cảm thấy cực kỳ áy náy, và nghĩ đến chuyện thử thuyết phục họ đổi khách sạn thêm lần nữa, nhưng cũng thấy làm vậy sẽ ngớ ngẩn đến thế nào. Tôi chỉ có thể hy vọng Mụ Fraser đã bắt tay vào làm việc. Tôi đành bảo:

“Thế này, nếu ông bà thích, tôi sẽ chơi bài hát tôi đang viết dở lúc này. Bài này chưa xong, và bình thường tôi không làm thế đâu. Nhưng vì đằng nào ông bà cũng nghe một phần rồi, tôi có thể chơi cho ông bà nghe những gì tôi đã viết được.”

Nụ cười quay lại với Sonja. “Vâng,” bà nói, “xin anh cho chúng tôi nghe. Bài ấy có vẻ hay quá chừng.”

Trong lúc tôi chuẩn bị chơi, họ lại chuyển tư thế, để quay mặt nhìn xuống đôi như lúc này, quay lưng lại tôi. Nhưng lần này, thay vì ôm nhau, họ ngồi trên cỏ thẳng đờ đến đáng kinh ngạc, cả hai đều đưa tay lên mắt che ánh nắng. Họ cứ như thế suốt trong lúc tôi chơi, ngồi yên như phỗng, và cộng thêm cái bóng dài đổ xuống sau lưng mỗi người, cả hai trông như sắp đặt song đôi ở triển lãm nghệ thuật. Tôi chơi bài hát chưa hoàn thành cho đến một đoạn dừng dở dang, và trong một lúc họ không cử động. Rồi cả hai cũng giãn ra, và họ vỗ tay, dù có lẽ không hẳn hào hứng như lúc này. Tilo đứng dậy, lúng búng vài câu khen ngợi, rồi giúp Sonja đứng lên. Chỉ đến khi nhìn thấy tư thế họ lúc ấy anh mới có thể nhận ra họ đúng là đã trạc tuổi rồi. Có lẽ chẳng qua là họ mệt. Biết đâu đấy, có thể họ đã đi bộ kha khá trước khi bắt gặp tôi. Dù sao nữa, tôi cũng thấy có vẻ họ tương đối khó khăn mới đứng dậy được.

“Anh đã đem lại cho chúng tôi một niềm vui lớn,” Tilo nói. “Bây giờ chúng tôi là du khách, và có người chơi cho chúng tôi nghe! Đúng là một thay đổi thú vị.”

“Tôi sẽ rất thích được nghe bài hát ấy khi nào anh xong,” Sonja nói, và có vẻ thực sự bà nghĩ thế. “Có thể một ngày tôi sẽ nghe thấy nó trên đài. Biết đâu được?”

“Phải,” Tilo nói, “và rồi Sonja với tôi sẽ chơi cover cho khách hàng nghe!” Tiếng cười ha hả của ông vọng khắp không trung. Rồi ông lịch thiệp cúi chào và nói: “Vậy là hôm nay chúng tôi mắc nợ anh ba lần. Bữa ăn tuyệt vời. Khách sạn tuyệt hảo mà anh giới thiệu. Và buổi biểu diễn tuyệt diệu giữa những ngọn đồi!”

Trong phút chia tay, tôi còn cào muốn nói cho họ sự thực. Muốn thú nhận là tôi đã cố tình đẩy họ tới nhà khách tệ nhất trong vùng, và bảo họ nên rời đi trong khi còn kịp. Nhưng thái độ triu mến khi họ bắt tay tôi khiến nói ra điều đó càng khó khăn hơn. Và rồi họ đã lên đường xuống chân đồi và tôi còn lại một mình trên ghế.

Khi tôi từ trên đồi về thì quán đã nghỉ. Maggie và Geoff có vẻ phờ phạc. Maggie nói đây là ngày bận rộn nhất từ trước đến nay nhưng chị có vẻ hài lòng. Nhưng khi Geoff nhắc lại câu đó trong bữa tối - chúng tôi ăn ngay trong quán những đồ thừa còn lại - anh ta lại như chỉ ra một điều rất tệ, kiểu như là thật kinh khủng, họ thì buộc phải làm việc vất vả như vậy còn tôi thì mất mặt đi đâu? Maggie hỏi buổi chiều của tôi ra sao, và tôi không nhắc đến Tilo và Sonja - như thế sẽ rắc rối quá - mà chỉ bảo tôi đã lên đồi Thở Đường để hoàn thiện bài hát. Và khi chị hỏi tôi có tiến thêm được chút nào không, và tôi bảo có, hôm nay tôi tiến được một bước lớn, Geoff đứng dậy sầm sầm bước ra ngoài, dù đĩa vẫn còn thức ăn. Maggie vờ như không thấy, và quả thật, vài phút sau anh ta trở lại cầm một lon bia, ngồi đó đọc báo mà không nói năng gì. Tôi không muốn trở thành cố chia rẽ hai anh chị tôi, nên sau một lát cũng xin phép đi và lên phòng sửa sang bài hát thêm một chút.

Cái phòng của tôi, ban ngày còn gọi cảm hứng là thế, tối đến lại chẳng được chút nào. Thứ nhất là rèm kéo không được kín, nghĩa là nếu có mở cửa sổ trong cái nóng ngột ngạt, sâu bọ hàng dặm quanh đây sẽ thấy ánh đèn và rầm rập kéo vào. Và chiếu sáng cho tôi chỉ là cái bóng đèn không chụp rủ xuống từ vành sứ hoa văn trên trần nhà, hắt bóng tù mù khắp các đồ vật quanh phòng, khiến căn phòng càng rõ ra vẻ trơ trụi. Tối hôm ấy, tôi muốn có ánh sáng để làm việc, để ngoáy lại tí ca từ nào chợt đến với tôi. Nhưng phòng càng lúc càng u tối, nên cuối cùng tôi tắt đèn, vén lại rèm, và mở toang cửa sổ. Rồi tôi ngồi trên bệ với cây đàn, như vẫn làm lúc ban ngày.

Tôi đã ngồi thế được khoảng một tiếng, chơi thử nhiều ý tưởng cho phần nói, thì có tiếng gõ cửa và Maggie ló đầu vào. Tất nhiên trong phòng tối mịt, nhưng ở dưới sân có đèn bảo an, cũng đủ cho tôi nhìn ra chị. Trên mặt chị có nụ cười bối rối, và tôi nghĩ chị lại sắp nhờ tôi xuống giúp một việc linh tinh gì nữa đây. Chị đi vào phòng, đóng cửa lại nói:

“Chị xin lỗi em nhiều. Nhưng tối nay Geoff thực sự rất là mệt, anh ấy

bận cả ngày. Và giờ anh nói anh muốn được yên ổn xem ti vi...?”

Chị nói giọng đó, như một câu hỏi, và một lúc sau tôi mới hiểu ra chị đang yêu cầu tôi ngừng chơi.

“Nhưng em đang đến một đoạn rất quan trọng,” tôi nói.

“Chị hiểu mà. Nhưng tối nay thực sự anh rất mệt, và anh bảo anh không nghỉ ngơi được vì tiếng đàn của em.”

“Geoff cần hiểu một điều là,” tôi nói, “cũng như anh ấy có việc của anh ấy, thì em có việc của em.”

Chị tôi có vẻ nghĩ ngợi. Rồi chị thở dài đánh sượt. “Chị không nghĩ là nên nhắc lại câu đó cho Geoff.”

“Tại sao? Sao chị không nói? Đã đến lúc anh ấy cần hiểu.”

“Tại sao à? Tại vì chị không nghĩ anh ấy sẽ hài lòng, thế đấy. Và chị không tin anh ấy sẽ đồng ý rằng việc của anh ấy và việc của em là ngang hàng nhau.”

Tôi đứng nhìn Maggie, một lúc không nói được gì. Rồi tôi nói: “Chị toàn nói vớ vẩn. Sao chị lại nói vớ vẩn thế?”

Chị lắc đầu nặng nhọc, nhưng không nói gì.

“Em không hiểu tại sao chị nói vớ vẩn thế,” tôi nói. “Và vừa đúng lúc mọi thứ đang rất thuận lợi với em.”

“Mọi thứ đang thuận lợi với em, thật thế à?” Chị vẫn nhìn tôi trong ánh sáng mờ mờ. “Ừ, được rồi,” cuối cùng chị nói. “Chị không tranh cãi với em đâu.” Chị quay đi mở cửa. “Xuống ngồi với anh chị, nếu em muốn nhé,” chị nói khi rời đi.

Phần nộ đến đờ người, tôi nhìn cánh cửa vừa đóng sau lưng chị. Bây giờ tôi mới để ý tiếng ti vi mờ mờ vọng lên, và ngay cả trong trạng thái đó, một góc nhỏ trong não vẫn nhắc tôi rằng cơn điên giận này đáng lẽ không nên nhằm vào Maggie, mà phải là Geoff, người đã thực hiện một chiến dịch hạ bệ tôi từ lúc tôi đến đây. Ngay cả thế, chị tôi mới là người làm tôi tức tối. Từ

khi tôi vào đến nhà chị, chị chưa một lần đề nghị nghe bài hát của tôi, như Tilo và Sonja đã làm. Đâu có gì quá đáng nếu mong chờ điều đó ở chị mình, người mà, như tôi bây giờ nhớ ra, cũng hết sức ham mê âm nhạc hồi mới lớn? Và bây giờ thì, đây, đi ngắt ngang giữa lúc tôi làm việc và toàn nói chuyện vớ vẩn. Mỗi lần nghĩ đến câu chị nói “Được rồi, chị không tranh cãi với em”, tôi lại thấy một luồng điên giận mới trào lên.

Tôi xuống khỏi bệ cửa, cất đàn đi, rồi nằm phịch xuống trên đệm. Rồi một lúc sau đó tôi chỉ nằm nhìn những nếp hoa văn trên trần. Có vẻ như tôi đã được mời đến đây với những giả định sai lầm, rằng lý do chẳng qua là nhân công giá rẻ cho mùa cao điểm, lao công thậm chí không phải trả tiền. Và chị tôi chẳng hiểu gì hơn so với thằng chồng đàn của chị về những khát vọng của tôi. Sẽ đáng đời cả hai nếu tôi bỏ mặc họ ở đây giữa cảnh bát nháo mà trở lại Luân Đôn. Tôi cứ quanh đi quẩn lại những ý nghĩ đó, cho đến khoảng một giờ sau, tôi dịu lại một chút và quyết định sửa soạn đi ngủ.

Tôi không nói năng nhiều với cả hai khi xuống nhà sau giờ ăn sáng như thường lệ. Tôi chuẩn bị bánh mì nướng và cà phê, tự lấy một ít trứng trắng còn lại, và ngồi xuống một góc quán. Trong khi ngồi ăn tôi cứ trở lại với ý nghĩ mình có thể gặp phải Tilo và Sonja lần nữa trong khu đồi. Và dù có thể sẽ dẫn đến phải nghe bài ca về cái nhà của Mụ Fraser, dù thế đi nữa, tôi nhận ra mình đang hy vọng chuyện đó xảy ra. Thêm nữa, ngay cả nếu chỗ Mụ Fraser thực là kinh khủng, họ cũng không bao giờ đoán được tôi đã giới thiệu vì ác ý. Có cả chục cách để tôi thoát khỏi chuyện này.

Maggie và Geoff hẳn là đang trông chờ tôi giúp khi giờ ăn trưa tới, nhưng tôi quyết định họ cần một bài học về chuyện ăn không của người khác. Thế nên sau khi ăn xong tôi đi lên phòng, lấy đàn và chuồn ra cửa sau.

Lúc này trời đã lại nóng nực và mồ hôi chảy xuống má khi tôi đi lên đường dốc tới băng ghế của mình. Mặc dù nghĩ về Tilo và Sonja suốt bữa sáng, đến lúc này tôi đã quên mất họ, cho nên khi lên tới chạng dốc cuối và nhìn ra chiếc ghế, tôi khá ngạc nhiên thấy Sonja đang ngồi đó một mình. Bà nhìn ra tôi ngay và vẫy tay.

Tôi vẫn còn hơi e sợ bà, và nhất là không có Tilo ở đây, tôi không hào hứng tới ngồi với bà lắm. Nhưng bà cười rõ tươi với tôi và dịch người ra, như là để chỗ cho tôi, nên tôi không còn cách nào khác.

Chúng tôi chào nhau, rồi trong một lúc chỉ ngồi cạnh nhau như thế, không nói gì. Ban đầu cũng không khó xử lắm, phần vì tôi vẫn đang lấy lại hơi, phần vì khung cảnh trước mắt. Sương và mây mù nhiều hơn hôm trước, nhưng nếu để ý, vẫn có thể nhìn thấy bên kia bên giới xứ Wales tới dãy đồi Núi Đen. Gió khá mạnh, nhưng không phải là khó chịu.

“Thế Tilo đâu rồi?” cuối cùng tôi hỏi.

“Tilo à? Ồ...” Bà đưa tay lên che mắt. Rồi chỉ. “Kia kia. Anh thấy không? Ở đằng kia. Tilo đấy.”

Xa xa tầm bao nhiêu đó, tôi nhìn thấy một dáng người, có vẻ là mặc áo phông xanh đội mũ lưỡi trai trắng, đi dọc theo con đường dốc lên Đỉnh Worcestershire.

“Tilo muốn đi dạo,” bà nói.

“Bà không muốn đi cùng à?”

“Không. Tôi ngồi lại đây.”

Tuy rõ ràng bà không còn là vị khách điên khùng trong quán, song bà cũng không hẳn là con người thân thiện và khách lệ ngày hôm qua. Hẳn là có chuyện gì đây, và tôi bắt đầu sửa soạn lời biện hộ về chỗ Mộ Fraser.

“À nhân thế,” tôi nói, “tôi đã viết thêm một chút cho bài đó. Bà có thể nghe nếu bà muốn.”

Bà suy nghĩ một chút, rồi đáp: “Nếu anh không phiền thì có lẽ không phải bây giờ. Anh biết đấy, Tilo và tôi vừa mới nói chuyện. Anh gọi là vừa mới bắt đầu cũng được.”

“Ôi thế ạ. Rất tiếc lại có chuyện đó.”

“Và bây giờ ông ấy đã bỏ đi dạo.”

Lần nữa, chúng tôi lại ngồi mà không nói gì. Rồi tôi thở dài và nói: “Tôi nghĩ có lẽ đấy là lỗi của tôi.”

Bà quay lại nhìn tôi. “Lỗi của anh à? Sao anh lại nói thế?”

“Nguyên nhân hai người cãi nhau, nguyên nhân kỳ nghỉ của ông bà thành ra hỏng cả. Đây là lỗi tôi. Đây là tại cái nhà khách, phải không? Nhà khách ấy không được lắm, phải không?”

“Nhà khách à?” Bà có vẻ bối rối. “Nhà khách à. Ừ, nó cũng có khuyết điểm. Nhưng nó chỉ là cái nhà khách, như mọi nhà khách khác.”

“Nhưng bà để ý, đúng không? Bà luôn để ý các khuyết điểm. Chắc là bà phải để ý.”

Bà có vẻ nghĩ ngợi điều này, rồi gật đầu. “Đúng thế, tôi luôn để ý các khuyết điểm. Còn Tilo thì không. Tilo, tất nhiên, nghĩ đây là một nhà khách tuyệt vời. Chúng ta may mắn quá, ông ấy bảo thế. May mắn quá mới tìm được nhà khách này. Rồi sáng nay chúng tôi dùng bữa. Với Tilo, đó là một bữa sáng rất ổn, bữa sáng tốt nhất từng có. Tôi nói, Tilo, đừng có ngớ ngẩn. Bữa sáng nay chẳng ra gì. Nhà khách này chẳng ra gì. Ông ấy nói, không, không, chúng ta rất là may mắn. Thế nên tôi tức điên lên. Tôi nói cho người chủ biết mọi thứ gì không ổn ở đây. Tilo kéo tôi đi. Chúng ta đi dạo đi, ông ấy nói thế. Rồi em sẽ thấy dễ chịu hơn. Thế nên chúng tôi ra đây. Và ông ấy nói, Sonja, nhìn những ngọn đồi này, chẳng phải chúng thật đẹp sao? Chẳng phải ta may mắn vì đã tới một nơi như thế này trong kỳ nghỉ sao? Vùng đồi này, ông ấy bảo, còn tuyệt vời hơn ông ấy tưởng tượng khi nghe nhạc Elgar. Ông ấy hỏi tôi, không phải thế sao? Có lẽ lúc ấy tôi lại tức lên. Tôi bảo ông ấy, vùng đồi này có gì mà tuyệt. Chúng không phải như tôi tưởng tượng khi nghe Elgar. Những ngọn đồi của Elgar vừa vương giả vừa huyền bí. Ở đây chỉ như một cái công viên. Tôi đã nói với ông ấy như thế, và bây giờ đến lượt ông ấy câu hỏi. Ông ấy bảo đã thế thì ông ấy sẽ đi một mình. Ông ấy bảo chúng ta thế là xong, chúng ta bây giờ không đồng ý được chuyện gì nữa. Thế đấy, ông ấy bảo, Sonja, em và anh, chúng ta thế là xong. Và ông ấy đi! Anh thấy đấy. Đây là vì sao ông ấy ở trên đó còn tôi ở dưới này.” Bà lại che mắt và theo dõi chặng đường của Tilo.

“Tôi xin lỗi vô cùng,” tôi nói. “Giá mà tôi không chỉ ông bà đến cái nhà khách ấy từ đầu...”

“Xin anh. Cái nhà khách không quan trọng.” Bà cúi người tới trước để thấy được Tilo rõ hơn. Rồi bà quay sang tôi mỉm cười, và tôi nghĩ hình như có những giọt lệ nhỏ trong mắt. “Nói tôi hay đi,” bà bảo. “Hôm nay, anh định sáng tác thêm bài hát nữa à?”

“Dự định là thế. Hoặc ít nhất thì, tôi định viết nốt bài hát đang viết dở. Bài bà vừa nghe hôm qua ấy.”

“Bài ấy hay tuyệt. Và anh sẽ làm gì nữa, sau khi đã viết xong ở đây? Anh có dự định gì chưa?”

“Tôi sẽ về Luân Đôn lập một ban nhạc. Những bài hát này cần một ban thích hợp, nếu không chúng sẽ không đạt được hiệu quả.”

“Thú vị quá. Tôi chúc anh may mắn.”

Ngừng một lúc, tôi lại nói, thật nhỏ: “Mà có khi tôi cũng chẳng làm. Cũng không phải dễ dàng, bà biết đấy.”

Bà không trả lời, và tôi chợt nghĩ bà không nghe thấy, bởi bà đã lại quay đi, nhìn về phía Tilo.

“Anh biết không,” cuối cùng bà nói, “hồi còn trẻ, không có gì có thể làm tôi bực tức. Nhưng bây giờ tôi bực tức vì mọi thứ. Tôi không biết tại sao mình lại thành thế này. Điều ấy không tốt. Ồ, tôi không nghĩ Tilo sẽ trở lại đây. Tôi sẽ quay lại nhà khách đợi ông ấy vậy.” Bà đứng lên, ánh mắt vẫn dõi theo bóng người đằng xa.

“Thật đáng tiếc,” tôi nói và cũng đứng dậy, “ông bà lại bất hòa giữa kỳ nghỉ thế này. Thế mà hôm qua, khi tôi chơi cho hai người nghe, hai người có vẻ hạnh phúc biết mấy.”

“Phải, đấy là một khoảnh khắc đẹp. Cảm ơn anh đã đem lại nó.” Bỗng nhiên, bà chìa tay cho tôi, mỉm cười thân mật. “Gặp được anh thật mừng.”

Chúng tôi bắt tay nhau, theo kiểu mềm mại mỗi lần bắt tay phụ nữ. Bà đã dợm bước đi, song dừng lại nhìn tôi.

“Nếu Tilo ở đây,” bà nói, “ông ấy sẽ bảo anh, đừng bao giờ nản chí. Ông ấy sẽ nói, tất nhiên rồi, anh phải đi Luân Đôn và thử thành lập ban nhạc của mình. Tất nhiên anh sẽ thành công. Tilo sẽ nói với anh như thế. Bởi vì ông ấy là như vậy.”

“Thế bà thì sẽ nói thế nào?”

“Tôi cũng muốn nói tương tự. Bởi anh còn trẻ và tài năng. Nhưng tôi không tin tưởng đến thế. Đồi là vậy, đồi sẽ mang đến những buồn phiền. Nếu trên hết, anh có những giấc mơ như thế...” Bà lại mỉm cười và nhún vai. “Nhưng tôi không nên nói những điều này. Tôi không phải tấm gương tốt cho anh. Thêm nữa, tôi có thể thấy anh giống Tilo hơn. Nếu buồn phiền có đến, anh vẫn sẽ tiến lên. Anh sẽ nói, cũng như ông ấy nói, rằng mình may mắn làm sao.” Trong vài giây, bà đứng nhìn tôi, như đang ghi nhớ lại dáng vẻ tôi thế nào. Cơn gió đang thổi tung tóc bà, khiến bà có vẻ già hơn thường lệ. “Tôi chúc anh thật nhiều may mắn,” cuối cùng bà nói.

“Tôi cũng chúc bà may mắn,” tôi nói. “Và tôi hy vọng hai người chóng làm hòa với nhau.”

Bà vẫy tay lần cuối, rồi đi xuống theo đường mòn khuất tầm mắt.

Tôi lấy đàn trong bao ra và ngồi lại xuống ghế. Nhưng mãi một hồi lâu tôi không chơi gì, vì còn đang nhìn ra xa, về hướng Đỉnh Worcestershire, và cái bóng tí xíu của Tilo trên đường lên dốc. Có lẽ vì lúc này nắng trên đồi đang chiếu xuống mảng đó, tôi thấy ông rõ hơn lúc này nhiều, dù ông đã xa tôi hơn. Ông vừa dừng chân một lúc trên đường, và có vẻ đang nhìn những ngọn đồi quây quần xung quanh, gần như thể đang đánh giá lại chúng. Rồi cái bóng của ông lại tiếp tục di chuyển.

Tôi tiếp tục với bài hát một lúc nữa, nhưng cứ liên tục mất tập trung, chủ yếu vì còn đang hình dung về mặt Mụ Fraser lúc Sonja tấn công mụ ta sáng nay. Rồi tôi nhìn lên trời mây, nhìn xuống mặt đất trải bao la bên dưới, và bắt mình quay lại nghĩ về bài hát, về phần nổi tôi còn chưa làm xong.

Đạ khúc

Cho đến hai ngày trước, Lindy Gardner vẫn còn là láng giềng sát vách tôi. Được rồi, anh hẳn đang nghĩ, nếu Lindy Gardner là láng giềng tôi, vậy có nghĩa là tôi sống ở Beverly Hills; một nhà sản xuất phim, có lẽ, hoặc diễn viên hay nhạc sĩ cũng nên. Thực tế là, tôi cũng chơi nhạc như ai. Nhưng dù tôi có chơi sau lưng một hai tên tuổi chắc anh có biết tiếng, tôi vẫn không thuộc giới mà anh gọi là đẳng cao. Ông bầu của tôi, Bradley Stevenson, một người bạn tốt theo kiểu của mình trong nhiều năm, cứ nhấn mạnh là tôi có triển vọng gia nhập đẳng cao lắm. Không phải chỉ đẳng cao kiểu thời vụ, mà là đẳng cao đứng tên chương trình hẳn hoi. Không phải ngày nay không còn nhạc công saxophone nào đứng tên chương trình nữa, ông nói, và lặp lại danh sách quen thuộc. Marcus Lightfoot. Silvio Tarrentini. Họ đều chơi jazz cả, tôi nhắc nhở. “Thế cậu không chơi jazz thì chơi cái gì?” ông nói. Nhưng chỉ trong những giấc mơ sâu kín nhất tôi mới còn chơi jazz mà thôi. Trong thế giới thực - lúc không phải quán băng kín mặt như bây giờ - tôi chỉ là một cây tenor mùa vụ, phục vụ mức độ phải chăng cho các studio, hay khi ban nhạc nào đó khuyết một vị trí cố định. Nếu họ đòi nhạc pop, ừ thì chơi pop. Hoặc R&B ừ, được ngay. Quảng cáo xe hơi, nhạc dạo talk show, tôi làm tất. Bây giờ tôi chỉ còn chơi jazz khi ở trong căn buồng con của riêng mình.

Tôi thích chơi trong phòng khách hơn, nhưng cái căn hộ được xây rề mạt này, hàng xóm láng giềng sẽ lên tiếng cầu nhau từ đầu đến cuối tầng. Thế nên tôi đã chọn biển buồng nhỏ nhất trong nhà thành phòng tập. Nó không hơn một buồng để chối là mấy - anh có thể nhét một cái ghế tựa vào và thế là hết - nhưng tôi đã trang bị cách âm bằng xốp và hộp đựng trứng và những xập phong bì dày bỏ đi mà bầu Bradley lấy của văn phòng đem cho. Helen, vợ tôi, hồi còn sống với tôi, cô ấy thường thấy tôi xách cây kèn vào đó và sẽ cười mà bảo cứ như tôi đi vào toa lét, và đôi lúc tôi cũng cảm thấy như vậy. Nói vậy nghĩa là, cũng như tôi ngồi giữa bốn bức tường tối mờ, bí hơi để chăm sóc một nhu cầu cá nhân không ai khác buồn để tâm đến.

Đến khúc này thì anh đã đoán ra Lindy Gardner không bao giờ sống kế căn hộ tôi đang miêu tả. Bà cũng không nằm trong số láng giềng vẫn đến đập cửa phòng mỗi lần tôi dám chơi bên ngoài căn buồng con. Khi tôi nói bà là láng giềng của tôi, ý tôi muốn nói một nghĩa khác, và tôi sẽ giải thích bây

giờ đây.

Cho đến hai ngày trước, Lindy còn ở phòng kế bên trong cái khách sạn hoa lệ này, và cũng như tôi, mang khuôn mặt quần kín băng. Lindy, dĩ nhiên, có một ngôi nhà lớn tiện nghi gần đây, và có người ở, nên bác sĩ Boris cho bà về. Thực tế thì, nếu xét theo khía cạnh thuần y học, bà đã có thể về từ lâu rồi, nhưng hiển nhiên còn nhiều yếu tố khác. Thứ nhất là, khi đã về nhà bà sẽ không dễ lẩn tránh máy quay và các tay nhà báo thóc mách. Thêm nữa, cảm tưởng của tôi là danh tiếng lẫy lừng của bác sĩ Boris xây dựng trên những nền tảng không hoàn toàn hợp pháp, và đây là vì sao ông giấu các bệnh nhân ở tít trên cái tầng ai lên cũng phải thì thào này, cách ly khỏi mọi nhân viên và khách nghỉ thông thường, lại căn dặn chỉ được rời khỏi phòng khi tuyệt đối cần thiết. Nếu có thể nhìn xuyên qua lớp vải quần, anh sẽ đếm thấy sao ở đây trong một tuần nhiều hơn trong một tháng ở khách sạn Chateau Marmont.

Vậy thế nào mà một kẻ như tôi lại có mặt ở đây giữa các minh tinh và triệu phú thế này, đọi khuôn mặt biến đổi dưới tay bậc thầy xịn nhất ngành? Tôi nghĩ mọi chuyện bắt đầu từ ông bầu của tôi, Bradley, mà bản thân cũng không phải đẳng cao gì lắm, và trông cũng không giống George Clooney hơn tôi. Ông nói chuyện đó lần đầu mấy năm trước, theo kiểu đùa cợt, rồi có vẻ càng lúc càng nghiêm túc mỗi lần nhắc lại. Phát biểu của ông, nói gọn lại, là tôi xấu. Và đây chính là cái đã cản trở tôi tiến lên đẳng cao.

“Nhìn Marcus Lightfoot xem,” ông nói. “Nhìn Kris Bugoski nữa. Hay là Tarrentini. Trong số họ có ai có được cái thần thái trong tiếng kèn của cậu không? Không hề. Họ có được nét dịu dàng của cậu? Tầm nhìn của cậu? Họ có được bằng nửa kỹ thuật của cậu? Không hề. Nhưng họ có cái mặt, nên cửa nào cũng mở cho họ.”

“Thế Billy Fogel thì sao?” tôi hỏi. “Ông ấy xấu như ma nhưng vẫn thành công tốt.”

“Billy xấu, đồng ý. Nhưng ông ta xấu kiểu sexy, xấu kiểu găng tơ. Còn cậu, Steve, cậu thì... Hừm, cậu xấu kiểu tẻ nhạt, hãm tài. Xấu như thế không ăn tiền. Nghe này, đã bao giờ cậu nghĩ đến chuyện sửa sang một chút chưa? Giải phẫu ấy, ý tôi là thế?”

Tôi về nhà kể lại từ đầu đến cuối cho Helen vì tôi nghĩ cô ấy cũng sẽ thấy buồn cười như tôi. Và lúc đầu, tất nhiên, chúng tôi cười nhạo Bradley bằng thích. Rồi Helen đến gần, quàng tay ôm tôi và nói rằng, ít nhất với cô,

tôi là anh chàng điển trai nhất thế giới. Rồi cô hơi lùi lại một bước và im lặng, tôi liền hỏi cô có chuyện gì à, cô nói không có gì. Rồi cô nói rằng có lẽ, chỉ là có lẽ thôi, Bradley có ý đúng. Có lẽ tôi *nên* nghĩ đến chuyện sửa sang một chút.

“Đừng có nhìn em như thế!” cô hét trả. “Giờ ai cũng làm chuyện đó cả. Với anh, anh có một lý do *nghề nghiệp*. Muốn thành một tài xế bánh bao thì phải đi mua một cái xe bánh bao. Với anh cũng đâu khác gì!”

Nhưng vào thời điểm đó tôi không nghĩ thêm về chuyện này, kể cả dù tôi đã bắt đầu chấp nhận ý kiến rằng mình “xấu kiểu hãm tài”. Thứ nhất là, tôi không có tiền. Thực tế là, ngay khi Helen thốt lên câu tài xế bánh bao, chúng tôi đang có một khoản nợ chín ngàn rưỡi đô la. Như thế là rất Helen đấy. Một con người rất tốt về nhiều khía cạnh, nhưng cái khả năng quên hoàn toàn tình trạng tài chính của gia đình và mơ tưởng thêm những khoản tiêu pha mới, cái ấy thì đặc Helen.

Ngoài chuyện tiền nong, tôi không thích ý tưởng bị người ra ðe ra mỗ xẻ. Tôi không thoải mái lắm với những việc kiểu ấy. Một lần, hồi tôi mới bắt đầu quen Helen, cô ấy rủ tôi cùng chạy bộ. Đây là một sáng mùa đông lạnh buốt, và tôi không phải là chuyên gia chạy bộ, nhưng tôi đang mê đắm Helen và mong gây ấn tượng với cô. Thế là chúng tôi chạy vòng quanh công viên, và tôi đang bắt nhịp với cô rất đều thì bỗng dưng mũi giày tôi đá phải một vật rất cứng trôi lên mặt đất. Tôi cảm thấy đau ở chân, không đến nỗi nặng lắm, nhưng khi bỏ giày và tắt ra, nhìn thấy móng ngón chân cái dựng đứng trên lớp thịt như đang giờ tay chào kiểu Hitler, tôi chóng mặt ngất xỉu. Tôi là như thế. Nên anh cũng hiểu, tôi không hào hứng gì với chuyện ðeo lại mặt.

Thế rồi, tất nhiên, còn vấn đề nguyên tắc nữa. Được rồi, tôi đã kể với anh, tôi không phải khất khe về tư chất nghệ thuật. Tôi chơi mọi loại xanh đỏ tím vàng để lấy tiền. Nhưng cái việc này thuộc vào một cấp độ khác, và tôi cũng còn lại một tí danh dự chứ. Bradley nói đúng một điều: tôi giỏi bằng hai hàu hết mọi kẻ trong cái mảng này. Nhưng có vẻ điều ấy ngày nay không đáng giá nhiều nữa. Bởi vì còn phải lo đến hình ảnh, đến tính thương mại, đến bìa tạp chí và chương trình truyền hình, đến tiệc tùng và những người cùng ngồi dự bữa trưa. Những thứ ấy làm tôi buồn nôn. Tôi là người làm nhạc, làm sao tôi lại phải nhập cuộc chơi ấy? Tại sao tôi không thể chỉ chơi nhạc theo cách tốt nhất tôi biết, và hoàn thiện thêm dần, dù chỉ trong căn buồng con, và có thể một ngày, có thể thôi, những người yêu âm nhạc đích

thực sẽ nghe được tôi và quý trọng những gì tôi làm. Tôi cần gì phải phẫu thuật thẩm mỹ chứ?

Ban đầu Helen có vẻ cũng nhìn nhận như tôi, và đề tài này không được nhắc lại trong một thời gian. Thế nghĩa là, cho đến khi cô gọi đến từ Seattle nói rằng cô quyết định bỏ tôi mà dọn đến ở với Chris Prendergast, một gã cô quen từ trung học và giờ là chủ một chuỗi quán ăn phát đạt ở khắp Washington. Tôi có gặp gã Prendergast này vài lần trong suốt nhiều năm qua - thậm chí có lần gã tới nhà ăn tối - nhưng chưa bao giờ nghi ngờ gì cả. “Đấy là do cái xó cách âm của cậu,” Bradley có nhận xét. “Từ trong ra lẫn ngoài vào.” Tôi nghĩ ông có ý đúng.

Nhưng tôi không muốn kể về Helen và Prendergast mà chỉ giải thích vai trò của họ trong việc đưa tôi đến nơi đang ở hiện giờ. Chắc là anh đang nghĩ tôi lái xe lên dọc bờ biển, giáp mặt đôi chim cu, và giải phẫu thẩm mỹ trở thành lựa chọn bất khả kháng sau một màn đấu khẩu hùng dũng với tình địch. Lãng mạn lắm, nhưng không, chuyện không phải như thế.

Chuyện là, khoảng vài tuần sau khi gọi điện, Helen trở lại căn hộ sắp xếp đồ đạc để chuyển đi. Trông cô khá buồn khi đi vòng quanh căn nhà - nơi, ít nhất, chúng tôi cũng đã có những giờ khắc hạnh phúc. Tôi cứ nghĩ cô sắp bật khóc ngay bây giờ, nhưng cô không khóc, chỉ đi quanh nhà xếp mọi thứ thành những chồng gọn gàng. Sẽ có người qua lấy trong một hai ngày nữa, cô nói. Rồi trong lúc tôi chuẩn bị vào buồng con, kèn đã cầm tay, cô ngược lên và lặng lẽ nói:

“Steve, xin anh. Đừng đi vào cái chỗ ấy nữa. Chúng ta cần nói chuyện.”

“Nói chuyện gì chứ?”

“Steve, vì Chúa.”

Thế nên tôi cắt lại kèn vào bao và chúng tôi vào căn bếp nhỏ, ngồi xuống bên bàn đối diện nhau. Rồi cô trình bày cho tôi.

Không có chuyện cô thay đổi quyết định. Cô rất hạnh phúc với Prendergast, người cô vẫn thầm yêu trộm nhớ từ hồi đi học. Nhưng cô thấy có lỗi vì đã bỏ tôi, nhất là tại thời điểm khi sự nghiệp của tôi không êm đẹp lắm. Thế nên cô đã suy nghĩ kỹ và nói chuyện với anh bạn trai mới, và anh ta cũng thấy có lỗi với tôi. Xem ra là, gã ta đã nói thế này: “Thật tệ là Steve lại

phải thiệt thòi vì hạnh phúc của hai đứa mình.” Thế nên đây là thỏa thuận. Prendergast sẵn sàng trả tiền cho tôi đi sửa mặt ở chỗ chuyên gia giỏi nhất trong ngành. “Thật đấy,” cô nói, khi tôi nhìn lại cô mà không phản ứng gì. “Anh ấy thành ý. Không tiếc một thứ gì. Toàn bộ phí chữa trị, phí hồi phục, mọi thứ. Bác sĩ giỏi nhất ngành.” Một khi mặt tôi đã sửa xong, sẽ không có gì cản đường tôi nữa, cô nói. Tôi sẽ tiến thẳng lên đỉnh, làm sao khác được, với tài năng như vậy?

“Steve, sao anh phải nhìn em như thế? Đây là một đề nghị tuyệt vời. Và Chúa mới biết sáu tháng nữa anh ấy có còn sẵn lòng như thế hay không. Nói ừ đi là anh đã làm ơn cho bản thân mình. Chỉ vài tuần khó chịu chút thôi, thế rồi ùng! Lên thẳng ngay vàng và cao hơn nữa!”

Mười lăm phút sau, trên đường ra, cô nói bằng giọng nghiêm khắc hơn: “Tức là anh nghĩ thế chứ gì? Nghĩ anh sẽ hạnh phúc khi cả đời chơi trong cái tủ chật chội ấy? Nghĩ anh thích thú vì được làm thẳng hăm tài số một?” Và kết thúc ở đó, cô đi.

Ngày hôm sau tôi ghé chỗ Bradley xem ông có mối nào mới cho tôi không, và tình cờ kể chuyện vừa diễn ra, nghĩ hai chúng tôi sẽ cùng cười vì chuyện ấy. Nhưng Bradley không cười.

“Anh ta giàu à? Và sẵn sàng trả tiền cho cậu đến bác sĩ giỏi nhất? Có thể anh ta sẽ đưa cậu tới Crespo đấy. Hay cả Boris cũng nên.”

Thế là giờ thêm cả Bradley nữa, dạy bảo tôi phải nắm lấy cơ hội này, và nếu không nắm tôi sẽ chỉ là một thằng hăm tài suốt đời. Tôi ra khỏi văn phòng ông trong cơn giận dữ, nhưng ông gọi lại ngay chiều hôm đó và cứ nói lui nói tới. Nếu là việc phải gọi điện làm tôi ngại, ông nói, nếu tôi thấy tổn thương lòng tự trọng vì phải nhắc điện thoại lên mà bảo Helen, có, làm ơn, tôi đồng ý, làm ơn bảo bạn trai cô ký tờ séc to ùng ấy, nếu đây là điều cản trở tôi, thì ông, Bradley đây, sẽ vui lòng đứng ra thương thảo đại diện cho tôi. Tôi bảo ông cấp đít mà rút đi rồi đập máy. Nhưng rồi một giờ sau ông gọi lại. Ông bảo giờ ông đã hiểu cả rồi và tôi đúng là ngốc mới không tự hiểu ra.

“Helen đã lên kế hoạch cẩn thận rồi. Cậu đặt mình vào vị trí cô ấy xem. Cô ấy yêu cậu. Nhưng về mặt mũi mà nói, chà, cậu khiến người ta xấu hổ khi xuất hiện bên cậu trước công chúng. Cậu không có tí gì là hấp dẫn. Cô ấy muốn cậu làm gì đó để giải quyết, nhưng cậu không chịu. Thế thì cô ấy phải

làm gì? Ô, nước tiếp theo của cô thật là thiên tài. Cực kỳ tinh tế. Là một người quản lý chuyên nghiệp tôi cũng phải thán phục. Cô ấy chạy tới gã này. Được rồi, có thể cô vẫn luôn mê gã, nhưng thật ra thì, cô không yêu gã tí nào. Cô làm cho gã phải trả tiền cho cậu sửa mặt. Một khi cậu đã lành lặn, cô sẽ trở lại, cậu lại đẹp trai, cô ấy sẽ thêm khát cơ thể cậu, cô ấy nôn nóng được xuất hiện cùng cậu tại các nhà hàng...”

Tôi chặn ngang lời ông để chỉ ra rằng dù qua nhiều năm tôi đã thấy ông có thể chui xuống sâu đến đâu khi cần thuyết phục tôi làm gì đó có lợi cho việc làm ăn của ông, nhưng cái tiểu xảo mới này đã xuống đến tận đáy của đáy, đến tận nơi ánh sáng không còn rọi xuống được và phân ngựa bốc hơi cũng phải đóng băng trong tích tắc. Và tiện thể nói đến phân ngựa, tôi nói ông hay mặc dù tôi hiểu là ông, do bản chất, không thể không vãi nó khắp nơi bất cứ khi nào có dịp, nhưng nếu muốn cái tiểu xảo có hiệu quả thì tốt hơn ông nên bịa ra cái gì ít nhất cũng có khả năng lừa phỉnh được tôi một hai phút. Rồi tôi gác máy lần nữa.

Trong mấy tuần sau đó, công việc trở nên khan hiếm hơn bao giờ hết, và mỗi lần tôi gọi Bradley xem có gì không, ông sẽ nói gì đó kiểu như: “Khó mà giúp kẻ nào không tự giúp lấy mình.” Cuối cùng, tôi bắt đầu cân nhắc toàn bộ vấn đề dưới góc độ thực tiễn. Tôi không thể lờ đi sự thực là mình phải ăn. Và nếu chịu đựng xong chuyện này mà rốt cuộc sẽ có thêm nhiều người được nghe nhạc tôi chơi, thì đây có phải là một kết cục quá tệ? Và còn kế hoạch tự thành lập ban nhạc riêng một ngày nào đó thì sao? Làm sao chuyện ấy có cơ hội thành sự thực đây?

Rốt cuộc, có lẽ khoảng sáu tuần sau khi Helen đưa ra đề nghị, tôi tiện thể nhắc qua với Bradley rằng tôi đang nghĩ lại chuyện đó. Với ông như thế là đủ. Ông khởi động, gọi điện rồi lại thỏa thuận, quát tháo âm ỉ và vô cùng kích động. Phải nói công bằng, ông giữ đúng lời hứa: ông lãnh toàn bộ những việc trung gian khiến tôi không phải trải qua một cuộc đối thoại xấu hổ nào với Helen, chưa nói đến Prendergast. Đôi lúc Bradley còn tạo ra được ảo tưởng rằng ông đang thương thảo một mối hời cho tôi, rằng tôi mới là kẻ có gì để bán. Ngay cả thế, tôi cũng rơi vào nghi hoặc mất vài lần mỗi ngày. Khi chuyện đến, nó đến rất đột ngột. Bradley gọi điện nói bác sĩ Boris vừa hủy một lịch hẹn sát giờ và tôi phải trình diện tại một địa chỉ XYZ đúng ba giờ ba mươi chiều hôm ấy với toàn bộ hành lý. Hình như tôi đã lên một con chấn động cuối giờ khi đến câu này, bởi tôi còn nhớ Bradley quát tướng lên trong điện thoại bảo tôi trấn tĩnh, và bảo ông đang tự thân đến đón tôi, và rồi

tôi đã được chở đi trên những con đường ngoằn ngoèo đến một tòa nhà lớn trong khu đồi Hollywood và lên bàn gây mê, cứ như một nhân vật của Raymond Chandler.

Vài ngày sau tôi được đưa xuống đây, trong khách sạn Beverly Hills, vào cửa sau dưới bóng đêm che giấu, và đặt trên xe đẩy dọc hành lang, trong khu độc quyền đến nỗi chúng tôi bị cắt rời khỏi toàn bộ sinh hoạt thông thường trong khách sạn.

Tuần đầu tiên, mặt tôi đau kinh khủng và thuốc mê còn trong máu khiến tôi váng vất muốn nôn. Tôi phải ngủ trong tư thế tựa lưng lên gối ngồi thẳng tưng, có nghĩa là chẳng ngủ được mấy, và bởi y tá kiên quyết bắt trong phòng lúc nào cũng để mờ mờ, tôi mất khái niệm về giờ giấc. Mặc dù thế, tôi cũng không thấy đến nỗi tệ. Thực tế là, tôi thấy cực kỳ phấn chấn lạc quan. Tôi đặt trọn lòng tin vào bác sĩ Boris, mà suy cho cùng các sao màn bạc đều đặt cả sự nghiệp vào tay ông. Chưa hết, tôi biết rằng với tôi ông đã hoàn thành tuyệt tác đỉnh cao của mình; rằng khi nhìn thấy khuôn mặt hăm tãi của tôi, ông đã cảm thấy những tham vọng sâu kín trong mình cất tiếng gọi, và nhớ lại vì sao thuở xa xưa ông đã đi theo tiếng gọi này, nên ông dồn cả tâm huyết vào tôi. Khi lớp băng bỏ ra, tôi có thể trông chờ sẽ có một khuôn mặt được đẽo tạc lành nghề, hơi mang nét tàn bạo, nhưng đầy những sắc tinh vi. Một người danh tiếng như ông, hẳn nhiên, đã suy tính cẩn thận những yêu cầu đối với một nhạc công jazz cao cấp, và không làm lẫn với yêu cầu đối với một gã điếm tin trên ti vi chẳng hạn. Có thể ông còn thêm thất để tôi có cái vẻ thoáng ưu tư, kiểu như De Niro hồi trẻ, hoặc như Chet Baker trước khi bị ma túy hủy hoại. Tôi nghĩ về những anbum tôi sẽ thu, những người tôi sẽ thuê làm dàn đệm cho mình. Tôi thấy bưng bưng đắc thắng và không tin nổi đã có lúc mình do dự về chuyện này.

Thế rồi sang đến tuần hai, khi tác dụng của thuốc giảm đi, đến lúc tôi thấy mình suy sụp, cô đơn và rẻ mặt. Y tá của tôi, Gracie, bây giờ đã cho phép một chút ánh sáng trong phòng - dù vẫn buông rèm ít nhất một nửa - và tôi được phép đi lại trong phòng trong áo khoác mặc nhà. Thế nên tôi bật hết đĩa nhạc này đến đĩa nhạc khác trên bộ dàn Bang & Olufsen và đi vòng vòng quanh thảm, thỉnh thoảng dừng lại trước gương trên bàn trang điểm sẫm soi con quái vật quần băng kỳ dị đang giương mắt nhìn lại qua khe.

Chính là trong giai đoạn thứ hai này Gracie lần đầu cho tôi biết Lindy

Gardner ở ngay phòng bên. Giá cô nói cho tôi trong giai đoạn đầu, khi tôi còn hứng khởi, hẳn tôi đã vui sướng mà đón nhận tin ấy. Có thể tôi còn coi đó là tín hiệu đầu tiên về cuộc đời lấp lánh đang đợi sẵn phía trước. Song, vì tin ấy đến lúc này, khi tôi đã tụt xuống đáy, nó khiến tôi ghê tởm đến mức lại lên một cơn buồn nôn nữa. Nếu anh thuộc về cộng đồng hâm mộ Lindy, thì tôi xin lỗi trước vì điều sắp nói. Nhưng thực tế là, vào thời điểm ấy, nếu có kẻ nào theo tôi là hiện thân của mọi thứ nông cạn và gớm ghiếc trên đời, thì đấy là Lindy Gardner: một người với tài năng ít ỏi - được rồi, nói thẳng ra, bà ta đã *chứng tỏ* mình không biết diễn xuất, và còn không buồn giả vờ có khả năng âm nhạc - nhưng dù thế nào cũng đã đánh đường tới được danh tiếng, trở thành đối tượng giành giật của các hãng truyền hình và tạp chí giấy bóng không bao giờ hết thềm khát khuôn mặt tươi cười của bà ta. Đầu năm nay tôi có đi qua một hiệu sách thì thấy một hàng dài ngoằn ngoèo đang trước và tự hỏi có phải Stephen King hay ai đó đang ở đây, nhưng rồi hóa ra chỉ là Lindy ký tặng quyển tự truyện thuê viết mới xuất bản. Và làm cách nào có được những điều này? Bằng cách thông thường, dĩ nhiên. Yêu đương hợp nơi, hôn nhân hợp người, ly dị hợp lúc. Mọi thứ dẫn đến những bìa báo hợp gu, talk show hợp mốt, rồi những món như trò gì đó của bà ta mới lên sóng gần đây, tôi không nhớ tên, chỗ bà ta khuyên bảo về việc ăn mặc thế nào cho cuộc hẹn lớn đầu tiên sau khi ly dị, hoặc phải làm gì nếu nghi ngờ chồng mình đồng tính, kiểu như thế. Anh có thể nghe người ta nói bà ta có “tố chất ngôi sao”, nhưng phép màu này cũng dễ phân tích. Đấy chỉ là phép cộng của mọi lần xuất hiện trên ti vi và bìa tạp chí, mọi tấm hình anh thấy khắp nơi chụp bà ta tại các buổi tiệc hay ra mắt phim, tay khoác tay với các tên tuổi huyền thoại. Và bây giờ bà ta ở đây, ngay sát vách, cũng như tôi đang đợi hồi phục sau một cuộc sửa sang mặt mũi với bác sĩ Boris. Không gì có thể tượng trưng tốt hơn cho cái chuyện tư cách tôi giờ đã xuống dốc đến thế nào. Một tuần trước, tôi còn là một nhạc công jazz. Giờ tôi chỉ còn là một gã hãnh tiến tuyệt vọng giữa số đông, chỉnh lại mặt mày hồng có cơ hội bỏ đằng sau những Lindy Gardner của thế giới này để tới địa vị ngôi sao rỗng tuếch.

Mấy ngày tiếp đó, tôi cố giải khuây bằng cách đọc sách, nhưng không sao tập trung được. Dưới lớp băng, mặt tôi có chỗ đập thành thịch, chỗ khác lại ngứa điên cuồng và tôi trải qua từng đợt nóng bừng hay bức bối khó thở. Tôi mong mỗi đến lúc được chơi kèn, và ý nghĩ sẽ phải nhiều tuần nữa mới có thể bắt cơ mặt chịu áp lực đến thế khiến tôi càng tuyệt vọng hơn nữa. Cuối cùng, tôi rút ra kết luận: cách tốt nhất để qua ngày là xen kẽ giữa nghe đĩa và những đợt ngồi ngó bản nhạc - tôi đã mang theo tới đây cặp bản nhạc

với hợp âm và ca từ mà tôi vẫn tập trong buồng con - và tự ngâm nga các dạng biến tấu cho mình mình nghe.

Đến gần cuối tuần thứ hai khi tôi bắt đầu thấy khá hơn cả về thể chất lẫn tinh thần, cô y tá đưa tôi một phong bì và cười đầy vẻ hiểu biết, bảo: “Thứ này không phải ngày nào cũng có đâu.” Trong là một trang viết từ giấy khách sạn, và vì nó đang ở ngay trước mặt tôi đây, tôi sẽ dẫn lại nguyên văn từ đó.

Gracie nói với tôi anh đang buồn chán cảnh sống xa hoa này. Tôi cũng thế. Anh qua thăm tôi thì sao nhỉ? Nếu anh không nghĩ năm giờ tối nay là quá sớm để uống cocktail? Ông B. cảm chất còn, tôi đoán với anh cũng vậy. Thế nên có lẽ chỉ là nước ngọt và Perrier. Bác với chẳng sĩ! Hẹn gặp anh năm giờ, nếu không tôi sẽ đau khổ hết sức. Lindy Gardner.

Có lẽ là do đến lúc này tôi đã hết sức buồn chán; hoặc có thể vì tâm trạng bây giờ đã lại khá lên; hoặc là ý nghĩ có một bạn tù cùng trao đổi chuyện trò là quá hấp dẫn. Hoặc có thể tôi không hoàn toàn miễn nhiễm với cái xa hoa như tôi tưởng. Đằng nào thì, bất chấp mọi điều đã nghĩ về Lindy Gardner, khi đọc lời nhắn này, tôi cảm thấy khá phấn khích, nên liền bảo Gracie báo với Lindy tôi sẽ qua lúc năm giờ.

Lindy Gardner còn quần băng nhiều hơn tôi. Tôi ít nhất cũng được chừa lại một khoảng trên đầu, ở đó tóc tua tủa ra như rặng cọ trong ốc đảo hoang mạc. Nhưng Boris đã ốp toàn bộ đầu Lindy thành một quả dưa vạch các đường vĩ tuyến, chỉ chừa kẽ hở cho mắt mũi miệng. Số phận nào đã đến với mớ tóc vàng rực rỡ ấy, tôi không biết. Tuy nhiên giọng bà không dè dặt như anh tưởng, và tôi nhận ra giọng nói thường nghe những lần bà xuất hiện trên ti vi.

“Thế anh thấy ở đây thế nào?” bà hỏi. Khi tôi đáp rằng cũng không đến nỗi, bà nói: “Steve. Tôi gọi anh là Steve được không? Tôi đã nghe Gracie nói nhiều về anh.”

“Thế à? Tôi hy vọng cô ấy bỏ qua những điểm xấu.”

“À, tôi cũng biết anh chơi nhạc. Và là một người rất có triển vọng.”

“Cô ấy bảo thế à?”

“Steve, anh căng thẳng thế. Tôi muốn anh thoải mái khi ngồi với tôi. Một vài người nổi tiếng, tôi biết, họ *thích* công chúng căng thẳng khi ở gần họ. Khiến họ càng thấy mình đặc biệt. Nhưng tôi ghét lối đó lắm. Tôi muốn anh đối xử với tôi như bè bạn bình thường của anh thôi. Anh đang nói gì nhỉ? Anh đang bảo tôi anh không thấy ở đây đáng ghét lắm.”

Phòng bà rộng hơn phòng tôi thấy rõ, mà đây mới chỉ là buồng khách của phòng suite. Chúng tôi đang ngồi đối mặt nhau trên bộ xô pha trắng, ở giữa là bàn cà phê thấp bằng kính mờ, qua đó nhìn thấy khối gỗ lửa to đùng đỡ bên dưới. Trên bàn để đầy tạp chí bóng lộn và một giỏ hoa quả vẫn còn bọc ni lông. Cũng như tôi, bà để máy điều hòa ở nấc cao - mặt quán băng làm cho người rất nóng - và rèm buồng thấp trên cửa chặn ánh nắng chiều. Cô phục vụ vừa mang cho tôi một cốc nước và cốc cà phê, cả hai đều bỏ ống hút bập bênh ở trong - ở đây mọi món đồ đều phải thế - rồi ra khỏi phòng.

Trả lời câu hỏi của bà, tôi nói điều khó khăn nhất với tôi là không được chơi kèn.

“Nhưng anh hiểu vì sao Boris không cho mà,” bà nói. “Cứ tưởng tượng xem. Anh thổi cái tù và ấy một ngày trước khi lành lặn, mặt anh sẽ nổ tung bắn ra khắp phòng!”

Bà có vẻ thấy ý nghĩ đó khá vui, và xua xua tay về phía tôi cứ như tôi mới là người vừa dí dỏm và bà phải bảo: “Thôi đi, thật quá thế!” Tôi cũng cười theo, và hút một chút cà phê qua ống. Rồi bà bắt đầu kể về một loạt bạn vừa làm phẫu thuật gần đây, về những gì họ thuật lại, những chuyện buồn cười họ gặp phải. Bà toàn nhắc những cái tên thuộc hàng sao, nếu không cũng kết hôn với hàng sao.

“Thế là anh chơi saxophone,” bà nói, đột ngột chuyển chủ đề. “Quyết định đúng đấy. Đây là một nhạc cụ tuyệt vời. Anh biết tôi nói gì với mọi nhạc công saxo trẻ không? Tôi bảo họ nên nghe những người cổ điển. Tôi biết một người, cũng mới nổi như anh, chỉ độc nghe những tay tân tiến. Wayne Shorter và các loại tương tự. Tôi bảo cậu ta, anh sẽ học được nhiều hơn từ những người cổ điển. Có thể không thật là đột phá, tôi bảo cậu ta thế, nhưng các ông ấy rành kỹ thuật. Steve, anh có phiền nếu tôi bật anh nghe

một đoạn không? Để anh hiểu chính xác tôi đang nói đến cái gì?”

“Không, tôi không phiền. Nhưng bà Gardner...”

“Làm ơn. Gọi tôi là Lindy. Ở đây chúng ta ngang hàng.”

“Được rồi. Lindy. Tôi chỉ định nói, tôi không trẻ đến thế đâu. Thật ra là, tới sinh nhật sau là tôi đã ba chín.”

“Ồ thật ư? Chà, thế vẫn còn trẻ. Nhưng anh nói phải, tôi cứ nghĩ anh còn trẻ hơn nhiều. Với những mặt nạ đặc quyền Boris ban cho chúng ta thì khó mà đoán được, phải không? Theo như Gracie kể, tôi cứ nghĩ anh là một cậu trẻ mới nôi, và đoán là bố mẹ anh đã trả tiền cuộc phẫu thuật này để cho anh một khởi đầu thuận lợi. Xin lỗi tôi nhầm.”

“Gracie nói tôi ‘mới nôi’ à?”

“Đừng giận Gracie. Cô ấy nói anh chơi nhạc nên tôi hỏi tên anh. Khi tôi bảo tên này tôi không quen, cô ấy bảo ‘Đây là vì anh này mới nôi.’ Chỉ có thể thôi. Này, nhưng nghĩ xem, anh bao nhiêu tuổi thì quan trọng gì chứ? Lúc nào anh cũng có thể học được từ những người cổ điển. Tôi muốn anh nghe cái này. Tôi nghĩ anh sẽ thấy thú vị.”

Bà đi lại tủ và một lúc sau giơ một chiếc CD lên. “Anh sẽ tán thưởng mà xem. Tiếng saxo ở đây thật hoàn hảo.”

Phòng bà cũng có một bộ dàn Bang & Olufsen như phòng tôi, và chẳng mấy chốc cả phòng đã vang lừng tiếng đàn dây ngọt lịm. Sau vài nhịp, tiếng kèn tenor uể oải, đậm chất Ben Webster nổi lên và nhanh chóng dẫn đầu dàn nhạc. Nếu không nắm rõ những thứ này, anh còn có thể tưởng đây là một trong những khúc dạo của dàn Nelson Riddle dành cho Sinatra. Nhưng giọng hát cuối cùng bắt vào lại là giọng Tony Gardner. Bài hát - mà tôi vừa nhớ ra - là một bài tên “Back at Culver City”, một bản ballad chưa bao giờ thịnh lắm và ngày nay không mấy ai chơi nữa. Suốt trong lúc Tony Gardner hát, tiếng saxophone đuổi theo ông, đối đáp ông từng câu một. Kiểu chơi này khá sáo, và quá ủy mị với tôi.

Tuy thế sau một lúc, tôi không để ý nhiều đến bài hát nữa vì Lindy, trước mặt tôi, rơi vào trạng thái mơ màng, đã chậm chậm nhảy theo tiếng nhạc. Những động tác của bà uyển chuyển và duyên dáng - rõ ràng ca mổ đã

không ảnh hưởng đến cơ thể bà - và bà có một thân hình mảnh dẻ, cân đối. Bà đang mặc thứ gì đó nửa như áo khoác mặc nhà, nửa như váy tiệc chiều; nghĩa là nó cùng lúc hơi có vẻ bệnh viện mà vẫn xa hoa. Thêm nữa, tôi đang cố nghĩ cho ra một điều. Tôi có ấn tượng rõ ràng rằng Lindy mới đây đã ly dị Tony Gardner, nhưng với tư cách kẻ mù mờ nhất cả nước về hậu trường showbiz, tôi bắt đầu nghĩ có lẽ mình nhầm. Nếu không thì làm sao bà lại nhảy thế này, chìm đắm trong tiếng nhạc, và rõ ràng là đang thích thú?

Tony Gardner ngưng hát một lúc, đàn dây trội lên khi vào phần nổi, và piano bắt đầu một đoạn solo. Đến lúc này, Lindy có vẻ đã trở lại mặt đất. Bà không đu đưa nữa, nhặt điều khiến tắt nhạc đi rồi quay lại ngồi xuống trước mặt tôi.

“Có tuyệt diệu không? Anh hiểu tôi nói gì chứ?”

“Phải, rất là tuyệt,” tôi đáp, không hiểu có phải câu hỏi vẫn chỉ là về saxophone hay không.

“Tiện thể nói thêm, anh không nghe nhầm đâu.”

“Nghĩa là sao?”

“Người hát ấy. Đúng là người anh nghĩ đấy. Không phải vì ông ấy không còn là chồng tôi nữa mà tôi không được nghe đĩa của ông ấy, phải không?”

“Không, tất nhiên là không.”

“Và tiếng kèn mới đẹp làm sao. Giờ chắc anh hiểu tại sao tôi muốn anh nghe chứ.”

“Phải, rất hay.”

“Steve, anh có đĩa nào đã thu rồi không? Ý tôi là, đĩa anh chơi ấy?”

“Có. Thực tình là tôi có vài đĩa CD ở ngay trong phòng.”

“Lần sau anh đến chơi, cưng ạ, tôi muốn anh mang chúng theo. Tôi muốn biết anh chơi thế nào. Anh hứa nhé?”

“Được thôi, miễn chúng không làm bà chán.”

“Ôi không, tôi không chán đâu. Nhưng tôi mong anh đừng nghĩ là tôi tọc mạch. Tony luôn bảo tôi quá tọc mạch, tôi nên để cho người ta yên, nhưng anh biết không, tôi nghĩ chẳng qua là ông ấy hách. Rất nhiều người nổi tiếng, họ nghĩ họ chỉ nên quan tâm đến những người nổi tiếng khác. Tôi thì chưa bao giờ như thế. Tôi nghĩ mỗi người đều có khả năng là một người bạn. Như Gracie chẳng hạn. Cô ấy là bạn tôi. Toàn bộ người làm ở nhà, họ đều là bạn tôi. Giá mà anh thấy tôi khi đi dự tiệc. Mọi người khác, họ đều nói chuyện với nhau về bộ phim mới quay hoặc cái gì đó, riêng tôi là người trò chuyện với cô nhà bếp hay anh đứng quầy. Tôi không nghĩ như thế là tọc mạch, phải không?”

“Không, tôi cũng không nghĩ thế là tọc mạch. Nhưng thế này, bà Gardner...”

“Xin gọi tôi là Lindy.”

“Lindy. Thế này, ngồi với bà chiều nay rất là dễ chịu. Nhưng mấy thứ thuốc men này, chúng thực sự làm tôi mệt. Tôi nghĩ mình phải đi nằm một lúc.”

“Ôi, anh thấy không khỏe à?”

“Không có gì đâu. Chỉ là do thuốc thôi.”

“Tệ quá! Khi nào thấy đỡ mệt nhất định anh phải quay lại đây. Và mang cả đĩa theo nữa, những bản do anh chơi ấy. Thỏa thuận nhé?”

Tôi phải cam đoan với bà lần nữa rằng chiều nay rất là tuyệt và tôi sẽ trở lại. Rồi trong lúc tôi ra khỏi cửa, bà nói:

“Steve, anh có biết chơi cờ không? Tôi chơi cờ thì tệ nhất thiên hạ, nhưng tôi có bộ cờ xinh tuyệt trần đời. Meg Ryan vừa mang cho tôi tuần trước.”

Quay lại phòng, tôi lấy một lon Coca từ trong tủ lạnh nhỏ, ngồi xuống bàn viết nhìn ra cửa sổ. Mặt trời đang lặn thành một quầng hồng ửng bên ngoài, tầng tôi ở tí trên cao, và tôi nhìn thấy cả xe cộ đang chạy trên đường cao tốc

đăng xa. Sau vài phút tôi gọi cho Bradley, và tuy thư ký bắt tôi chờ một lúc lâu, cuối cùng ông cũng trả lời máy.

“Mặt mũi thế nào rồi?” ông hỏi giọng lo âu, như thể đang hỏi thăm con chó cảnh cưng nhất nhà giao vào tay tôi chăm sóc.

“Làm sao tôi biết được? Đến giờ tôi vẫn là Người Không Mặt.”

“Cậu ổn không? Nghe giọng cậu có vẻ... chán nản.”

“Tôi chán nản *thật*. Toàn bộ chuyện này là một sai lầm. Giờ thì tôi hiểu rồi. Sẽ không ăn thua gì đâu.”

Một phút im lặng, rồi ông hỏi: “Ca mổ hỏng à?”

“Tôi tin là ca mổ không sao. Ý tôi là toàn bộ phần còn lại, những gì nó sẽ kéo theo. Cái *ý đồ* này... Nó sẽ không bao giờ tiến triển được như ông nghĩ. Lẽ ra tôi không được nghe ông thuyết phục mà lao vào đó.”

“Có chuyện gì với cậu thế? Nghe cậu có vẻ suy sụp. Họ bơm những gì vào người cậu hử?”

“Tôi ổn cả. Thực tế là, đầu tôi còn sáng sủa hơn từ trước đến giờ. Vấn đề ở chỗ ấy. Bây giờ thì tôi hiểu cả. Cái ý đồ của ông... Lẽ ra tôi không được nghe lời ông.”

“Có chuyện gì đây? Cái ý đồ gì? Nghe này, Steve, không có gì phức tạp cả. Cậu là một nghệ sĩ rất có tài. Khi cậu vượt qua chặng này, mọi thứ cậu làm sẽ là những gì cậu vẫn làm từ trước đến nay. Hiện nay chỉ là cậu gỡ đi một chương ngại, thế thôi. Không có *ý đồ* gì cả...”

“Nghe này, Bradley, tình hình ở đây rất tệ. Không chỉ là bất tiện thân thể. Tôi đã nhận ra mình đang làm gì với chính mình. Đây là một sai lầm, lẽ ra tôi phải biết tôn trọng mình hơn.”

“Steve, việc này là do có gì? Có chuyện gì vừa xảy ra ở đó phải không?”

“Có chuyện xảy ra, phải quá. Vì thế tôi mới gọi cho ông. Tôi cần ông đưa tôi ra khỏi đây. Tôi cần ông đưa tôi đến một khách sạn khác.”

“Khách sạn khác? Cậu nghĩ cậu là ai? Hoàng tử Abdullah à? Cái khách

sạn chết tiệt đó thì có vấn đề gì không ôn?”

“Có vấn đề là tôi ở ngay kế bên phòng Lindy Gardner. Và bà ta vừa mới mời tôi qua, và bà ta sẽ còn mời tôi qua nữa. Có vấn đề là thế đấy!”

“Lindy Gardner ở phòng kế bên?”

“Nghe này, tôi không thể chịu đựng thêm một lần như thế nữa. Tôi vừa ở đó ra xong, đây là đã cố gắng lắm mới ở lại được đến lúc ấy. Và giờ thì bà ta bảo chúng tôi sẽ phải chơi bộ cờ Meg Ryan của bà ta...”

“Steve, cậu nói là Lindy Gardner ở phòng kế bên? Và cậu giao lưu với bà ta?”

“Bà ta bật đĩa của ông chồng! Chết mẹ, tôi nghĩ bà ta lại đang bật một đĩa khác bây giờ đây. Tôi đã đến nước này rồi. Tôi đã xuống bậc này rồi.”

“Steve, hượm đã, chúng ta nói lại từ đầu. Steve, cầm mẹ cái mồm lại, rồi giải thích cho tôi. Giải thích cho tôi làm sao cậu lại gặp được Lindy Gardner.”

Tôi dịu lại được một chút, rồi vẫn tất kể lại Lindy đã mời tôi qua ra sao, mọi chuyện tiếp diễn thế nào.

“Tức là cậu không thô lỗ với bà ấy chứ gì?” ông ta hỏi ngay khi tôi vừa dứt.

“Không, tôi không thô lỗ với bà ta. Tôi giữ lại trong đầu. Nhưng tôi không quay lại đây đâu. Tôi phải kiếm khách sạn khác.”

“Steve, cậu sẽ không đi khách sạn khác. Lindy Gardner? Bà ấy quán băng, cậu cũng quán băng. Bà ấy ở ngay phòng bên. Steve, đây là cơ hội bằng vàng.”

“Không có vàng việc gì cả, Bradley. Đây là tận đáy địa ngục. Bộ cờ Meg Ryan của bà ta, lạy Chúa!”

“Bộ cờ Meg Ryan? Nghĩa là thế nào? Quân nào cũng có hình Meg à?”

“Và bà ta còn muốn nghe tôi chơi! Bà ta nằng nặc đòi lần sau tôi mang đĩa sang!”

“Bà ấy muốn... Chúa ơi, Steve, cậu còn chưa bỏ băng mà mọi thứ đã ngon lành quá rồi. Bà ấy muốn nghe cậu chơi?”

“Tôi đang yêu cầu ông xử lý vụ này, Bradley. Được rồi, tôi đã lún quá sâu, tôi đã mở xong, ông đã thuyết phục tôi, bởi tôi ngu đến nỗi tin lời ông. Nhưng tôi không có trách nhiệm phải chịu đựng việc này. Tôi không phải dành cả hai tuần tiếp theo đây cho Lindy Gardner. Tôi yêu cầu ông mang tôi đi lập tức!”

“Tôi không mang cậu đi đâu cả. Cậu có hiểu Lindy Gardner là nhân vật to lớn cỡ nào không? Cậu có biết bà ấy giao du với những ai không? Biết bà ấy có thể làm gì cho cậu chỉ cần một cú điện thoại? Tất nhiên, bà ấy đã ly dị Tony Gardner. Chẳng có gì vì thế mà thay đổi. Có bà ấy trong đội, có gương mặt mới, cửa nào cũng mở cho cậu. Tiến thẳng lên đẳng cao, sau khi đếm đến năm.”

“Sẽ không có đẳng cao gì cả, Bradley, bởi vì tôi sẽ không qua đó lần nữa, và tôi không muốn cửa nào mở cho tôi ngoài những cửa sẽ mở cho tiếng kèn của tôi. Và tôi không tin những gì ông nói lúc trước nữa, tôi không tin cái ý đồ bỏ khỉ này...”

“Tôi không nghĩ cậu cần diễn đạt mạnh mẽ như thế. Tôi thực sự lo lắng về những vết khâu...”

“Bradley, chỉ chốc nữa ông sẽ không phải lo lắng về vết khâu nữa đâu, vì ông biết tôi định làm gì không? Tôi sẽ lột cái mặt nạ xác ướp này ra và tôi sẽ chọc ngón tay vào miệng và kéo giãn mặt mình thành mọi hình thù có thể! Ông nghe rõ không, Bradley?”

Tôi nghe thấy ông thở dài. Rồi ông nói: “Được rồi, bình tĩnh. Cứ bình tĩnh. Cậu đang trải qua rất nhiều áp lực trong khoảng thời gian này. Cũng dễ hiểu. Nếu cậu không muốn gặp Lindy lúc này, nếu cậu muốn quảng cơ hội qua cửa sổ, không sao, tôi hiểu tình thế của cậu. Nhưng hãy lịch sự, được chưa? Hãy đưa ra lý do dễ nghe. Đừng chặt bỏ cái cầu nào.”

Tôi cảm thấy dễ chịu hơn nhiều sau khi nói chuyện với Bradley, và trải qua một buổi chiều tương đối hài lòng, xem nửa cuốn phim, rồi nghe Bill

Evans. Sáng hôm sau, sau bữa sáng, bác sĩ Boris cùng hai hộ lý vào khám, tỏ vẻ vừa ý, rồi đi ra. Một lúc sau đó, độ mười một giờ, tôi có khách đến thăm - một tay trống tên Lee từng chơi cùng ban với tôi cho một studio ở San Diego vài năm trước. Bradley, vốn là bầu của cả Lee, đã gợi ý cậu ta đến.

Lee khá ôn và tôi rất vui được gặp cậu ta. Cậu ta đến thăm độ một tiếng đồng hồ, chúng tôi trao đổi tin tức về những người bạn chung, ai đang ở ban nào, ai đã xách va li đi Canada hay châu Âu.

“Rất buồn là hội cũ chẳng mấy ai còn ở đây nữa,” cậu ta nói. “Anh chơi với họ rất vui vẻ, rồi thoát cái anh đã chẳng biết họ ở đâu.”

Cậu ta kể về những buổi diễn gần đây, và chúng tôi cùng cười khi nhớ lại vài chuyện cũ từ hồi ở San Diego. Rồi đến lúc gần về, cậu ta hỏi:

“Thế còn Jake Marvell thì sao? Cậu nghĩ gì về hắn ta? Thế giới này thật lạ lùng nhỉ?”

“Lạ lùng thì đúng quá rồi,” tôi nói. “Nhưng dù sao, Jake vẫn luôn là gã cừ. Hắn xứng đáng với những gì hắn được hưởng.”

“Ừ, nhưng vẫn lạ lùng. Có nhớ hồi Jake còn ở đó không? San Diego ấy? Steve à, tối nào cậu cũng có thể thổi hắn bay xuống bụi. Mà giờ nhìn hắn xem. Đấy gọi là may mắn hay cái gì?”

“Jake lúc nào cũng là một gã đáng mến,” tôi nói. “Mà về phần tôi thì tôi mừng khi thấy bất kỳ tay saxophone nào được công nhận.”

“Công nhận, đúng thế,” Lee nói. “Mà lại ở ngay đây trong khách sạn này nữa. Để xem, tôi có mang theo đây.” Cậu ta lục trong túi và lôi ra một tờ *Tuần báo Los Angeles* tôi tả. “Ừ, đây rồi. Giải thưởng âm nhạc Simon và Wesbury. Nghệ sĩ Jazz của năm. Jake Marvell. Xem nào, cái của khỉ này diễn ra lúc nào nhỉ? Ngày mai trong phòng khiêu vũ. Cậu lượn xuống cầu thang là có thể vào dự được buổi lễ.” Cậu ta bỏ tờ báo xuống và lắc đầu. “Jake Marvell. Nghệ sĩ Jazz của năm. Ai mà nghĩ được, hở, Steve?”

“Tôi nghĩ là tôi không xuống dưới nổi đâu,” tôi nói. “Nhưng tôi sẽ nhớ nâng cốc chúc mừng hắn ta.”

“Jake Marvell. Trời ạ, thế giới này đi đâu xuống đất rồi hay sao hở?”

Khoảng một tiếng sau bữa trưa, điện thoại đổ chuông và tôi nghe giọng Lindy.

“Bàn cờ đã bày rồi, cung ơi,” bà nói. “Anh sẵn sàng chơi chưa? Đừng có nói không nhé, tôi sắp điên lên vì buồn chán rồi. À, mà đừng có quên đây, đĩa CD của anh. Tôi đang háo hức được nghe anh chơi thế nào.”

Tôi đặt máy, rồi ngồi xuống mép giường thử tự giải thích cho mình xem làm sao tôi lại không vững lập trường hơn. Thực tế là, tôi còn không lộ ra chút dấu hiệu ám chỉ từ “không” nào. Có thể đấy chỉ là do thói bạc nhược. Hoặc có thể tôi đã tiếp thụ những lý lẽ của Bradley trên điện thoại nhiều hơn tôi thừa nhận. Nhưng không còn đủ thời gian mà nghĩ về điều đó, vì tôi còn phải chọn xem đĩa nào sẽ gây ấn tượng với bà ta nhất. Thứ avant-garde thì loại hẳn rồi, cũng như cái tôi đã thu với tụi electro-funk ở San Francisco hồi năm ngoài. Cuối cùng, tôi chỉ nhặt lấy cái thích nhất, thay sơ mi mới, choàng lại áo khoác ra ngoài và qua gõ cửa.

Bà cũng choàng áo khoác mặc nhà, nhưng đây là thứ áo có thể mặc đến buổi ra mắt phim mà vẫn không phải quá xấu hổ. Tất nhiên, bộ cờ đã nằm đó trên cái bàn cà phê kính, và chúng tôi ngồi xuống đối diện như hôm trước và bắt đầu chơi. Có lẽ bởi cả hai đều có việc cho đôi tay, không khí lần này có vẻ thoải mái hơn nhiều. Trong lúc chơi, dần dần chúng tôi nói về đủ thứ chuyện: các chương trình ti vi, những thành phố châu Âu bà thích nhất, đồ ăn Tàu. Lần này tần số nhắc đến các tên tuổi giảm rõ rệt, và bà có vẻ bình tĩnh hơn. Có một lúc bà nói:

“Anh có biết tôi làm gì để khởi phát điên lên ở chỗ này không? Có biết bí mật lớn của tôi không? Tôi sẽ nói cho anh nhé, nhưng không được hở ra, kể cả với Gracie, đồng ý không? Việc tôi làm là ra ngoài đi dạo lúc nửa đêm. Chỉ trong khách sạn này thôi, nhưng nó lớn đến nỗi anh có thể đi cả đời không hết. Và giữa đêm khuya, cảm giác thật kỳ diệu. Đêm hôm qua tôi đi phải đến cả giờ thì phải? Anh phải rất cẩn thận, vẫn có nhân viên khách sạn đi tuần hai tư trên hai tư, nhưng tôi chưa bao giờ bị ai thấy cả. Nghe thấy động là tôi chạy ngay và trốn ở đâu đó. Có lần mấy người dọn vệ sinh thấy tôi trong một giây, nhưng mới *thế* tôi đã tan biến vào bóng đêm! Thật là

phấn chấn. Cả ngày anh là người tù ở đây, rồi lúc ấy gần như anh hoàn toàn tự do, cảm giác thật tuyệt vời. Đêm nào đó tôi sẽ đưa anh đi cùng, cùng a. Tôi sẽ cho anh thấy những thứ kỳ diệu. Quầy bar, nhà hàng, phòng hội thảo. Những phòng khiêu vũ tuyệt vời. Và không có ai ở đó cả, mọi thứ đều tối mò và vắng vẻ. Và tôi khám phá ra một chỗ thiên đường, một phòng tầng thượng, tôi nghĩ chắc là phòng tổng thống? Người ta còn đang xây dở chừng, nhưng tôi tìm thấy và có thể đi thẳng vào trong, và tôi ở trong đó, hai mươi phút, có khi nửa giờ, suy nghĩ đủ thứ chuyện. Ô, Steve, như thế này được không? Tôi có thể đi thế này và ăn hậu của anh?”

“Ồ. Được, chắc thế. Tôi nhìn không ra. Này, Lindy, bà chơi giỏi hơn nhiều so với bà tỏ ra đây. Bây giờ thì tôi phải làm gì?”

“Được thôi, tôi sẽ bảo anh làm gì. Bởi anh là khách, và rõ ràng là anh bị phân tán vì điều tôi đang nói, tôi sẽ vờ như không nhìn thấy nó. Thấy tôi có tốt bụng không? Này, Steve, tôi không nhớ tôi đã hỏi anh câu này chưa. Anh có gia đình rồi, phải không?”

“Phải.”

“Thế cô ấy nghĩ gì về chuyện này? Ý tôi là, vụ này không rẻ. Nghĩ xem cô ấy có thể mua bao nhiêu đôi giày với số tiền này.”

“Cô ấy không vấn đề gì. Thực ra, đây trước hết là ý tưởng của cô ấy. Xem xem giờ thì ai phân tâm.”

“Ôi quý sứ. Mà đằng nào tôi cũng chơi chẳng ra gì. Này, tôi không có ý tọc mạch, nhưng cô ấy có đến thăm anh thường không?”

“Thực ra là cô ấy chưa đến lần nào. Nhưng đây là thỏa thuận từ đầu của chúng tôi, trước khi tôi đến đây.”

“Thế à?”

Bà có vẻ bối rối nên tôi bảo: “Nghe cũng kỳ, tôi biết, nhưng đây là chúng tôi muốn như thế.”

“Hiểu.” Rồi một lúc sau bà nói: “Thế nghĩa là không ai đến đây thăm anh à?”

“Tôi cũng có người thăm. Nói thật thì, có người vừa đến sáng nay. Một nhạc công từng chơi cùng tôi.”

“Ồ thế à? Thế thì tốt. Anh biết không, cũng ạ, tôi không bao giờ nhớ được con mã này phải đi thế nào. Nếu anh thấy tôi đi sai thì cứ nói, được không? Không phải là tôi muốn qua mặt anh đâu.”

“Tất nhiên rồi.” Rồi tôi nói: “Cái người đến thăm tôi sáng nay, anh ta cho tôi biết tin. Nghe cũng lạ lùng. Một trùng hợp tình cờ.”

“Thế à?”

“Có một nhạc công saxophone chúng tôi từng quen cách đây vài năm, ở San Diego, một người tên Jake Marvell. Có thể bà đã nghe tiếng anh ta. Bây giờ anh ta ở đẳng cao. Nhưng hồi đó, khi chúng tôi quen nhau, anh ta chưa là gì. Thực ra, anh ta là một tay vờ vĩnh. Loại người bà có thể gọi là dân bịp. Chưa bao giờ nhớ được hết các phím. Và tôi đã nghe anh ta chơi gàn đây, rất nhiều lần, anh ta cũng không khá hơn. Nhưng anh ta đã có vài bước tiến và giờ được coi là một. Tôi thề là anh ta không khá hơn mấy may so với hồi trước, không một tẹo nào. Thế mà bà biết có tin gì không? Chính người này, Jake Marvell, ngày mai anh ta sẽ nhận một giải thưởng âm nhạc lớn, tại ngay khách sạn này. Nghệ sĩ Jazz của năm. Thật là điên rồ, bà hiểu không? Có bao nhiêu tay kèn giỏi, thế mà người ta chọn trao giải cho Jake.”

Tôi bắt mình dừng, và rời mắt khỏi bàn cờ, khẽ bật cười. “Ta có thể làm được gì chứ?” tôi nói, nhẹ nhàng hơn.

Lindy đang ngồi thẳng dậy, tập trung hoàn toàn vào tôi. “Thật tệ quá. Mà người này, anh ta không giỏi à, anh bảo vậy?”

“Tôi xin lỗi, tôi hơi đi quá đà. Họ muốn trao giải cho Jake, thì tại sao lại không?”

“Nhưng nếu anh ta không giỏi...”

“Anh ta cũng giỏi như mọi người. Tôi chỉ nói lung tung thôi. Tôi xin lỗi, bà phải bỏ qua cho tôi.”

“Này, anh làm tôi nhớ ra,” Lindy nói. “Anh có nhớ mang đĩa sang không?”

Tôi chỉ cái đĩa để bên cạnh trên ghế. “Tôi không biết bà có thích không. Bà không bắt buộc phải nghe...”

“Ôi, nhưng tôi muốn nghe, rất muốn nghe mà. Nào, đưa tôi xem.”

Tôi đưa bà cái đĩa. “Đây là một ban nhạc tôi chơi cùng ở Pasadena. Chúng tôi chơi những bài cơ bản, swing kiểu cũ, một ít bossa nova. Không có gì đặc biệt, tôi chỉ mang theo vì bà hỏi.”

Bà đang ngắm nghía cái bìa đĩa, giơ lên sát tận mặt, rồi lại đưa ra xa. “Thế có anh ở trong bức ảnh này không?” Bà lại kéo lại gần. “Tôi khá tò mò trông anh ra sao. Hoặ là đúng hơn, *lúc trước* trông anh ra sao.”

“Tôi đứng thừa hai từ phải qua. Mặc áo chim cò, cầm cái cầu là.”

“Người *này*?” Bà ta nhìn cái đĩa, rồi lại nhìn tôi. Rồi bà nói: “Ồ, anh trông rất là ngộ.” Nhưng bà nói thật nhỏ, bằng một giọng không có gì tin tưởng. Thực tế là, tôi nghe ra vẻ thương hại rõ rệt trong đó. Nhưng gần như lập tức, bà đã hỏi lại. “Được rồi, thế thì ta nghe thôi!”

Khi bà đi lại gần bộ dàn Bang & Olufsen, tôi nói: “Bài số chín. ‘The nearness of you’. Đây là bài đặc biệt của tôi.”

“Xin giới thiệu ‘The nearness of you’.”

Tôi đã chọn bài này sau một lúc suy nghĩ. Các nhạc công trong ban đó đều là loại xịn. Xét từng người thì chúng tôi đều có những tham vọng thuộc loại cấp tiến, nhưng khi họp lại thành ban nhạc thì chúng tôi xác định mục đích là chơi những bản đỉnh cao trong số nhạc thịnh hành, loại nhạc mà công chúng trong các phòng ăn tối sang trọng sẽ muốn nghe. Bản ‘The nearness of you’ của chúng tôi - với tiếng tenor của tôi từ đầu đến cuối - không hẳn là một trời một vực so với lãnh địa của Tony Gardner, nhưng tôi vẫn luôn thực tình hãnh diện với nó. Có thể anh nghĩ anh đã nghe bài này chơi theo mọi kiểu phối khí trên đời. Chắc, nếu thế thì hãy nghe thử chúng tôi xem. Hãy nghe, chẳng hạn như lời hai ấy. Hoặ nghe đoạn chúng tôi vừa kết thúc đoạn điệp khúc, khi cả ban chuyển từ hợp âm III-5 sang VIx-9 trong lúc tôi lên đến những quãng anh không bao giờ tin là có tồn tại và rồi ngân mãi ở nốt si giáng dịu dàng, rất đổi mỏng manh. Tôi nghĩ ở đó có những sắc độ, những nỗi khát khao và nuối tiếc mà anh chưa bao giờ thấy trước đây.

Thế nên anh có thể thấy tôi khá tự tin rằng đĩa này sẽ được Lindy tán thưởng. Và trong khoảng một phút đầu, trông bà vẫn có vẻ thích thú. Bà đứng đó sau khi bỏ đĩa vào máy, và cũng như lần bật đĩa của chồng bà cho tôi nghe, bà bắt đầu đu đưa nhẹ nhàng theo tiết tấu chậm rãi. Nhưng rồi cử động của bà mất dần nhịp điệu, tới khi bà đứng im phăng phắc, lưng quay về phía tôi, đầu gục xuống như đang cố tập trung. Lúc đầu tôi chưa thấy đây là dấu hiệu xấu. Chỉ đến khi bà quay người bước trở lại và ngồi xuống trong lúc nhạc vẫn còn vang dội, tôi mới nhận ra có gì không ổn. Qua lớp băng quần, tất nhiên, tôi không nhìn được nét mặt bà, nhưng cái vẻ bà ngồi thụp vào xô pha, như một cô ma nơ canh căng thẳng, không phải là điềm tốt.

Khi bài hát dừng, tôi nhặt điều khiển và tắt máy. Trong một lúc lâu thật lâu, bà ngồi nguyên như thế, cứng đờ và lúng túng. Rồi bà hơi nhồm người lên và bắt đầu mân mê một quân cờ.

“Bản nhạc rất hay,” bà nói. “Cám ơn anh đã cho tôi nghe.” Nghe rất sáo mòn, và bà có vẻ cũng không bận tâm giấu điều đó.

“Có lẽ đây không phải típ của bà.”

“Không, không.” Giọng bà trở nên hờn dỗi và lặng lẽ. “Bài hát rất hay. Cảm ơn anh đã cho tôi nghe.” Bà đặt quân cờ xuống một ô, rồi nói: “Đến lượt anh.”

Tôi nhìn bàn cờ, thử nhớ xem chúng tôi đã đến đâu. Sau một lúc, tôi nhẹ nhàng hỏi: “Có lẽ bài đó, nó có những liên tưởng đặc biệt với bà chăng?”

Bà nhìn lên và tôi cảm thấy cơn giận dữ qua lớp băng. Nhưng bà vẫn nói lặng lẽ như trước: “Bài ấy à? Không có liên tưởng gì cả. Không có đâu.” Bỗng nhiên bà bật cười - tiếng cười ngắn, lạnh lùng. “Ồ, anh nói là liên tưởng với ông ấy, với Tony à? Không, không. Nó không ở trong số những bài ông ấy hát. Anh chơi hay lắm. Rất chuyên nghiệp.”

“Rất *chuyên nghiệp*? Như thế có nghĩa là thế nào?”

“Nghĩa là... là nó thực sự chuyên nghiệp. Tôi nghĩ đây là một lời khen.”

“Chuyên nghiệp à?” Tôi đứng dậy, bước qua phòng và lấy đĩa ra khỏi máy.

“Có gì mà anh bực tức thế?” Giọng bà vẫn xa vắng lạnh lùng. “Tôi nói gì sai à? Tôi xin lỗi. Tôi chỉ đang cố lịch sự.”

Tôi quay lại bàn, bỏ đĩa vào vỏ, nhưng không ngồi xuống.

“Thế chúng ta có chơi nốt không?” bà hỏi.

“Nếu bà không phiền, tôi còn vài việc phải làm. Gọi điện. Giấy tờ nữa.”

“Có gì mà anh bực tức thế? Tôi không hiểu.”

“Tôi không bực tức gì cả. Đã muộn rồi, thế thôi.”

Ít nhất bà cũng đứng lên tiễn tôi ra cửa, trước khi chúng tôi chào nhau bằng một cái bắt tay lạnh lẽo.

Tôi đã nói là giờ giấc ngủ của tôi lộn tung bậy cả sau ca mổ. Chiều hôm đó tôi bất chợt thấy mệt, đi ngủ sớm, ngủ yên lành được vài giờ, rồi tỉnh dậy giữa đêm mà không tài nào ngủ lại được. Một lúc sau tôi trở dậy bật ti vi. Có một bộ phim tôi đã xem hồi còn bé, nên tôi kéo ghế xem nốt phần còn lại, để tiếng thật nhỏ. Khi phim hết tôi xem tiếp hai giảng sư quát tháo nhau trước một bày khán giả đang hú lên. Nói chung, tôi cảm thấy bằng lòng. Tôi thấy dễ chịu và tưởng như đang ở cách thế giới bên ngoài hàng vạn dặm. Thế nên tim tôi chỉ thiếu nước nhảy khỏi lồng ngực khi điện thoại reo.

“Steve? Anh đấy phải không?” Đây là Lindy. Giọng bà là lạ và tôi nghĩ không hiểu có phải bà vừa uống rượu không.

“Vâng, tôi đây.”

“Tôi biết là muộn rồi. Nhưng vừa nãy lúc đi qua, tôi thấy đèn phòng anh vẫn sáng dưới khe cửa. Tôi nghĩ là anh đang khó ngủ, giống tôi.”

“Tôi nghĩ thế. Ở đây khó giữ được giờ giấc bình thường.”

“Phải. Rất khó.”

“Mọi thứ vẫn ổn chứ?” tôi hỏi.

“Tất nhiên. Cái gì cũng ổn. *Cực kỳ ổn.*”

Tôi nhận ra không phải bà ta say, nhưng không thể đoán nổi có chuyện gì với bà ta. Bà ta chắc cũng không phải đang ngấm thuốc - chỉ là tỉnh táo quá mức và có thể đang hưng phấn vì điều gì đó muốn kể cho tôi.

“Bà có chắc là mọi thứ ổn không?” tôi hỏi lần nữa.

“Có, ổn mà, nhưng mà... Này, cung ơi, tôi có cái này, cái này tôi muốn tặng cho anh.”

“Thế à? Là cái gì vậy?”

“Tôi không muốn nói. Tôi muốn tạo một bất ngờ.”

“Có vẻ thú vị lắm. Tôi sẽ qua nhận, có lẽ là sau bữa sáng?”

“Tôi đang trông đợi là anh sẽ qua lấy nó bây giờ cơ. Ý tôi là, nó ở ngay đây, và anh còn thức và tôi cũng thức. Tôi biết là muộn rồi, nhưng mà... Nghe này, Steve, chuyện lúc trước ấy, chuyện vừa xảy ra ấy. Tôi nghĩ mình nợ anh một lời giải thích.”

“Thôi bỏ đi. Tôi không phiền...”

“Anh bực tức với tôi vì nghĩ tôi không thích nhạc của anh. Ồ, không phải thế. Sự thật là ngược lại, ngược hoàn toàn. Bài anh cho tôi nghe ấy, bài ‘Nearness of you’ ấy? Tôi không tài nào dứt nó khỏi đầu mình. Không, không phải đầu, mà là tim. Tôi không tài nào dứt nó khỏi *tim* tôi.”

Tôi không biết phải trả lời thế nào, và trước khi tôi nghĩ ra thì bà đã lại nói.

“Anh có sang không? Sang ngay bây giờ? Rồi tôi sẽ giải thích lại cẩn thận. Và quan trọng nhất là... Không, không, tôi không nói đâu. Đây sẽ là một bất ngờ. Sang đây rồi anh sẽ thấy. Và mang cả đĩa của anh lại nữa. Đồng ý nhé?”

Bà cầm lấy cái đĩa trên tay tôi ngay khi mở cửa, như thể tôi chỉ là người

chuyển hàng, nhưng rồi tóm lấy cổ tay tôi dẫn vào. Lindy vẫn đang mặc chiếc áo choàng ở nhà hồi sáng, nhưng lúc này không có vẻ phẳng phiu sạch sẽ bằng: một vạt áo buông thấp hơn vạt kia, và có một túm bông lù xù dính vào lớp băng đằng sau gần cổ áo.

“Tôi đoán là bà vừa mới làm chuyến đi dạo ban đêm về,” tôi nói.

“Tôi thật mừng là anh còn thức. Tôi không biết mình có đợi nổi đến sáng không. Giờ nghe nhé, như tôi đã nói, tôi có một bất ngờ cho anh. Tôi hy vọng anh sẽ thích, tôi nghĩ là anh sẽ thích. Nhưng đầu tiên tôi muốn anh ngồi thoải mái đã. Chúng ta sẽ nghe lại bài hát của anh. Để tôi xem nào, bài số mấy nhỉ?”

Tôi ngồi xuống xô pha chỗ thường lệ và nhìn bà chộn rộn quanh dàn loa. Trong phòng ánh sáng dịu dịu, và không khí lạnh một cách dễ chịu. Rồi ‘The nearness of you’ bật lên hết cỡ.

“Bà có nghĩ sẽ làm phiền người khác không?” tôi nói.

“Mặc xác họ. Chúng ta trả một đồng tiền cho chỗ này, đây không phải vấn đề của chúng ta. Giờ thì yên nào! Nghe đi, nghe đi!”

Bà lại bắt đầu đung đưa theo tiếng nhạc như lúc trước, chỉ có lần này không dừng lại sau một khổ. Thực tế là dường như càng lúc bà càng chìm đắm vào tiếng nhạc, tay đưa ra như đang ôm một bạn nhảy tưởng tượng. Khi nhạc hết, bà tắt đi và đứng lặng yên, ở đầu kia phòng quay lưng lại tôi. Bà đứng như thế trong một lúc có vẻ thật lâu, rồi cuối cùng cũng đi lại phía tôi.

“Tôi không biết phải nói gì,” bà nói. “Thật là siêu phàm. Anh là một nghệ sĩ tuyệt diệu, tuyệt diệu. Anh là một thiên tài.”

“Vâng, cảm ơn.”

“Tôi biết ngay lần đầu tiên. Đây là sự thực. Đây là lý do vì sao tôi phản ứng như thế. Giả vờ không thích nó, giả vờ kênh kiệu à?” Bà ngồi xuống trước mặt tôi và thở dài. “Tony vẫn thương mắng mỏ tôi vì thế. Tôi luôn luôn làm thế, đây hình như là một tật tôi không tài nào chữa được. Cứ hễ tôi gặp phải một người, anh hiểu đấy, một người thực sự có tài, một người đơn giản là được Chúa ban cho như thế, là tôi không dừng được, phản xạ đầu tiên là tôi làm như đã làm với anh. Đây chỉ là, tôi không biết, tôi nghĩ là thói

ghen tị. Cũng như một số người đàn bà thỉnh thoảng anh thấy, những người không mấy nhan sắc ấy? Một người đẹp bước vào phòng, thế là họ căm ghét, họ muốn cào toạc mặt cô ta. Đây là tôi mỗi lần tôi gặp một người như anh. Nhất là nếu lại không đề phòng, như là hôm nay và tôi chưa sẵn sàng. Ý tôi là, anh ngồi đây, một phút trước tôi còn nghĩ anh chẳng qua là một người trong công chúng, rồi bỗng nhiên anh là... chà, một thứ khác hẳn. Anh có hiểu tôi nói gì không? Tóm lại thì, tôi chỉ đang cố làm anh hiểu tại sao tôi lại cư xử tệ như thế hồi chiều. Anh có toàn quyền nổi giận với tôi.”

Nghe tiếng tĩnh mịch buổi đêm giữa chúng tôi một lúc. “Ừm, tôi cảm ơn,” cuối cùng tôi nói. “Cảm ơn bà đã cho tôi biết.”

Bà thỉnh thoảng đứng dậy. “Bây giờ, đến bất ngờ! Anh cứ đợi đấy, đừng đi đâu cả.”

Bà đi sang phòng bên và tôi nghe tiếng bà đóng mở ngăn kéo. Khi quay lại, bà đang cầm vật gì đó trước mặt trong cả hai tay, nhưng tôi không nhìn thấy là vì bà đã phủ lên trên một chiếc khăn lụa. Bà đứng lại giữa phòng.

“Steve, tôi muốn anh đến đây nhận lấy. Đây sẽ là một buổi tặng thưởng.”

Tôi không hiểu gì, nhưng cũng đứng dậy. Khi tôi đi đến, bà kéo chiếc khăn ra và giơ cho tôi một món đồ tí xíu bằng đồng.

“Anh hoàn toàn xứng đáng được nhận. Nên nó là của anh. Nghệ sĩ Jazz của năm. Có lẽ còn của mọi thời đại. Xin chúc mừng.”

Bà đặt nó vào tay tôi và hôn phớt lên má tôi qua lớp vải.

“Ồ, cảm ơn. Đây *đúng là* một bất ngờ. Ô, cái này xinh thật. Nó là gì đấy? Con cá sấu à?”

“Cá sấu? Trời ơi! Đây là một đôi thiên sứ xinh xẻo đang hôn nhau.”

“Ồ đúng, tôi thấy rồi. Ừm, cảm ơn, Lindy. Tôi không biết phải nói gì. Thực sự là rất đẹp!”

“Cá sấu!”

“Tôi xin lỗi. Chẳng qua là vì cậu nhỏ này có cái chân duỗi ra đến tận đây. Nhưng giờ tôi thấy rồi. Đẹp lắm.”

“Ừ, của anh đấy. Anh hoàn toàn xứng đáng.”

“Tôi rất cảm động, Lindy. Thật đấy. Thế còn dưới này viết gì? Tôi không mang kính.”

“Viết ‘Nghệ sĩ Jazz của năm’. Thế còn viết gì được nữa?”

“Nó viết thế à?”

“Tất nhiên, nó viết thế đấy.”

Tôi quay lại xô pha, cầm bức tượng nhỏ, ngồi xuống và suy nghĩ một lúc. “Thế này, Lindy,” cuối cùng tôi nói. “Cái món quà bà vừa tặng tôi này. Không thể nào có chuyện, phải không, là bà đã bắt gặp nó trong một chuyến dạo chơi ban đêm thường lệ chứ?”

“Có chứ. Tất nhiên là có thể.”

“Tôi hiểu. Và không thể nào có chuyện đây là đồ thật, phải không? Ý tôi là cái kỷ niệm chương người ta sẽ trao cho Jack ngày mai?”

Lindy không trả lời trong vài giây, chỉ đứng thật yên ở đó. Rồi bà nói:

“Tất nhiên đây là đồ thật. Có ý nghĩ gì, nếu tặng anh một món đồ cũ kỹ nào đó? Một việc bất công sắp diễn ra, nhưng bây giờ công lý đã chiến thắng. Đây là điều quan trọng nhất. Này, cứng, tươi lên. Anh biết anh mới là người xứng đáng nhận giải này mà.”

“Tôi rất trân trọng quan điểm của bà. Chỉ có điều là... ừm, việc này có vẻ như ăn trộm.”

“Ăn trộm à? Chẳng phải chính anh đã nói người này chẳng giỏi giang gì à? Chỉ là đồ giả? Còn anh thì là thiên tài. Ai đang ăn trộm của ai ở đây chứ?”

“Lindy, chính xác thì bà lấy được cái này ở đâu?”

Bà nhún vai. “Một nơi nào đó. Một trong những nơi tôi qua. Một văn phòng, anh gọi thế cũng được.”

“Tối nay à? Bà vừa lấy nó tối nay?”

“Tất nhiên tôi lấy nó tối nay. Tôi qua tôi đâu có biết về cái giải thưởng của anh.”

“Được rồi, được rồi. Thế nghĩa là cách đây khoảng một tiếng, phải không?”

“Một tiếng. Có thể hai. Ai biết được? Tôi ở ngoài đó khá lâu. Tôi còn vào phòng tổng thống của tôi một lúc.”

“Chúa ơi.”

“Xem này, ai quan tâm chứ? Anh lo lắng gì nào? Họ mất cái này, họ có thể đi lấy cái khác. Họ chắc phải có cả một tủ cất đâu đó. Tôi trao tặng anh một thứ anh đáng nhận. Anh sẽ không từ chối đâu, phải không, Steve?”

“Tôi không từ chối đâu, Lindy. Tình cảm của bà, vinh dự này, mọi điều đó tôi xin nhận, tôi rất vui vì những điều đó. Nhưng cái này, cái biểu trưng này. Chúng ta sẽ phải trả nó về chỗ cũ. Chúng ta phải để lại đúng nơi bà đã thấy.”

“Mặc kệ họ! Ai quan tâm chứ?”

“Lindy, bà chưa nghĩ đến nơi đến chốn. Bà sẽ làm gì khi chuyện này lộ ra? Bà có thể tưởng tượng báo chí sẽ làm gì không? Tưởng tượng đến những lời bàn tán, đến vụ bê bối? Công chúng của bà sẽ nói gì? Nào đi thôi. Chúng ta sẽ đi ngay bây giờ trước khi có người thức dậy. Bà sẽ chỉ cho tôi chính xác bà tìm thấy nó ở đâu.”

Bà bỗng có vẻ mặt như đứa trẻ vừa bị mắng. Rồi bà thở dài và bảo: “Tôi nghĩ anh nói đúng, cưng ạ.”

Khi chúng tôi đã đồng ý mang trả rồi, Lindy chuyển sang thái độ chiếm hữu cao độ, khư khư giữ lấy nó trước ngực suốt trong lúc chúng tôi vội vã đi qua những hành lang trong khách sạn rộng lớn đang thêm thiếp. Bà dẫn đường xuống các cầu thang mật, theo những đường sau, qua các phòng tắm hơi và máy bán hàng. Chúng tôi không nhìn cũng không nghe thấy một ai.

Rồi Lindy thì thầm: “Lối này,” và chúng tôi đẩy hai cánh cửa nặng nề vào một nơi tối tăm.

Khi đã chắc chắn chỉ có chúng tôi ở đây, tôi bật đèn pin mang theo từ phòng Lindy chiếu quanh phòng. Chúng tôi đang ở phòng khiêu vũ, dù nếu lúc này anh có ý nhảy nhót thì sẽ gặp vấn đề với những bàn tiệc khắp phòng, cái nào cũng trải khăn bàn trắng và ghế đồng bộ. Giữa trần có một bộ đèn chùm cầu kỳ. Đẳng xa là một bụi sân khấu, có lẽ đủ rộng cho một tiết mục cỡ vừa, dù lúc này màn đang hạ che kín bụi. Có người đã bỏ lại chiếc thang xếp giữa phòng và máy hút bụi dựng cạnh tường.

“Sẽ có tiệc ở đây,” bà nói. “Bốn trăm, năm trăm người gì đó thì phải.”

Tôi đi vào sâu hơn và lại lia đèn quanh phòng lần nữa. “Có thể không phải là địa điểm này. Nơi họ sẽ trao giải cho Jake.”

“Tất nhiên là ở đây. Khi tôi thấy cái này” – bà giơ bức tượng lên – “còn có cả những cái khác. Tài năng mới. An bum R&B của năm. Đại loại như thế. Sẽ là một sự kiện rất to đấy.”

Bây giờ mắt đã điều hòa lại, tôi nhìn rõ nơi này hơn, dù ánh đèn pin không sáng lắm. Và trong một lúc, khi đứng đó nhìn lên sân khấu, tôi có thể hình dung nơi này lúc ấy trông sẽ thế nào. Tôi hình dung lớp lớp người quần áo cầu kỳ, đại diện các hãng thu âm, các nhà tổ chức sự kiện cỡ bự, một vài tên tuổi làng showbiz, cười nói chúc tụng lẫn nhau; tiếng vỗ tay thành thực đến xun xoe mỗi lần MC nhắc tên một nhà tài trợ; vỗ tay to hơn nữa, lần này cộng thêm hú hét chào mừng, khi người nhận giải đi lên. Tôi hình dung Jake Marvell trên bụi ấy, ôm giải thưởng trong tay, với nụ cười tự mãn như hồi ở San Diego mỗi lần hắn ta kết thúc một đoạn solo và khán giả đã hoàn thành việc đập hai tay vào nhau.

“Có lẽ chúng ta đã làm,” tôi nói. “Có lẽ không việc gì phải đem trả lại. Có lẽ chúng ta nên ném nó vào sọt rác. Và tất cả những giải khác bà tìm thấy vào cùng.”

“Ồ?” Lindy có vẻ bối rối. “Anh muốn làm thế thật à, cưng ơ?”

Tôi thở dài. “Không, chắc là không. Nhưng làm thế mình sẽ rất... sung sướng, phải không? Tất cả giải thưởng vào sọt rác. Tôi cá từng người một trong số nhận giải ấy đều là đồ giả. Tôi cá toàn bộ họ cộng lại cũng không đủ

tài năng để nhồi một cái bánh kẹp xúc xích.”

Tôi đợi Lindy đáp lại, nhưng không nghe thấy gì. Rồi đến lúc bà cất tiếng, trong giọng bà có âm sắc mới, có vẻ căng hơn.

“Làm sao anh biết vài người trong số họ không có tài? Làm sao anh biết vài người trong số họ không đáng nhận giải?”

“Làm sao tôi biết à?” Bỗng nhiên tôi chột nôi câu. “Làm sao tôi biết à? Ồ, cứ nghĩ xem. Cái hội đồng đã coi Jake Marvell là nghệ sĩ jazz nổi trội nhất trong năm. Họ sẽ còn tôn vinh những loại người nào khác nữa?”

“Nhưng anh biết những gì về những người này? Ngay cả về cái người tên Jake này. Làm sao anh biết anh ta không thực sự nỗ lực để đạt được như hiện tại?”

“Thế là thế nào? Bà trở thành fan ruột của Jake rồi à?”

“Tôi chỉ phát biểu ý kiến mình thôi.”

“Ý kiến của bà? Vậy giờ ý kiến bà là thế à? Tôi nghĩ lẽ ra mình không nên ngạc nhiên. Trong một lúc, tôi đã quên mất bà là ai.”

“Như thế nghĩa là thế quái gì chứ? Sao anh dám ăn nói với tôi như vậy?”

Tôi nhận ra mình đang mất tự chủ. Tôi đáp nhanh: “Được rồi, tôi đã đi quá đà. Tôi xin lỗi. Giờ chúng ta hãy đi tìm cái văn phòng thôi.”

Lindy đã trở nên im lặng, và khi quay lại nhìn bà, ánh sáng không đủ rõ cho tôi đoán bà đang nghĩ gì.

“Lindy, cái văn phòng ở đâu? Chúng ta phải tìm được nó.”

Cuối cùng, bà cũng giơ bức tượng chỉ về cuối phòng, rồi dẫn đường qua những dãy bàn, vẫn không nói một tiếng. Khi đã đến bên cửa, tôi áp tai vào cửa một lúc, và khi không nghe thấy gì mới thận trọng đẩy cửa.

Chúng tôi đang ở trong một phòng dài và hẹp hình như chạy song song với phòng khiêu vũ. Vẫn còn một ngọn đèn lơ mờ ở đâu đó, vừa đủ cho chúng tôi thấy đường mà không cần đèn pin. Đây rõ ràng không phải văn phòng mà tôi đang tìm kiếm, mà là một khu vực nửa quầy phục vụ, nửa nhà

bếp. Những mặt quày dài và rộng chạy dọc hai bên tường, để lại một lối đi ở giữa đủ rộng cho đầu bếp tô điểm những nét cuối cho món ăn.

Nhưng Lindy có vẻ thông thạo nơi này và bước nhanh quả quyết qua lối đi giữa. Nửa đường, bà bất chợt dừng lại xem xét một khay bánh còn lại trên quày.

“Ô, bánh quy này!” Bà có vẻ đã hoàn toàn trở lại thư thái. “Tệ quá, lại bọc ni lông cả. Tôi đói mềm người rồi. Hê! Xem thử trong này là cái gì.”

Bà bước thêm vài bước nữa, đến một cái nắp hình vòm, liền nhắc lên. “Nhìn này cưng ơi. Cái này trông ngon quá đi mất!”

Bà đang cúi người trên một con gà tây quay mồm mĩm. Thay vì đẩy lại nắp, bà cẩn thận đặt nó xuống bên cạnh.

“Anh có nghĩ họ sẽ bực nếu tôi rút một chân không?”

“Tôi nghĩ họ sẽ bực lắm, Lindy ạ. Nhưng kệ xác.”

“Em bé này to quá. Anh muốn chia với tôi một chân không?”

“Được, sao lại không?”

“Được rồi. Đi nào.”

Bà đưa tay về phía con gà. Rồi bỗng bà đứng thẳng lên và quay lại nhìn tôi.

“Thế thì điều lúc nãy nghĩa là thế nào?”

“Cái gì nghĩa là thế nào?”

“Cái điều anh vừa nói ấy. Anh nói anh không ngạc nhiên. Về ý kiến của tôi. Như thế nghĩa là thế nào?”

“Nào, tôi xin lỗi. Tôi không có ý xấu. Chỉ là tôi nghĩ thành tiếng, thế thôi.”

“Nghĩ thành tiếng à? Vậy thì anh nghĩ thành tiếng thêm chút nữa đi? Tôi bảo có lẽ một vài người trong số họ xứng đáng nhận giải, câu đó thì có gì

ngớ ngẩn nào?”

“Thế này, tôi chỉ nói một điều là có những người không ra gì lại được giải thưởng. Thế thôi. Nhưng có lẽ bà biết rõ hơn. Bà nghĩ đây không phải điều đã xảy ra...”

“Nhiều người trong số họ có khi đã làm việc quần quật để tới được như hiện tại. Và có thể họ cũng đáng được một chút công nhận nhỏ nhoi. Vấn đề với những người như anh là, chỉ vì Chúa đã ban tặng tài năng đặc biệt cho anh, anh nghĩ như thế là anh có quyền được mọi thứ. Là anh hơn hẳn tất cả mọi người, là anh đáng đứng hàng đầu mọi nơi mọi lúc. Anh không thấy có hàng đồng người kém may mắn hơn đang phải làm việc vất vả để có chỗ đứng trên đời...”

“Thế bà nghĩ tôi không vất vả chứ gì? Bà nghĩ tôi chỉ ngồi lê cả ngày chắc? Tôi đổ mồ hôi sôi nước mắt để làm ra một thứ có giá trị, một thứ đẹp đẽ, rồi ai là người được công nhận? Jake Marvell! Những người như bà!”

“Làm sao anh dám...! Tôi thì liên quan gì đến cái này? Có phải tôi nhận giải hôm nay không? Đã ai cho tôi một cái giải gì bao giờ chưa? Có bao giờ tôi được nhận, kể cả hồi đi học, một cái giấy của nợ gì về hát hò nhảy múa hay một thứ chết tiệt gì khác? Không có! Không có bao giờ! Tôi phải giương mắt nhìn tất cả, cả đám khốn nạn nhà anh, đi lên đó, vác giải về, và bố mẹ các anh vỗ tay...”

“Không có giải? Không có giải? Nhìn bà xem! Ai là người được nổi tiếng? Ai là người được nhà to...”

Đúng lúc đó có người bật công tắc và chúng tôi đứng chớp mắt nhìn nhau trong luồng ánh sáng gắt. Có hai người đã vào theo cùng lối chúng tôi vào, và giờ đang đi lại gần chúng tôi. Lối đi ở giữa chỉ đủ để họ chen vai bước lên. Một ông da đen khổng lồ mặc đồng phục bảo vệ khách sạn, trong tay cầm vật lúc đầu tôi nghĩ là súng nhưng nhận ra chỉ là máy bộ đàm. Bên cạnh là ông da trắng nhỏ hơn mặc sơ mi xanh nhạt với mái tóc đen bóng lộn. Cả hai trông đều không có ý định tỏ ra lịch thiệp. Họ dừng lại cách chúng tôi khoảng một hai mét, rồi ông nhỏ hơn rút thẻ khỏi túi áo.

“Sở cảnh sát Los Angeles,” ông ta nói. “Morgan.”

“Hân hạnh làm quen,” tôi nói.

Trong một lúc viên cảnh sát và bảo vệ chỉ nhìn chúng tôi im lặng. Rồi ông ta hỏi:

“Khách nghỉ ở đây?”

“Vâng,” tôi đáp. “Chúng tôi ở đây.”

Tôi cảm thấy chất vải mềm trên áo Lindy cọ khẽ vào lưng. Rồi bà đã nắm lấy cánh tay tôi và chúng tôi đứng sánh vai nhau.

“Chào buổi đêm, ngài cảnh sát,” bà nói bằng một giọng uể oải, êm ru chẳng giống gì lệ thường.

“Chào buổi đêm, thưa bà,” viên cảnh sát nói. “Ông bà có lý do đặc biệt gì để thức giấc giờ này không?”

Chúng tôi cùng lên tiếng trả lời một lúc, rồi cùng bật cười. Nhưng hai người kia không cười cũng không nhếch mép.

“Chúng tôi chỉ đang khó ngủ,” Lindy nói. “Thế nên chúng tôi đi dạo loanh quanh.”

“Đi dạo loanh quanh.” Viên cảnh sát nhìn quanh trong ánh sáng trắng lòa. “Có lẽ tìm xem có gì ăn được nữa.”

“Đúng rồi đấy, thưa ngài sĩ quan!” Lindy vẫn giữ cái giọng khó tả. “Chúng tôi cảm thấy hơi đói, chắc ngài cũng biết cái cảm giác giữa đêm khuya.”

“Tôi nghĩ là phục vụ phòng không chất lượng lắm,” viên cảnh sát nói.

“Không, chẳng được gì,” tôi nói.

“Chỉ có những thứ thông thường,” viên cảnh sát nói. “Thịt nướng, pizza, hamburger, bánh kẹp ba tầng. Tôi biết vì chính tôi cũng vừa gọi phục vụ phòng ca đêm. Nhưng có thể ông bà không thích mấy loại đó.”

“Ôi, ông hiểu vì sao mà, thưa ngài sĩ quan,” Lindy nói. “Vấn đề ở cái *thứ*. Cái thứ được lên ra ngoài và cắn một miếng, ngài hiểu không, một miếng đồ cầm, cũng như hồi còn bé?”

Cả hai đều không tỏ dấu hiệu mũi lòng. Nhưng viên cảnh sát nói:

“Xin lỗi phải làm phiền ông bà. Nhưng ông bà cũng hiểu khu vực này không dành cho khách. Và có một hai món đồ đã bị mất vừa đây xong.”

“Thật à?”

“Phải. Ông bà có thấy gì bất thường hay khả nghi đêm nay không?”

Lindy và tôi nhìn nhau, rồi bà lắc đầu thật lực với tôi.

“Không,” tôi nói. “Chúng tôi không thấy gì bất thường cả.”

“Không có chút gì à?”

Người bảo vệ đang bước đến gần hơn, và lúc này thì bước qua chúng tôi, ép người lách qua quây. Tôi nhận ra mục đích là để ông ta kiểm tra được chúng tôi gần hơn, để xem liệu chúng tôi có giấu gì trên người không, trong lúc người kia giữ chúng tôi tiếp tục nói.

“Không, không có gì cả,” tôi nói. “Ông nghĩ có thể là chuyện gì?”

“Những người khả nghi. Hoạt động trái khoáy.”

“Ngài sĩ quan, có phải ý ông là,” Lindy kêu lên kinh hoảng, “có phòng ai bị đột nhập phải không?”

“Không hẳn thế, thưa bà. Nhưng một số đồ vật giá trị đã mất tích.”

Tôi có thể cảm thấy người bảo vệ dịch chuyển đằng sau chúng tôi.

“Vì thế ông mới ở đây với chúng tôi,” Lindy nói. “Để bảo vệ con người và tài sản của chúng tôi.”

“Đúng thế, thưa bà.” Ánh mắt viên cảnh sát chuyển hướng một ly và tôi có cảm giác ông ta vừa giao mắt với người bảo vệ đằng sau lưng tôi. “Thế nên nếu bà có thấy gì bất thường, làm ơn gọi ngay cho bảo vệ.”

Cuộc vấn đáp có vẻ đến đây là hết và viên cảnh sát đứng lùi một bên cho chúng tôi ra. Nhẹ người, tôi cất bước định đi, nhưng Lindy đã nói:

“Tôi nghĩ là chúng tôi cũng khá hư, đi xuống đây tìm cái ăn thế này. Chúng tôi đã định tự tiện lấy một miếng bánh ga tô đằng kia, nhưng rồi nghĩ chắc nó dành cho một dịp đặc biệt và làm hỏng nó thì thật đáng trách.”

“Phục vụ phòng ở khách sạn này tốt lắm,” viên cảnh sát nói. “Hai tư trên hai tư.”

Tôi giật tay Lindy, nhưng giờ có vẻ bà đã buông mình cho cơn giận dữ người ta hay nói tới, khi kẻ có tội vờn quanh cái nguy cơ bị phát hiện.

“Và chính ngài cũng vừa gọi lên, phải không ngài sĩ quan?”

“Vâng.”

“Và đồ ăn có được không?”

“Khá được. Tôi khuyên ông bà cũng nên làm thế.”

“Để yên cho các ngài ấy tiếp tục điều tra nào,” tôi nói và giật tay bà. Nhưng bà không chịu thua.

“Ngài sĩ quan, tôi hỏi một điều được không?” bà nói. “Ngài có phiền không?”

“Bà cứ hỏi.”

“Ngài vừa nói về chuyện thấy gì đó bất thường. Thế ngài có thấy gì bất thường không? Về chúng tôi ấy?”

“Tôi không hiểu bà nói gì, thưa bà.”

“Như là cả hai chúng tôi mặt đều quấn kín băng này? Ngài có để ý thấy không?”

Viên cảnh sát nhìn chúng tôi thật kỹ, như để kiểm định lại nhận xét của bà. Rồi ông ta nói: “Thực tình là tôi có nhận thấy, thưa bà, có. Nhưng tôi không muốn phát biểu nhằm vào cá nhân.”

“Ồ, tôi hiểu,” Lindy nói. Rồi quay sang tôi: “Chẳng phải là ngài sĩ quan đây té nhị lắm sao?”

“Đi thôi,” tôi nói, nắm tay bà kéo đi thật lực. Tôi còn cảm thấy cả hai người nhìn theo sau lưng suốt tới lối ra.

Chúng tôi đi qua phòng khiêu vũ với vẻ ngoài bình tĩnh. Nhưng khi đã qua cánh cửa đôi, chúng tôi đầu hàng cơn sợ hãi và gần như co cứng chạy. Vẫn khoác tay nhau, chúng tôi hét đậm sầm vào nhau lại ngã dúi dụi trong lúc Lindy dẫn đường tôi qua khách sạn. Rồi bà lôi tôi vào buồng thang máy dành cho nhân viên, và chỉ khi cửa đóng và thang chạy lên bà mới buông ra, tựa lưng vào vách thang kim loại mà phát ra một chuỗi tiếng kêu kỳ dị, tôi nhận ra đó là tiếng cười điên dại qua bộ lọc của lớp băng quần.

Khi chúng tôi ra khỏi thang máy, bà lại khoác lấy tay tôi. “Được rồi, an toàn rồi,” bà nói. “Bây giờ tôi muốn đưa anh đến chỗ này. Đây thực sự là một chỗ đáng kể. Nhìn xem?” Bà giơ một chiếc thẻ phòng lên. “Để xem nó làm được những gì.”

Bà dùng chiếc thẻ mở một cánh cửa có biển “Không nhiệm vụ miễn vào”, rồi một cửa “Nguy hiểm. Không vào”. Và chúng tôi đã đứng giữa một nơi đầy mùi sơn và vữa. Các loại dây thả xuống lủng lẳng trên trần và tường, sàn nhà lạnh còn đang sũng nước và ồ ồ. Chúng tôi nhìn rõ được vì một vách tường phòng toàn bằng kính - chưa có màn hay rèm cửa gắn vào - và đèn đường bên ngoài hắt khắp phòng những vệt vàng diu diu. Chúng tôi còn đang ở cao hơn tầng mình nữa: trước mặt là toàn cảnh đường cao tốc và vùng lân cận, như nhìn từ trực thăng.

“Đây sẽ là một phòng tổng thống mới,” Lindy nói. “Tôi rất thích đến đây. Vẫn chưa có đèn, chưa có thảm. Nhưng nó đang dần dần thành hình. Lần đầu tôi thấy, nó còn sơ sài hơn nhiều. Bây giờ anh đã thấy dáng vẻ chung của nó. Còn có cả cái đi vắng này nữa.”

Ở giữa phòng có một vật lù lù trùm vãi lên trên. Lindy đi tới như một người quen cũ và thả mình xuống một mội.

“Tôi có một giấc mơ,” bà nói, “nhưng tôi gần như tin vào nó. Người ta xây phòng này chỉ để cho tôi. Vì thế tôi mới vào được đây. Toàn bộ việc này. Đây là vì họ muốn giúp tôi. Giúp tôi xây dựng tương lai. Chỗ này lúc trước cực kỳ hỗn độn. Nhưng giờ nhìn xem. Nó đang định hình. Rồi ra nó sẽ

tuyệt lắm.” Bà vỗ lên mặt ghé cạnh mình. “Lại đây, cung, ngồi nghỉ chút đi. Tôi thấy rã rời cả người. Chắc anh cũng vậy.”

Cái đi vắng - hoặc bất kỳ cái gì nằm dưới tấm vải - êm ái đến ngạc nhiên, và ngay khi ngồi xuống, tôi đã thấy cơn mệt mỏi đổ ập lên mình.

“Ôi trời. Tôi buồn ngủ quá đi mất,” bà nói, và tôi thấy sức nặng của bà tì lên vai. “Chỗ này có tuyệt không? Tôi thấy cái thẻ trong ổ khóa, khi lên đây lần đầu tiên.”

Chúng tôi im lặng một lúc, và tôi thấy mình đang lơ mơ ngủ. Nhưng rồi tôi nhớ ra một điều.

“Này, Lindy.”

“Ừm?”

“Lindy. Cái giải thưởng thế nào rồi?”

“Cái giải thưởng? À ờ. Cái giải thưởng. Tôi giấu nó rồi. Tôi còn làm gì được? Anh biết không, cung ạ, anh thật sự xứng đáng nhận cái giải đó. Tôi hy vọng anh cũng thấy có ý nghĩa gì, việc tôi trao giải cho anh tối nay ấy, cách tôi đã làm. Đây không phải là thói ngông trong phút chốc đâu. Tôi đã suy nghĩ chuyện đó. Tôi nghĩ rất là kỹ. Tôi không biết nó có ý nghĩa nhiều với anh không. Tôi không biết liệu mười hay hai mươi năm nữa anh có còn nhớ nó không.”

“Tôi sẽ nhớ, tất nhiên rồi. Và nó có ý nghĩa nhiều lắm. Nhưng Lindy này, bà bảo bà giấu nó, nhưng ở đâu? Bà giấu nó ở đâu?”

“Ừm?” Bà đã lại gà gật. “Tôi giấu nó ở chỗ duy nhất giấu được. Tôi nhét nó vào con gà tây.”

“Bà nhét nó vào con gà tây.”

“Tôi đã làm một việc y hệt một lần hồi lên chín. Tôi giấu quả bóng dạ quang của chị tôi trong con gà tây. Nhờ thế tôi mới nghĩ ra lúc ấy. Tôi nhanh trí nhỉ, phải không?”

“Phải, tất nhiên rồi.” Tôi thấy mệt kinh khủng, nhưng buộc mình phải

tập trung. “Nhưng Lindy này, bà giấu có kỹ không? Ý tôi là, liệu bây giờ hai người đó đã có thể tìm ra chưa?”

“Tôi cho là không. Không có cái gì thò ra cả, nếu ý anh là thế. Làm sao họ lại nghĩ ra mà tìm ở đó được? Tôi ấn nó vào đằng sau lưng mình, thế này này. Cứ thế mà ấn. Tôi không quay lại nhìn, vì nếu thế hai cậu đó sẽ nghĩ xem tôi làm gì. Đấy không phải thói ngông phớt chốc đầu, anh biết không. Quyết định trao giải cho anh ấy. Tôi đã suy nghĩ chuyện đó, nghĩ nhiều lắm. Tôi cực kỳ hy vọng nó có ý nghĩa gì với anh. Ôi trời, tôi muốn ngủ.”

Bà đổ ập vào tôi và chốc sau đã vang lên tiếng ngáy. Lo cho vết mổ của bà, tôi lura đầu bà cẩn thận để má bà không tì lên vai mình. Rồi cả tôi cũng thiếp đi.

Tôi giật mình tỉnh dậy thì thấy bình minh đang chớm đến trong khung cửa sổ lớn đùng trước mặt. Lindy vẫn ngủ rất say, nên tôi thận trọng giải phóng mình khỏi bà, đứng dậy vươn vai. Tôi đến bên cửa sổ nhìn lên bầu trời sáng mờ và đường cao tốc bên dưới. Có gì đó cứ vẫn trong đầu trong khi tôi ngủ và tôi cố nghĩ lại xem là gì, nhưng óc tôi cứ ù lên và rã rời cả. Rồi tôi nhớ ra, liền quay lại đi văng lay Lindy dậy.

“Cái gì thế? Cái gì thế? Anh muốn gì?” bà nói mà không mở mắt.

“Lindy,” tôi nói. “Cái giải thưởng. Chúng ta đã quên mất cái giải thưởng.”

“Tôi đã nói với anh rồi. Nó ở trong con gà tây.”

“Được rồi, giờ nghe này. Mấy người cảnh sát có thể không nghĩ đến chuyện tìm trong con gà tây. Nhưng sớm hay muộn cũng sẽ có người tìm thấy. Có thể người ta đang cắt nó ra ngay lúc này cũng nên.”

“Thế thì sao? Thì họ tìm thấy nó trong ấy. Thế thì sao?”

“Họ tìm thấy nó trong ấy, họ báo lại phát hiện này. Rồi ông cảnh sát nhớ lại chúng ta. Ông ta nhớ lại chúng ta đang ở đó, đứng ngay cạnh con gà.”

Lindy có vẻ tỉnh hơn. “Phải rồi,” bà nói. “Tôi hiểu anh nói gì rồi.”

“Trong lúc cái tượng còn ở trong con gà, họ còn có thể truy ra chúng ta là thủ phạm.”

“Thủ phạm à? Này, anh nói thủ phạm là thế nào?”

“Bà gọi là gì cũng được. Chúng ta phải quay lại đó lấy nó ra khỏi con gà. Sau rồi chúng ta bỏ lại đâu cũng được. Nhưng chúng ta không thể để nó lại chỗ của nó bây giờ.”

“Cung ơi, anh có chắc là chúng ta cần làm thế không? Tôi mệt quá chừng.”

“Chúng ta phải làm thế, Lindy. Chúng ta cứ để nó đấy thì bà sẽ gặp rắc rối. Và phải nhớ đây là một chuyện cánh nhà báo sẽ nhảy xổ vào.”

Lindy suy nghĩ một lúc, rồi thẳng người lên một khúc và nhìn lên tôi. “Được rồi,” bà nói. “Chúng ta quay lại đó.”

Đến lúc này tiếng cọ rửa và tiếng người nói đã vang trong hành lang, nhưng chúng tôi vẫn tới được phòng khiêu vũ mà không phải gặp ai. Ánh sáng cũng dễ nhìn hơn, và Lindy chỉ cho tôi tấm bảng thông báo bên cửa. Trên đó có dòng chữ bằng nhựa ghép từng ký tự: J. A. THIẾT BỊ CỌ RỬA HỒ BƠI – GỒM BỮA SÁNG.

“Thảo nào mà chúng ta không tìm được cái văn phòng để đầy giải thưởng,” bà nói. “Không phải phòng khiêu vũ này.”

“Chẳng có gì khác cả. Cái chúng ta cần bây giờ là ở trong này.”

Chúng tôi đi qua phòng khiêu vũ, rồi thận trọng đi vào phòng bếp. Cũng giống lúc trước, có một ngọn đèn lờ mờ vẫn để, và bây giờ có thêm cả chút ánh sáng trời chiếu vào qua cửa sổ thông gió. Không có ai ở đây, nhưng khi nhìn qua hai dãy quầy cạnh tường, tôi thấy chúng tôi đã gặp rắc rối.

“Xem ra đã có người ở đây,” tôi nói.

“Phải.” Lindy bước thêm vài bước dọc lối đi, quay nhìn xung quanh. “Phải. Nhìn phía này.”

Tất cả hộp trà, khay đựng, hộp bánh, đĩa đựng nắp vòm bạc chúng tôi thấy hôm qua giờ đã biến sạch. Thay vào đó là những chồng đĩa ăn và khăn ăn gọn gàng sắp hàng cách đều nhau.

“Được rồi, thế là họ đã mang hết đồ ăn đi,” tôi nói. “Câu hỏi là: đi đâu?”

Lindy đi sâu thêm vào trong, rồi quay lại nhìn tôi. “Anh nhớ không, Steve, đêm qua lúc chúng ta ở đây, trước khi mấy ông đó vào ấy? Chúng ta đang có một cuộc tranh luận sôi nổi.”

“Có, tôi có nhớ. Nhưng nói lại chuyện đó làm gì? Tôi biết mình đã đi quá đà.”

“Phải rồi, quên chuyện đó đi. Thế thì con gà tây đi đâu rồi nhỉ?” Bà lại nhìn quanh. “Anh biết không, Steve? Hồi tôi còn nhỏ, tôi muốn trở thành vũ công và ca sĩ biết mấy. Và tôi cố mãi cố mãi, có Chúa làm chứng, nhưng người ta chỉ cười, và tôi nghĩ, thế giới này thật bất công. Nhưng rồi tôi lớn lên một chút và nhận ra rằng thế giới không bất công, dù sao đi nữa. Rằng kể cả nếu anh là một đứa như tôi, một kẻ bất hạnh vô tài, thì vẫn còn cơ hội cho anh, anh vẫn có thể tìm được một chỗ đứng, anh không phải chấp nhận làm một kẻ trong *công chúng*. Sẽ không dễ dàng gì. Anh sẽ phải nhọc công vì nó, chưa kể những gì người ta nói. Nhưng chắc chắn là vẫn còn cơ hội.”

“Chà, có vẻ như bà đã làm tốt.”

“Thế giới này vận hành thật buồn cười. Anh biết không, tôi nghĩ làm thế là rất khôn ngoan. Vợ anh ấy, ý tôi là thế. Khi khuyên anh làm ca mổ này.”

“Chúng ta đừng nói về cô ấy. Này, Lindy, bà có biết nó dẫn đi đâu không? Đằng kia kia?”

Đầu bên kia phòng, nơi hai dãy quầy chấm dứt, có ba bậc cấp dẫn lên một cánh cửa xanh.

“Sao chúng ta không thử xem?” Lindy nói.

Chúng tôi mở cửa cũng thận trọng như lúc trước, rồi trong một lúc tôi hoàn toàn mất phương hướng. Ở đây tối mịt và mỗi lần tôi cố quay đầu là thấy mình đang đập vào màn hay vải dậu. Lindy, đã chiếm lấy cây đèn pin, có vẻ di chuyển dễ dàng hơn đâu đó đằng trước. Rồi tôi lộn nhào vào một

khoảng không tối om, nơi bà đang đứng đợi tôi, chiếu đèn pin vào chân tôi.

“Tôi nhận ra rồi,” bà thì thầm. “Anh không thích nói về cô ấy. Vợ anh ấy, ý tôi là thế.”

“Không hẳn,” tôi thì thầm đáp. “Chúng ta ở đâu đây?”

“Và cô ấy không bao giờ đến thăm.”

“Đây là vì chúng tôi không hẳn đang ở với nhau vào thời gian này. Nếu bà muốn biết.”

“Ôi, tôi xin lỗi. Tôi không có ý tọc mạch.”

“Bà không có ý tọc mạch?!”

“Này, cưng ơi, nhìn xem! Nó đây này! Chúng ta tìm ra rồi!”

Bà đang lia cây đèn vào cái bàn cách đó vài bước. Trên đó phủ khăn bàn trắng, và hai đĩa đĩa nấp bạc đặt cạnh nhau.

Tôi đi lại cái đầu tiên và cẩn thận nhấc nắp. Đúng như đã nghĩ, một con gà tây quay bụi đặt trên đĩa. Tôi tìm xem hóc bọng đâu và thọc ngón tay vào.

“Không có gì cả,” tôi nói.

“Anh phải thò hẳn vào cơ. Tôi đẩy tí vào bên trong. Mấy con này to hơn anh tưởng đấy.”

“Tôi nói là không có gì cả. Đem đèn lại đây. Chúng ta sẽ thử con này.” Tôi cẩn thận nhấc nắp đĩa con thứ hai.

“Anh biết không, Steve à, tôi nghĩ đây là một sai lầm. Anh không phải ngượng khi nói về chuyện đó.”

“Nói về chuyện gì?”

“Về chuyện vợ chồng anh ly thân.”

“Tôi nói chúng tôi ly thân à? Tôi nói thế à?”

“Tôi tưởng...”

“Tôi nói chúng tôi không hẳn đang ở với nhau. Hai chuyện không phải một.”

“Nghe có vẻ như là một...”

“Thế đấy, không phải. Đấy chỉ là chuyện tạm thời, một điều chúng tôi đang thử. Này, tôi đã thấy gì đó. Có thứ gì đó trong này. Đúng nó rồi.”

“Thế sao anh không lôi nó ra, cung ơ?”

“Thế bà nghĩ tôi đang làm gì? Chúa ơi! Sao bà phải đẩy vào sâu thế này chứ?”

“Suyt! Có người ở ngoài kia!”

Thoạt đầu khó mà nói được có bao nhiêu người ở đó. Rồi giọng nói đến gần hơn và tôi nhận ra chỉ có một người, nói không ngừng vào một cái điện thoại. Tôi cũng nhận ra đích xác thì chúng tôi ở đâu. Tôi cứ ngỡ chúng tôi chỉ đi lạc vào một khu vực nhà kho vắng vẻ nào đấy, nhưng thực tế là chúng tôi đang ở đúng trên sân khấu, và tấm màn trước mặt đây là thứ duy nhất ngăn chúng tôi với phòng khiêu vũ. Người đang nói điện thoại vậy là đang đi ngang phòng khiêu vũ lên sân khấu.

Tôi thì thầm bảo Lindy tắt đèn pin và thế là xung quanh tối om. Bà nói khẽ vào tai tôi: “Ra khỏi đây thôi,” và tôi nghe thấy bà đang chuồn đi. Tôi cố lôi bức tượng ra khỏi con gà lùn nữa, nhưng bây giờ tôi rất sợ phát ra tiếng động, và hơn nữa, những ngón tay tôi không tiến được thêm chút nào.

Giọng nói cứ tiến lại gần cho đến khi có vẻ như người này đang đứng ngay trước mặt tôi.

“... Đấy không phải việc của tôi, Larry. Chúng ta cần có logo in trên thực đơn. Tôi không cần biết anh làm thế nào. Được rồi, thế thì anh tự làm lấy. Đúng thế, anh tự làm lấy, tự mang đến đây, tôi không cần biết anh làm thế nào. Mang đến đây trong sáng nay, chậm nhất là bảy rưỡi. Ta cần chúng nó ở đây. Bàn tiệc đều ổn. Có khối bàn, cứ tin tôi. Được rồi. Tôi sẽ kiểm tra cái đó. Được rồi, được rồi. Phải. Tôi sẽ kiểm tra cái đó ngay bây giờ.”

Đến khúc cuối, giọng anh ta đã đi sang một bên phòng. Giờ chắc anh ta vừa bật công tắc trên một bảng điều khiển nào đấy, vì một luồng sáng gắt rọi xuống đúng đầu tôi, và cả một tiếng rừ rừ như tiếng máy điều hòa vừa bật. Chỉ có điều tôi nhận ra đấy không phải máy điều hòa, mà là màn sân khấu đang mở ra ngay trước mặt tôi.

Đã hai lần trong đời diễn của mình tôi lâm vào tình huống đang ở trên sân khấu, sắp chơi một bản solo, và thỉnh thoảng tôi thấy mình không biết phải bắt đầu thế nào, đang ở gam gì, chuỗi hợp âm ra sao. Cả hai lần gặp cảnh ấy, tôi chỉ đứng đờ ra, như ảnh tĩnh từ một bộ phim, đến khi một cậu trong ban nhảy vào giải cứu. Chuyện đó chỉ xảy ra hai lần trong hơn hai chục năm chơi chuyên nghiệp. Dù gì thì, đấy là phản ứng của tôi khi ánh đèn pha rọi xuống đầu và tấm màn chuyển động. Tôi đứng đờ người. Và thật kỳ cục là tôi thấy khá dửng dưng. Tôi thấy hơi hiếu kỳ một chút, muốn xem mình sẽ thấy gì một khi màn mở hết.

Cái tôi thấy là phòng khiêu vũ, và từ vị trí trên sân khấu nhìn xuống tôi cảm nhận rõ hơn bài trí của hai dãy bàn ăn chạy song song đến tận cuối phòng. Ánh đèn trên đầu làm cả phòng tối đi đôi chút, nhưng tôi cũng nhìn ra bộ đèn chùm và cái trần nhà cầu kỳ.

Người nói điện thoại là một ông hói quá khổ mặc vét màu nhạt, sơ mi hở cổ. Chắc ông ta đã đi khỏi tường ngay sau khi bật công tắc, vì giờ ông ta gần như ngang hàng với tôi. Điện thoại ấn chặt vào tai, nhìn về mặt thì phải đoán ông ta đang lắng nghe tập trung cao độ xem đầu bên kia nói gì. Nhưng tôi nghĩ là không phải thế, vì ông ta đang dán mắt vào tôi. Ông ta cứ thế nhìn tôi và tôi cứ thế nhìn ông, và tình huống này có thể kéo dài vô tận nếu sau đó ông ta không nói, có lẽ để trả lời bên kia hỏi xem tại sao thỉnh thoảng lại lặng yên.

“Không có gì. Không có gì. Chỉ có một người thôi.” Ngừng một lúc, rồi nói tiếp: “Tôi đã tưởng là có gì khác. Nhưng chỉ là một người thôi. Có cái đầu quần băng, mặc áo ngủ. Chỉ có thế thôi, tôi thấy rồi. Chỉ có điều là anh ta có con gà hay cái gì đó mắc ở đầu cánh tay.”

Đứng thẳng lên, tôi duỗi tay theo bản năng tựa như đang so vai. Bàn tay phải vẫn còn trong con gà ngáp đến cổ tay, trọng lượng của nó kéo cả khối rơi trở lại đánh rầm. Nhưng ít nhất tôi cũng không phải lo giấu giếm nữa, nên tôi cứ thế tới luôn, không có gì cản trở, cố gắng giải phóng cả bàn tay lẫn bức tượng. Trong lúc đó người kia vẫn nói điện thoại.

“Không, đúng như tôi vừa nói đấy. Và giờ anh ra đang giũ con gà ra. Ồ, và anh ta đang lấy trong đó ra một thứ gì đó. Ê cậu, đấy là cái gì thế? Con cá sấu à?”

Mấy lời cuối này ông ta nói với tôi với vẻ thản nhiên đáng nể. Nhưng giờ tôi đã nắm được bức tượng trong tay và con gà rơi xuống sàn nhà đánh phịch. Trong lúc hồi hả trở lại bóng tối đằng sau lưng, tôi nghe thấy người kia nói với bạn:

“Làm thế quái nào tôi biết được? Một tiết mục ảo thuật, chắc vậy.”

Tôi không nhớ làm thế nào chúng tôi trở lại được tầng mình. Tôi đã lại lạc lối giữa một mớ lũng nhùng những màn tuột khỏi sân khấu, rồi bà đã hiện ra tóm lấy tay tôi. Một phút sau, chúng tôi đã hồi hả chạy qua khách sạn, không buồn để ý là đang gây ồn ào đến đâu hay có ai thấy mình. Đâu đó trên đường đi tôi bỏ lại bức tượng trên một khay đồ ăn đang đặt bên ngoài cửa một phòng ngủ, cạnh những gì còn lại sau bữa tối của ai đó.

Trở lại phòng bà, chúng tôi thụp người xuống xô pha và cười âm ỉ. Chúng tôi cười đến khi ngã bổ vào người nhau, rồi bà đứng dậy, đến bên cửa sổ kéo màn. Bây giờ bên ngoài đã có ánh sáng, mặc dù trời khá âm u. Bà đi lại tủ rượu để pha đồ uống - “món cóc tai không còn quyến rũ nhất thế giới” - và mang một ly lại cho tôi. Tôi nghĩ bà sẽ ngồi xuống cạnh tôi, nhưng bà bước trở lại bên cửa, nhấp ly của mình.

“Anh có mong ngóng không, Steve?” một lúc sau bà hỏi. “Đến ngày tháo băng ấy?”

“Có. Tôi nghĩ vậy.”

“Mới tuần trước, tôi còn không nghĩ đến nhiều lắm. Có vẻ như còn rất xa. Nhưng bây giờ không còn lâu mấy nữa.”

“Đúng thế,” tôi nói. “Với tôi cũng không còn lâu mấy.” Rồi tôi nói nhỏ: “Chúa ơi.”

Bà nhấp rượu và nhìn ra ngoài cửa sổ. Rồi tôi nghe bà nói: “Này cưng ơi, anh có chuyện gì thế?”

“Tôi ổn mà. Tôi chỉ thiếu ngủ một chút, thế thôi.”

Bà nhìn tôi một lúc. “Tôi nói anh nhé, Steve,” cuối cùng bà nói. “Sẽ ổn cả thôi. Boris là tay cừ nhất. Rồi anh xem.”

“Phải.”

“Này, anh có chuyện gì thế? Nghe này, với tôi là lần thứ ba rồi. Lần thứ hai với Boris. Rồi sẽ ổn cả thôi. Trông anh sẽ cực kỳ, rất cực kỳ. Và sự nghiệp của anh nữa. Từ giờ trở đi nó sẽ nhảy vọt.”

“Có thể.”

“Không có có thể gì hết! Rồi nó sẽ thành khác hẳn, cứ tin tôi. Anh sẽ lên tạp chí, sẽ lên ti vi.”

Tôi không nói gì.

“Nào, thôi đi!” Bà bước vài bước lại gần. “Tươi lên nào. Không phải anh vẫn còn bực tôi chứ, phải không? Chúng ta vừa mới là một đội ăn ý, phải không? Và tôi muốn nói với anh điều này nữa. Từ giờ trở đi tôi sẽ vào đội của anh. Anh là một thiên tài, và tôi sẽ đảm bảo mọi việc đều thuận lợi cho anh.”

“Không ăn thua đâu, Lindy.” Tôi lắc đầu. “Không ăn thua đâu.”

“Không ăn thua cái con khi. Tôi sẽ đi gặp mấy người. Mấy người sẽ có ích cho anh lắm.”

Tôi vẫn lắc đầu. “Tôi rất cảm kích. Nhưng không được gì đâu. Không ăn thua đâu. Sẽ chẳng bao giờ ăn thua cả. Lẽ ra tôi không bao giờ nên nghe Bradley.”

“Nào, thôi đi. Có thể tôi không còn là vợ Tony nữa, nhưng tôi vẫn còn rất nhiều bạn tốt ở đây.”

“Tất nhiên rồi, Lindy, tôi biết. Nhưng không được gì đâu. Bà biết đấy, Bradley, ông bầu của tôi, ông ta thuyết phục tôi làm chuyện này. Tôi đúng là ngốc mới nghe lời ông ta, nhưng tôi không tránh được. Tôi đang tắc tị cả, rồi ông ta đưa ra giả thiết này. Ông ta nói vợ tôi, Helen, cô ấy có ý đồ này. Cô

ấy không hẳn đã bỏ tôi. Không, đây chỉ là một phần trong ý đồ của cô ấy. Cô ấy làm thế là vì tôi, để tôi có thể làm vụ mờ này. Và rồi khi tháo băng ra, và tôi có khuôn mặt mới, cô ấy sẽ trở lại và mọi chuyện sẽ lại ổn thỏa. Đây là Bradley nói thế. Ngay lúc ông ta nói thế, tôi đã biết là chuyện vợ vẫn, nhưng tôi còn biết làm gì? Ít ra đây cũng là một tia hy vọng. Bradley lợi dụng nó, ông ta lợi dụng nó, ông ta là thế, bà hiểu không? Ông ta là đồ mặt hạng. Trong đầu ông ta chỉ có chuyện làm ăn. Và chuyện đẳng cấp. Ông ta đâu thèm quan tâm cô ấy có quay lại hay không?”

Tôi dừng lời và bà không nói gì một lúc lâu. Rồi bà nói:

“Nghe này, cưng, nghe tôi. Tôi hy vọng vợ anh quay lại. Tôi thực tình hy vọng thế. Nhưng nếu cô ấy không quay lại, thì, anh phải bắt đầu tìm góc nhìn mới. Cô ấy có thể là một người tuyệt vời, nhưng cuộc đời lớn hơn nhiều chứ không phải chỉ là chuyện yêu một ai đó. Anh phải xông pha, Steve. Một người như anh, anh không thuộc về công chúng. Nhìn tôi này. Khi lớp băng này bỏ ra, liệu tôi có thực sự sẽ giống như tôi của cách đây hai mươi năm? Tôi không biết. Và đã lâu lắm rồi kể từ lần cuối tôi trung chuyển giữa hai cuộc hôn nhân. Nhưng thế nào tôi cũng sẽ xông ra mà thử một lần xem.” Bà đến gần huých vào vai tôi. “Nào. Chỉ là anh mệt thôi. Anh sẽ thấy khá hơn nhiều sau khi ngủ một chút. Nghe này. Boris là tay cừ nhất. Ông ấy sẽ sửa chữa lại, cho cả hai ta. Rồi anh thấy.”

Tôi đặt ly xuống bàn và đứng lên. “Tôi nghĩ bà nói đúng. Như bà đã nói, Boris là tay cừ nhất. Và chúng ta *quả là* một đội ăn ý hồi lúc nãy.”

“Chúng ta là một đội *cực kỳ* ăn ý hồi lúc nãy.”

Tôi đưa tay ra, đặt lên hai vai bà, rồi hôn lên hai bên má quần băng. “Bà cũng ngủ đi cho lại sức,” tôi nói. “Tôi sẽ lại qua và chúng ta lại chơi cờ nữa.”

Nhưng sau buổi sáng đó, chúng tôi không còn mấy khi gặp nhau. Về sau này khi tôi nhớ lại, đã có những điều nói ra đêm hôm ấy, những điều có lẽ tôi nên xin lỗi, hay ít nhất nên giải thích. Nhưng lúc ấy, khi chúng tôi đã trở lại phòng bà, và chúng tôi đã cùng ngồi cười trên ghế, có vẻ như không cần, thậm chí không đúng chỗ, nếu nhắc lại những điều đó. Khi chúng tôi chia tay sáng hôm ấy, tôi đã nghĩ hai chúng tôi đã vượt qua chuyện đó rồi. Ngay cả thế, tôi cũng đã thấy Lindy có thể thất thường ra sao. Có thể là sau đó bà

ngĩ lại và lại thấy tức giận. Ai biết được? Dù sao thì, dù tôi đã chờ bà gọi điện trong ngày hôm ấy, nhưng bà chẳng hề gọi, cả ngày hôm sau cũng thế. Thay vào đó, tôi nghe giọng Tony Gardner bật bên kia tường, vắn tiếng to nhất, hết đĩa này đến đĩa khác.

Rồi cuối cùng tôi cũng lại qua, có lẽ là bốn ngày sau đó, bà có vẻ niềm nở, nhưng lạnh nhạt. Cũng như hôm đầu, bà kể rất nhiều về những bạn bè nổi tiếng của mình - dù không nói gì về chuyện nhờ họ giúp tôi thăng tiến. Dù thế, tôi cũng không buồn bực. Chúng tôi có bắt đầu chơi cờ, nhưng điện thoại của bà réo liên tục và bà lại vào phòng ngủ nói chuyện.

Buổi tối hai hôm trước bà gõ cửa phòng tôi, nói mình sắp trả phòng. Boris rất hài lòng với bà và đã đồng ý sẽ cho bà tháo băng tại nhà. Chúng tôi chào tạm biệt nhau thân thiện, nhưng có vẻ như lời chia tay thực sự đã nói từ trước rồi, từ sáng hôm đó ngay sau chuyến phiêu lưu, khi tôi đưa tay ra và hôn lên hai má bà.

Đây là câu chuyện về thời kỳ tôi làm láng giềng của Lindy Gardner. Tôi cầu chúc bà may mắn. Còn với tôi, vẫn còn sáu ngày nữa mới tới lượt tôi lộ diện, và còn lâu nữa mới đến lúc tôi được phép thổi kèn. Nhưng giờ tôi đã quen với cuộc sống này, và tôi giết thời giờ một cách khá vui vẻ. Hôm qua tôi nhận được điện thoại của Helen hỏi thăm, và khi tôi kể mình đã làm quen với Lindy Gardner, cô ấy khâm phục hẳn hoi.

“Không phải bà ấy đã lại kết hôn rồi à?” cô hỏi. Và khi tôi đính chính lại, cô nói: “À, phải. Chắc là em đã nhầm với bà kia. Anh biết đấy. Cái bà ấy ấy.”

Chúng tôi nói chuyện khá lâu về những thứ lặt vặt - cô vừa xem gì trên ti vi, bạn cô vừa mang con ghé chơi. Rồi cô nói Prendergast có hỏi thăm tôi, và khi nói thế, giọng cô căng thẳng thấy rõ. Và tôi suýt nữa đã nói: “Ồ kìa? Có phải tôi vừa nhận thấy nổi cái kính khi nhắc tên cục cưng không?” Nhưng tôi không nói. Tôi chỉ bảo cho tôi gửi lời chào, và cô không nhắc đến tên hẳn ta lần nữa. Mà chắc là tôi cũng chỉ tưởng tượng ra thôi. Làm sao tôi biết, có thể cô chỉ đang nhử cho tôi nói mình biết ơn hẳn.

Khi cô sắp dập máy, tôi nói: “Anh yêu em,” cái kiểu nói nhanh theo thói quen người ta vẫn đệm vào cuối cuộc nói chuyện với bạn đời. Nghe im lặng vài giây, rồi cô đáp lại, cũng theo kiểu đó. Rồi cô đã đi. Chúa biết được thế nghĩa là gì. Bây giờ không còn việc gì làm nữa, tôi nghĩ thế, ngoài việc đợi

đến khi tháo băng. Và rồi thì sao? Có thể Lindy nói đúng. Có thể, như bà nói, tôi cần góc nhìn mới, và cuộc đời lớn hơn nhiều chứ không phải chỉ là chuyện yêu một ai đó. Có thể đây đúng là bước ngoặt đối với tôi, và đang cao đang đón chờ. Có thể bà nói đúng.

Nghệ sĩ cello

Đã là lần thứ ba chúng tôi chơi bản nhạc phim *Bố già* từ sau bữa trưa, và tôi đang lia mắt qua các du khách ở bên kia *piazza* xem liệu bao nhiêu người đã có mặt từ lần chơi trước. Nói chung thì nếu phải nghe bài tử nào đó quá một lần khách cũng không thấy vấn đề gì, nhưng anh không thể làm vậy quá thường xuyên vì họ sẽ ngờ anh không có một vốn tiết mục ra hồn. Thường thì vào khoảng này trong năm, lặp lại chương trình cũng không sao. Khi thu chớm đến trong gió cộng thêm cái giá cắt cổ cho mỗi cốc cà phê đủ đảm bảo lượng khách luân chuyển khá đều. Tóm lại, đây là lý do khiến tôi đang chăm chú từng khuôn mặt trong quảng trường và tôi đã bắt gặp Tibor vì thế.

Cậu ta đang giơ tay vẫy và ban đầu tôi nghĩ là vẫy chúng tôi, nhưng rồi nhận ra cậu chỉ tìm cách gọi bồi bàn. Trông cậu già hơn, và đã lên cân, nhưng cũng không khó nhận ra. Tôi thúc một cú nhẹ vào Fabian đang đứng phong cầm ngay bên và hát đầu về phía chàng trai trẻ, dù lúc ấy không thể rời tay khỏi cây saxophone để chỉ tận nơi được. Đây là lúc tôi nhận ra, sau khi nhìn một vòng ban nhạc, rằng ngoài tôi và Fabian, không còn ai ở lại từ đội hình mùa hè năm chúng tôi gặp Tibor.

Đồng ý, ngày đó cách nay đã bảy năm rồi, nhưng đây vẫn là một cú sốc. Đã quen chơi cùng nhau ngày lại ngày, anh bắt đầu coi ban nhạc cũng như gia đình, những thành viên khác như là anh em. Và nếu đôi khi có người chuyển đi, anh muốn nghĩ rằng họ sẽ luôn giữ liên lạc, sẽ gửi thiệp về từ Venice hay Luân Đôn hay bất kể nơi nào họ đến, có thể cả một tấm ảnh chụp ban đang chơi cùng - như là viết thư về thăm quê. Thế nên giây phút này cứ như một lời nhắc nhở không đúng chỗ, rằng sự vật vẫn xoay mau chóng thế nào. Rằng bạn chí cốt hôm nay ngày mai thành người xa lạ, rắc rải khắp châu Âu, chơi cùng bản *Bố già* hay “Autumn Leaves” trong những quảng trường hay quán trà anh sẽ chẳng bao giờ đặt chân đến.

Khi chúng tôi chơi xong, Fabian ném cho tôi một cái nhìn thịnh nộ, bực tức vì bị thúc đúng giữa đoạn “đặc biệt” của anh ta - không hẳn là đoạn solo, mà là một trong những phút hiếm hoi khi vĩ cầm và clarinet đã dừng, tôi chỉ thổi vài nốt nhẹ nhàng làm nền, một mình anh dẫn dắt giai điệu trên cây phong cầm. Khi tôi tìm cách giải thích, và chỉ Tibor giờ đang ngồi dưới cây dù

khuấy cà phê, Fabian có vẻ khó khăn mới nhớ ra cậu ta. Cuối cùng anh ta cũng nói:

“À phải, thằng bé chơi cello. Không biết giờ nó còn đi với bà người Mỹ ấy không.”

“Tất nhiên là không,” tôi nói. “Anh không nhớ à? Mọi chuyện cuối cùng đã kết thúc vào thời kỳ đó.”

Fabian nhún vai, đầu óc đã lại để cả vào tờ bản nhạc, và rồi chúng tôi đã bắt đầu bài tiếp.

Tôi thất vọng vì Fabian không tỏ ra nhiệt tình hơn, nhưng có lẽ anh ta chưa bao giờ ở trong số những người đặc biệt quan tâm đến cậu nhạc công trẻ. Fabian, anh ta trước giờ chỉ chơi ở phòng trà quán bar, anh hiểu không. Không phải như Giancarlo, người chơi vĩ cầm trong ban lúc đó, hay Ernesto chơi ghi ta bass. Họ đều đã học qua trường lớp, nên luôn bị cuốn hút về những người như Tibor. Có thể còn có một thoáng tị nạnh trong đó - vì quá trình đào tạo hàng đầu của Tibor, vì tương lai cậu ta vẫn đang rộng mở. Nhưng, nhìn nhận công bằng, tôi nghĩ chỉ là vì họ ưa bao bọc lấy những Tibor của thế giới này, chăm lo cho họ một chút, có thể còn chuẩn bị tinh thần cho họ về những gì sẽ đến, để khi gặp phải buồn phiền thất vọng cũng không đến nỗi quá khó khăn.

Mùa hè bảy năm trước trời âm một cách kỳ lạ, và ngay cả ở thành phố chúng tôi, cũng có những lúc cứ tưởng như mình đã xuống đến biển Adriatic. Chúng tôi chơi ngoài trời suốt hơn bốn tháng - dưới vòm quán cà phê, nhìn ra quảng trường và toàn bộ khu bàn, và tôi phải nói với anh làm việc như thế rất là nóng, kể cả có hai hay ba cây quạt điện âm ù xung quanh. Nhưng đây là một mùa khám phá, khách du lịch đến đông, một lượng lớn từ Đức hay Áo tới, và cả người Ý trốn nóng từ bờ biển lên. Và đây là mùa hè đầu tiên chúng tôi để ý thấy những người Nga. Ngày nay họ chẳng còn đập vào mắt, du khách Nga cũng chẳng khác gì mọi người. Nhưng thời đó, họ vẫn còn là của hiếm đủ để anh phải ngoái nhìn. Họ ăn bận kỳ cục và đi đứng như trẻ nhỏ mới nhập trường. Lần đầu thấy Tibor, chúng tôi đang nghỉ giữa hai suất diễn, giải lao ở cái bàn to mà quán luôn giữ riêng cho chúng tôi. Cậu ta ngồi gằn, chốc chốc lại đứng dậy dịch chỗ bao đàn cello để nắng khỏi chiếu vào.

“Nhìn thằng nhóc kia,” Giancarlo nói. “Một sinh viên trường nhạc người

Nga không có đường kiếm sống. Và hắn sẽ làm gì? Quyết định vung tiền nóc cả phê giữa quảng trường trung tâm.”

“Hắn là thằng ngốc, hắn rồi,” Ernesto nói. “Nhưng là một thằng ngốc lãng mạn. Vui lòng mà chết đói, miễn là được ngồi ở quảng trường đây cả chiều.”

Cậu ta gầy gò với mái tóc màu hạt dẻ và cặp kính phản thời trang - gọng kính to đùng khiến cậu trông như một con gấu trúc. Ngày nào cậu cũng đến, và tôi không nhớ chính xác chuyện bắt đầu ra sao nhưng đến một lúc chúng tôi đã ngồi trò chuyện với cậu giữa các suất diễn. Và đôi khi nếu cậu đến trong giờ diễn chiều thì khi đã xong chúng tôi gọi cậu lại, có khi đãi cậu rượu vang và crostino.

Chúng tôi nhanh chóng được biết Tibor không phải người Nga, mà là Hungary; rằng cậu hắn là lớn tuổi hơn bề ngoài, vì cậu đã tốt nghiệp Nhạc viện hoàng gia Luân Đôn, rồi lại hai năm ở Viên với Oleg Petrovic. Sau một khởi đầu gian nan dưới tay bậc đại danh cầm, cậu đã học được cách chinh phục những con hờn dỗi đã thành giai thoại của ông và rời khỏi Viên tràn đầy tự tin - cùng với một chuỗi lịch diễn ở những nhà hát châu Âu danh giá, dù nhỏ. Nhưng rồi các buổi hòa nhạc dần bị hủy vì thiếu người nghe; cậu buộc phải chơi thứ nhạc mà cậu ghét; chỗ ăn ở đều hoặc là đắt hoặc là không ra gì.

Thế nên Festival Văn hóa nghệ thuật được tổ chức đảng hoàng ở thành phố tôi - nguyên nhân đưa cậu đến đây mùa hè này - đem lại cú lên dây cót tinh thần cậu đang cần, và khi một bạn học cũ ở Nhạc viện cho cậu ở không mất tiền suốt mùa hè trong một căn hộ gần kênh, cậu đã nhận lời không lưỡng lự. Cậu rất thích thành phố này, cậu bảo chúng tôi thế, nhưng tiền bạc lúc nào cũng là vấn đề, và dù thi thoảng cũng có nơi mời diễn, lúc này cậu đang phải rất lung về bước đi tiếp theo.

Đến một lúc, sau khi lắng nghe những lo âu này thì Giancarlo và Ernesto quyết định chúng tôi phải làm gì đó giúp cậu. Và đây là lý do Tibor đến gặp ông Kaufmann, người Amsterdam, họ hàng xa của Giancarlo với những quan hệ trong giới khách sạn.

Tôi nhớ rất rõ chiều hôm ấy. Vẫn còn là đầu mùa hè, và ông Kaufmann, Giancarlo, Ernesto, tất cả đám còn lại, chúng tôi ngồi trong nhà, trong phòng sau của quán, nghe Tibor chơi cello. Cậu thanh niên chắc đã nhận ra cậu ta

đang diễn thử cho ông Kaufmann định giá, nên đến lúc này nhớ lại đêm ấy cậu háo hức chơi đến thế nào kể cũng thú vị. Cậu tỏ ra biết ơn chúng tôi rõ rệt, và anh có thể thấy rõ cậu vui lòng khi ông Kaufmann hứa sẽ hết sức giúp đỡ chừng nào quay về Amsterdam. Khi mọi người nói Tibor đã thay đổi theo chiều hướng xấu mùa hè ấy, rằng cậu ta đã thành ra tự cao quá mức cho phép, rằng tất cả là tại bà người Mỹ mà ra, thì, chà, có lẽ cũng có một phần sự thực.

Tibor đã để ý thấy bà ta khi đang uống cốc cà phê đầu tiên trong ngày. Vào giờ ấy, quảng trường mát dịu rất dễ chịu - gần như cả sáng góc có quán cà phê vẫn nằm trong bóng râm - và đá lát đường còn ướt do vòi phun của công nhân vệ sinh. Vốn đã nhịn bữa sáng, cậu ta nhìn bằng cặp mắt ghen tị trong khi bàn bên bà ta gọi một loại nước quả, tiếp đó - rõ ràng vì nổi hứng, vì lúc đó còn chưa đến mười giờ - thêm một bát trai hấp. Cậu ta mơ hồ cảm thấy bà ta, đến lượt mình, cũng đôi lúc lén nhìn về phía cậu, nhưng lúc đó cậu chưa nghĩ gì nhiều.

“Bà ta rất ưa nhìn, đẹp nữa là khác,” sau đó cậu kể cho chúng tôi. “Nhưng các anh thấy, bà ta phải hơn tôi đến mười, mười lăm tuổi. Thế thì làm sao tôi lại nghĩ chuyện gì được?”

Cậu đã quên băng bà và chuẩn bị quay về phòng để tập luyện vài giờ trước khi người hàng xóm ghé vào ăn trưa và bật radio, thì bỗng nhiên thấy người đàn bà đứng trước mặt mình.

Bà ta tươi cười rạng rỡ, dáng vẻ tỏ ra họ đã quen biết từ trước. Thực tế là chỉ vì bản tính nhút nhát mà cậu không lên tiếng chào bà ta. Rồi bà đặt một tay lên vai cậu, cứ như cậu vừa trượt một bài thi nhưng vẫn được tha thứ như thường, và nói:

“Mấy hôm trước tôi đã nghe anh độc tấu. Ở San Lorenzo.”

“Cám ơn bà,” cậu đáp, dù thấy ngay câu đó nghe ngớ ngẩn thế nào. Rồi vì người đàn bà vẫn tiếp tục tươi cười nhìn cậu, cậu nói tiếp: “À phải, nhà thờ San Lorenzo. Đúng thế. Tôi quả có chơi ở đó.”

Người đàn bà cười to, rồi bỗng nhiên kéo ghế ngồi trước mặt cậu. “Anh nói cứ như anh gần đây có lịch diễn dày đặc lắm,” bà ta nói, giọng có ý mỉa

mai.

“Nếu thật thế thì tôi vừa khiến bà hiểu lầm. Buổi độc tấu bà đến là buổi duy nhất của tôi từ hai tháng nay.”

“Nhưng anh mới chỉ vừa bắt đầu,” bà nói. “Anh có được cuộc biểu diễn nào là khá lắm rồi. Và hôm đó cũng có kha khá khán giả đấy chứ.”

“Kha khá khán giả? Có đúng hai mươi tư người.”

“Đấy là buổi chiều. Biểu diễn ban chiều như thế là tốt rồi.”

“Tôi không có tư cách than phiền. Nhưng thế cũng không phải nhiều lắm. Toàn du khách không có việc gì làm.”

“Ồi! Anh không nên khinh thường họ thế. Suy cho cùng, ở đó có tôi. Tôi là một trong số du khách ấy.” Rồi trong lúc mặt cậu đỏ lên - vì cậu vốn không có ý xúc phạm - bà ta chạm vào tay cậu và mỉm cười nói: “Anh mới vừa bắt đầu thôi. Đừng lo về số lượng khán giả vội. Đấy không phải lý do anh biểu diễn.”

“Thế à? Thế tôi chơi nhạc để làm gì nếu không phải vì khán giả?”

“Tôi không muốn nói thế. Điều tôi muốn nói là ở quãng này trong sự nghiệp của anh, khán giả hai mươi người hay hai trăm người không quan trọng. Tôi có nên cho anh biết vì sao không? Vì anh có nó!”

“Tôi có nó?”

“Anh có nó. Chắc chắn là thế. Anh có... *tiềm năng*.”

Cậu ghìm một tiếng cười khẩy suýt bật ra trên môi. Cậu thấy bực tức với mình nhiều hơn với bà, vì đã nghĩ bà sẽ nói kiểu như “thiên tư” hay ít nhất là “tài năng” và lập tức nhận ra mình đã tự lừa phỉnh mình thế nào mới mong chờ một nhận xét như thế. Nhưng người đàn bà vẫn đang nói tiếp:

“Ở quãng này, điều anh cần làm là chờ đợi cái người đặc biệt ấy đến và nghe anh. Và cái người ấy cũng rất có khả năng có mặt ở một căn phòng như thế vào một ngày thứ Ba, trong một đám khán giả chỉ hai chục người...”

“Có hai mươi tư người, chưa kể ban tổ chức...”

“Hai mươi tư, thế nào cũng được. Điều tôi muốn nói là lúc này số lượng không quan trọng. Lúc này quan trọng là cái người ấy.”

“Ý bà là người từ hãng thu âm?”

“Hãng thu âm? Ồ không, không. Cái đó tự nó sẽ đến. Không, tôi muốn nói cái người sẽ làm cho anh tỏa sáng. Cái người sẽ nghe thấy anh và nhận ra anh không chỉ là một trong những gã tầm thường được đào tạo bài bản. Rằng cho dù anh vẫn còn trong kén, nhưng chỉ cần một chút giúp đỡ, anh sẽ xòe rộng đôi cánh bướm mà bay.”

“Tôi hiểu. Có sự tình cờ nào khiến bà lại là cái người ấy không?”

“Ồi, thôi nào! Tôi hiểu anh là một chàng trai trẻ kiêu hãnh. Nhưng tôi cũng không thấy có vẻ có nhiều thầy hướng dẫn cặn cục mà đến với anh. Ít ra thì cũng không phải những người ở cỡ tôi.”

Bây giờ cậu mới nghĩ ra mình đang phạm phải một điều đại ngớ ngẩn, và cậu quan sát kỹ khuôn mặt người đàn bà. Giờ bà ta đã gỡ đôi kính râm, và cậu nhìn thấy một khuôn mặt về cơ bản là hiền từ và dịu dàng, nhưng hơi bực dọc và có lẽ sắp chuyển sang giận dữ. Cậu cố gắng nhìn bà, hy vọng sẽ sớm nhận ra, nhưng cuối cùng cũng buộc phải nói:

“Tôi xin lỗi vô cùng. Có lẽ bà là một nhạc sĩ danh tiếng?”

“Tôi là Eloise McCormack,” bà xưng danh với một nụ cười, và chìa tay ra. Thật không may, cái tên ấy chẳng nói lên gì cả và Tibor thấy mình tiến thoái lưỡng nan. Phản xạ đầu tiên của cậu là giả vờ kinh ngạc, và cậu thậm chí đã nói: “Thật ư. Thật là ngạc nhiên hết sức.” Rồi cậu trấn tĩnh lại, nhận ra nói suông như thế chẳng những thiếu trung thực mà còn rất có khả năng dẫn đến lộ tẩy và hồ thẹn chỉ sau tích tắc. Thế nên cậu ngồi thẳng dậy mà nói:

“Miss McCormack, rất hân hạnh được gặp bà. Tôi hiểu là bà sẽ không tin nổi điều này, nhưng tôi xin bà thứ lỗi cho sự non nớt của tôi lần việc tôi trưởng thành trong khối Đông Âu cũ, phía sau bức rèm sắt. Có rất nhiều ngôi sao màn bạc và tên tuổi chính trường là tên cửa miệng ở phương Tây song cho đến tận hôm nay tôi vẫn chưa được biết. Vì thế bà phải tha lỗi cho chuyện tôi không biết chính xác bà là ai.”

“Chà... thật là thẳng thắn đáng khâm phục.” Mặc dù nói thế, bà tỏ ra bị xúc phạm thấy rõ, và vẻ hào hứng ban đầu có vẻ đã nguội mất. Sau một phút lúng túng, cậu nhắc lại:

“Bà là một nhạc sĩ danh tiếng, phải không ạ?”

Bà ta gạt đầu, ánh mắt đánh sang bên kia quảng trường.

“Lần nữa tôi xin thứ lỗi,” cậu nói. “Quả thật là vinh hạnh được một người như bà đến nghe buổi diễn của tôi. Và xin phép hỏi bà chơi nhạc cụ gì?”

“Cũng như anh,” bà nói nhanh. “Cello. Vì thế tôi mới vào. Kể cả là một buổi diễn xoàng như của anh, tôi cũng không dừng được. Tôi không thể bỏ qua. Tôi có cảm giác về sứ mệnh, tôi nghĩ thế.”

“Sứ mệnh?”

“Tôi không biết có thể gọi bằng từ gì khác. Tôi muốn mọi người chơi cello đều chơi tốt. Đều chơi tuyệt đẹp. Nhưng quá nhiều khi, họ chơi một cách lảm lạp.”

“Xin phép, nhưng có phải chỉ là nhạc công cello chúng ta mắc tội trình diễn lảm lạp? Hay bà nói đến tất cả các nhạc công?”

“Có thể với cả các nhạc công khác nữa. Nhưng tôi chơi cello, nên tôi lắng nghe những người chơi cello khác, và khi nghe thấy một người chơi hỏng... Anh biết không, mấy hôm trước, tôi thấy vài nhạc công trẻ chơi trong sảnh Bảo tàng thành phố và mọi người cứ thế đi qua, nhưng tôi không thể không đứng lại nghe. Và anh biết không, tôi cố gắng hết sức mới ngăn được mình đến chỗ họ nói cho họ biết.”

“Họ chơi lỗi à?”

“Không hẳn là lỗi. Nhưng... chà, chỉ là nó không có đó. Nó không hề có ở đó. Nhưng anh thấy đấy, tôi yêu cầu quá nhiều. Tôi biết không nên đòi hỏi tất cả mọi người phải lên được mức tôi đặt ra cho mình. Họ chỉ là sinh viên trường nhạc thôi, tôi nghĩ thế.”

Bà ngả người vào ghế lần đầu tiên và nhìn ra mấy đứa trẻ, ở đài nước

giữa quảng trường, đang té nước nhau âm ỉ. Cuối cùng, Tibor nói:

“Hôm thứ Ba trước bà cũng cảm thấy nổi sốt ruột ấy, có lẽ thế. Nổi sốt ruột muốn đến chỗ tôi và đưa ra lời khuyên.”

Bà mỉm cười, nhưng một giây sau đã chuyển sang vẻ mặt cực kỳ nghiêm túc. “Có thể,” bà nói. “Quả là thế. Bởi khi nghe anh chơi, tôi có thể nghe được chính mình ngày xưa. Anh đừng để bụng, điều tôi sắp nói thô lỗ lắm. Nhưng thực tình là, anh không hẳn đang đi đúng đường lúc này. Và khi tôi nghe anh, tôi rất muốn giúp anh tìm đến nó. Càng sớm càng tốt.”

“Tôi phải nói trước là, tôi đã theo học Oleg Petrovic.” Tibor nói thẳng và chờ phản ứng của bà. Hết sức ngạc nhiên, cậu thấy bà cố nén nụ cười.

“Petrovic, phải,” bà nói. “Petrovic, vào thời của ông, là một nhạc sĩ đáng kính. Và tôi biết với các học trò ông ấy hẳn vẫn còn là một nhân vật đáng kể. Nhưng với rất nhiều người trong chúng ta hiện nay, những ý tưởng, những phương pháp của ông...” Bà lắc đầu và xòe đôi tay. Rồi trong khi Tibor vẫn chăm chăm nhìn bà, ghen lời vì tức giận, bà lần nữa lại đặt tay lên cánh tay cậu. “Tôi nói nhiều quá rồi. Tôi không có quyền làm thế. Tôi sẽ để cho anh yên.”

Bà đứng lên và cử chỉ này làm cơn giận của cậu lắng xuống; Tibor tính tình rộng lượng và bản tính cậu không thể tức tối được lâu. Thêm nữa, điều bà vừa nói về người thầy cũ đã làm bật lên một nốt không vui từ sâu trong lòng cậu - những ý nghĩ cậu không hẳn dám tự nói với mình. Thế nên khi cậu nhìn lên bà, nét mặt cậu trên hết chỉ cho thấy nổi bối rối.

“Xem này,” bà nói, “lúc này anh chắc hẳn là quá bức tức với tôi nên không thể nghĩ về chuyện đó. Nhưng tôi muốn giúp anh. Nếu anh quyết định muốn nói chuyện tiếp, tôi đang ở ngay đằng kia. Ở Excelsior.”

Khách sạn này, khách sạn lộng lẫy nhất toàn thành phố, nằm ở đầu kia quảng trường từ quán cà phê, và bà đang chỉ nó cho Tibor, rồi mỉm cười, và quay người bỏ đi về đó. Cậu vẫn đang nhìn theo thì bất ngờ bà quay lại khi đến gần đài nước, khiến bầy chim câu giạt mình, đưa tay vẫy cậu, rồi đi tiếp.

Suốt hai ngày sau cậu thấy mình nghĩ đi nghĩ lại về cuộc gặp này. Cậu

nhớ lại nụ cười khinh khỉnh trên môi bà khi cậu rất đỗi tự hào xưng tên Petrovic và lại thấy cơn giận trào lên. Nhưng sau khi ngẫm nghĩ, cậu hiểu không hẳn mình tức giận cho người thầy cũ. Đúng hơn là cậu đã quen với ý nghĩa cái tên Petrovic sẽ luôn luôn gây hiệu ứng, rằng có thể nhờ nó mà lôi kéo sự chú ý và kính nể: nói cách khác, cậu đã nhiễm thói quen dựa vào nó như một thứ chứng chỉ mà cậu có thể cầm phẩy vào mặt cả thế giới. Cậu hoang mang là bởi cái khả năng tờ chứng chỉ này không hề có cái quyền lực như cậu nghĩ.

Cậu cũng nhớ cả lời mời của bà lúc chia tay, và trong những giờ ngồi trên quảng trường, cậu thấy mình liên tục đưa mắt nhìn về đầu bên kia, về cánh cổng lỏng lẫ của khách sạn Excelsior, nơi một hàng tắc xi và limousine nối nhau không ngớt trước người gác cửa.

Cuối cùng, tới ngày thứ ba sau cuộc nói chuyện với Eloise McCormack, cậu băng qua quảng trường, vào sảnh lát hoa cương và nhờ lễ tân gọi lên phòng bà. Người lễ tân nói vào điện thoại, hỏi tên cậu, rồi sau vài câu trao đổi, đưa cậu ống nghe.

“Tôi xin lỗi,” cậu nghe giọng bà nói. “Hôm trước tôi quên hỏi tên anh nên một lúc mới đoán ra anh là ai. Nhưng tất nhiên tôi không quên anh đâu. Thực tế là tôi đã nghĩ về anh nhiều lắm. Có rất nhiều điều tôi muốn bàn kỹ với anh. Nhưng anh biết đấy, chúng ta phải làm cho đảng hoàng. Anh có mang đàn theo không? Không, tất nhiên là không. Có lẽ một tiếng nữa anh quay lại nhé, đúng một tiếng, mang cả đàn theo. Tôi sẽ chờ anh ở đây.”

Khi cậu trở lại Excelsior với cây đàn, người lễ tân lập tức chỉ thang máy cho cậu và nói Miss McCormack đang chờ.

Ý nghĩ sẽ vào phòng bà, dù đang giữa buổi chiều, khiến cậu thấy mình như đang xâm phạm chỗ riêng tư, và cậu nhẹ người khi thấy đây là một phòng suite lớn, buồng ngủ đóng cửa khuất tầm mắt. Cửa sổ cao kiểu Pháp có cửa chớp dài, lúc này đang mở, nên hai rèm đang ten bay phát phơ trong gió, và cậu thấy nếu bước qua đó ra ban công, cậu sẽ nhìn thẳng xuống quảng trường. Căn phòng thì, với những bức tường đá thô và sàn gỗ màu tối, có cái vẻ gần như tu viện, chỉ phần nào dịu lại nhờ hoa, gối ngồi và đồ gỗ kiểu cổ. Bà thì ngược lại, đang mặc áo phông, quần nỉ và đi giày thể thao, như vừa chạy bộ về. Bà chào cậu không kiểu cách - không mời trà cũng như cà phê - và nói ngay:

“Chơi cho tôi nghe. Hãy chơi bài gì anh đã chơi hôm độc diễn ấy.”

Bà đã đưa tay chỉ một chiếc ghế tựa đánh bóng cẩn thận đặt giữa phòng, nên cậu ngồi xuống đó và bỏ đàn ra khỏi bao. Với vẻ đũ khiến người ta lúng túng, bà tự mình ngồi xuống cạnh một khung cửa sổ để cậu gần như chỉ thấy khuôn mặt trông nghiêng, và bà cứ thế nhìn vào khoảng không trước mặt suốt trong lúc cậu lên dây đàn. Bà không đổi tư thế khi cậu bắt đầu chơi, và khi cậu kết thúc bài thứ nhất, bà không nói một tiếng. Thế nên cậu chuyển nhanh sang bài tiếp, rồi bài nữa. Đã nửa giờ trôi qua, rồi một giờ. Và có gì đó từ căn phòng tối mờ và thứ âm hưởng nhà tu của nó, từ ánh sáng chiều tán xạ qua đôi rèm phất phơ, từ tiếng xôn xao làm nền văng lên từ dưới quảng trường, và trên hết, từ sự có mặt của bà, đánh thức trong cậu những nốt nhạc từ những tầng sâu mới, những sắc thái mới. Khi gần hết một giờ, cậu tin chắc mình đã vượt lên trên mong đợi của bà, nhưng khi cậu kết thúc bài cuối, và cả hai đã ngồi lặng yên vài phút, cuối cùng bà cũng quay lại phía cậu trên ghế mà bảo:

“Được rồi, tôi đã hiểu đích xác anh đang ở đâu. Sẽ không dễ đâu, nhưng anh sẽ làm được. Chắc chắn là anh sẽ làm được. Hãy bắt đầu với bản của Britten. Chơi lại đi, chương đầu thôi, rồi chúng ta nói chuyện. Chúng ta có thể cùng làm việc với nhau, từng chút một.”

Khi nghe đến đây, cậu chỉ muốn dọn đàn bỏ đi tức khắc. Nhưng rồi một động cơ khác - có thể chỉ là tò mò, có thể một điều khác sâu kín hơn - đã thắng nổi kiêu hãnh và bắt cậu chơi lại phần bà yêu cầu. Khi bà dừng cậu lại sau vài nhịp và bắt đầu nói, cậu lại thấy sốt ruột muốn bỏ về. Cậu quyết định, chỉ do lịch sự, sẽ chịu đựng bài giảng không mời này thêm năm phút nữa là nhiều nhất. Nhưng rồi cậu thấy mình ở lại thêm một chút, rồi thêm nhiều. Cậu chơi thêm nữa, bà lại nói tiếp. Lời lẽ của bà lúc đầu luôn khiến cậu thấy là tự phụ và quá trù trượng, nhưng khi thử nhập hồn vía của nó vào cách chơi, cậu kinh ngạc trước hiệu quả đạt được. Cậu chưa kịp để ý thì một giờ nữa đã trôi qua.

“Tôi chợt nhìn ra một thứ,” cậu giải thích cho chúng tôi. “Một ngôi vườn tôi còn chưa bước vào. Tôi thấy nó, ở đằng xa kia. Có nhiều thứ cản đường. Nhưng lần đầu tiên, tôi thấy nó. Một ngôi vườn tôi chưa từng biết trước kia.”

Mặt trời đã gần lặn khi cậu rời khách sạn, vượt qua quảng trường tới khu

bàn của quán, và tự thưởng cho mình một miếng bánh quả hạnh có kem, với nỗi phấn khích khó mà kìm nổi.

Trong suốt vài ngày tiếp, cậu trở lại khách sạn của bà mỗi chiều và khi trở về, nếu không phải trong cảm giác được khai sáng như lần đầu tiên, thì cũng tràn đầy sinh khí và hy vọng mới mẻ. Những nhận xét của bà càng lúc càng thẳng thắn, và, với một người ngoài cuộc, nếu có ai chứng kiến, có lẽ còn mang vẻ kiêu căng, nhưng Tibor lúc này không còn nhìn nhận sự can thiệp của bà theo cách đó được nữa. Bây giờ cái cậu sợ là thời gian ở thành phố của bà rồi sẽ hết, và ý nghĩ này bắt đầu ám ảnh cậu, khiến cậu không ngủ được, và phủ bóng lên bước chân cậu đi vào quảng trường sau mỗi buổi tập đầy phấn chấn. Nhưng mỗi lần cậu lưỡng lự nêu câu hỏi đó, bà luôn trả lời mập mờ và chẳng hề khiến cậu yên tâm. “Ồi, đến khi nào lạnh quá tôi không chịu được nữa,” có lần bà nói. Hoặc lần khác: “Tôi nghĩ tôi sẽ ở lại chừng nào tôi còn chưa chán.”

“Nhưng bà ấy thì thế nào?” chúng tôi cứ hỏi đi hỏi lại. “Khi chơi cello ấy. Bà ấy chơi thế nào?”

Lần đầu chúng tôi nêu câu này, Tibor không trả lời vào đề, chỉ nói đại loại như: “Bà ấy đã bảo tôi bà ấy là một bậc thầy, từ hôm đầu tiên,” rồi nói sang chuyện khác. Nhưng đến lúc nhận ra chúng tôi không chịu buông tha, cậu thở dài và giải thích cho chúng tôi.

Thực tế là, ngay từ buổi đầu đó, Tibor đã tò mò muốn nghe bà chơi, nhưng quá nhát không dám hỏi. Cậu đã cảm thấy chỉ một chút nghi ngờ rất nhẹ khi nhìn quanh phòng, không thấy bóng dáng cây đàn của bà đâu. Suy cho cùng bà không đem đàn theo khi đi nghỉ thì cũng tự nhiên thôi. Và lại nữa, vẫn còn khả năng có một cây đàn - có thể đàn thuê - trong buồng ngủ sau cửa đóng kín.

Nhưng càng nhiều lần trở lại căn phòng suite trong những buổi sau, nỗi nghi ngờ của cậu càng tăng. Cậu đã cố hết sức dẹp nó khỏi trí mình, bởi đến lúc này, cậu không còn thắc mắc dè dặt gì về những buổi gặp nữa. Nội việc bà lắng nghe đã đủ gợi lên những tầng lớp mới trong trí tưởng tượng của cậu, và những giờ ngoài các buổi tập, cậu thấy mình đang dạo một bài mới trong trí, đoán trước nhận xét của bà, cách bà lắc đầu, nhíu mày, gật đầu khuyến khích, và trên hết, những phút bà đắm mình vào một đoạn cậu chơi,

mắt nhắm lại và đôi tay, gằn như trái ý bà, bắt đầu đưa theo những động tác của cậu. Dù thế, nổi nghi ngờ không chịu đi, và rồi một hôm cậu vào phòng mà cửa buồng ngủ vẫn còn mở hé. Cậu nhìn thấy lại tường đá nữa, và một thứ trông như giường bốn cọc màn kiểu Trung cổ, nhưng không hề có mặt cây đàn. Có bậc thầy nào, dù đang kỳ nghỉ, lại đi lâu đến thế mà không chạm vào đàn? Nhưng cả câu hỏi này nữa, cậu cũng dẹp khỏi tâm trí.

Mùa hè cứ thế trôi, họ bắt đầu kéo dài cuộc trò chuyện bằng cách cùng ghé vào quán sau buổi tập, và bà sẽ mua cho cậu cà phê, bánh ngọt, có lúc cả xăng ụych. Lúc này họ nói chuyện không còn chỉ về âm nhạc - dù đề tài nào có vẻ cũng quay về đó. Ví dụ, có lần bà hỏi cậu về cô bé người Đức cậu đã thân hời ở Viên.

“Nhưng bà phải hiểu, cô ấy chưa bao giờ là bạn gái tôi,” cậu bảo bà. “Chúng tôi không phải thế.”

“Ý anh là hai người không gằn gũi về thân thể? Điều đó không chứng tỏ anh không yêu cô ấy.”

“Không, Miss Eloise, cái đó không đúng. Tôi rất thích cô ấy, hẳn rồi. Nhưng chúng tôi không phải người yêu.”

“Nhưng khi anh chơi bản Rachmaninov ngày hôm qua, anh đang nhớ lại một cảm xúc. Đó là tình yêu, tình yêu đôi lứa.”

“Không phải, thật ngớ ngẩn. Cô ấy là bạn tốt, nhưng chúng tôi không phải người yêu.”

“Nhưng anh chơi đoạn ấy cứ như là *ký ức* về tình yêu. Anh còn trẻ vậy, mà anh đã biết thế nào là bỏ rơi, là phụ bạc. Đó là vì sao anh chơi chương ba đó như thế. Phần lớn nhạc công cello khác, họ chơi về niềm vui. Nhưng với anh, đây không phải niềm vui, đây là ký ức về một thời có niềm vui đã qua mãi mãi.”

Họ nói chuyện theo kiểu ấy, và thường cậu chỉ chực đặt câu hỏi ngược lại cho bà. Nhưng cũng như chưa bao giờ dám hỏi Petrovic một câu về đời tư suốt trong thời kỳ học với ông, lúc này cậu thấy mình không thể hỏi một câu gì hẳn hoi về bà. Thay vào đó, cậu nghiền ngẫm những chi tiết nhỏ bà để lộ -

rằng bà sống ở Portland bang Oregon, rằng bà đã chuyển đến đó từ Boston ba năm trước, rằng bà ghét Paris “vì ở đó chỉ toàn những liên tưởng đáng buồn” - nhưng chùn lại không dám hỏi sâu hơn.

Bây giờ bà đã bật cười dễ hơn nhiều so với những ngày đầu họ làm bạn với nhau, và bắt đầu có thói quen, khi hai người bước ra khỏi khách sạn mà băng qua quảng trường, đưa tay khoác lấy tay cậu. Đây là lúc chúng tôi lần đầu phát hiện thấy cặp đôi lạ lùng này, cậu thì trông trẻ hơn nhiều tuổi thực, bà trông có lúc như bà mẹ, lúc khác “như một cô đào lãng lơ”, như Ernesto diễn tả. Trong những ngày trước khi bắt đầu nói chuyện với Tibor, chúng tôi mất khá nhiều thời gian tán gẫu về họ, như người trong một ban nhạc thường làm. Khi họ đi qua tay trong tay, chúng tôi sẽ nhìn nhau mà bảo: “Bồ nghĩ thế nào? Họ đã có chuyện ấy rồi, hử?” Nhưng sau khi nhăm nháp cái phỏng đoán này, chúng tôi sẽ nhún vai thừa nhận rằng không có lý: đơn giản là họ không có phong thái của tình nhân. Và đến khi chúng tôi quen Tibor, và cậu kể với chúng tôi về những buổi chiều trong phòng suite của bà, không người nào còn nghĩ đến chuyện chọc gheo cậu hay đưa ra những ám chỉ nhảm nhí nữa.

Rồi một buổi chiều khi họ đang ngồi trên quảng trường với cà phê bánh ngọt, bà bắt đầu nói về một người muốn lấy bà. Tên ông ta là Peter Henderson, ông ta là chủ một doanh nghiệp phát đạt ở Oregon bán đồ nghề chơi gôn. Ông ta thông minh, tốt bụng, được mọi người quen biết nể trọng. Ông ta hơn Eloise sáu tuổi, nhưng như thế chưa phải là già. Có hai đứa con nhỏ với người vợ trước, nhưng mọi thứ đã được thu xếp êm thấm.

“Thế nên giờ anh hiểu tôi đang làm gì ở đây,” bà nói với tiếng cười căng thẳng cậu chưa từng nghe trước đó. “Tôi đang trốn. Peter không biết tôi ở đâu. Tôi nghĩ là tôi khá ác. Thứ Ba vừa rồi tôi gọi cho ông ấy, bảo mình đang ở Ý, nhưng không nói là thành phố nào. Ông ấy giận điên lên và tôi nghĩ ông ấy hoàn toàn có quyền đó.”

“Nghĩa là,” Tibor nói. “Bà đang dành cả mùa hè suy tính tương lai.”

“Không hẳn. Tôi chỉ đang trốn.”

“Bà không yêu cái ông Peter này?”

Bà nhún vai. “Anh ấy là người tốt. Và tôi cũng không có nhiều đề nghị trước mắt.”

“Ông Peter này. Ông ấy có yêu âm nhạc không?”

“Ồi... Nơi tôi sống bây giờ, anh ấy chắc chắn được tính là có. Nói cho cùng thì, anh ấy cũng đi nghe hòa nhạc. Và sau đó, ở nhà hàng, anh ấy nói những điều tốt đẹp về chương trình chúng tôi vừa nghe. Thế nên tôi nghĩ có thể nói là anh ấy yêu âm nhạc.”

“Nhưng ông ấy... có hiểu được bà không?”

“Anh ấy biết không phải lúc nào cũng dễ dàng khi sống với một nghệ sĩ bậc thầy.” Bà thở dài một tiếng. “Đấy là vấn đề của cả đời tôi. Với anh cũng sẽ không dễ dàng. Nhưng anh và tôi, chúng ta không hẳn có lựa chọn. Chúng ta có con đường riêng phải đi.”

Bà không nhắc đến Peter lần nào nữa, nhưng bây giờ, sau cuộc đối đáp đó, một khía cạnh mới đã mở ra trong quan hệ giữa họ. Những khi bà im lặng nghĩ ngợi sau khi cậu chơi, hoặc những khi, dù đang cùng ngồi trong quảng trường, bà trở nên xa vắng, nhìn ra đằng sau những cây dù gần đó, cậu không thấy có gì khó xử, và hoàn toàn không thấy bị bỏ rơi mà hiểu rằng bà thấy sự có mặt của cậu bên bà là đáng quý.

Một buổi chiều, sau khi cậu vừa chơi xong một bài, bà bảo cậu chơi lại một đoạn ngắn - chỉ tám nhịp - ở gần đoạn cuối. Cậu làm theo và thấy vạch nhăn vẫn còn trên trán bà.

“Nghe không giống như chúng ta,” bà nói và lắc đầu. Cũng như mọi lần, chỉ thấy dáng ngồi nhìn nghiêng của bà trước cửa sổ lớn. “Phần còn lại anh chơi rất tốt. Tất cả phần còn lại, đấy *đúng là* chúng ta. Nhưng cái đoạn này...” Bà khẽ nhún vai.

Cậu chơi lại theo một cách khác, dù không hẳn hiểu mình cần cái gì, và không ngạc nhiên khi thấy bà lại lắc đầu.

“Tôi xin lỗi,” cậu nói. “Bà có thể thể hiện ý mình rõ hơn. Tôi không hiểu cái ‘không phải chúng ta’ này.”

“Ý anh là muốn tôi tự chơi đoạn đó? Anh muốn nói thế phải không?”

Bà nói bình tĩnh, nhưng khi bà quay lại nhìn cậu lúc này, cậu ý thức được sự căng thẳng đang hiện hình giữa họ. Bà đang nhìn cậu chăm chăm, gần như thách thức, chờ cậu trả lời.

Cuối cùng cậu nói: “Không, tôi sẽ thử lại.”

“Nhưng anh đang nghĩ tại sao tôi không tự đi mà chơi lấy, phải không? Mượn đàn của anh và trình bày xem ý tôi là gì.”

“Không...” Cậu lắc đầu với vẻ cố làm ra thản nhiên. “Không. Tôi nghĩ là tốt, phương pháp chúng ta vẫn làm rất tốt. Bà gợi ý bằng lời, rồi tôi chơi. Như thế sẽ không phải là tôi chỉ bắt chước rồi bắt chước. Lời của bà mở những cửa sổ trước mắt tôi. Nếu bà tự chơi, sẽ không có cửa sổ nào mở. Tôi sẽ chỉ bắt chước.”

Bà ngẫm nghĩ một lúc, rồi nói: “Chắc là anh đúng. Được rồi, tôi sẽ thử thể hiện ý mình rõ hơn.”

Và một vài phút tiếp đó bà nói - về sự khác nhau giữa vĩ thanh và phần nói. Rồi khi cậu chơi lại mấy nhịp đó lần nữa, bà mỉm cười và gật đầu tán thành.

Nhưng từ sau cuộc đối đáp nhỏ ấy, có một bóng đen đã phủ xuống các buổi chiều. Có lẽ nó đã ở đó từ đầu, nhưng giờ đã ra khỏi vỏ và lừng lờ giữa họ. Một lần khác, khi đang ngồi trên quảng trường, cậu vừa kể cho bà nghe chuyện làm sao người chủ trước của cây đàn đã túm được nó từ hồi còn Liên bang Xô viết bằng cách đổi vài chiếc quần bò Mỹ. Khi cậu kể xong, bà nhìn sang cậu với nụ cười nửa miệng lạ lùng và nói:

“Đấy là một cây đàn tốt. Tiếng của nó rất hay. Nhưng vì tôi chưa từng chạm vào nó, tôi không hẳn phán xét về nó được.”

Cậu biết bà lại đang tiến đến địa hạt nguy hiểm kia, cho nên, nhanh chóng đánh mắt đi chỗ khác, cậu nói:

“Với một người ở tâm vóc bà, nó không phải là một nhạc cụ tương xứng. Ngay cả với tôi hiện giờ, nó cũng không hẳn còn tương xứng.”

Cậu thấy mình không còn có thể trò chuyện thoải mái được nữa vì sợ bà lại sẽ phục kích và lái câu chuyện trở lại địa hạt này. Ngay cả trong những

cuộc trao đổi vui vẻ nhất, một phần trong đầu cậu vẫn phải liên tục đề phòng, sẵn sàng cản lại nếu bà lại vừa tìm ra một hướng tấn công mới. Kể cả thế, cậu cũng không thể đánh lạc hướng bà luôn luôn được, và cậu quyết định giả vờ không nghe thấy khi bà nói những câu như: “Ồi, sẽ dễ dàng hơn nhiều nếu tôi chỉ việc chơi cho anh nghe!”

Đến gần cuối tháng Chín - giờ đã thấy giá lạnh trong hơi gió - Giancarlo nhận được điện thoại của ông Kaufmann từ Amsterdam; có một chỗ khuyết cần người chơi cello trong một nhóm nhạc thính phòng nhỏ ở một khách sạn năm sao giữa trung tâm thành phố. Nhóm nhạc chơi trên ban công nhìn xuống phòng ăn một tuần bốn tối, và các nhạc công cũng có những “công việc nhẹ nhàng ngoài âm nhạc” khác trong khách sạn. Chỗ ăn chỗ ở đều có đủ. Ông Kaufmann đã nhớ ngay đến Tibor và chỗ làm này đang để ngỏ chờ cậu. Chúng tôi đem tin cho Tibor tức khắc - trong quán ngay buổi chiều ông Kaufmann gọi đến - và tôi nghĩ tất cả đều bất ngờ vì phản ứng lạnh nhạt của Tibor. Đây hẳn nhiên là ngược lại hoàn toàn với thái độ của cậu hồi đầu mùa hè, khi chúng tôi sắp đặt buổi “diễn thử” trước ông Kaufmann. Giancarlo là người đặc biệt giận dữ.

“Thế thì cậu cần suy nghĩ cẩn thận đến thế là vì sao?” anh ta nạt cậu thanh niên. “Cậu còn muốn cái gì? Carnegie Hall hả?”

“Không phải là tôi không biết ơn. Nhưng dù sao tôi cũng cần nghĩ kỹ đã. Chơi cho người ta vừa nghe vừa nói chuyện vừa ăn. Rồi lại những công việc khách sạn nữa. Có thật như thế thích hợp với một người như tôi không?”

Giancarlo vốn là một người nóng tính, nên lúc này chúng tôi phải giữ không cho anh túm cổ áo Tibor và hét vào mặt cậu. Một số còn cảm thấy cần thiết phải đứng về phía cậu bé, nói rằng suy cho cùng đây là cuộc đời cậu, cậu không việc gì phải bắt buộc nhận một công việc cậu không thích. Tình hình dần dần dịu lại, và Tibor đến lúc đó lại thừa nhận rằng công việc này cũng có những điểm lợi nếu coi là biện pháp trước mắt. Và thành phố chúng tôi, theo cậu ta nhận xét có phần vô tâm, rồi sẽ thành tù túng khi mùa du lịch đã qua. Amsterdam ít ra cũng là một trung tâm văn hóa.

“Tôi sẽ suy nghĩ việc này cẩn thận,” cuối cùng cậu nói. “Có lẽ anh có thể giúp tôi nhắn với ông Kaufmann là tôi sẽ báo lại quyết định trong vòng ba ngày.”

Giancarlo không thể nói là hài lòng vì thế - dù gì thì anh cũng đã trông đợi lòng biết ơn dạt dào - nhưng vẫn đi gọi lại cho ông Kaufmann. Trong cả cuộc tranh luận tối hôm đó, Eloise McCormack không được nhắc đến lấy một lần, nhưng chúng tôi đều rõ ảnh hưởng của bà là nguyên do mọi lý lẽ của Tibor.

“Con mụ đó đã biến thẳng bé thành một đũa ngao mạn,” Ernesto nói sau khi Tibor đi. “Cứ để nó mang thái độ ấy đến Amsterdam. Rồi nó sẽ được giữa cho nhẵn.”

Tibor chưa bao giờ nói với Eloise về lần diễn thử cho ông Kaufmann. Cậu đã định tâm kể hàng bao nhiêu lần, nhưng lần nào cũng rụt lại, và tình bạn của họ càng sâu đậm thì việc cậu từng đồng ý làm thế càng giống một sự bội ước. Thế nên tất nhiên Tibor không hề có ý định hỏi ý Eloise về diễn biến mới nhất này, hoặc kể cả để hờ cho bà biết. Nhưng cậu chưa bao giờ giỏi giấu giếm, cho nên quyết định giữ bí mật với bà lại thành ra có những kết quả không ngờ.

Chiều hôm đó ấm một cách bất thường. Cậu đã đến khách sạn bà ở như lệ thường, và bắt đầu chơi vài bản mới mà cậu đang chuẩn bị. Nhưng chỉ vừa sau ba phút, bà đã bảo cậu dừng và nói:

“Có chuyện gì đó không ổn. Tôi đã nghi từ lúc anh mới vào. Tôi đã hiểu anh rõ lắm rồi, Tibor, tôi đoán được, gần như từ lúc nghe anh gõ cửa. Bây giờ khi anh chơi thì tôi biết chắc. Không ích gì đâu, anh không thể giấu tôi đâu.”

Cậu đã cảm thấy rầu lòng, liền sụp mắt xuống, đã định thổ lộ can tràng mọi việc, thì bà giơ tay lên và bảo:

“Đây là một chuyện chúng ta không thể cứ chạy trốn mãi. Anh cứ luôn tìm cách lẩn tránh, nhưng không được gì đâu. Tôi muốn nói về chuyện đó. Cả tuần vừa qua này, tôi đã muốn nói về chuyện đó.”

“Thật ư?” Cậu nhìn bà kinh ngạc.

“Phải,” bà nói, và xoay ghế để quay mặt về phía cậu lần đầu tiên. “Tôi

chưa bao giờ có ý định lừa anh, Tibor. Mấy tuần vừa qua, đối với tôi thật không dễ dàng, và anh lại là một người bạn thân thiết. Tôi sẽ phật lòng vô cùng nếu anh nghĩ tôi có bao giờ định giở mánh khốe nào với anh. Không, làm ơn, đừng tìm cách ngăn tôi lại lần này. Tôi muốn nói điều này. Nếu anh đưa tôi cây đàn ngay bây giờ và bảo tôi chơi, tôi sẽ phải nói không, tôi không thể chơi được. Không phải vì cây đàn không đủ tốt, không phải như thế. Nhưng nếu bây giờ mà anh nghĩ tôi nói dối, nghĩ tôi giả vờ đóng một vai không phải của tôi, thì tôi muốn nói anh đã nhầm. Hãy nhìn những thứ chúng ta đã cùng đạt được. Chẳng lẽ đây không phải bằng chứng rằng tôi không nói dối? Phải, tôi đã bảo anh tôi là một bậc thầy. Chà, hãy để tôi giải thích ý tôi là thế nào. Ý tôi là tôi được ban cho một tài năng, cũng như anh. Anh và tôi, chúng ta có một thứ mà hầu hết các nhạc công cello khác không bao giờ có được, dù họ có tập luyện cực khổ thế nào. Tôi đã nhận ra được ở anh, từ phút đầu tiên nghe anh chơi trong cái nhà thờ ấy. Và cách nào đó, anh chắc cũng đã nhận ra ở tôi. Vì thế anh mới quyết định đến khách sạn này hôm ấy.

“Người như chúng ta không có nhiều, Tibor ạ, và chúng ta nhận ra được nhau. Chuyện tôi vẫn chưa học cách chơi cello chẳng thay đổi gì cả. Anh phải hiểu, tôi là một bậc thầy. Nhưng tôi là một người vẫn chưa *lột xác*. Cả anh nữa, anh vẫn chưa lột xác hoàn toàn, và đây là điều tôi đã làm mấy tuần vừa rồi. Tôi đã cố giúp anh trút bỏ những lớp vỏ đó. Nhưng tôi chưa bao giờ định lừa dối anh. Chín mươi chín phần trăm người chơi cello không có gì bên trong những lớp vỏ, không có gì cần thoát ra. Thế nên những người như chúng ta, ta phải giúp đỡ nhau. Khi chúng ta nhìn thấy nhau trong quảng trường đông đúc, dù ở đâu, chúng ta phải đến với nhau, bởi những người như chúng ta quá ít.”

Cậu nhận thấy mắt bà có những giọt lệ, nhưng giọng bà vẫn vững vàng. Đến đây bà lặng yên và lại quay mặt đi.

“Thế nên bà tin mình là một nghệ sĩ cello đặc biệt,” sau một chốc cậu nói. “Một bậc thầy. Đám còn lại chúng tôi, Miss Eloise ạ, chúng tôi phải gom góp can đảm và tìm cách lột xác, như cách bà nói, lúc nào cũng nơm nớp không biết sẽ tìm thấy gì bên trong. Nhưng còn bà, bà không thêm quan tâm đến việc lột xác này. Bà không làm gì cả. Nhưng bà vẫn tin chắc bà là một bậc thầy...”

“Xin anh đừng bực tức. Tôi biết nghe có vẻ điên khùng. Nhưng chuyện là thế, đây là sự thực. Mẹ tôi, bà nhận ra tài năng của tôi từ sớm, từ khi tôi

còn nhỏ. Ít nhất tôi biết ơn bà vì thế. Nhưng những giáo viên bà tìm về cho tôi, khi tôi lên bốn, khi tôi lên bảy, khi tôi mười một, họ chẳng ra gì. Mẹ không biết thế, nhưng tôi biết. Từ khi còn rất nhỏ, tôi đã có bản năng này. Tôi biết mình phải bảo vệ tài năng của mình khỏi những người, dù thiện ý đến đâu, có thể hoàn toàn tiêu diệt nó. Thế nên tôi tránh họ. Anh cũng phải làm thế, Tibor. Tài năng của anh là điều quý giá.”

“Xin lỗi bà,” Tibor ngắt lời, lần này nhẹ nhàng hơn. “Bà nói bà đã chơi cello hồi còn nhỏ. Nhưng bây giờ...”

“Tôi đã không chạm vào đàn từ hồi mười một tuổi. Từ cái ngày tôi nói với mẹ mình không thể tiếp tục học ông Roth. Và mẹ tôi hiểu. Bà đồng ý là tốt hơn nên không làm gì cả và ngồi đợi. Điều cốt yếu là không được làm hỏng tài năng của tôi. Thời của tôi vẫn có thể sẽ đến. Được rồi, có những lúc tôi nghĩ mình đã để quá muộn. Tôi đã bốn mươi một tuổi rồi. Nhưng ít nhất tôi vẫn chưa làm hỏng những gì mình có từ lúc sinh ra. Tôi đã gặp rất nhiều giáo viên qua năm tháng, những người nói họ sẽ giúp tôi, nhưng tôi nhìn thấu họ. Đôi lúc khó mà nói được, Tibor ạ, ngay cả với chúng ta. Những thầy giáo ấy, họ quá... *chuyên nghiệp*, họ nói quá hay, anh nghe họ và ban đầu anh bị lừa phỉnh. Anh nghĩ, phải, cuối cùng cũng có người có thể giúp mình, có người thuộc về *chúng ta*. Rồi anh nhận ra họ chẳng phải là người ấy. Và đây là lúc anh phải cứng cỏi mà tách mình ra. Nhớ lấy, Tibor, tốt nhất luôn là đợi. Đôi lúc tôi cũng cảm thấy khó chịu, rằng tôi vẫn còn bọc kín tài năng của mình. Nhưng tôi chưa làm hỏng nó, và đây là điều quan trọng.”

Cuối cùng cậu cũng chơi cho bà nghe vài bản cậu đã chuẩn bị, nhưng họ không thể khôi phục tâm trạng thường ngày và kết thúc buổi tập sớm. Xuống đến quảng trường, họ uống cà phê, nói chuyện ít, đến lúc cậu cho bà biết kế hoạch rời thành phố một vài ngày. Cậu vẫn luôn mong muốn khám phá vùng quê quanh đây, cậu nói, thế nên cậu đã lên một kỳ nghỉ ngắn ngày cho mình.

“Kỳ nghỉ sẽ có lợi cho anh,” bà nói nhỏ. “Nhưng đừng đi lâu quá. Chúng ta vẫn còn nhiều việc phải làm.”

Cậu trấn an bà rằng cậu sẽ về sau một tuần là nhiều nhất. Dù thế, trong dáng vẻ bà vẫn còn gì đó không vui khi họ chia tay.

Cậu không hoàn toàn thành thực về chuyến đi: cậu chưa lên kế hoạch gì cả. Nhưng sau khi chào Eloise chiều hôm đó, cậu về nhà và gọi vài cú điện, cuối cùng cũng đặt được một giường ở một nhà nghỉ thanh niên trong vùng

núi gần biên giới vùng Umbria. Cậu đến gặp chúng tôi trong quán tối hôm ấy, và ngoài việc nói với chúng tôi về chuyến đi - chúng tôi đưa ra đủ lời khuyên mâu thuẫn về việc xem gì ở đâu - cậu còn gần như bẽn lẽn nhờ Giancarlo nhắn với ông Kaufmann cậu đồng ý nhận làm.

“Tôi còn làm thế nào được?” cậu bảo chúng tôi. “Đến khi quay lại, tôi sẽ chẳng còn một xu.”

Tibor đã có một kỳ nghỉ khá thoải mái trong vùng quê của chúng tôi. Cậu không kể nhiều về nó, ngoài chuyện làm quen với vài người Đức, và đã vung tay quá trán trong các *trattoria*^[1] bên đồi. Cậu trở lại sau một tuần, nhìn phần chân lên rõ rệt, nhưng cũng lo lắng hỏi cho chắc rằng Eloise McCormack không đi đâu khỏi thành phố trong thời kỳ cậu vắng mặt.

[1] Quán ăn bình dân (tiếng Ý).

Mật độ du khách đã vãn dần lúc ấy, và bồi bàn các quán đã bắt đầu mang đèn sưởi ra đặt giữa các bàn ngoài sân. Buổi chiều hôm cậu về, vào giờ thường lệ, Tibor mang cây đàn quay lại Excelsior, và hài lòng thấy không chỉ là Eloise đang chờ, mà rõ ràng là bà nhớ cậu. Bà chào đón cậu nồng nhiệt, và cũng như người khác, trong cơn lốc tình cảm, có lẽ sẽ trút lên cậu hàng đống thức ăn hay đồ uống, bà ấn cậu vào cái ghế mọi khi và sốt ruột mở bao đàn, miệng nói: “Chơi cho tôi nghe! Nào! Chơi đi!”

Họ đã trải qua một buổi chiều tuyệt vời. Trước đó cậu đã lo lắng không biết mọi thứ sẽ thế nào, sau lời “thú nhận” của bà và sau cách họ chia tay, nhưng sự căng thẳng hình như đã biến mất sạch sẽ, và không khí giữa hai người hòa thuận hơn lúc nào hết. Ngay cả khi, sau khi chơi xong một bản, bà nhắm mắt và bắt đầu một bài phê bình dài, nghiêm khắc về cách cậu chơi, cậu cũng không cảm thấy ghét bỏ gì, chỉ thấy cằn cào muốn hiểu lời bà càng kỹ càng tốt. Ngày hôm đó và hôm sau nữa, vẫn là như vậy: thoải mái, đôi lúc còn đùa cợt, và cậu biết chắc mình chưa bao giờ được chơi hay hơn thế trong đời. Họ không hề nhắc đến cuộc đối thoại trước khi cậu đi, bà cũng không hỏi về kỳ nghỉ ở vùng quê. Họ chỉ nói chuyện âm nhạc.

Rồi ngày thứ tư sau khi cậu trở về, một chuỗi những không may lặt vặt - tính cả một cái kết bòn cầu rỉ nước trong phòng - khiến cậu không thể đến Excelsior vào giờ mọi khi. Đến lúc cậu đi qua quán, ánh ngày đã nhạt, bồi

bàn đã thấp nền trong những bát thủy tinh nhỏ, và chúng tôi đã chơi được vài bài trong suất tối. Cậu giơ tay vẫy chúng tôi, rồi đi tiếp qua quảng trường đến khách sạn, trông như cà nhắc vì tha theo cây đàn.

Cậu để ý thấy người lễ tân hơi do dự trước khi gọi lên phòng bà. Rồi khi mở cửa, bà chào cậu thân thiết nhưng có vẻ hơi khác mọi khi, và trước khi cậu kịp lên tiếng thì bà đã nhanh chóng nói:

“Tibor, tôi thật mừng là anh tới. Tôi vừa kể với Peter mọi chuyện về anh. Đúng thế, Peter cuối cùng cũng đã tìm thấy tôi!” Rồi bà gọi với vào phòng: “Peter, anh ấy đây rồi! Tibor đây rồi. Và với cả cây đàn nữa!”

Khi Tibor bước vào phòng, một người to con, cứng tuổi, chậm chạp trong chiếc sơ mi cổ bẻ nhạt màu đứng lên với một nụ cười. Ông ta bắt tay Tibor rất chặt và nói: “Ôi, tôi đã nghe bao nhiêu điều về anh. Eloise tin chắc anh sẽ thành một ngôi sao sáng.”

“Peter kiên trì lắm,” bà thì đang nói. “Tôi biết cuối cùng anh ấy sẽ tìm thấy tôi.”

“Không ai trốn được tôi,” Peter nói. Rồi ông đã kéo ghế cho Tibor, rót cho cậu một cốc sâm banh từ xô đá đặt trên tủ ly. “Nào, Tibor, hãy cùng chúng tôi uống mừng cuộc hội ngộ này.”

Tibor nhấp sâm banh, để ý thấy Peter đã tình cờ kéo cho cậu chiếc “ghế chơi đàn” mọi khi. Eloise đã mất tích đâu đó, và trong một lúc Tibor và Peter nói chuyện, cốc trong tay. Peter có vẻ hiền hậu và hỏi rất nhiều chuyện. Tibor đã sống thế nào hồi trẻ ở một nơi như Hungary? Có sóc nhiều không khi lần đầu đến phương Tây?

“Tôi ước gì mình biết chơi nhạc,” Peter nói. “Anh thật may mắn. Tôi rất muốn học. Nhưng có lẽ hơi muộn rồi, tôi nghĩ thế.”

“Ôi, ông chẳng bao giờ nói được là quá muộn,” Tibor nói.

“Anh nói phải. Đừng bao giờ nói quá muộn. Quá muộn luôn chỉ là cách bào chữa. Không, sự thực là, tôi là một người bận rộn, và tôi tự nhủ mình bận rộn đến nỗi không học được tiếng Pháp, không chơi được nhạc, không đọc được *Chiến tranh và hòa bình*. Mọi thứ tôi vẫn muốn làm từ trước đến nay. Eloise từng chơi nhạc hồi còn bé. Tôi nghĩ cô ấy đã kể với anh.”

“Có, bà có kể. Tôi biết là bà ấy có rất nhiều tài năng.”

“Ôi, chắc chắn là thế. Ai quen cô ấy cũng sẽ thấy là thế. Cô ấy có tâm hồn nhạy cảm. Cô ấy mới là người cần những giờ học ấy. Tôi, thì chỉ là đực ông Chuối Mắm.” Ông giơ hai bàn tay lên và cười. “Tôi rất muốn chơi dương cầm, nhưng anh còn làm gì được với bàn tay thế này? Rất thích hợp với công việc đào đất, và dòng họ tôi đã làm thế từ nhiều thế hệ. Nhưng còn cô ấy,” ông giơ cốc về phía cửa, “cô ấy thì có tâm hồn nhạy cảm.”

Cuối cùng, Eloise cũng hiện ra từ buồng ngủ trong váy dạ tiệc và rất nhiều trang sức.

“Peter, đừng làm Tibor phát chán,” bà nói. “Anh ấy không thích đánh gôn đâu.”

Peter giơ hai tay ra nhìn Tibor cầu khẩn. “Nói tôi nghe, Tibor. Tôi đã nói với anh một chữ nào về đánh gôn chưa?”

Tibor nói cậu cần đi thôi, nói cậu thấy mình đang làm vướng hai người sắp đi dùng bữa tối. Câu này vấp phải sự phản đối từ cả hai người, và Peter nói:

“Anh nhìn tôi xem. Trông tôi có giống mặc để ăn tối hay không?”

Và dù Tibor nghĩ ông mặc cực kỳ đàng hoàng, cậu cũng cười lên một tiếng cho lịch sự. Rồi Peter nói:

“Anh không thể đi mà chưa chơi gì cả. Tôi đã nghe kể bao nhiêu về tiếng đàn của anh.”

Bối rồi, Tibor thực tế đã bắt đầu kéo khóa bao đàn, nhưng Eloise đã nghiêm khắc lên tiếng với một thái độ mới trong giọng nói:

“Tibor có lý. Đã muộn rồi. Nhà hàng trong thành phố này, họ không giữ bàn nếu không đến đúng giờ đâu. Peter, anh thay đồ đi. Có lẽ cạo râu nữa? Em sẽ tiễn Tibor đi. Em cần nói chuyện riêng với anh ấy.”

Trong thang máy, họ cười với nhau thân mật, nhưng không nói gì. Khi ra đến ngoài, họ thấy *piazza* đã thắp sáng cho buổi tối. Trẻ con quanh đây, đã

quay lại sau kỳ nghỉ, đang đá bóng hoặc chạy đuổi nhau vòng quanh đài phun. Dân chúng đã đổ hết xuống quảng trường trong giờ đi dạo hoàng hôn, và tôi nghĩ tiếng nhạc từ quán tôi chắc đã vượt không gian đến tận chỗ họ đang đứng.

“Chà, thế đấy,” cuối cùng bà nói. “Anh ấy đã tìm thấy tôi, nên tôi nghĩ anh ấy xứng đáng với tôi.”

“Ông ấy là một người cực kỳ dễ mến,” Tibor nói. “Bà định quay lại Mỹ luôn à?”

“Vài ngày tới. Tôi nghĩ tôi sẽ quay lại.”

“Bà định kết hôn?”

“Tôi nghĩ thế.” Trong một lúc, bà nhìn cậu chăm chú, rồi quay đi. “Tôi nghĩ thế,” bà nhắc lại.

“Tôi chúc bà hạnh phúc. Ông ấy là một người tốt bụng. Cũng là người yêu âm nhạc. Đây là điều quan trọng với bà.”

“Phải. Đây là điều quan trọng.”

“Khi bà đang chuẩn bị vừa lúc này. Chúng tôi không nói chuyện chơi gôn, mà chuyện học nhạc.”

“Ồ thật à? Anh nói là cho anh ấy hay tôi?”

“Cả hai. Tuy thế, tôi không nghĩ sẽ có nhiều giáo viên ở Portland, Oregon có thể dạy được bà.”

Bà cười lên. “Tôi đã nói, rất khó cho những người như chúng ta.”

“Phải, tôi hiểu điều đó. Sau mấy tuần vừa rồi, tôi càng hiểu điều đó hơn bao giờ hết.” Rồi cậu thêm: “Miss Eloise, có điều này tôi cần nói trước khi chúng ta chia tay. Tôi sắp đi Amsterdam, ở đó tôi có việc làm trong một khách sạn lớn.”

“Anh sẽ trực khách sạn à?”

“Không. Tôi sẽ chơi trong ban nhạc thính phòng nhỏ trong phòng ăn tối

khách sạn. Chúng tôi sẽ chơi cho khách nghe trong khi họ ăn.”

Cậu đang quan sát bà thật kỹ và thấy có gì đó lóe lên trong hai mắt bà, rồi lại tắt đi. Bà đặt tay lên cánh tay cậu và mỉm cười.

“Được rồi, thế thì chúc anh may mắn.” Rồi bà thêm. “Khách nghỉ ở đó. Họ sắp được hưởng vận may rồi.”

“Tôi hy vọng thế.”

Thêm một lúc nữa, họ vẫn đứng đậy cùng nhau, ngay sát chân luồng sáng từ mặt tiền khách sạn đổ xuống, cây cello to đùng giữa họ.

“Và cũng hy vọng,” cậu thêm, “bà sẽ thật hạnh phúc với ông Peter.”

“Tôi cũng hy vọng thế,” bà nói và lại cười. Rồi bà hôn lên má cậu và ôm nhanh cậu một cái. “Anh bảo trọng nhé,” bà nói.

Tibor cảm ơn bà, rồi chưa kịp để ý thì cậu đã nhìn bà bước trở lại Excelsior.

Tibor rời thành phố chúng tôi sau đó chẳng bao lâu. Lần cuối cùng chúng tôi chạm cốc với cậu ta, cậu rõ ràng là hết sức biết ơn Giancarlo và Ernesto đã giúp tìm việc, cũng như chúng tôi đã làm bạn với cậu, nhưng tôi không thể không có cảm giác cậu có hơi ngạo với chúng tôi. Có vài người trong chúng tôi nghĩ thế, không chỉ riêng tôi, dù Giancarlo, theo bản tính anh, lúc này lại bênh Tibor, nói thẳng bé chẳng qua đang phẫn khích và căng thẳng về bước tiếp theo trong đời.

“Phẫn khích à? Làm sao nó phẫn khích được?” Ernesto nói. “Nó đã qua cả mùa hè nghe nói mình là một thiên tài. Làm ở khách sạn, đấy là một bước lùi. Ngồi đây nói chuyện với chúng ta, đấy cũng là một bước lùi. Nó là một thằng bé tốt lúc đầu hè. Nhưng sau những gì con mụ ấy gây ra cho nó, tôi rất mừng là chúng ta tổng tiền được nó đi.”

Như tôi đã nói, mọi chuyện này xảy ra đã bảy năm rồi. Giancarlo, Ernesto, tất cả ban từ hồi ấy trừ tôi và Fabian, họ đều đã tiến lên. Cho đến lúc bắt gặp cậu ta trên quảng trường mấy hôm trước, tôi đã không nghĩ đến

đại danh cầm Hungary trẻ tuổi từ rất lâu rồi. Cậu ta không khó nhận ra lắm. Cậu ta đã lên cân, tất nhiên, và trông cổ đã mập hơn. Và cái lối cậu ta làm hiệu bằng ngón tay, gọi bồi bàn, có cái gì đó - cũng có thể tôi tưởng tượng - cái gì đó như sốt ruột, như khinh suất lại kèm theo thái độ có vẻ chua chát. Nhưng có thể nói thế là bất công. Suy cho cùng, tôi chỉ thoáng nhìn thấy cậu. Dù có thế, tôi cũng cảm giác cậu đã đánh mất nỗi háo hức muốn chứng tỏ mình hồi trẻ, và bộ dạng dè dặt cậu từng có hồi ấy. Nhưng chẳng có gì trên đời chỉ có mặt xấu, chắc anh sẽ nói vậy.

Tôi đã muốn tới đó nói chuyện với cậu, nhưng tới khi suất diễn hết thì cậu đã đi rồi. Biết đâu đấy, có thể cậu chỉ ở đây một buổi chiều. Cậu đang mặc vét - không thực sự sang trọng, chỉ là một bộ vét thường - nên có thể cậu đã tìm được việc làm bàn giấy ở đâu đó. Có thể cậu có công tác gì gần đây và qua thành phố chúng tôi chỉ để hỏi nhớ chuyện cũ, ai biết được? Nếu cậu trở lại quảng trường, và nếu lúc ấy tôi không chơi nhạc, tôi sẽ tới trò chuyện với cậu ta.